

Số: 10/QĐ-CĐMN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định thành lập số 7228/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2007, Quyết định đổi tên trường số 335/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quyết định số 423/QĐ-BGDĐT ngày 01/4/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên thành Trường Cao đẳng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-LĐTBXH ngày 02/3/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc công nhận chức danh Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực báo chí, thông tin, kinh doanh và quản lý;

Căn cứ vào Biên bản số 01/BB-ĐVSG ngày 16/5/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đào tạo cao đẳng hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đào tạo cao đẳng hệ chính quy.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Thị Phương Dung

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50/QĐ-CĐMT ngày 05 tháng 06 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Miền Trung)*

- Tên ngành : Quản trị kinh doanh
- Mã ngành : 6340404
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh, hành chính, nhân sự, marketing, trợ lý;
- Giải thích được các quyền và nghĩa vụ của người lao động theo Luật lao động;
- Xác định được nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- Liệt kê được các trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân khi làm việc nhóm;
- Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình tổ chức;
- Giải thích và phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Xác định được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xác định được quy trình thực hiện công việc, nhật ký công việc;

- Mô tả được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;

- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Lập được kế hoạch thực hiện công việc;

- Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm sẵn có tại đơn vị một cách hiệu quả;

- Dự báo và tìm kiếm được cơ hội kinh doanh;

- Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;

- Cung cấp được các thông tin kinh tế - xã hội về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;

- Xác định được chiến lược kinh doanh tại đơn vị bộ phận;

- Tham mưu cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến công tác quản trị phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh;

- Thiết lập được mối quan hệ giữa đơn vị với các đối tác;

- Giải quyết được những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng trong mọi trường hợp;

- Tạo lập và khởi nghiệp được tổ chức mới với quy mô vừa và nhỏ;

- Tổ chức thực hiện được các biện pháp vệ sinh an toàn lao động;

- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại tại nơi làm việc;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội quy làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị;

- Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;

- Có ý thức trách nhiệm trong công việc với cộng đồng xã hội; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;

- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;

- Làm việc có phương pháp khoa học có tính tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc; biết phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết đoàn kết và phối hợp, hợp tác, tự tin, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc;

- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;

- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhân sự;

- Kinh doanh;

- Hành chính;

- Marketing;

- Trợ lý,

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Sau khi tốt nghiệp ngành, nghề quản trị kinh doanh, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học/mô đun : 37 môn học/mô đun

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học : 94 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương : 435 giờ

- Khối lượng các môn học/mô đun chuyên môn : 2010 giờ

- Khối lượng lý thuyết : 811 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập : 1465 giờ
- Giờ kiểm tra : 169 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ TT/TN /BT/TL	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
MH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		75	36	35	4
MH05	Tiếng anh	5	120	42	72	6
MH06	Tin học	3	75	15	58	2
Tổng		14	435	157	255	23
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Các mô học, mô đun cơ sở					
MH 07	Toán cao cấp	2	30	28	0	2
MH 08	Xác suất thống kê	2	30	28	0	2
MĐ 01	Kinh tế vi mô	2	45	15	25	5
MĐ 02	Kinh tế vĩ mô	2	45	15	25	5
MĐ 03	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	2	45	15	25	5
MĐ 04	Quản trị học	2	45	15	25	5
MĐ 05	Nguyên lý kế toán	3	60	28	27	5
MĐ 06	Marketing căn bản	2	45	15	25	5
MH 09	Nguyên lý thống kê	2	30	28	0	2
MĐ 07	Pháp luật kinh tế	3	45	40	0	5
Tổng		22	420	227	152	41
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MĐ 08	Quản trị nhân lực	2	45	15	25	5
MĐ 09	Quản trị doanh nghiệp	3	60	28	27	5
MĐ 10	Quản trị tài chính	3	60	28	27	5
MĐ 11	Quản trị chiến lược	3	60	28	27	5
MĐ 12	Kế toán tài chính	2	45	15	25	5
MĐ 13	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	25	5
MĐ 14	Quản trị dự án	3	60	28	27	5

MĐ 15	Quản trị marketing	2	45	15	25	5
MĐ 16	Quản trị và kinh doanh quốc tế	2	45	15	25	5
MĐ 17	Quản trị chất lượng	3	60	28	27	5
MĐ 18	Quản trị sản xuất	3	60	28	27	5
MĐ 19	Thuế	3	60	28	27	5
MĐ 20	Kế toán quản trị	3	60	28	27	5
MĐ 21	Thương mại điện tử	2	45	15	25	5
MĐ 22	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	60	28	27	5
MĐ 23	Văn hóa doanh nghiệp	3	45	40	0	5
Tổng		42	855	382	393	80
2.3	Môn học/Mô đun chuyên môn tự chọn (chọn 3 môn học/mô đun)					
MĐ 24	Tâm lý kinh doanh	2	45	15	25	5
MĐ 25	Nghiệp vụ bán hàng	2	45	15	25	5
MĐ 26	Thống kê kinh doanh	2	45	15	25	5
MĐ 27	Thanh toán quốc tế	2	45	15	25	5
MĐ 28	Thị trường chứng khoán	2	45	15	25	5
MĐ 29	Quản trị chuỗi cung ứng	2	45	15	25	5
Tổng		6	135	45	75	15
MH 10	Thực tập tốt nghiệp	5	300	0	300	0
MH 11	Khóa luận tốt nghiệp	5	300	0	290	10
Tổng		10	600	0	590	10
Tổng cộng toàn khóa		94	2445	811	1465	169

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với Xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

+ Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

+ Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

+ Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

+ Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

+ Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

+ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 giờ học lý thuyết	=	45 phút
- 1 giờ học thực hành/tích hợp	=	60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết	=	15 giờ
- 1 tín chỉ thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận...)	=	30 giờ

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/ tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/ cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

* Sau mỗi khóa học, Nhà trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực Quản trị Kinh doanh do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo nhân viên Quản trị Kinh doanh, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

Ghi chú: Sinh viên được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;

Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành ngành Quản trị Kinh doanh trình độ Cao đẳng cho sinh viên.

**HIỆU TRƯỞNG**

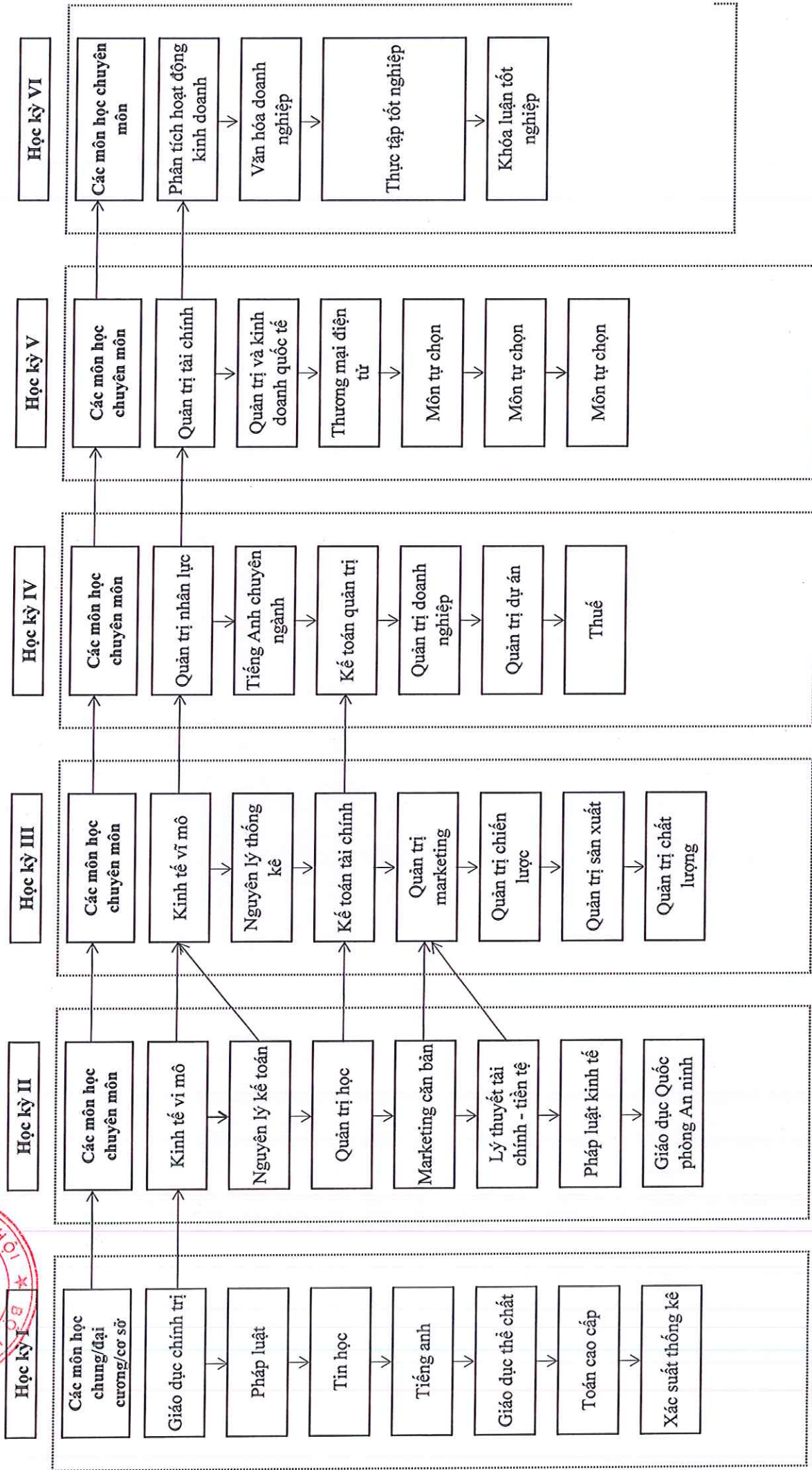
ThS. Ngô Thị Phương Dung

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 6340404

Trình độ: Cao đẳng



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Mã môn học: **MH01**

Số tín chỉ: **4 (3-1-0)**

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ; Thảo luận: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Chính trị là môn học bắt buộc nằm ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2.2. Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2	0	0
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	13	9	4	0

3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	0
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	0
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	0
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	0
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	0
9	Kiểm tra	2	0	0	2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	0
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	0
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	0
13	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1. Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lenin, Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2. Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh, Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4. Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5. Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6. Tăng cường Quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**Bài 9. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt,
Thời gian: 3 giờ**

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Giáo dục Chính trị.

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, so sánh, khái quát cho sinh viên.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. *Tài liệu cần tham khảo*

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình các môn học Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc Gia.

[4] Lê Văn Lực, Trần Văn Phòng (2008), Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hà Nội, NXB Lý luận Chính trị.

[5] Lê Hữu Toàn (2003), Học thuyết Mác với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia.

[6] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[7] Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[8] Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[9] Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[10] Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

[11] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

[12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

[13] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[16] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[17] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

[18] Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[19] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[20] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[21] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[22] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[23] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

[24] Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[25] Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học: MH 02

Số tín chỉ: 2 (2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận: 10 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất môn học Pháp luật đại cương là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học cơ sở nhằm cung cấp những kiến thức về pháp luật cho sinh viên. Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam; Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.2. Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

+ Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	0
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	0
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	0
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	0
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	0
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	0
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	0
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	0
9	Kiểm tra	2	0	0	2
	Tổng cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2. Hiến pháp, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3. Pháp luật dân sự, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự;

- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4. Pháp luật lao động, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 5. Pháp luật hành chính, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6. Pháp luật hình sự, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1. Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

Bài 7. Pháp luật phòng, chống tham nhũng, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật phòng, chống tham nhũng;

- Biết cách phân tích những hoạt động về pháp luật phòng chống tham nhũng của các cơ quan tổ chức.

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học:* Phòng lý thuyết
2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế
3. *Học liệu, dụng cụ:* Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Pháp luật đại cương

- Về kỹ năng: Xử lý được các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; tổ chức được các hoạt động hợp pháp góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội (thực hiện và tuyên truyền thực hiện nội quy, quy chế, các quy định khác đối với công dân... và cách xử sự trong các mối quan hệ).

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình
- Phương pháp vấn đáp
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

- | | |
|----------------------------------|---------|
| (1). Điểm kiểm tra thường xuyên: | Hệ số 1 |
| (2). Điểm kiểm tra định kỳ: | Hệ số 2 |

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] TS. Lê Văn Hưng, Ths. Nguyễn Việt Khoa, Ths Võ Phước Long, Giáo trình Pháp luật đại cương, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động - Xã hội, 2008;

[2] TS. Nguyễn Hợp Toàn (Chủ biên); Giáo trình Pháp luật đại cương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.

[3] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

[4] Bộ Luật lao động, 2012.

[5] Bộ Luật dân sự, 2015.

[6] Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

[8] Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

[9] Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.

[10] Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

[11] Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

[12] Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

[13] Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

[16] Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

[17] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

[18] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

[19] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

[20] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

[21] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

[22] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

[23] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

[24] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

[25] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

[26] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH 03

Số giờ: 60 giờ

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

+ Nêu được mục đích, ý nghĩa, tác dụng của luyện tập thể thao đối với phát triển con người toàn diện;

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.

2.2 *Về kỹ năng:* Thực hiện được các phương pháp tập luyện nâng cao sức khỏe nói chung và thể dục nghề nghiệp.

2.3 *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:* Tích cực luyện tập và hướng dẫn người bệnh, cộng đồng tập luyện thể thao để nâng cao sức khỏe.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1	0	0
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	0
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	0
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2	0	0	2
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ	30	2	26	2

	THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
Tổng cộng		60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: Thể dục cơ bản , Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

Chuyên đề 1: Môn bơi lội, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay – chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: Môn cầu lông , Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lầy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: Môn bóng rổ, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

- 2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay
- 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
- 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
- 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: Môn bóng đá, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
 - 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
 - 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6. Môn bóng bàn, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật líp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bật bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7. Môn thể dục thể thao khác, Thời gian: 30 giờ

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, còi lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học:* Sân bãi

2. *Trang thiết bị máy móc:* dụng cụ thể dục thể thao liên quan đến môn học

3. *Học liệu, dụng cụ:* trang phục thể thao, dụng cụ học tập liên quan đến tài liệu học tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên biết được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất; Biết cách chạy bền trên địa hình tự nhiên và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong khi chạy, kỹ thuật và luật thi đấu các môn: chạy 100m hoặc chạy tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa hoặc nhảy cao và các môn thể thao tự chọn; Hiểu được các môn thể thao đã được học trong chương trình

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng chạy bền trên địa hình tự nhiên, các giai đoạn kỹ thuật chạy 100m hoặc chạy tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa kiểu “Ưỡn thân” hoặc nhảy cao kiểu “Úp bụng”;

+ Thực hành được kỹ thuật các môn thể thao tự chọn;

+ Tổ chức thi đấu được, làm được trọng tài các môn thể thao đã được học;

+ Vận dụng được những điều đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào Thể dục thể thao trong, ngoài nhà trường

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Giáo dục tính linh hoạt, nhanh nhẹn trong khi thực hành các động tác;

+ Phối hợp trong thảo luận nhóm, tập luyện cá nhân.

+ Trung thực trong học tập và nghiêm túc trong rèn luyện.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp làm mẫu.

- Phương pháp.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thực hành để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. *Tài liệu cần tham khảo*

[1]. Nhiều tác giả, *Giáo trình thể dục*, NXB Giáo dục, 2006.

[2]. TS. Trương Anh Tuấn, *dự án đào tạo giáo viên trung học phổ thông*, Giáo trình thể dục của Bộ giáo dục và đào tạo.

[3] Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

[4] Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

[5] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

[6] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

[7] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

[8] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

[9] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

[10] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

[11] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

[12] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

[13] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

[14] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

[15] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

[16] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

[17] Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

[18] Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

[19] Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

[20] Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

[21] Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Mã môn học: MH 04

Số giờ: 75 giờ

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành: 35 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học Giáo dục Quốc phòng an ninh là môn học bắt buộc học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2	0	
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1	0	0	1

8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1	0	0	1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	0
16	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng cộng		75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2. Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt nam, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Bài 3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7. Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8. Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11. Đội ngũ đơn vị, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

- 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
 - 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
 - 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
 - 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
 - 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
 - 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
 - 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 12. Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
 - 2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm
 - 2.1.4. Súng diệt tăng B41
 - 2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

- 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh
- 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
- 2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1
- 2.3. Thực hành

Bài 13. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bài tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bìa (khung + mặt bìa số 4);
- Giá đặt bìa đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;

- Giá súng và bàn thao tác;

- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;

+ Trang phục dã chiến;

+ Mũ Kêpi;

+ Mũ cứng;

+ Mũ mềm;

+ Thắt lưng;

+ Giày da;

+ Tất sợi;

+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Biển tên;

+ Ca vát.

- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục hè;

+ Mũ cứng;

+ Mũ mềm;

+ Giày vải;

+ Tất sợi;

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Thắt lưng;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Sân bãi

2. *Trang thiết bị máy móc:* dụng cụ thể dục thể thao liên quan đến môn học

3. *Học liệu, dụng cụ:* trang phục thể thao, dụng cụ học tập liên quan đến tài liệu học tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo hành lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp làm mẫu;

- Phương pháp luyện tập, kiểm tra.

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết;
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thực hành để vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm:

Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần có đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần đề cập những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh chống tội phạm, trật tự an toàn xã hội.

Học phần III: Quân sự chung

Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Tập1)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Tập2)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3] Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

[4] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

[5] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

[6] Luật Biên giới quốc gia, 2004.

[7] Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

[8] Luật an ninh quốc gia, 2004.

[9] Bộ luật hình sự, 2015.

[10] Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

[11] Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

[12] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

[13] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

[14] Luật biển Việt Nam, 2012.

[15] Luật Dân quân tự vệ, 2009.

[16] Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[17] Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

[18] Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

[19] Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

[20] Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

[21] Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

[22] Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

[23] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

[24] Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

[25] Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

[26] Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

[27] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

[28] Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

[29] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

[30] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

[31] Sách dạy bắn súng tiêu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

[32] Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

[33] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã môn học: MH 05

Số tín chỉ: 5 (3-2-0)

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 42 giờ; bài tập: 72 giờ; Kiểm tra: 06 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Tiếng Anh căn bản là môn học bắt buộc trong học kì I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức: Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2.2. Về kỹ năng: Xử lý được các tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong lớp học.

- Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và

công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

- Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

I. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1. Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	0
2	Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	0
3	Bài 3. Địa điểm (Places)	9	3	6	0
4	Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	0
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2	0	2
6	Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	0
7	Bài 6. Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	0
8	Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	0
9	Bài 8. Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	0
	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2	0	2

10					
11	Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	0
12	Bài 10. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	0
13	Bài 11. Công nghệ (Technology)	9	3	6	0
14	Bài 12. Mua sắm (Shopping)	9	3	6	0
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2	0	2
	Tổng cộng	120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Gia đình và bạn bè (FAMILY AND FRIENDS), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (LEISURE TIME) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;

- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (PLACES), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (FOOD AND DRINK)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should/shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;
- 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;
- 2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;
- 2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (SPECIAL OCCASIONS), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ nghỉ (VACATION), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;

- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;

- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (ACTIVITIES), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

- Nói về các hoạt động hàng ngày;

- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;

- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. Sở thích (HOBBIES AND INTERESTS), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (FUTURE PLANS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. Ngoại hình và tính cách (APPEARANCE AND PERSONALITY)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. Công nghệ (TECHNOLOGY), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12. Mua sắm (SHOPPING), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;

- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ)

II. Điều kiện thực hiện môn học:

1. *Phòng học*: phòng học lý thuyết có máy chiếu

2. *Trang thiết bị máy móc*: 50 bộ bàn ghế, 50 tai nghe, máy chiếu,

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: sách giáo trình, bảng và bút lông

III. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. *Nội dung*:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản của Tiếng Anh giao tiếp.

- Về kỹ năng: Sinh viên có thể hiểu và phản xạ tốt những tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hằng ngày. Tự tin hơn khi giao tiếp bằng Tiếng Anh.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. *Phương pháp*:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình

- Phương pháp vấn đáp

- Phương pháp ôn tập, luyện tập

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC bộ phận**: trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

IV. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh 1 được sử dụng để giảng dạy cho trình độ đào tạo Cao đẳng chính quy của Khoa Cơ Bản.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy. Phương pháp giảng dạy chính là thuyết trình và giao bài tập cho sinh viên.

Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học. Các bài tập ở nhà, mini-test, và bài thi cuối kì phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các bài

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

[2] Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

[3] Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

[4] Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

[5] Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

[6] Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

[7] Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH06

Số tín chỉ: 3(1-2-0)

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Tin học đại cương là môn học bắt ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất môn học Tin học đại cương là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về tin học văn phòng cho sinh viên. Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về Kiến thức: Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2.2. Về kỹ năng: Sử dụng được công năng của máy vi tính để tính toán trên bảng tính, soạn thảo văn bản, lập các báo cáo, khai thác internet.

+ Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

+ Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

+ Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

+ Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin

2.3 Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên chủ động, tích cực trong học tập, thực hành; khai thác một cách có hiệu quả công năng của máy tính phục vụ hữu hiệu chuyên môn. Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	0
2	Chương 2. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	0
3	Chương 3. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	0
4	Kiểm tra	1	0	0	1
5	Chương 4. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	0
6	Chương 5. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	0
7	Chương 6. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	0
8	Kiểm tra	1	0	0	1
Tổng cộng		75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Bảng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương 2. Sử dụng máy tính cơ bản, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột
- 2.2. Quản lý thư mục và tập tin
 - 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
 - 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
 - 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
 - 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
 - 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
 - 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
- 2.3. Sử dụng Control Panel
 - 2.3.1. Khởi động Control Panel
 - 2.3.2. Region and Language
 - 2.3.3. Devices and Printers
 - 2.3.4. Programs and Features
- 2.4. Một số phần mềm tiện ích
 - 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
 - 2.4.2. Phần mềm diệt virus
- 2.5. Sử dụng tiếng Việt
 - 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
 - 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
 - 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin
- 2.7. Đa phương tiện
- 2.8. Sử dụng máy in
 - 2.8.1. Lựa chọn máy in
 - 2.8.2. In

Chương 3. Xử lý văn bản cơ bản, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

- 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
- 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương 4. Sử dụng bảng tính cơ bản, Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

- 2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)
 - 2.2.1. Khái niệm bảng tính
 - 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường
- 2.2. Sử dụng Microsoft Excel
 - 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
 - 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính
- 2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
- 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
 - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
 - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu
- 2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)
 - 2.4.1. Dòng và cột
 - 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
 - 2.4.1.2. Xóa dòng và cột
 - 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
 - 2.4.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột
 - 2.4.2. Trang tính
 - 2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
 - 2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
 - 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
 - 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
- 2.5. Định dạng ô, dãy ô
 - 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
 - 2.5.2. Định dạng văn bản
 - 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.6. Biểu thức và hàm
 - 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
 - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
 - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
 - 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương 5. Sử dụng trình chiếu cơ bản, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương 6. Sử dụng INTERNET cơ bản, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, www (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ www (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học:* Phòng thực hành tin học

2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ:* Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. *Nội dung:*

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Tin học đại cương.

- Về kỹ năng: Sử dụng được các hệ điều hành để vận hành và quản lý hoạt động của máy tính; Sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản với Microsoft Office Word; Xử lý số liệu trên bảng tính với các hàm cơ bản và một số hàm nâng cao; Soạn thảo và trình chiếu với Microsoft Office Powepoint; Vận dụng kiến thức cho quá trình tự học thông qua mạng internet cũng như qua các tài liệu về tin học.

- Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. *Phương pháp:*

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Làm mẫu, sinh viên thực hành trên máy dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên thực hành trên máy tính.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Lữ Đức Hào, Microsoft Office 2007 - Tin Học Cho Nhân Viên Văn Phòng, NXB Hồng Đức, 2007;

[2] Đậu Quang Tuấn, Hướng Dẫn Giải Một Số Bài Tập Về Excel Một Cách Nhanh Chóng Và Có Hiệu Quả, NXB Giao thông vận tải, 2010;

[3] Đậu Quang Tuấn, Tự học Microsoft Office 2007, NXB Giao thông vận tải, 2010.

[4] Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

[5] Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

[6] Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

[7] Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

[8] Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

[9] Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

[10] Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

[11] Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

[12] Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

[13] Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

[14] Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TOÁN CAO CẤP

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Toán cao cấp là môn học bắt buộc nằm ở học kì I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Môn học Toán cao cấp là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đại số tuyến tính cho sinh viên. Nội dung gồm các kiến thức Hàm số một biến số. Giới hạn và liên tục. Đạo hàm và vi phân. Định thức. Ma trận. Phép tính tích phân hàm số một biến số, Hàm số nhiều biến số, Tích phân kép.

II. Mục tiêu môn học

2.1. *Về kiến thức:* Hiểu biết được kiến thức cơ bản và quan trọng nhất cho Sinh viên các kiến thức về phép tính tích phân hàm một biến số, phép tính hàm số nhiều biến.

2.2. *Về kỹ năng:* Giúp cho Sinh viên biết ứng dụng của môn học trong kỹ thuật và một số lĩnh vực khác.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học và vận dụng vào toán kỹ thuật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Chương 1: Hàm số một biến số. Giới hạn và liên tục. Đạo hàm và vi phân. 1.1. Các khái niệm cơ bản về hàm số một biến số. 1.2. Phân loại các hàm số. 1.3. Giới hạn của dãy số. 1.4. Ứng dụng của cấp số cộng, cấp số nhân trong kỹ thuật. 1.5. Giới hạn của hàm số.	5	5	0	0

	1.6. Vô cùng bé và vô cùng lớn. 1.7. Hàm số liên tục. 1.8. Đạo hàm. 1.9. Vi phân. 1.10. Ứng dụng của đạo hàm trong kỹ thuật.				
2	Chương 2: Định thức. Ma trận. Hệ phương trình tuyến tính. 2.1. Khái niệm mở đầu về ma trận. 2.2. Định thức. 2.3. Ma trận. 2.4. Hệ phương trình tuyến tính. 2.5. Ứng dụng vào kỹ thuật.	6	6	0	0
3	Chương 3: Phép tính tích phân hàm số một biến số. 3.1. Tích phân bất định. 3.2. Tích phân xác định. 3.3. Một số ứng dụng hình học của tích phân xác định. 3.4. Tích phân suy rộng.	5	5	0	0
4	Chương 4: Hàm số nhiều biến số. 4.1. Khái niệm mở đầu. 4.2. Đạo hàm riêng. Vi phân toàn phần. 4.3. Đạo hàm của hàm số hợp. Đạo hàm của hàm số ẩn. 4.4. Cực trị. 4.5. Cực trị có điều kiện. 4.6. Ứng dụng trong kỹ thuật.	6	6	0	0
5	Chương 5: Tích phân kép 5.1. Định nghĩa tích phân kép. 5.2. Các tính chất của tích phân kép. 5.3. Cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ Đề các. 5.4. Cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ cực. 5.5. Ứng dụng hình học của tích phân kép. 5.6. Ứng dụng trong kỹ thuật.	6	6	0	0
6	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng cộng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Chương 1. Hàm số một biến số. Giới hạn và liên tục. Đạo hàm và vi phân, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về hàm số và phân loại hàm số, đạo hàm, vi phân;

- Ứng dụng được đạo hàm trong kỹ thuật.

2. Nội dung

1.1. Các khái niệm cơ bản về hàm số một biến số

1.2. Phân loại các hàm số

1.3. Giới hạn của dãy số

1.4. Ứng dụng của cấp số cộng, cấp số nhân trong kỹ thuật.

1.5. Giới hạn của hàm số.

1.6. Vô cùng bé và vô cùng lớn.

1.7. Hàm số liên tục.

1.8. Đạo hàm.

1.9. Vi phân.

1.10. Ứng dụng của đạo hàm trong kỹ thuật.

Chương 2. Định thức. Ma trận. Hệ phương trình tuyến tính, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về ma trận, hệ phương trình tuyến tính;

- Ứng dụng được vào kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm mở đầu về ma trận.

2.2. Định thức.

2.3. Ma trận.

2.4. Hệ phương trình tuyến tính.

2.5. Ứng dụng vào công nghệ thông tin.

Chương 3. Phép tính tích phân hàm số một biến số, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về cách tính tích phân của hàm số một biến;

- Ứng dụng được hình học của tích phân xác định.

2. Nội dung

2.1. Tích phân bất định.

2.2. Tích phân xác định.

2.3. Một số ứng dụng hình học của tích phân xác định.

2.4. Tích phân suy rộng.

Chương 4. Hàm số nhiều biến số,

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đạo hàm;

- Ứng dụng được hàm số trong kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm mở đầu.

2.2. Đạo hàm riêng. Vi phân toàn phần.

2.3. Đạo hàm của hàm số hợp. Đạo hàm của hàm số ẩn.

2.4. Cực trị.

2.5. Cực trị có điều kiện.

2.6. Ứng dụng trong kỹ thuật.

Chương 5. Tích phân kép,

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về định nghĩa và tích chất;

- Ứng dụng được hình học của tích phân kép và ứng dụng vào trong kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa tích phân kép

2.2. Các tính chất của tích phân kép

2.3. Cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ Đề các

2.4. Cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ cực

2.5. Ứng dụng hình học của tích phân kép

2.6. Ứng dụng trong công nghệ thông tin

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy tính, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. Học liệu, dụng cụ: Internet, sách, giáo trình, máy tính cầm tay (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Toán cao cấp.

- Về kỹ năng: sinh viên sử dụng Hàm cầu, hàm cung, hàm doanh thu, hàm sản xuất, hàm chi phí, hàm tiêu thụ, hàm lãi.

Sơ lược về phân tích cân bằng và điểm hòa vốn.

Khái niệm về biên tế, hàm co giãn, ...

Ứng dụng trong quy hoạch tuyến tính: Phương pháp hình học, Thuật toán đơn hình giải các bài toán Kinh tế.

Ứng dụng của hệ phương trình tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng thu nhập quốc dân.

Ứng dụng của ma trận trong mô hình Input- Output của Leontief.

Giải các bài toán ứng dụng của Đại số Tuyến tính trong kinh tế.

- Thái độ: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Làm mẫu, sinh viên thực hành trên máy dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào việc giao bài tập ứng dụng cho sinh viên, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên cần thực hành làm thêm bài tập;

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm:

+ Tập hợp và ánh xạ. Số thực và số phức.

+ Hàm số một biến số. Giới hạn và liên tục. Đạo hàm và vi phân.

+ Các định lý về giá trị trung bình và ứng dụng.

+ Định thức. Ma trận. Hệ phương trình tuyến tính.

+ Không gian vectơ.

+ Phép tính tích phân hàm số một biến số.

+ Hàm số nhiều biến số.

+ Tích phân kép.

4. *Tài liệu cần tham khảo*

[1] Giáo trình toán cao cấp, ĐH QG TP. HCM.

[2] Lê Văn Hốt, Toán Cao Cấp, NXB Đại học Kinh Tế, TpHCM, 2000.

[3] Ngô Thu Lương, Nguyễn Minh Hằng, Bài tập Toán Cao Cấp 1, 2, 3, 4, NXB Đại học Bách Khoa, TpHCM, 2004.

[4] Đinh Thế Lục, Phạm Huy Điển và Tạ Duy Phượng, Giải Tích Các Hàm nhiều Biến, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005.

[5] Nguyễn Việt Đông, Lê Thị Thiên Hương, Nguyễn Anh Tuấn và Lê Anh Vũ, Toán Cao Cấp Tập 1, NXB Giáo Dục, 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Xác suất thống kê là môn bắt buộc trong chương trình đào tạo, học ở học kỳ I

- Tính chất: Môn học Xác suất thống kê là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm về xác suất, giải tích tổ hợp, biến ngẫu nhiên và hàm phối hợp, ước lượng tham số, bài toán ứng dụng.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. *Về kiến thức:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên, xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu.

2.2. *Về kỹ năng:* Vận dụng được kiến thức xác suất, thống kê y học để giải các bài toán ứng dụng và xử lý được các bài toán thống kê trong y học.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Chăm thận, tỷ mỉ và chính xác và trung thực.

II. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Chương 1: Khái niệm giải tích tổ hợp, xác suất, xác suất biến cố. 1.1 Các quy tắc đếm, Chỉnh hợp lặp. 1.2. Chỉnh hợp (không lặp). 1.3. Hoán vị, Tổ hợp. 1.4. Nhị thức Newton. 1.5. Định nghĩa cổ điển về xác suất. 1.6. Định nghĩa thống kê về xác suất.	5	5	0	0

	1.7. Xác suất biến cố. 1.8. Xác suất điều kiện. 1.9. Sự độc lập.				
2	Chương 2: Lược đồ Bernoulli. 2.1. Công thức Bernoulli. 2.2. Công thức xác suất đầy đủ.	6	6	0	0
3	Chương 3: Biến ngẫu nhiên và hàm phối hợp. 3.1. Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên. 3.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên.	5	5	0	0
4	Chương 4: Lý thuyết mẫu, Ước lượng tham số. 4.1. Các phương pháp lấy mẫu đơn giản. 4.2. Mẫu ngẫu nhiên. 4.3. Phân phối thực nghiệm. 4.4. Đa giác tần số và tổ chức đồ. 4.5. Các đặc trưng mẫu. 4.6. Ước lượng điểm. 4.7. Phương pháp tìm lượng điểm. 4.8. Khái niệm ước lượng khoảng. 4.9. Khoảng trung bình cho trung bình tổng thể.	6	6	0	0
5	Chương 5: Kiểm định giả thuyết 5.1. Khái niệm 5.2. Kiểm định giả thiết về trung bình giả thiết 5.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ tổng thể 5.4. So sánh hai trung bình với hai mẫu độc lập 5.5. So sánh hai trung bình với dãy số liệu từng cặp 5.6. So sánh hai tỷ lệ với hai mẫu độc lập 5.7. Kiểm định giả thiết về phương sai 5.8. Trắc nghiệm χ^2	6	6	0	0
6	Kiểm tra	2	0	0	2
	Tổng cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Khái niệm giải tích tổ hợp, xác suất, xác suất biến cố,

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về giải tích tổ hợp, xác suất, xác suất biến cố. Thấy được tính độc lập của các biến cố là đặc thù của lý thuyết xác suất;
- Ứng dụng được kiến thức xác suất trong kỹ thuật.

2. Nội dung

- 2.1. Các quy tắc đếm, Chinh hợp lặp
- 2.2. Chinh hợp (không lặp)
- 2.3. Hoán vị, Tổ hợp
- 2.4. Nhị thức Newton
- 2.5. Định nghĩa cổ điển về xác suất
- 2.6. Định nghĩa thống kê về xác suất
- 2.7. Xác suất biến cố
- 2.8. Xác suất điều kiện
- 2.9. Sự độc lập

Chương 2: Lược đồ Bernoulli,

Thời gian: 6 giờ

1. Mục đích

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về lược đồ Bernoulli;
- Ứng dụng kiến thức của lược đồ Bernoulli trong công nghệ thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Công thức Bernoulli
- 2.2. Công thức xác suất đầy đủ

Chương 3: Biến ngẫu nhiên và hàm phối hợp,

Thời gian: 5 giờ

1. Mục đích

- Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên
- 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên

Chương 4: Lý thuyết mẫu, Ước lượng tham số,

Thời gian: 6 giờ

1. Mục đích

Trình bày được các khái niệm cơ bản về các phương pháp lấy mẫu đơn giản, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng điểm, ước lượng khoảng.

2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp lấy mẫu đơn giản
- 2.2. Mẫu ngẫu nhiên
- 2.3. Phân phối thực nghiệm
- 2.4. Đa giác tần số và tổ chức đồ
- 2.5. Các đặc trưng mẫu
- 2.6. Ước lượng điểm
- 2.7. Phương pháp tìm lượng điểm
- 2.8. Khái niệm ước lượng khoảng
- 2.9. Khoảng trung bình cho trung bình tổng thể

Chương 5: Kiểm định giả thuyết,

Thời gian: 6 giờ

1. Mục đích

- Trình bày được khái niệm Kiểm định giả thiết;
- Trình bày được các phương pháp kiểm định.
- So sánh được hai trung bình với hai mẫu số độc lập, với dãy số liệu từng cặp.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Kiểm định giả thiết về trung bình giả thiết
- 2.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ tổng thể
- 2.4. So sánh hai trung bình với hai mẫu độc lập
- 2.5. So sánh hai trung bình với dãy số liệu từng cặp
- 2.6. So sánh hai tỷ lệ với hai mẫu độc lập
- 2.7. Kiểm định giả thiết về phương sai
- 2.8. Trắc nghiệm χ^2

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu,..
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên;

+ Trình bày được tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu.

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức xác suất, thống kê để giải các bài toán ứng dụng và xử lý được các bài toán thống kê trong kỹ thuật.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Cẩn thận, tỷ mỉ và chính xác và trung thực

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên làm bài tập, kiểm tra trên máy tính, trên giấy dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào việc giao bài tập ứng dụng cho sinh viên, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên cần thực hành làm thêm bài tập;

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: + Khái niệm giải tích tổ hợp.

+ Khái niệm về xác suất.

+ Xác suất biến cố.

+ Lược đồ BECNULI.

+ Biến ngẫu nhiên và hàm phối hợp.

+ Các tham số.

+ Lý thuyết mẫu.

+ Ước lượng tham số.

+ Kiểm định giả thuyết.

+ Tổng quan và hồi quy.

+ Bài toán ứng dụng.

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1] Tổng Đình Quỳ, *Xác suất thống kê*, NXBKHN, 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KINH TẾ VI MÔ

Mã mô đun: MH 08

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ; Kiểm tra 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo

- Tính chất: Môn học cơ sở ngành

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Vận dụng các nguyên lý cơ bản trong kinh tế vào phân tích môi trường tác nghiệp của doanh nghiệp tầm vi mô.

2.2. *Về kỹ năng:* Có kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề về kinh tế vi mô.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, tư duy chuyên môn tốt.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học 1.1. Một số khái niệm 1.2. Những vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế 1.3. Mô hình kinh tế	1	1	0	0
2	Bài 2. Cung, cầu và thị trường cân bằng 2.1. Thị trường 2.2. Cầu thị trường 2.3. Cung thị trường 2.4. Thị trường cân bằng 2.5. Những ảnh hưởng do tác động của chính phủ vào thị trường	8	3	5	0
3	Bài 3. Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.1. Phân tích bằng thuyết hữu dụng 3.2. Phân tích bằng hình học	8	3	5	0

4	Bài 4. Lý thuyết sản xuất và chi phí 4.1. Lý thuyết sản xuất 4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất	9	3	6	0
5	Bài 5. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn 5.1. Một số vấn đề cơ bản 5.2. Lựa chọn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo 5.3. Tính ưu việt của thị trường cạnh tranh hoàn hảo	8	3	5	0
6	Bài 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn 6.1. Một số vấn đề cơ bản 6.2. Lựa chọn của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn	7	2	5	0
7	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Xác định những vấn đề cơ bản của mọi tổ chức kinh tế và cách thức giải quyết của nền kinh tế;
- Hiểu được kinh tế học là gì, phân biệt phạm vi phân tích kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô;
- Vận dụng phân tích thực chứng và phân tích chuẩn tắc trong các vấn đề kinh tế.
- Phân tích chi phí cơ hội liên quan đến sự lựa chọn của cá nhân, tổ chức và xã hội.

2. Nội dung

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm về kinh tế học

1.1.2. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

1.1.3. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô

1.1.4. Nội dung nghiên cứu của kinh tế vi mô

1.2. Những vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế

1.3. Mô hình kinh tế

Bài 2. Cung – cầu và thị trường cân bằng, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về cung cầu hàng hóa;
- Xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu hàng hóa;

- Giải thích cơ chế hình thành giá cả thị trường sản phẩm;
- Mô tả các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ;
- Biết được cách thức đo lường độ co giãn của cầu và cung.

2. Nội dung

2.1. Thị trường

2.1.1. Khái niệm thị trường

2.1.2. Phân loại thị trường

2.1.3. Vai trò của thị trường

2.2. Cầu thị trường

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Quy luật cầu

2.2.3. Các yếu tố làm dịch chuyển đường cầu

2.3. Cung thị trường

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Quy luật cung

2.3.3. Các yếu tố làm dịch chuyển đường cung

2.4. Thị trường cân bằng

2.5. Những ảnh hưởng do tác động của chính phủ vào thị trường

Bài 3. Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn của người tiêu dùng.;
- Tiếp cận mô hình toán để xác định lựa chọn tiêu dùng cá nhân nhằm đạt mục tiêu tối đa hóa lợi ích;
- Giải thích mối quan hệ giữa cân bằng tiêu dùng và đường cầu cá nhân;
- Phân tích tác động thu nhập và tác động thay thế ảnh hưởng đến lựa chọn tiêu dùng cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Phân tích bằng thuyết hữu dụng

2.1.1. Một số vấn đề cơ bản

2.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng

2.1.3. Sự hình thành đường cầu

2.2. Phân tích bằng hình học

2.2.1. Một số khái niệm

2.2.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng

2.2.3. Sự hình thành đường cầu

Bài 4. Lý thuyết sản xuất và chi phí sản xuất, Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích mối quan hệ giữa đầu ra và đầu vào thông qua hàm số sản xuất;
- Phân biệt và xác định các chi phí sản xuất ngắn hạn và dài hạn;
- Tiếp cận phương pháp phân tích biên cho các quyết định sản xuất tối ưu.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết sản xuất

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.2. Nguyên tắc sản xuất

2.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất

2.2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2.2. Phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn

2.2.3. Phân tích chi phí sản xuất trong dài hạn

Bài 5. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Phân loại thị trường và phân tích cạnh tranh trong cấu trúc thị trường;
- Giải thích mối quan hệ giữa cung cầu thị trường và đường cầu của doanh nghiệp;
- Xác định đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo;
- Phân tích hành vi của doanh nghiệp và cân bằng dài hạn trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản

2.1.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

2.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo

2.2. Lựa chọn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo

2.3. Tính ưu việt của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

Bài 6. Thị trường độc quyền hoàn toàn, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích hành vi của doanh nghiệp và cân bằng dài hạn trong thị trường độc quyền;
- Giải thích sự không hiện hữu của độc quyền làm phát sinh chi phí xã hội

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản

2.1.1. Nguyên nhân của độc quyền hoàn toàn

2.1.2. Đặc điểm của thị trường độc quyền hoàn toàn

2.1.3. Đặc điểm của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn

2.2. Lựa chọn của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy tính, âm thanh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bút viết bảng, bảng viết

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Mô đun này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Kinh tế vi mô cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng, kiến thức để giải quyết các vấn đề về kinh tế vi mô.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp

- Phương pháp giảng giải minh họa;

- Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:**

Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng;

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

Đối với giáo viên, giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;

Đối với người học: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi.

3. *Những trọng tâm cần chú ý:*

- Các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, các lý thuyết về sản xuất, chi phí;

- Các vấn đề về sử dụng nguồn nhân lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế.

4. *Tài liệu tham khảo:*

[1] TS. Lê Bảo Lâm, TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung, ThS. Trần Bá Thọ, *Kinh tế vi mô*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 2011.

[2] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Nguyễn Hoàng Bảo, *Câu hỏi – Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vi mô*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 2011.

[3] Phạm Văn Minh, Hồ Đình Bảo, Phạm Thái Sơn (2009), *Bài tập kinh tế vi mô chọn lọc*, NXB Giáo dục;

[4] Mankiw, N. Gregory (2017), *Principles of Microeconomics*, Cengage Learning.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KINH TẾ VĨ MÔ

Mã mô đun: MĐ 02

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ; Kiểm tra 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun bắt buộc. Mô đun này học sau môn Kinh tế vĩ mô. Môn học kinh tế vĩ mô là môn học cơ sở ngành quan trọng trong chương trình đào tạo; là cơ sở hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, là nền tảng vững chắc cho các môn học khác, hình thành tư duy kinh tế nhất định cho sinh viên.

- Tính chất: Mô đun cơ sở ngành. Mô đun này có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Có kiến thức về những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô.

+ Trình bày được đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của kinh tế vĩ mô.

+ Trình bày các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.

+ Trình bày được chính sách kinh tế vĩ mô.

2.2. *Về kỹ năng:* Có kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề về kinh tế vĩ mô.

+ Xác định được các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô;

+ Phân tích được khái quát tình hình kinh tế qua các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô;

+ Đánh giá sơ bộ được sự ảnh hưởng của các chính sách mà nhà nước thực hiện tới nền kinh tế.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, tư duy chuyên môn tốt.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô 1.1. Một số khái niệm. 1.2. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô	2	2	0	0

	1.3. Tổng cung và tổng cầu.				
2	Bài 2: Đo lường sản lượng quốc gia. 2.1. Chỉ tiêu GDP và GNP 2.2. Giá cả dùng tính GDP 2.3. Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường 2.4. Các chỉ tiêu khác	6	2	4	0
3	Bài 3: Xác định sản lượng cân bằng 3.1. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn. 3.2. Sản lượng cân bằng và số nhân tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn. 3.3. Nghịch lý của tiết kiệm.	6	2	4	0
4	Bài 4: Chính sách tài khoá và ngoại thương 4.1. Tổng cầu trong nền kinh tế mở 4.2. Xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở 4.3. Mô hình số nhân trong nền kinh tế mở 4.4. Chính sách tài khoá 4.5. Chính sách ngoại thương	7	3	4	0
5	Bài 5: Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ 5.1. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng 5.2. Thị trường tiền tệ 5.3. Chính sách tiền tệ	6	2	4	0
6	Bài 6: Mô hình IS – LM 6.1. Thị trường hàng hóa và đường IS 6.2. Thị trường tiền tệ và đường LM 6.3. Tác động của chính sách vĩ mô.	7	2	5	0
7	Bài 7: Lạm phát và thất nghiệp 7.1. Lạm phát 7.2. Thất nghiệp 7.3. Quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	6	2	4	0
8	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nắm vững các vấn đề kinh tế vĩ mô trọng tâm cần giải quyết, xác định các mục tiêu vĩ mô cơ bản cần đạt được bằng các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô; giải thích xu hướng sản lượng tăng trong dài hạn và tại sao các nhà hoạch định chính sách nỗ lực giảm biên độ dao động chu kỳ kinh doanh? Hiểu rõ hai công cụ cơ bản để phân tích kinh tế vĩ mô là tổng cung và tổng cầu.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm.

- 2.1.1. Kinh tế học
- 2.1.2. Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô
- 2.1.3. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc
- 2.1.4. Đường giới hạn khả năng sản xuất
- 2.1.5. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun
- 2.2. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô
- 2.3. Tổng cung và tổng cầu.
 - 2.3.1. Tổng cầu
 - 2.3.2. Tổng cung
 - 2.3.3. Cân bằng tổng cung tổng cầu
 - 2.3.4. Mục tiêu ổn định và tăng trưởng trên đồ thị

Bài 2: Đo lường sản lượng quốc gia, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Nắm vững các phương pháp đo lường kết quả hoạt động của nền kinh tế thông qua việc phân tích sơ đồ chu chuyển kinh tế. Cách sử dụng thành quả đạt được, cũng như cách phân phối thành quả cho các thành phần tham gia vào nền kinh tế như thế nào, thể hiện qua các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia.

2. Nội dung

- 2.1. Chỉ tiêu GDP và GNP
 - 2.1.1. Các khái niệm
 - 2.1.2. Mối liên hệ giữa GDP và GNP
- 2.2. Giá cả dùng tính GDP
 - 2.2.1. Giá thị trường
 - 2.2.2. Giá yếu tố sản xuất
 - 2.2.3. Giá hiện hành
 - 2.2.4. Giá cố định
- 2.3. Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường
 - 2.3.1. Sơ đồ chu chuyển kinh tế
 - 2.3.2. Các phương pháp tính GDP
 - 2.3.3. Hạn chế của việc tính toán GDP
- 2.4. Các chỉ tiêu khác

Bài 3. Xác định sản lượng cân bằng, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Xác định được các thành phần của tổng cầu, phân tích các nhân tố tác động đến các thành phần này và xây dựng mối quan hệ giữa chúng. Tìm hiểu cách thức để nền kinh tế đạt được trạng thái cân bằng, cách điều chỉnh khi xuất hiện các cú sốc và cuối cùng là lý giải nghịch lý của tiết kiệm.

2. Nội dung

2.1. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn

2.1.1. Hàm tiêu dùng và hàm tiết kiệm

2.1.2. Hàm đầu tư

2.1.3. Hàm tổng cầu

2.2. Sản lượng cân bằng và số nhân tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn

2.2.1. Xác định sản lượng cân bằng

2.2.2. Số nhân tổng cầu

2.3. Nghịch lý của tiết kiệm

Bài 4: Chính sách tài khoá và ngoại thương, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Nắm được những vấn đề sau: Chính sách tài khoá và tác động của chính sách này đến tổng cầu, Số nhân chi tiêu chính phủ, Các nhân tố ổn định tự động nền kinh tế, ngân sách, thâm hụt ngân sách, và nợ quốc gia, Những hạn chế của chính sách tài khoá chủ động.

2. Nội dung

2.1. Tổng cầu trong nền kinh tế mở

2.1.1. Ngân sách của chính phủ

2.1.2. Xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại

2.1.3. Hàm tổng cầu trong nền kinh tế mở

2.2. Xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở

2.3. Mô hình số nhân trong nền kinh tế mở

2.3.1. Số nhân tổng quát

2.3.2. Số nhân cá biệt

2.4. Chính sách tài khoá

2.4.1. Nguyên tắc thực hiện chính sách tài khoá

2.4.2. Định lượng cho chính sách tài khoá

2.4.3. Các nhân tố ổn định tự động nền kinh tế

2.5. Chính sách ngoại thương

2.5.1. Chính sách gia tăng xuất khẩu

2.5.2. Chính sách hạn chế nhập khẩu

Bài 5: Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Nắm những vấn đề sau: Tiền và các chức năng của tiền, vai trò của Ngân hàng Trung ương, cách tạo tiền của các ngân hàng thương mại. Tìm hiểu sự cân bằng trên thị trường tài chính và tiền tệ, các mục tiêu và công cụ của chính sách tiền tệ và nguyên tắc thực hiện chính sách tiền tệ

2. Nội dung

2.1. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

2.1.1. Tiền tệ

2.1.2. Hoạt động của ngân hàng

2.1.3. Cách tạo tiền và phá hủy tiền qua ngân hàng trung gian

2.1.4. Số nhân tiền tệ

2.2. Thị trường tiền tệ

2.2.1. Cung tiền

2.2.2. Cầu tiền

2.2.3. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ

2.2.4. Hàm đầu tư tư nhân theo lãi suất

2.3. Chính sách tiền tệ

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Công cụ

2.3.3. Nguyên tắc hoạch định chính sách

2.3.4. Định lượng cho chính sách tiền tệ

2.3.5. Những hạn chế của chính sách tiền tệ

Bài 6: Mô hình IS – LM, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sử dụng được mô hình IS-LM để mô tả mối quan hệ mật thiết và sự tương tác giữa thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ, đồng thời xác định sản lượng và lãi suất cân bằng trên cả 2 thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ. Qua mô hình IS-LM, giúp chúng ta đánh giá tác động thực sự của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến nền kinh tế.

2. Nội dung

2.1. Thị trường hàng hóa và đường IS

2.1.1. Cách xây dựng đường IS.

2.1.2. Ý nghĩa của đường IS.

2.1.3. Phương trình đường IS.

2.1.4. Sự dịch chuyển của đường IS.

2.2. Thị trường tiền tệ và đường LM

2.2.1. Cách xây dựng đường LM

2.2.2. Ý nghĩa của đường LM

2.2.3. Phương trình đường LM

2.2.4. Sự dịch chuyển của đường LM

2.3. Tác động của chính sách vĩ mô.

2.3.1. Sự cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ

2.3.2. Tác động của chính sách tài khóa

2.3.3. Tác động của chính sách tiền tệ

2.3.4. Tác động phối hợp của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

Bài 7: Lạm phát và thất nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu được nguyên nhân gây ra lạm phát, phân biệt tác động của từng loại lạm phát, đồng thời đưa ra các biện pháp để kiềm chế lạm phát. Thứ hai là tìm hiểu những nguyên nhân gây ra thất nghiệp và tác hại của nó. Cuối cùng xem xét mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Nội dung

2.1. Lạm phát

2.1.1. Khái niệm và phân loại

2.1.2. Nguyên nhân lạm phát

2.1.3. Tác động của lạm phát

2.1.4. Biện pháp giảm lạm phát

2.2. Thất nghiệp

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân loại thất nghiệp

2.2.3. Biện pháp giảm thất nghiệp

2.3. Quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn: phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy tính, âm thanh...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bút viết bảng, bảng viết

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng, kiến thức để giải quyết các vấn đề về kinh tế vĩ mô.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp

- Phương pháp giảng giải minh họa;

- Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;

- Đối với người học: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Các chỉ tiêu đo lường nền kinh tế, cách tính các chỉ tiêu đó;

- Các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản: chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Trần Việt Thảo, TS. Lê Mai Trang, *Giáo trình Kinh tế vĩ mô*, NXB Thống kê, 2019.

[2] Nguyễn Minh Tuấn, Trần Nguyễn Minh Ái (2015), *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

[3] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà (2014), *Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

[4] Mankiw, N. Gregory (2016), *Principles of Microeconomics*, Worth Publishers.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Mã mô đun: MĐ 03

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí mô đun Lý thuyết tài chính – tiền tệ là môn học bắt buộc nằm ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Mô đun trình bày những kiến thức cơ bản như: Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; lý luận cơ bản về tiền tệ; khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, tín dụng và lãi suất hoạt động thị trường tài chính.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Qua học phần, sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh.

2.2. *Về kỹ năng:* Có kỹ năng tính gần đúng, kỹ năng giải các bài toán có nội dung trên.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện cho sinh viên đức tính cẩn thận, chính xác, kiên trì, ý thức hoạt động tập thể, đi học đầy đủ và làm các bài tập về nhà, đảm bảo thời gian tự học ở nhà.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1. Tổng quan về tiền tệ 1.1. Lịch sử ra đời và phát triển tiền tệ 1.1.1. Nguồn gốc của tiền tệ 1.1.2. Các hình thái giá trị 1.2. Bản chất của tiền tệ 1.3. Chức năng của tiền tệ 1.3.1. Thước đo giá trị 1.3.2. Phương tiện lưu thông 1.3.3. Phương tiện cất trữ	2	2	0	0

	<ul style="list-style-type: none"> 1.3.4. Phương tiện thanh toán 1.3.5. Tiền tệ thế giới 1.4. Cung cầu tiền tệ 1.4.1. Cầu tiền tệ 1.4.2. Cung tiền tệ 1.5. Lạm phát 				
2	<ul style="list-style-type: none"> Bài 2. Tổng quan về tài chính 2.1. Tiền đề ra đời và phát triển của Tài chính 2.2. Bản chất của tài chính 2.3. Chức năng của tài chính 2.3.1. Chức năng phân phối 2.3.2. Chức năng giám đốc 2.4. Hệ thống tài chính 2.4.1. Khái niệm và cơ cấu hệ thống tài chính 2.4.1.1. Tài chính công 2.4.1.2. Tài chính doanh nghiệp 2.4.1.3. Tài chính trung gian 2.4.1.4. Tài chính các tổ chức xã hội và hộ gia đình 2.4.1.5. Tài chính quốc tế 2.4.2. Đặc trưng các khâu tài chính 2.5. Vai trò của tài chính 	2	2	0	0
3	<ul style="list-style-type: none"> Bài 3. Tài chính công 3.1. Tổng quan về tài chính công 3.1.1. Sự ra đời và phát triển tài chính công 3.1.1.1. Tài chính công cổ điển 3.1.1.2. Tài chính công hiện đại 3.1.2. Khái niệm và đặc điểm của tài chính công 3.1.2.1. Khái niệm 3.1.2.2. Đặc điểm 3.1.3. Vai trò của tài chính công 3.2. Ngân sách nhà nước 3.2.1. Khái niệm NSNN 3.2.2. Hệ thống và phân cấp quản lý NSNN 3.2.3. Hệ thống thu NSNN 3.2.3.1. Thu thuế 3.2.3.2. Thu từ hoạt động kinh tế của NN 3.2.3.3. Thu lệ phí và phí 3.2.3.4. Vay nợ và viện trợ của chính phủ 	7	2	5	0

	<p>3.2.4. Hệ thống chi NSNN</p> <p>3.2.4.1. Chi đầu tư phát triển</p> <p>3.2.4.2. Chi thường xuyên</p> <p>3.2.4.3. Chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay</p> <p>3.2.5. Cân đối thu chi NSNN</p>				
4	<p>Bài 4. Tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.1. Bản chất và vai trò tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.1.1. Doanh nghiệp và các đặc trưng của doanh nghiệp</p> <p>4.1.2. Bản chất tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.1.3. Vai trò tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.2. Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh</p> <p>4.2.1. Khái niệm và đặc điểm vốn kinh doanh</p> <p>4.2.2. Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh</p> <p>4.2.2.1. Vốn cố định</p> <p>4.2.2.2. Vốn lưu động</p> <p>4.3. Các nguồn tài trợ vốn</p> <p>4.4. Chi phí kinh doanh, giá thành sản phẩm của DN</p> <p>4.4.1. Chi phí kinh doanh</p> <p>4.4.2. Giá thành sản phẩm của DN</p> <p>4.5. Thu nhập và lợi nhuận của DN</p> <p>4.5.1. Thu nhập của DN</p> <p>4.5.2. Lợi nhuận của DN</p> <p>4.5.3. Phân phối lợi nhuận</p>	8	3	5	0
5	<p>Bài 5. Các định chế tài chính trung gian</p> <p>5.1. Khái niệm, phân loại định chế tài chính trung gian</p> <p>5.2. Chức năng của các định chế tài chính trung gian</p> <p>5.3. Vai trò của các định chế tài chính trung gian</p> <p>5.4. Các loại hình định chế tài chính trung gian</p> <p>5.4.1. Ngân hàng thương mại</p> <p>5.4.2. Quỹ tín dụng</p> <p>5.4.3. Công ty tài chính</p> <p>5.4.4. Công ty đầu tư</p> <p>5.4.5. Công ty bảo hiểm</p> <p>5.4.6. Công ty chứng khoán</p>	7	2	5	0
6	<p>Bài 6. Tín dụng và lãi suất</p> <p>6.1. Khái niệm tín dụng</p>	7	2	5	0

	6.2. Chức năng và vai trò tín dụng 6.3. Phân loại tín dụng và các hình thức tín dụng 6.4. Khái niệm và các loại lãi suất 6.4.1. Khái niệm 6.4.2. Cơ sở hình thành lãi suất 6.4.3. Các loại lãi suất tín dụng 6.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất 6.5.1. Nhân tố trực tiếp 6.5.2. Nhân tố gián tiếp 6.6. Ý nghĩa của lãi suất tín dụng 6.7. Các phép đo lãi suất 6.7.1. Lãi suất đơn 6.7.2. Lãi suất kép 6.7.3. Lãi suất đến hạn				
7	Bài 7. Thị trường tài chính 7.1. Sự ra đời và phát triển thị trường tài chính 7.2. Khái niệm và phân loại thị trường tài chính 7.2.1. Khái niệm 7.2.2. Phân loại 7.3. Thị trường tiền tệ 7.3.1. Khái niệm và phân loại 7.3.2. Các chủ thể 7.3.3. Các nghiệp vụ cơ bản 7.4. Thị trường vốn 7.4.1. Khái niệm và phân loại 7.4.2. Các công cụ trên thị trường vốn 7.4.3. Các chủ thể hoạt động trên thị trường vốn 7.5. Vai trò của thị trường tài chính	7	2	5	0
8	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về tiền tệ, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ; bản chất; chức năng của tiền tệ; cung cầu và lạm phát.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử ra đời và phát triển tiền tệ

- 2.1.1. Nguồn gốc của tiền tệ
- 2.1.2. Các hình thái giá trị
- 2.2. Bản chất của tiền tệ
- 2.3. Chức năng của tiền tệ
 - 2.3.1. Thước đo giá trị
 - 2.3.2. Phương tiện lưu thông
 - 2.3.3. Phương tiện cất trữ
 - 2.3.4. Phương tiện thanh toán
 - 2.3.5. Tiền tệ thế giới
- 2.4. Cung cầu tiền tệ
 - 2.4.1. Cầu tiền tệ
 - 2.4.2. Cung tiền tệ
- 2.5. Lạm phát

Bài 2. Tổng quan về tài chính, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển của tài chính; bản chất; chức năng; hệ thống của tài chính.

2. Nội dung

- 2.1. Tiền đề ra đời và phát triển của Tài chính
- 2.2. Bản chất của tài chính
- 2.3. Chức năng của tài chính
 - 2.3.1. Chức năng phân phối
 - 2.3.2. Chức năng giám đốc
- 2.4. Hệ thống tài chính
 - 2.4.1. Khái niệm và cơ cấu hệ thống tài chính
 - 2.4.1.1. Tài chính công
 - 2.4.1.2. Tài chính doanh nghiệp
 - 2.4.1.3. Tài chính trung gian
 - 2.4.1.4. Tài chính các tổ chức xã hội và hộ gia đình
 - 2.4.1.5. Tài chính quốc tế

2.4.2. Đặc trưng các khâu tài chính

2.5. Vai trò của tài chính

Bài 3: Tài chính công, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, tổng quan về tài chính công (đặc điểm, vai trò); Khái niệm về ngân sách nhà nước, hệ thống phân cấp quản lý, hệ thống thu chi trong ngân sách nhà nước.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về tài chính công

2.1.1. Sự ra đời và phát triển tài chính công

2.1.1.1. Tài chính công cổ điển

2.1.1.2. Tài chính công hiện đại

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của tài chính công

2.1.2.1. Khái niệm

2.1.2.2. Đặc điểm

2.1.3. Vai trò của tài chính công

2.2. Ngân sách nhà nước

2.2.1. Khái niệm NSNN

2.2.2. Hệ thống và phân cấp quản lý NSNN

2.2.3. Hệ thống thu NSNN

2.2.3.1. Thu thuế

2.2.3.2. Thu từ hoạt động kinh tế của NN

2.2.3.3. Thu lệ phí và phí

2.2.3.4. Vay nợ và viện trợ của chính phủ

2.2.4. Hệ thống chi NSNN

2.2.4.1. Chi đầu tư phát triển

2.2.4.2. Chi thường xuyên

2.2.4.3. Chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay

2.2.5. Cân đối thu chi NSNN

Bài 4: Tài chính doanh nghiệp, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày các khái niệm, bản chất, vai trò tài chính doanh nghiệp; quản lý và sử dụng vốn kinh doanh; các nguồn tài trợ vốn; chi phí kinh doanh, giá thành doanh nghiệp; thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và vai trò tài chính doanh nghiệp

2.1.1. Doanh nghiệp và các đặc trưng của doanh nghiệp

2.1.2. Bản chất tài chính doanh nghiệp

2.1.3. Vai trò tài chính doanh nghiệp

2.2. Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh

2.2.1. Khái niệm và đặc điểm vốn kinh doanh

2.2.2. Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh

2.2.2.1. Vốn cố định

2.2.2.2. Vốn lưu động

2.3. Các nguồn tài trợ vốn

2.4. Chi phí kinh doanh, giá thành sản phẩm của DN

2.4.1. Chi phí kinh doanh

2.4.2. Giá thành sản phẩm của DN

2.5. Thu nhập và lợi nhuận của DN

2.5.1. Thu nhập của DN

2.5.2. Lợi nhuận của DN

2.5.3. Phân phối lợi nhuận

Bài 5: Các định chế tài chính trung gian, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, phân loại định chế tài chính trung gian, chức năng, vai trò và các loại hình định chế tài chính trung gian.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, phân loại định chế tài chính trung gian

2.2. Chức năng của các định chế tài chính trung gian

2.3. Vai trò của các định chế tài chính trung gian

2.4. Các loại hình định chế tài chính trung gian

2.4.1. Ngân hàng thương mại

- 2.4.2. Quỹ tín dụng
- 2.4.3. Công ty tài chính
- 2.4.4. Công ty đầu tư
- 2.4.5. Công ty bảo hiểm
- 2.4.6. Công ty chứng khoán

Bài 6: Tín dụng và lãi suất, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, phân loại định chế tài chính trung gian, chức năng, vai trò và các loại hình định chế tài chính trung gian.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tín dụng
- 2.2. Chức năng và vai trò tín dụng
- 2.3. Phân loại tín dụng và các hình thức tín dụng
- 2.4. Khái niệm và các loại lãi suất
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Cơ sở hình thành lãi suất
 - 2.4.3. Các loại lãi suất tín dụng
- 2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất
 - 2.5.1. Nhân tố trực tiếp
 - 2.5.2. Nhân tố gián tiếp
- 2.6. Ý nghĩa của lãi suất tín dụng
- 2.7. Các phép đo lãi suất
 - 2.7.1. Lãi suất đơn
 - 2.7.2. Lãi suất kép
 - 2.7.3. Lãi suất đến hạn

Bài 7: Thị trường tài chính, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, phân loại định chế tài chính trung gian, chức năng, vai trò và các loại hình định chế tài chính trung gian.

2. Nội dung

- 2.1. Sự ra đời và phát triển thị trường tài chính
- 2.2. Khái niệm và phân loại thị trường tài chính
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phân loại
- 2.3. Thị trường tiền tệ
 - 2.3.1. Khái niệm và phân loại
 - 2.3.2. Các chủ thể
 - 2.3.3. Các nghiệp vụ cơ bản
- 2.4. Thị trường vốn
 - 2.4.1. Khái niệm và phân loại
 - 2.4.2. Các công cụ trên thị trường vốn
 - 2.4.3. Các chủ thể hoạt động trên thị trường vốn
- 2.5. Vai trò của thị trường tài chính

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học lý thuyết.
- 2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.
- 3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)
- 4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

- 1. Nội dung
 - Về kiến thức: sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản của học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ.
 - Về kỹ năng: rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tính toán, nhận định, đánh giá và phân tích về tài chính – tiền tệ.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.
- 2. Phương pháp: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:
 - Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;
 - Nghiên cứu tài liệu;
 - Thảo luận nhóm theo chủ đề;
 - Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo

● Tài liệu chính

[1] PGS. TS. Nguyễn Hữu Tài (chủ biên), *Giáo trình Lý thuyết tài chính – tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007.

● **Tài liệu tham khảo**

[1] PGS.TS. Sử Đình Thành – TS. Vũ Thị Minh Hằng, *Nhập môn Tài Chính Tiền Tệ*, NXB Đại Học Quốc Gia Tp.HCM, Năm 2008.

[2] Sinh viên có thể tham khảo các sách Lý thuyết tài chính, Tiền tệ ngân hàng, Tài chính tiền tệ do các tác giả thuộc trường đại học Kinh tế Tp.HCM, trường đại học Ngân Hàng Tp.HCM biên soạn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ HỌC

Mã mô đun: MD 04

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Quản trị học là mô đun bắt buộc của chương trình đào tạo.

Mô đun này học ở học kỳ II.

Quản trị học là một môn khoa học thuộc khối kiến thức các môn học/mô đun cơ sở của nghề quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mô đun này được bố trí giảng dạy sau môn chung và trước các môn học/mô đun chuyên môn của nghề

- Tính chất: Quản trị học là môn khoa học nghiên cứu cách thức lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh, giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp biết cách quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp.

II. Mục tiêu mô đun

Học xong mô đun này, người học có khả năng:

- **Kiến thức:** Biết cách lập kế hoạch chiến lược, kế hoạch tác nghiệp, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các công việc trong tổ chức sản xuất và quản lý ở doanh nghiệp.

- **Kỹ năng:** Hình thành ở sinh viên các kỹ năng cơ bản sau:

+ Phân tích các vấn đề kinh tế cơ bản trong và ngoài doanh nghiệp
+ Lập chiến lược phát triển doanh nghiệp trung và dài hạn
+ Lập kế hoạch tác nghiệp cho từng giai đoạn, từng lĩnh vực, từng công việc cụ thể của quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Tổ chức cơ cấu bộ máy doanh nghiệp gọn nhẹ, linh hoạt, hiệu quả

+ Lãnh đạo cơ cấu bộ máy doanh nghiệp hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả

+ Kiểm tra được mọi hoạt động ở các lĩnh vực trong doanh nghiệp.

- **Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:** Chủ động tích cực trong việc học tập, nghiên cứu mô đun, tiếp cận và thảo luận để giải quyết các tình huống quản trị cụ thể trong lúc thực hành.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/BT	Kiểm tra
1	<p>Bài 1. Tổng quan về quản trị</p> <p>1.1. Khái niệm, bản chất của quản trị, nhà quản trị</p> <p>1.1.1. Quan niệm về quản trị</p> <p>1.1.2. Bản chất của quản trị</p> <p>1.1.3. Nhà quản trị</p> <p>1.2. Văn hóa tổ chức và môi trường quản trị</p> <p>1.2.1. Văn hóa tổ chức</p> <p>1.2.2. Khái niệm về môi trường quản trị</p> <p>1.2.3. ảnh hưởng của môi trường với doanh nghiệp</p> <p>1.3. Sự phát triển của lý thuyết quản trị</p> <p>1.3.1. Lý thuyết cổ điển về quản trị</p> <p>1.3.2. Lý thuyết tâm lý xã hội trong quản trị</p> <p>1.3.3. Lý thuyết quản trị hiện đại</p>	2	2	0	0
2	<p>Bài 2. Chức năng hoạch định</p> <p>2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định</p> <p>2.1.1. Khái niệm hoạch định</p> <p>2.1.2. Phân loại hoạch định</p> <p>2.1.3. Vai trò của hoạch định</p> <p>2.2. Mục tiêu, cơ sở khoa học và tiến trình hoạch định</p> <p>2.2.1. Mục tiêu hoạch định</p> <p>2.2.2. Cơ sở khoa học của hoạch định</p> <p>2.2.3. Tiến trình hoạch định</p> <p>2.3. Hoạch định chiến lược và hoạch định tác nghiệp</p> <p>2.3.1. Hoạch định chiến lược</p> <p>2.3.2. Hoạch định tác nghiệp</p> <p>2.3.3. Mối quan hệ hoạch định chiến lược với hoạch định tác nghiệp</p>	7	2	5	0
3	<p>Bài 3. Chức năng tổ chức</p> <p>3.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức</p> <p>3.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của công tác tổ chức</p> <p>3.1.2. Mục tiêu của công tác tổ chức</p> <p>3.1.3. Các nguyên tắc trong công tác tổ chức</p> <p>3.2. Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức</p> <p>3.2.1. Tầm hạn quản trị</p>	8	3	5	0

	<p>3.2.2. Quyền lực trong quản trị</p> <p>3.2.3. Phân cấp quản trị</p> <p>3.3. Cơ cấu tổ chức quản trị</p> <p>3.3.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2. Các yêu cầu đối với cơ cấu tổ chức</p> <p>3.3.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức quản trị</p> <p>3.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức quản trị</p>				
4	<p>Bài 4. Chức năng lãnh đạo</p> <p>4.1. Khái niệm, nội dung và vai trò của lãnh đạo</p> <p>4.1.1. Khái niệm và bản chất của lãnh đạo</p> <p>4.1.2. Nội dung lãnh đạo</p> <p>4.1.3. Vai trò của lãnh đạo trong tổ chức</p> <p>4.2. Các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên</p> <p>4.2.1. Lý thuyết tâm lý xã hội</p> <p>4.2.2. Lý thuyết định lượng</p> <p>4.2.3. Lý thuyết quản trị hiện đại</p> <p>4.3. Phương pháp và phong cách lãnh đạo</p>	9	3	6	0
5	<p>Bài 5. Chức năng kiểm tra</p> <p>5.1. Khái niệm, mục đích và vai trò của kiểm tra</p> <p>5.1.1. Khái niệm và bản chất của kiểm tra</p> <p>5.1.2. Mục đích của kiểm tra</p> <p>5.1.3. Các hình thức kiểm tra</p> <p>5.2. Các nguyên tắc kiểm tra</p> <p>5.2.1. Kiểm tra phải theo kế hoạch</p> <p>5.2.2. Kiểm tra phải đồng bộ</p> <p>5.2.3. Kiểm tra phải công khai, khách quan, chính xác</p> <p>5.2.4. Kiểm tra phải phù hợp với tổ chức</p> <p>5.2.5. Kiểm tra phải linh hoạt, đa dạng</p> <p>5.2.6. Kiểm tra phải hiệu quả và tiết kiệm</p> <p>5.3. Tiến trình kiểm tra</p> <p>5.3.1. Xây dựng các tiêu chuẩn</p> <p>5.3.2. Đo lường việc thực hiện</p> <p>5.3.3. Điều chỉnh các sai lệch</p> <p>5.3.4. Các loại kiểm tra</p>	8	3	5	0
6	<p>Bài 6. Một số vấn đề trong quản trị hiện đại</p> <p>6.1. Thông tin và quyết định quản trị</p> <p>6.2. Quản trị và sự thay đổi của tổ chức</p> <p>6.3. Quản trị sự xung đột</p> <p>6.4. Quan niệm về rủi ro và quản trị rủi ro</p>	6	2	4	5
7	Kiểm tra	5	0	0	5
	Cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về quản trị

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được các quan niệm về quản trị, bản chất của quản trị
- + Hiểu được thế nào là nhà quản trị, vai trò của họ trong tổ chức
- + Hiểu được văn hóa, môi trường tổ chức, ảnh hưởng nó đến quản trị tổ chức.
- + Thực hiện các bài tập tình huống trong quản trị
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung:

1.1. Khái niệm, bản chất của quản trị, nhà quản trị

1.1.1. Quan niệm về quản trị

1.1.2. Bản chất của quản trị

1.1.3. Nhà quản trị

1.2. Văn hóa tổ chức và môi trường quản trị

1.2.1. Văn hóa tổ chức

1.2.2. Khái niệm về môi trường quản trị

1.2.3. ảnh hưởng của môi trường với doanh nghiệp

1.3. Sự phát triển của lý thuyết quản trị

1.3.1. Lý thuyết cổ điển về quản trị

1.3.2. Lý thuyết tâm lý xã hội trong quản trị

1.3.3. Lý thuyết quản trị hiện đại

1.4. Bài tập:

- Phân tích bản chất của quản trị, làm quản trị là làm gì?
- Phân tích vai trò quan trọng của văn hóa tổ chức đối với quản trị
- Phân tích môi trường và ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức
- Phân tích tầm quan trọng của nhà quản trị
- Thảo luận để giải quyết các tình huống quản trị
- Hiểu biết và học tập các lý thuyết quản trị.

Bài 2: Chức năng hoạch định

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được khái niệm, vai trò, mục tiêu của hoạch định
- + Hiểu được cơ sở khoa học để hoạch định
- + Hiểu được tiến trình để tiến hành hoạch định
- + Thực hiện các bài tập tình huống trong quản trị
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định

2.1.1. Khái niệm hoạch định

2.1.2. Phân loại hoạch định

2.1.3. Vai trò của hoạch định

2.2. Mục tiêu, cơ sở khoa học và tiến trình hoạch định

2.2.1. Mục tiêu hoạch định

2.2.2. Cơ sở khoa học của hoạch định

2.2.3. Tiến trình hoạch định

2.3. Hoạch định chiến lược và hoạch định tác nghiệp

2.3.1. Hoạch định chiến lược

2.3.2. Hoạch định tác nghiệp

2.3.3. Mối quan hệ hoạch định chiến lược với hoạch định tác nghiệp

2.4. Thực hành

- Phân tích tầm quan trọng của việc hoạch định trong DN
- Phân tích các chiến lược đối với từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp
- Thảo luận nhóm giải quyết các tình huống quản trị

Kiểm tra

Bài 3: Chức năng tổ chức

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức
- + Hiểu được một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
- + Nắm được khái niệm cơ cấu tổ chức và một số kiểu cơ cấu tổ chức

2. Nội dung:

- 3.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức
 - 3.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của công tác tổ chức
 - 3.1.2. Mục tiêu của công tác tổ chức
 - 3.1.3. Các nguyên tắc trong công tác tổ chức
- 3.2. Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
 - 3.2.1. Tầm hạn quản trị
 - 3.2.2. Quyền lực trong quản trị
 - 3.2.3. Phân cấp quản trị
- 3.3. Cơ cấu tổ chức quản trị
 - 3.3.1. Khái niệm
 - 3.3.2. Các yêu cầu đối với cơ cấu tổ chức
 - 3.3.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức quản trị
 - 3.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức quản trị
- 3.4. Thực hành:
 - Phân tích tầm quan trọng của công tác tổ chức trong DN
 - Phân tích các vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
 - Phân tích ưu, nhược điểm của các kiểu cơ cấu tổ chức
 - Thảo luận để giải quyết các tình huống quản trị cụ thể.

Bài 4: Chức năng lãnh đạo

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, nội dung và vai trò của lãnh đạo
- + Hiểu được các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên
- + Hiểu được các phương pháp lãnh đạo
- + Vận dụng để tháo gỡ các tình huống ở bài tập.

2. Nội dung:

- 4.1. Khái niệm, nội dung và vai trò của lãnh đạo
 - 4.1.1. Khái niệm và bản chất của lãnh đạo
 - 4.1.2. Nội dung lãnh đạo
 - 4.1.3. Vai trò của lãnh đạo trong tổ chức

4.2. Các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên

4.2.1. Lý thuyết tâm lý xã hội

4.2.2. Lý thuyết định lượng

4.2.3. Lý thuyết quản trị hiện đại

4.3. Phương pháp và phong cách lãnh đạo

4.3.1. Các phương pháp lãnh đạo

4.3.3.2. Các phong cách lãnh đạo

4.4. Thực hành:

- Phân tích vai trò và tầm quan trọng của lãnh đạo
- Phân tích các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên để từ đó có các biện pháp lãnh đạo phù hợp
- Phân tích nội dung, ưu nhược điểm của từng phương pháp lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo
- Thảo luận nhóm để giải các bài tập tình huống cụ thể.

Bài 5: Chức năng kiểm tra

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, mục đích và vai trò của công tác kiểm tra
- + Hiểu được các nguyên tắc cần được áp dụng trong kiểm tra
- + Hiểu được tiến trình kiểm tra
- + Biết vận dụng để giải quyết các tình huống trong bài tập thảo luận

2. Nội dung:

5.1. Khái niệm, mục đích và vai trò của kiểm tra

5.1.1. Khái niệm và bản chất của kiểm tra

5.1.2. Mục đích của kiểm tra

5.1.3. Các hình thức kiểm tra

5.2. Các nguyên tắc kiểm tra

5.2.1. Kiểm tra phải theo kế hoạch

5.2.2. Kiểm tra phải đồng bộ

5.2.3. Kiểm tra phải công khai, khách quan, chính xác

5.2.4. Kiểm tra phải phù hợp với tổ chức

5.2.5. Kiểm tra phải linh hoạt, đa dạng

5.2.6. Kiểm tra phải hiệu quả và tiết kiệm

5.3. Tiến trình kiểm tra

5.3.1. Xây dựng các tiêu chuẩn

5.3.2. Đo lường việc thực hiện

5.3.3. Điều chỉnh các sai lệch

5.3.4. Các loại kiểm tra

5.4. Thực hành:

- Phân tích khái niệm, mục đích và ý nghĩa của công tác kiểm tra

- Phân tích các nguyên tắc khi kiểm tra

- Phân tích tiến trình của kiểm tra

- Thảo luận giải quyết các tình huống QT cụ thể

Bài 6: Một số vấn đề trong quản trị học hiện đại

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

+ Hiểu được khái niệm thông tin và tầm quan trọng của thông tin trong quản trị hiện đại

+ Hiểu được một số khái niệm trong quản trị học hiện đại

+ Vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống quản trị.

2. Nội dung:

6.1. Thông tin và quyết định quản trị

6.1.1. Thông tin quản trị

6.1.2. Quyết định quản trị

6.2. Quản trị và sự thay đổi của tổ chức

6.2.1. Khái niệm và lý do thay đổi

6.2.2. Nội dung của thay đổi tổ chức

6.2.3. Yếu tố thời gian đối với sự thay đổi

6.3. Quản trị sự xung đột

6.3.1. Khái niệm xung đột

6.3.2. Nguồn gốc của xung đột

6.3.3. các hình thức xung đột

6.3.4. Các biện pháp giải quyết và loại trừ xung đột

6.4. Quan niệm về rủi ro và quản trị rủi ro

6.4.1. Quan niệm về rủi ro

6.4.2. Các loại rủi ro

6.4.3. Tiên trình quản trị rủi ro

6.4.4. Các phương pháp phòng ngừa trong quản trị rủi ro

6.5. Thực hành

- Phân tích tầm quan trọng của thông tin trong quản trị
- Phân tích các vấn đề thay đổi, rủi ro, xung đột và cách quản trị khi có các vấn đề đó xảy ra.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Về kiến thức: sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản của học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ
 - Về kỹ năng: rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tính toán, nhận định, đánh giá và phân tích về tài chính – tiền tệ.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.
2. Phương pháp giảng dạy: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:
 - Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;
 - Nghiên cứu tài liệu;
 - Thảo luận nhóm theo chủ đề;
 - Phương pháp đánh giá, kiểm tra:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. *Tài liệu tham khảo*

• Tài liệu bắt buộc

[1] PGS.TS. Trần Anh Tài, *Quản trị học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2017.

• Tài liệu tham khảo

[1] ThS. Nguyễn Thị Nhung, ThS. Nguyễn Duy Châu, *Quản trị học*, (lưu hành nội bộ) Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại, 2011.

[2] Lê Thế Giới và ctg (2007), *Quản trị học*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Phan Thanh và Nguyễn Thanh Hội (2007), *Quản trị học*, NXB Thống kê, HCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Mã mô đun: MĐ 05

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: mô đun Nguyên lý kế toán là môn học bắt buộc nằm ở học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Nguyên lý kế toán là mô đun thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp. Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lãnh vực kế toán – kiểm toán để có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn

2.2. *Về kỹ năng:* Tích cực, nhiệt tình trong công việc, với cuộc sống, đương đầu với mọi thách thức... Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; Có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp. Thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện cho sinh viên Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra

1	<p>Bài 1: Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán</p> <p>1.1. Lịch sử hạch toán kế toán</p> <p>1.2. Bản chất của hạch toán kế toán</p> <p>1.3. Đối tượng của hạch toán kế toán</p> <p>1.4. Nhiệm vụ và yêu cầu của hạch toán kế toán</p> <p>1.5. Các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán</p> <p>1.6. Môi trường của hạch toán kế toán</p>	4	4	0	0
2	<p>Bài 2: Phương pháp chứng từ kế toán</p> <p>2.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán</p> <p>2.2. Phân loại chứng từ kế toán</p> <p>2.3. Trình tự xử lý và luân chuyển chứng từ kế toán</p>	10	5	6	0
4	<p>Bài 3: Phương pháp tài khoản kế toán</p> <p>3.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán</p> <p>3.2. Nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán</p> <p>3.3. Phân loại tài khoản kế toán</p> <p>3.4. Hệ thống tài khoản kế toán Việt nam</p> <p>3.5. Cách ghi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào tài khoản kế toán</p> <p>3.6. Kiểm tra, đối chiếu việc ghi chép trên tài khoản kế toán</p>	7	2	5	0
5	<p>Bài 4: Phương pháp tính giá và hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu</p> <p>4.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tính giá</p> <p>4.2. Trình tự tính giá</p> <p>4.3. Tính giá một số đối tượng chủ yếu</p> <p>4.4. Hạch toán quá trình cung cấp</p> <p>4.5. Hạch toán quá trình sản xuất</p> <p>4.6. Hạch toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh</p>	9	5	4	0
6	<p>Bài 5: Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán</p> <p>5.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán</p> <p>5.2. Nguyên tắc chung xây dựng hệ thống bảng tổng hợp cân đối kế toán</p> <p>5.3. Yêu cầu và công việc chuẩn bị khi lập bảng tổng hợp cân đối kế toán</p> <p>5.4. Bảng cân đối kế toán</p> <p>5.5. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh</p>	10	4	6	0

7	Bài 6: Sổ kế toán và các hình thức kế toán 6.1. Sổ kế toán 6.2. Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán 6.3. Hình thức kế toán	10	5	5	0
8	Bài 7: Tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán 7.1. Ý nghĩa, nội dung của tổ chức công tác kế toán 7.2. Tổ chức bộ máy kế toán 7.3. Kiểm tra kế toán	5	4	1	0
9	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và trình bày được lịch sử hạch toán kế toán, bản chất, đối tượng, nhiệm vụ, yêu cầu, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán; môi trường của hạch toán kế toán.

2. Nội dung

- 2.1. Lịch sử hạch toán kế toán
- 2.2. Bản chất của hạch toán kế toán
- 2.3. Đối tượng của hạch toán kế toán
- 2.4. Nhiệm vụ và yêu cầu của hạch toán kế toán
- 2.5. Các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán
- 2.6. Môi trường của hạch toán kế toán

Bài 2. Phương pháp chứng từ kế toán, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm nội dung, ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán, phân loại chứng từ và trình tự xử lý, luân chuyển chứng từ kế toán.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán
- 2.2. Phân loại chứng từ kế toán
- 2.3. Trình tự xử lý và luân chuyển chứng từ kế toán.

Bài 3: Phương pháp tài khoản kế toán, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, nội dung ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán, kết cấu, phân loại của tài khoản, hệ thống tài khoản Việt Nam, Cách ghi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào tài khoản kế toán, kiểm tra, đối chiếu việc ghi chép trên tài khoản kế toán.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán
- 2.2. Nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán
- 2.3. Phân loại tài khoản kế toán
- 2.4. Hệ thống tài khoản kế toán Việt nam
- 2.5. Cách ghi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào tài khoản kế toán
- 2.6. Kiểm tra, đối chiếu việc ghi chép trên tài khoản kế toán.

Bài 4: Phương pháp tính giá và hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, nội dung, ý nghĩa của phương pháp tính giá, trình tự tính giá, hạch toán quá trình cung cấp, sản xuất, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tính giá
- 2.2. Trình tự tính giá
- 2.3. Tính giá một số đối tượng chủ yếu
- 2.4. Hạch toán quá trình cung cấp
- 2.5. Hạch toán quá trình sản xuất
- 2.6. Hạch toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

Bài 5: Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán kế toán, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, nội dung, ý nghĩa của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán, nguyên tắc chung xây dựng hệ thống bảng tổng hợp cân đối kế toán, yêu cầu và công việc chuẩn bị khi lập bảng tổng hợp cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán
- 2.2. Nguyên tắc chung xây dựng hệ thống bảng tổng hợp cân đối kế toán

2.3. Yêu cầu và công việc chuẩn bị khi lập bảng tổng hợp cân đối kế toán

2.4. Bảng cân đối kế toán

2.5. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

Bài 6: Sổ kế toán và các hình thức kế toán, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, Giải thích nguyên tắc ghi sổ kép và vai trò của tài khoản trong kế toán. Trình bày các nội dung cơ bản của hệ thống kế toán, từ đó ghi chép được vào chứng từ, sổ sách kế toán, lập, trình bày được các báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

2. Nội dung

2.1. Sổ kế toán

2.2. Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán

2.3. Hình thức kế toán

Bài 7: Tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, ý nghĩa, nội dung của tổ chức công tác kế toán, kiểm tra kế toán.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa, nội dung của tổ chức công tác kế toán

2.2. Tổ chức bộ máy kế toán

2.3. Kiểm tra kế toán

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Nguyên lý kế toán.

- Về kỹ năng: Nhận dạng, phân tích các nghiệp vụ kinh tế cơ bản để phản ánh trên chứng từ, sổ sách và báo cáo tài chính. Đọc, hiểu, giải thích và phân tích số liệu kế toán ở mức ban đầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp đánh giá, kiểm tra:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo

[1] PGS. TS. Đỗ Minh Thành, *Giáo trình Nguyên Lý Kế toán*, Nhà xuất bản Thống kê 2017.

[2] PGS.TS Võ Văn Nhi, *Nguyên Lý Kế toán*, Nhà xuất bản Thống kê 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: **MARKETING CĂN BẢN**

Mã mô đun: **MĐ 06**

Số tín chỉ: **2(1-1-0)**

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Marketing căn bản là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Mô đun này nhằm rèn luyện khả năng suy luận logic, tư duy khoa học, cung cấp các kiến thức để sinh viên học tiếp các môn học/mô đun khác và xây dựng tiềm lực, nền tảng để giúp sinh viên tự nghiên cứu, tự học nâng cao sau này.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong khoa học Marketing để làm nền tảng cho các học phần chuyên sâu có liên quan trong chương trình. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: - Nhận thức và phân biệt được vai trò của Marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp - Phân tích được môi trường Marketing đối với lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp - Nhận thức được tầm quan trọng và các nội dung của hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing - Nắm được các hoạt động căn bản trong các công cụ Marketing hỗn hợp (7P) - Nhận thức được các vấn đề Marketing trong bối cảnh kinh doanh quốc tế

2.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những kỹ năng cơ bản của người làm Marketing đối với một sản phẩm kinh doanh. Cụ thể: - Xác định được nhu cầu và cầu thị trường đối với một sản phẩm kinh doanh thông qua nghiên cứu dữ liệu thứ cấp và tiếp cận điều tra thị trường - Xây dựng được nội dung cơ bản và tổ chức triển khai các công cụ Marketing

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên sẽ hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với Marketing nói chung và các học phần có liên quan. Từ đó, phát triển ý thức thực hành và ứng dụng thường xuyên các kiến thức và kỹ năng Marketing được học trong hoạt động kinh doanh.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng g số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL

1	Bài 1: Giới thiệu về marketing 1.1. Sự ra đời và phát triển của Marketing. 1.2. Khái niệm về Marketing. 1.3. Mục tiêu và chức năng cơ bản của Marketing. 1.4. Tiến trình Marketing. 1.5. Marketing mix. 1.6. Phân loại Marketing.	1	1	0	0
2	Bài 2: Môi trường Marketing 2.1. Khái niệm về môi trường Marketing. 2.2. Môi trường vĩ mô. 2.3. Môi trường vi mô	1	1	0	0
3	Bài 3: Hành vi khách hàng 3.1. Hành vi mua hàng của người tiêu dùng. 3.2. Hành vi mua hàng của tổ chức	6	2	4	0
4	Bài 4: Nghiên cứu marketing 4.1. Khái niệm về nghiên cứu Marketing. 4.2. Các loại hình nghiên cứu Marketing 4.3. Quy trình nghiên cứu Marketing	4	1	3	0
5	Bài 5: Phân khúc thị trường – Lựa chọn thị trường tiêu- Định vị trong thị trường 5.1. Khái quát về thị trường 5.2. Phân khúc thị trường 5.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu 5.4. Định vị trong thị trường	4	1	3	0
6	Bài 6: Chiến lược sản phẩm 6.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing 6.2. Chiến lược sản phẩm 6.3. Nghiên cứu chu kỳ sống sản phẩm 6.4. Chiến lược phát triển sản phẩm mới	5	2	3	0
7	Bài 7: Chiến lược định giá 7.1. Khái niệm và tầm quan trọng của giá cả 7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá 7.3. Các phương pháp định giá 7.4. Mục tiêu định giá và các chiến lược định giá sản phẩm	5	2	3	0

	7.5. Tiên trình xác định giá bán cho một sản phẩm mới				
8	Bài 8: Chiến lược phân phối 8.1. Khái niệm và tầm quan trọng phân phối trong Marketing 8.2. Kênh phân phối 8.3. Lựa chọn kênh phân phối 8.4. Quản trị kênh phân phối 8.5. Một số hoạt động phân phối sản phẩm vật chất	5	2	3	0
9	Bài 9: Chiến lược xúc tiến 9.1. Khái niệm và tầm quan trọng của xúc tiến trong Marketing 9.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hỗn hợp xúc tiến 9.3. Kinh phí dành cho xúc tiến 9.4. Các thành phần trong chiến lược xúc tiến	5	2	3	0
10	Bài 10: Lập kế hoạch tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing 10.1. Lập kế hoạch Marketing 10.2. Tổ chức Marketing 10.3. Thực hiện Marketing 10.4. Đánh giá và Kiểm soát hoạt động Marketing	4	1	3	0
11	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	30	28	0	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Giới thiệu về Marketing, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm về Marketing, sự ra đời và phát triển của Marketing.

Xác định được mục tiêu, tiên trình và chức năng cơ bản của Marketing.

Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến Marketing mix.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và phát triển của Marketing.

2.1.1. Sự ra đời của Marketing.

2.1.2. Các giai đoạn phát triển của Marketing

2.2. Khái niệm về Marketing.

- 2.2.1. Một số thuật ngữ trong Marketing.
- 2.2.2. Khái niệm và bản chất của Marketing.
- 2.2.3. Khác biệt giữa quan điểm Marketing và quan điểm bán hàng.
- 2.3. Mục tiêu và chức năng cơ bản của Marketing.
 - 2.3.1. Mục tiêu của Marketing.
 - 2.3.2. Chức năng cơ bản của Marketing.
- 2.4. Tiến trình Marketing.
- 2.5. Marketing mix.
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Các thành phần của Marketing Mix.
 - 2.5.2.1. Sản phẩm.
 - 2.5.2.2. Giá.
 - 2.5.2.3. Phân phối.
 - 2.5.2.4. Xúc tiến.
 - 2.5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến Marketing mix.
- 2.6. Phân loại Marketing.
 - 2.6.1. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động.
 - 2.6.2. Căn cứ vào quy mô tầm vóc hoạt động.
 - 2.6.3. Căn cứ vào phạm vi hoạt động.
 - 2.6.4. Căn cứ vào khách hàng.
 - 2.6.5. Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo sản phẩm.

Bài 2. Môi trường Marketing, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm về môi trường marketing.

Phân tích được các yếu tố môi trường vĩ mô và vi mô ảnh hưởng đến marketing.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về môi trường Marketing.

2.2. Môi trường vĩ mô.

2.2.1. Dân số.

2.2.2. Kinh tế.

- 2.2.3 Tự nhiên.
- 2.2.4. Công nghệ.
- 2.2.5. Pháp luật.
- 2.2.6. Văn hoá.
- 2.3. Môi trường vi mô:
 - 2.3.1. Doanh nghiệp.
 - 2.3.2. Nhà cung ứng.
 - 2.3.3. Các trung gian Marketing.
 - 2.3.4. Khách hàng.
 - 2.3.5. Đối thủ cạnh tranh.
 - 2.3.6. Công chúng.

Chương 3: Hành vi khách hàng, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng của khách hàng.

Phân tích được các dạng hành vi mua hàng từ đó có phương thức đánh giá khách hàng phù hợp.

2. Nội dung

- 2.1. Hành vi mua hàng của người tiêu dùng.
 - 2.1.1. Mô hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng.
 - 2.1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng của người tiêu dùng.
 - 2.1.2.1. Các nhân tố tâm lý.
 - 2.1.2.2. Các nhân tố cá nhân.
 - 2.1.2.3. Các nhân tố văn hoá.
 - 2.1.2.4. Các nhân tố xã hội.
 - 2.1.3. Các dạng hành vi mua sắm.
 - 2.1.3.1. Hành vi mua phức tạp.
 - 2.1.3.2. Hành vi mua thoả hiệp.
 - 2.1.3.3. Hành vi mua theo thói quen.
 - 2.1.3.4. Hành vi mua nhiều lựa chọn.

- 2.1.3.5. Tiến trình ra quyết định.
- 2.2. Hành vi mua hàng của tổ chức:
 - 2.2.1. Các loại thị trường tổ chức.
 - 2.2.1.1. Thị trường công nghiệp.
 - 2.2.1.2. Thị trường bán lại.
 - 2.2.1.3. Thị trường các cơ quan chính phủ.
 - 2.2.2. Những đặc tính của các thị trường tổ chức.
 - 2.2.2.1. Kết cấu thị trường và các đặc tính của cầu
 - 2.2.2.2. Bản chất của đơn vị mua.
 - 2.2.2.3. Các đặc tính khác.
 - 2.2.3. Hành vi mua của khách hàng tổ chức:
 - 2.2.3.1. Những người tham gia vào quá trình mua hàng.
 - 2.2.3.2. Người sử dụng.
 - 2.2.3.3. Người ảnh hưởng.
 - 2.2.3.4. Người mua.
 - 2.2.3.5. Người quyết định.
 - 2.2.3.6. Người bảo vệ.
 - 2.2.4. Các loại quyết định mua và tiến trình ra quyết định.
 - 2.2.4.1. Mua hàng lặp lại không có thay đổi.
 - 2.2.4.2. Mua hàng lặp lại có điều chỉnh.
 - 2.2.4.3. Mua mới.

Bài 4: Nghiên cứu marketing, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, các loại hình về Marketing.

Phân tích, thực hiện được các quy trình nghiên cứu Marketing.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về nghiên cứu Marketing.

2.2. Các loại hình nghiên cứu Marketing.

2.2.1. Dựa vào mục tiêu nghiên cứu có nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

2.2.2. Dựa vào cách thức nghiên cứu có nghiên cứu tại bàn và nghiên cứu tại hiện trường.

2.2.3. Dựa vào đặc điểm thông tin có nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

2.2.4. Dựa vào mức độ am hiểu thị trường có nghiên cứu khám phá, nghiên cứu sơ bộ, nghiên cứu thăm dò.

2.2.5. Dựa vào cách thức xử lý số liệu định lượng có nghiên cứu mô tả và nghiên cứu nhân quả.

2.2.6. Dựa vào tần xuất nghiên cứu có nghiên cứu đột xuất và nghiên cứu thường xuyên.

2.3. Quy trình nghiên cứu Marketing.

2.3.1. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu.

2.3.2. Thực hiện nghiên cứu.

2.3.2.1. Nguồn dữ liệu thứ cấp.

2.3.2.2. Nguồn dữ liệu sơ cấp.

2.3.3. Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu.

**Bài 5: Phân khúc thị trường – Lựa chọn thị trường tiêu- Định vị trong thị trường,
Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, quan điểm về thị trường.

Phân loại, phân khúc về thị trường.

Biết lựa chọn, đánh giá, định vị trường.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về thị trường.

2.1.1. Các quan điểm về thị trường.

2.1.2. Phân loại thị trường.

2.2. Phân khúc thị trường

2.2.1. Khái niệm phân khúc thị trường.

2.2.2. Điều kiện để phân khúc có hiệu quả.

2.2.3. Cơ sở phân khúc thị trường.

2.2.3.1. Phân khúc theo địa lý.

2.2.3.2. Phân khúc theo dân số.

- 2.2.3.3. Phân khúc theo tâm lý học tiêu dùng.
- 2.2.3.4. Phân khúc theo hành vi.
- 2.2.3.5. Phân khúc thị trường doanh nghiệp.
- 2.2.4. Các bước phân khúc thị trường.
- 2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu.
- 2.3.1. Đánh giá các khúc thị trường.
- 2.3.1.1. Qui mô và mức tăng trưởng của khúc thị trường.
- 2.3.1.2. Mức độ hấp dẫn của khúc thị trường.
- 2.3.1.3. Mục tiêu và nguồn lực công ty.
- 2.3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu.
- 2.3.2.1. Marketing không phân biệt.
- 2.3.2.2. Marketing phân biệt.
- 2.3.2.2. Marketing tập trung
- 2.3.3. Căn cứ xác định chiến lược cho thị trường mục tiêu.
- 2.4. Định vị trong thị trường.
- 2.4.1. Khái niệm định vị.
- 2.4.2. Các mức độ định vị.
- 2.4.3. Các chiến lược định vị sản phẩm.
- 2.4.4. Các bước của quá trình định vị.

Bài 6: Chiến lược Sản phẩm, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày các khái niệm về sản phẩm; Phân tích được các chiến lược sản phẩm mới.
 Biết nghiên cứu các sản phẩm mới, thực hiện các chiến lược sản phẩm mới trong Marketing.

2. Nội dung

- 2.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing.
- 2.1.1. Sản phẩm
 - 2.1.1.1. Khái niệm về sản phẩm.
 - 2.1.1.2. Phân loại sản phẩm
 - 2.1.1.3. Đặc tính của sản phẩm.

- 2.1.2. Nhãn hiệu.
- 2.1.3. Bao bì – sự đóng gói.
- 2.1.4. Những dịch vụ gắn liền với sản phẩm.
- 2.2. Chiến lược sản phẩm.
 - 2.2.1. Các khái niệm.
 - 2.2.1.1. Dòng sản phẩm.
 - 2.2.1.2. Tập hợp sản phẩm.
 - 2.2.1.3. Chiến lược sản phẩm.
 - 2.2.2. Các chiến lược sản phẩm.
 - 2.2.2.1. Chiến lược tập hợp sản phẩm.
 - 2.2.2.2. Chiến lược dòng sản phẩm.
 - 2.2.2.3. Chiến lược cho từng sản phẩm cụ thể.
- 2.3. Nghiên cứu chu kỳ sống sản phẩm.
 - 2.3.1. Khái niệm về chu kỳ sống sản phẩm.
 - 2.3.2. Đặc điểm các giai đoạn trong chu kỳ sống sản phẩm.
 - 2.3.2.1. Giai đoạn giới thiệu.
 - 2.3.2.2. Giai đoạn tăng trưởng.
 - 2.3.2.3. Giai đoạn trưởng thành.
 - 2.3.2.4. Giai đoạn suy thoái.
- 2.4. Chiến lược phát triển sản phẩm mới.
 - 2.4.1. Khái niệm về sản phẩm mới.
 - 2.4.2. Các giai đoạn phát triển sản phẩm mới.
 - 2.4.2.1. Tìm ra ý tưởng mới.
 - 2.4.2.2. Chọn lọc và đánh giá ý tưởng mới.
 - 2.4.2.3. Phát triển và thử nghiệm Khái niệm.
 - 2.4.2.4. Hoạch định chiến lược Marketing.
 - 2.4.2.5. Phân tích về mặt kinh doanh.
 - 2.4.2.6. Phát triển sản phẩm.
 - 2.4.2.7. Thử nghiệm trên thị trường.
 - 2.4.2.8. Thương mại hoá sản phẩm.

Bài 7: Chiến lược định giá, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, tầm quan trọng của giá cả.

Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến định giá.

Xác định được các tiền trình định giá và các chiến lược định giá sản phẩm.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của giá cả.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Tầm quan trọng của giá cả.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá.

2.2.1. Nhân tố bên trong.

2.2.2. Nhân tố bên ngoài.

2.3. Các phương pháp định giá.

2.3.1. Định giá dựa trên cơ sở chi phí.

2.3.2. Định giá dựa trên cơ sở giá trị khách hàng.

2.3.3. Định giá dựa vào cạnh tranh.

2.4. Mục tiêu định giá và các chiến lược định giá sản phẩm.

2.4.1. Mục tiêu định giá.

2.4.2. Các chiến lược định giá điển hình.

2.4.2.1. Chiến lược định giá cho tập hợp sản phẩm.

2.4.2.2. Chiến lược điều chỉnh giá.

2.4.2.3. Chiến lược thay đổi giá.

2.4.2.4. Chiến lược định giá sản phẩm mới.

2.4.2.5. Chiến lược định giá tâm lý.

2.5. Tiến trình xác định giá bán cho một sản phẩm mới.

2.5.1. Lựa chọn mục tiêu của giá.

2.5.2. Xác định số cầu của sản phẩm.

2.5.3. Dự tính chi phí.

2.5.4. Phân tích sản phẩm, chi phí và giá cả của đối thủ cạnh tranh.

2.5.5. Lựa chọn phương pháp định giá.

2.5.6. Lựa chọn mức giá cuối cùng.

Bài 8: Chiến lược Phân phối, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, tầm quan trọng phân phối trong Marketing.

Xác định, phân tích được các kênh phân phối trong Marketing.

Biết lựa chọn các kênh phân phối trong Marketing.

Thực hiện quản trị và hoạt động của các kênh phân phối trong Marketing.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và tầm quan trọng phân phối trong Marketing.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Tầm quan trọng của phân phối trong Marketing.

2.2. Kênh phân phối.

2.2.1. Khái niệm kênh phân phối.

2.2.2. Cấu trúc kênh phân phối.

2.2.3. Các trung gian phân phối.

2.3. Lựa chọn kênh phân phối.

2.3.1. Các căn cứ để lựa chọn.

2.3.2. Các chiến lược phân phối.

2.4. Quản trị kênh phân phối.

2.4.1. Tuyển chọn các thành viên của kênh.

2.4.2. Khuyến khích các thành viên hoạt động.

2.4.3. Đánh giá các thành viên.

2.5. Một số hoạt động phân phối sản phẩm vật chất.

2.5.1. Xử lý đơn đặt hàng.

2.5.2. Lưu kho.

2.5.3. Xác định lượng hàng tồn kho.

2.5.4. Chọn phương tiện vận chuyển.

Bài 9: Chiến lược xúc tiến, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, tầm quan trọng của xúc tiến trong Marketing.

Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hỗn hợp xúc tiến trong Marketing.

Xác định các mức kinh phí phù hợp dành cho xúc tiến trong Marketing.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của xúc tiến trong Marketing.

2.1.1. Các khái niệm.

2.1.1.1. Khái niệm xúc tiến.

2.1.1.2. Khái niệm hỗn hợp xúc tiến.

2.1.2. Mục tiêu của xúc tiến.

2.1.3. Tầm quan trọng của xúc tiến.

2.1.4. Đặc trưng của một số công cụ xúc tiến.

2.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hỗn hợp xúc tiến.

2.2.1. Loại sản phẩm.

2.2.2. Sự sẵn sàng mua.

2.2.3. Các giai đoạn hiện tại trong chu kỳ sống của sản phẩm.

2.2.4. Sự lựa chọn của chiến lược đẩy hay kéo.

2.3. Kinh phí dành cho xúc tiến.

2.3.1. Xác định theo phần trăm doanh thu.

2.3.2. Xác định theo khả năng tài chính.

2.3.3. Xác định theo cạnh tranh.

2.3.4. Xác định theo mục tiêu và nhiệm vụ thực hiện.

2.4. Các thành phần trong chiến lược xúc tiến.

2.4.1. Quảng cáo.

2.4.2. Tuyên truyền và quan hệ công chúng.

2.4.3. Khuyến mãi.

2.4.4. Bán hàng trực tiếp.

2.4.5. Marketing trực tiếp.

Bài 10: Lập kế hoạch tổ chức, thực hiện và kiểm soát marketing,

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm về việc lập kế hoạch trong Marketing.

Tổ chức thực hiện được Marketing theo các hình thức khác nhau.

Đánh giá và Kiểm soát được hoạt động Marketing.

2. Nội dung

2.1. Lập kế hoạch Marketing.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Lập kế hoạch Marketing.

2.2. Tổ chức Marketing.

2.2.1. Tổ chức theo chức năng.

2.2.2. Tổ chức theo địa lý.

2.2.3. Tổ chức theo sản phẩm, nhãn hiệu.

2.2.4. Tổ chức theo khách hàng.

2.3. Thực hiện Marketing.

2.3.1. Khái niệm.

2.3.2. Một số kỹ năng Marketing.

2.4. Đánh giá và Kiểm soát hoạt động Marketing.

2.4.1. Mục đích.

2.4.2. Nội dung

2.4.2.1. Kiểm soát kế hoạch năm.

2.4.2.2. Kiểm soát khả năng sinh lời.

2.4.2.3. Kiểm soát hiệu quả.

2.4.2.4. Kiểm soát chiến lược

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Mô đun Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng Marketing căn bản trong hoạt động kinh doanh. Marketing căn bản làm rõ các nội dung chính bao gồm: bản chất của Marketing, môi trường Marketing, hệ thống thông tin và 3 nghiên cứu Marketing, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các công cụ Marketing hỗn hợp (7P) và vấn đề Marketing quốc tế.

- Về kỹ năng: Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn. Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.

2. Phương pháp: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp đánh giá, kiểm tra:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo

● Sách, giáo trình chính:

[1] ThS. Đinh Tiến Minh - ThS. Quách Thị Bửu Châu - ThS. Nguyễn Văn Trung - ThS. Đào Hoài Nam (2012), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Lao Động.

● Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Phan Thăng dịch (2013), *Marketing căn bản*, NXB Lao Động- Xã Hội.

[2] GS.TS. Trần Minh Đạo (2013), *Marketing căn bản*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.

[3] Các tài liệu liên quan đến thị trường, kỹ năng mềm trong Marketing như kỹ năng nghiên cứu thị trường (khuyến khích đọc thêm), sinh viên có thể tham khảo bất cứ tài liệu (tiếng Anh, tiếng Việt) về Marketing căn bản, kể cả những tư liệu trên Internet.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

Mã môn học: MH 09

Số tín chỉ: 2(2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí môn học Nguyên lý thống kê là môn học nằm ở học kỳ II trong chương trình đào tạo

- Tính chất: Là môn khoa học tự nhiên nhằm nghiên cứu mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế- xã hội số lớn phát sinh trong những điều kiện lịch sử nhất định.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm vững các vấn đề sau của khoa học Thống kê: - Khái niệm về đối tượng của Thống kê học áp dụng vào kinh tế; Các khái niệm và thuật ngữ cơ bản của Thống kê học vận dụng vào kinh tế;

- Vai trò của nghiên cứu thống kê trong quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô;

- Quá trình nghiên cứu Thống kê trong kinh tế ;

- Các phương pháp thống kê phổ biến áp dụng trong kinh tế.

2.2. Về kỹ năng: Kỹ năng giải quyết vấn đề, vận dụng để phân tích các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, dãy số thời gian và chỉ số.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện cho sinh viên Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về thống kê học 1.1. Sơ lược sự ra đời và phát triển của khoa học thống kê 1.2. Đối tượng của thống kê học 1.3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp	2	2	0	0

	<p>luyện của thống kê học</p> <p>1.4. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê</p>				
2	<p>Chương 2: Khái quát các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê</p> <p>2.1. Điều tra thống kê</p> <p>2.1.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của điều tra thống kê</p> <p>2.1.2. Các yêu cầu cơ bản của điều tra TK</p> <p>2.1.3. Các hình thức điều tra thống kê</p> <p>2.1.4. Các loại và phương pháp điều tra thống kê.</p> <p>2.1.5. Các phương pháp thu thập số liệu</p> <p>2.1.6. Sai số trong điều tra thống kê</p> <p>2.2. Tổng hợp thống kê</p> <p>2.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của tổng hợp thống kê</p> <p>2.2.2. Những vấn đề chủ yếu của tổng hợp thống kê</p> <p>2.3. Phân tích và dự đoán thống kê</p> <p>2.3.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích và dự đoán thống kê</p> <p>2.3.2. Những vấn đề chủ yếu của phân tích và dự đoán thống kê</p>	2	2	0	0
4	<p>Chương 3: Phân tổ thống kê</p> <p>3.1. Những vấn đề chung của phương pháp phân tổ thống kê</p> <p>3.1.1. Khái niệm về phân tổ thống kê</p> <p>3.1.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê</p> <p>3.2. Các bước tiến hành phân tổ thống kê</p> <p>3.2.1. Lựa chọn tiêu thức phân tổ</p> <p>3.2.2. Xác định số tổ cần thiết</p> <p>3.2.3. Dãy số phân phối</p> <p>3.2.4. Chỉ tiêu giải thích</p> <p>3.3. Trình bày kết quả phân tổ</p> <p>3.3.1. Bảng thống kê</p> <p>3.3.2. Đồ thị thống kê</p> <p>3.4. Phân tổ liên hệ</p> <p>3.4.1. Phân tổ để nghiên cứu mối liên hệ giữa một tiêu thức nguyên nhân và một tiêu thức kết quả.</p> <p>3.4.2. Phân tổ để nghiên cứu mối liên hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và một tiêu thức kết quả.</p> <p>3.5. Phân tổ lại</p>	5	5	0	0

	3.6. Ứng dụng phần mềm SPSS vào phân tổ thống kê				
5	<p>Chương 4: Các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội</p> <p>4.1. Số tuyệt đối trong thống kê</p> <p>4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của số tuyệt đối</p> <p>4.1.2. Đơn vị đo lường</p> <p>4.1.3. Các loại số tuyệt đối</p> <p>4.2. Số tương đối trong thống kê</p> <p>4.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của số tương đối thống kê</p> <p>4.2.2. Đặc điểm và hình thức biểu hiện số tương đối</p> <p>4.2.3. Các loại số tương đối</p> <p>4.2.4. Điều kiện vận dụng số tuyệt đối và số tương đối</p> <p>4.3. Số bình quân trong thống kê</p> <p>4.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm số bình quân</p> <p>4.3.2. Các loại số bình quân</p> <p>4.3.3. Điều kiện vận dụng số bình quân</p> <p>4.3.4. Nghiên cứu độ biến thiên của tiêu thức</p>	4	4	0	0
6	<p>Chương 5: Điều tra chọn mẫu</p> <p>5.1. Khái niệm, ưu nhược điểm và các loại điều tra chọn mẫu</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Ưu nhược điểm</p> <p>5.1.3. Các loại điều tra chọn mẫu</p> <p>5.2. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên</p> <p>5.2.1. Một số vấn đề lý luận trong điều tra chọn mẫu</p> <p>5.2.2. Phương pháp tổ chức chọn mẫu ngẫu nhiên thường dùng trong thống kê</p> <p>5.2.3. Quy trình một cuộc điều tra chọn mẫu</p> <p>5.3. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên</p>	3	3	0	0
7	<p>Chương 6: Hồi quy và tương quan</p> <p>6.1. Mối liên hệ giữa các hiện tượng kinh tế xã hội với phương pháp hồi quy và tương quan</p> <p>6.1.1. Mối liên hệ giữa các hiện tượng kinh tế xã hội</p> <p>6.1.2. Phương pháp hồi quy và tương quan</p> <p>6.2. Liên hệ tương quan tuyến tính giữa hai tiêu thức</p>	3	3	0	0

	<p>6.2.1. Phương trình hồi quy tuyến tính giản đơn</p> <p>6.2.2. Hệ số tương quan</p> <p>6.2.3. Phương trình hồi quy tuyến tính phức tạp</p> <p>6.3. Liên hệ tương quan phi tuyến tính giữa hai tiêu thức</p> <p>6.3.1. Các phương trình hồi quy</p> <p>6.3.2. Tỷ số tương quan</p> <p>6.4. Liên hệ tương quan giữa nhiều tiêu thức (hồi quy bội)</p> <p>6.5. Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích hồi quy và tương quan</p>				
8	<p>Chương 7: Dãy số biến động theo thời gian</p> <p>7.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động</p> <p>7.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động</p> <p>7.2.1. Mức độ bình quân theo thời gian</p> <p>7.2.2. Lượng tăng tuyệt đối</p> <p>7.2.3. Tốc độ phát triển</p> <p>7.2.4. Tốc độ tăng</p> <p>7.2.5. Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (giảm)</p> <p>7.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội</p> <p>7.3.1. Phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian</p> <p>7.3.2. Phương pháp số bình quân di động</p> <p>7.3.3. Phương pháp hồi quy</p> <p>7.3.4. Phương pháp biểu hiện biến động thời vụ</p> <p>7.3.5. Phương pháp kết hợp hai dãy số thời gian</p>	3	3	0	0
9	<p>Chương 8: Chỉ số</p> <p>9.1. Khái niệm và phân loại chỉ số</p> <p>9.1.1. Khái niệm</p> <p>9.1.2. Đặc điểm của phương pháp chỉ số</p> <p>9.1.3. Tính chất và tác dụng của chỉ số</p> <p>9.1.4. Phân loại chỉ số</p> <p>9.2. Phương pháp tính chỉ số</p> <p>9.2.1. Tính chỉ số cá thể</p> <p>9.2.2. Tính chỉ số chung</p> <p>9.3. Hệ thống chỉ số</p> <p>9.3.1. Hệ thống chỉ số của các chỉ số phát triển</p>	3	3	0	0

	<p>9.3.2. Hệ thống chỉ số của chỉ số phát triển và chỉ số kế hoạch</p> <p>9.3.3. Hệ thống chỉ số các chỉ số có liên hệ với nhau</p> <p>9.4. Vận dụng phương pháp chỉ số để phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân và tổng lượng biến tiêu thức</p> <p>9.4.1. Phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân</p> <p>9.4.2. Phân tích biến động của tổng lượng biến tiêu thức có sử dụng chỉ tiêu bình quân</p>				
10	<p>Chương 9: Dự báo thống kê</p> <p>9.1. Khái niệm và các loại dự báo</p> <p>9.1.1. Khái niệm</p> <p>9.1.2. Các loại dự báo</p> <p>9.2. Dự báo thống kê</p> <p>9.2.1. Khái niệm</p> <p>9.2.2. Ý nghĩa của dự báo</p> <p>9.2.3. Nhiệm vụ của dự báo</p> <p>9.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình dự báo</p> <p>9.3. Các phương pháp dự báo thống kê</p> <p>9.3.1. Dự báo từ mức độ bình quân</p> <p>9.3.2. Dự báo theo phương trình hồi quy</p> <p>9.3.3. Dự báo dựa vào hàm xu thế và biến động thời vụ</p> <p>9.3.4. Dự báo theo phương pháp san bằng mũ</p> <p>9.4. Sử dụng chương trình SPSS để dự báo theo các mô hình</p> <p>9.4.1. Dự báo bằng hàm xu thế</p> <p>9.4.2. Dự báo bằng san bằng mũ</p>	3	3	0	0
11	Kiểm tra	2	0	0	2
	Tổng cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Tổng quan về thống kê học, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nắm bắt và trình bày được sơ lược về sự ra đời, phát triển của khoa học thống kê; đối tượng, cơ sở lý luận, phương pháp luận và một số khái niệm trong thống kê.

2. Nội dung

- 1.1. Sơ lược sự ra đời và phát triển của khoa học thống kê
- 1.2. Đối tượng của thống kê học
- 1.3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của thống kê học
- 1.4. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê

Chương 2. Khái quát các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm nội dung về điều tra thống kê, tổng hợp thống kê, phân tích và dự đoán thống kê.

2. Nội dung

2.1. Điều tra thống kê

2.1.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của điều tra thống kê

2.1.2. Các yêu cầu cơ bản của điều tra TK

2.1.3. Các hình thức điều tra thống kê

2.1.4. Các loại và phương pháp điều tra thống kê.

2.1.5. Các phương pháp thu thập số liệu

2.1.6. Sai số trong điều tra thống kê

2.2. Tổng hợp thống kê

2.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của tổng hợp thống kê

2.2.2. Những vấn đề chủ yếu của tổng hợp thống kê

2.3. Phân tích và dự đoán thống kê

2.3.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích và dự đoán thống kê

2.3.2. Những vấn đề chủ yếu của phân tích và dự đoán thống kê

Chương 3: Phân tổ thống kê, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm những vấn đề chung của phương pháp phân tổ thống kê, các bước tiến hành phân tổ thống kê và trình bày kết quả phân tổ.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung của phương pháp phân tổ thống kê

2.1.1. Khái niệm về phân tổ thống kê

2.1.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê

2.2. Các bước tiến hành phân tổ thống kê

2.2.1. Lựa chọn tiêu thức phân tổ

2.2.2. Xác định số tổ cần thiết

2.2.3. Dãy số phân phối

2.2.4. Chỉ tiêu giải thích

2.3. Trình bày kết quả phân tổ

2.3.1. Bảng thống kê

2.3.2. Đồ thị thống kê

2.4. Phân tổ liên hệ

2.4.1. Phân tổ để nghiên cứu mối liên hệ giữa một tiêu thức nguyên nhân và một tiêu thức kết quả.

2.4.2. Phân tổ để nghiên cứu mối liên hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và một tiêu thức kết quả.

2.5. Phân tổ lại

2.6. Ứng dụng phần mềm SPSS vào phân tổ thống kê

Chương 4: Các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm hình thức biểu hiện của số tuyệt đối, tương đối và số bình quân trong thống kê.

2. Nội dung

2.1. Số tuyệt đối trong thống kê

2.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của số tuyệt đối

2.1.2. Đơn vị đo lường

2.1.3. Các loại số tuyệt đối

2.2. Số tương đối trong thống kê

2.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của số tương đối thống kê

2.2.2. Đặc điểm và hình thức biểu hiện số tương đối

2.2.3. Các loại số tương đối

2.2.4. Điều kiện vận dụng số tuyệt đối và số tương đối

2.3. Số bình quân trong thống kê

2.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm số bình quân

2.3.2. Các loại số bình quân

2.3.3. Điều kiện vận dụng số bình quân

2.3.4. Nghiên cứu độ biến thiên của tiêu thức

Chương 5: Điều tra chọn mẫu, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm, ưu nhược điểm, các loại điều tra chọn mẫu, chọn mẫu ngẫu nhiên và mẫu phi ngẫu nhiên.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, ưu nhược điểm và các loại điều tra chọn mẫu

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Ưu nhược điểm

2.1.3. Các loại điều tra chọn mẫu

2.2. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên

2.2.1. Một số vấn đề lý luận trong điều tra chọn mẫu

2.2.2. Phương pháp tổ chức chọn mẫu ngẫu nhiên thường dùng trong thống kê

2.2.3. Quy trình một cuộc điều tra chọn mẫu

2.3. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên

Chương 6: Hồi quy và tương quan , Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm Mối liên hệ giữa các hiện tượng kinh tế xã hội với phương pháp hồi quy và tương quan; liên hệ tương quan tuyến tính, phi tuyến tính giữa hai tiêu thức; liên hệ tương quan giữa nhiều tiêu thức; sử dụng phần mềm SPSS để phân tích hồi quy và tương quan.

2. Nội dung

2.1. Mối liên hệ giữa các hiện tượng kinh tế xã hội với phương pháp hồi quy và tương quan

2.1.1. Mối liên hệ giữa các hiện tượng kinh tế xã hội

2.1.2. Phương pháp hồi quy và tương quan

2.2. Liên hệ tương quan tuyến tính giữa hai tiêu thức

2.2.1. Phương trình hồi quy tuyến tính giản đơn

2.2.2. Hệ số tương quan

- 2.2.3. Phương trình hồi quy tuyến tính phức tạp
- 2.3. Liên hệ tương quan phi tuyến tính giữa hai tiêu thức
 - 2.3.1. Các phương trình hồi quy
 - 2.3.2. Tỷ số tương quan
- 2.4. Liên hệ tương quan giữa nhiều tiêu thức (hồi quy bội)
- 2.5. Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích hồi quy và tương quan

Chương 7: Dãy số biến động theo thời gian, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động; các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động; các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động
- 2.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động
 - 2.2.1. Mức độ bình quân theo thời gian
 - 2.2.2. Lượng tăng tuyệt đối
 - 2.2.3. Tốc độ phát triển
 - 2.2.4. Tốc độ tăng
 - 2.2.5. Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (giảm)
- 2.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội
 - 2.3.1. Phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian
 - 2.3.2. Phương pháp số bình quân di động
 - 2.3.3. Phương pháp hồi quy
 - 2.3.4. Phương pháp biểu hiện biến động thời vụ
 - 2.3.5. Phương pháp kết hợp hai dãy số thời gian

Chương 8: Chỉ số , Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm và phân loại chỉ số; phương pháp tính chỉ số, hệ thống chỉ số. Vận dụng phương pháp chỉ số để phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân và tổng lượng biến tiêu thức.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và phân loại chỉ số

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm của phương pháp chỉ số

2.1.3. Tính chất và tác dụng của chỉ số

2.1.4. Phân loại chỉ số

2.2. Phương pháp tính chỉ số

2.2.1. Tính chỉ số cá thể

2.2.2. Tính chỉ số chung

2.3. Hệ thống chỉ số

2.3.1. Hệ thống chỉ số của các chỉ số phát triển

2.3.2. Hệ thống chỉ số của chỉ số phát triển và chỉ số kế hoạch

2.3.3. Hệ thống chỉ số các chỉ số có liên hệ với nhau

2.4. Vận dụng phương pháp chỉ số để phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân và tổng lượng biến tiêu thức

2.4.1. Phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân

2.4.2. Phân tích biến động của tổng lượng biến tiêu thức có sử dụng chỉ tiêu bình quân

Chương 9: Dự báo thống kê , Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm và các loại dự báo; Dự báo thống kê; Các phương pháp dự báo thống kê, Sử dụng chương trình SPSS để dự báo theo các mô hình.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và các loại dự báo

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các loại dự báo

2.2. Dự báo thống kê

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Ý nghĩa của dự báo

2.2.3. Nhiệm vụ của dự báo

2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình dự báo

2.3. Các phương pháp dự báo thống kê

2.3.1. Dự báo từ mức độ bình quân

2.3.2. Dự báo theo phương trình hồi quy

2.3.3. Dự báo dựa vào hàm xu thế và biến động thời vụ

2.3.4. Dự báo theo phương pháp san bằng mũ

2.4. Sử dụng chương trình SPSS để dự báo theo các mô hình

2.4.1. Dự báo bằng hàm xu thế

2.4.2. Dự báo bằng san bằng mũ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Nguyên lý thống kê.

- Về kỹ năng: Thông qua việc tìm hiểu lý thuyết, giúp sinh viên có kỹ năng tư duy, phân tích, phán đoán giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống, đồng thời rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn và phân tích và đánh giá thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp giảng dạy: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp đánh giá, kiểm tra:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. *Tài liệu tham khảo*

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, Hà Văn Sơn (chủ biên), Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

[2] *Giáo trình lý thuyết Thống kê và phân tích dự báo*, Chu Văn Tuấn, (Học viện TC – Nhà xuất bản TC, Năm 2008)

- **Tài liệu tham khảo:**

[1] *Bài tập Lý thuyết Thống kê và phân tích dự báo* (Học viện TC - Nhà xuất bản TC - năm 2008)

[2] Giáo trình lý thuyết Thống kê (Đại học Kinh tế Quốc Dân); Giáo trình Lý thuyết Thống kê (Đại học Kinh tế Thành phố HCM) Hệ thống Hạch toán Quốc gia Việt Nam VIE88/032 “SNA” (do Tổng cục Thống kê biên soạn), Luật Thống kê do Quốc Hội phê chuẩn, Trang WEB của Tổng cục thống kê; tạp chí Thông tin khoa học thống kê, Tạp chí Kinh tế dự báo...

[3] Phương pháp thống kê trong phân tích hoạt động SXKD và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Học viện tài chính – Nhà XBTC, năm 2009).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: PHÁP LUẬT KINH TẾ

Mã mô đun: MĐ 07

Số tín chỉ: 3(3-0-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 40 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Pháp luật kinh tế là mô đun bắt buộc của chương trình đào tạo.

Mô đun này học ở học kỳ III.

- Tính chất: Mô đun pháp luật kinh tế là một trong những nội dung quan trọng nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động trực tiếp trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

II. Mục tiêu mô đun

Học xong môn học này, người học có khả năng:

2.1. Về kiến thức: Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý kinh doanh thương mại; Trình bày được những nội dung cơ bản trong bài học, biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống.

2.2. Về kỹ năng: Hình thành ở sinh viên các kỹ năng cơ bản sau: Vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến kinh doanh thương mại, các hoạt động của doanh nghiệp; Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi kinh doanh trong cuộc sống.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến kinh doanh thương mại, các hoạt động của doanh nghiệp; Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi kinh doanh trong cuộc sống.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề lý luận chung về Pháp luật kinh tế ở Việt Nam 1.1. Khái niệm chung về Luật kinh tế 1.2. Chủ thể của Luật kinh tế	5	5	0	0
2	Chương 2: Pháp luật về các loại hình doanh	5	5	0	0

	nghiệp 2.1.Quy chế pháp lý chung về doanh nghiệp 2.2.Các loại hình doanh nghiệp chủ yếu hiện nay Công ty				
3	Bài 3: Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh- thương mại 3.1.Khái niệm chung về hợp đồng 3.2.Hợp đồng trong kinh doanh thương mại	10	10	0	0
4	Bài 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại 4.1.Những vấn đề chung 4.2.Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Trọng tài thương mại. 4.3.Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án	10	10	0	0
5	Bài 5: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp 5.1.Khái quát chung về phá sản và quy định về phá sản 5.2.Trình tự thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp	10	10	0	0
6	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		45	40	0	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Những vấn đề lý luận chung về Luật kinh tế ở Việt Nam, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Xác định được đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vai trò của Pháp luật kinh tế;
- Nhận biết được chủ thể của Luật kinh tế;
- Phân biệt được Luật kinh tế với các ngành luật khác.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chung về luật kinh tế

2.1.1. Khái niệm luật kinh tế

2.1.2. Đối tượng điều chỉnh

2.1.3. Phương pháp điều chỉnh

2.1.4. Vai trò của luật kinh tế

2.2. Chủ thể của luật kinh tế

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Đặc điểm của chủ thể luật kinh tế

Bài 2. Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm của các loại hình doanh nghiệp;
- Phân biệt được các loại hình doanh nghiệp;
- Chỉ ra được các ưu nhược điểm của loại hình doanh nghiệp;
- Trình bày được cơ cấu tổ chức, quản lý của các loại hình doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Quy chế pháp lý chung về doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp

2.1.2. Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp

2.1.2.1. Điều kiện để thành lập doanh nghiệp

2.1.2.2. Thủ tục thành lập doanh nghiệp

2.1.3. Quy chế pháp lý về giải thể và phá sản doanh nghiệp.

2.2. Các loại hình doanh nghiệp chủ yếu hiện nay

2.2.1. Doanh nghiệp Nhà nước

2.2.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp Nhà nước

2.2.1.2. Đặc điểm doanh nghiệp Nhà nước

2.2.1.3. Quy chế pháp lý về thành lập và tổ chức lại doanh nghiệp Nhà nước

2.2.1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước

2.2.1.5 Giải thể và phá sản doanh nghiệp Nhà nước

2.2.2. Doanh nghiệp tư nhân

2.2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của Doanh nghiệp tư nhân

2.2.2.2. Quy chế về cho thuê DN, bán DN, tạm ngừng hoạt động đối với Doanh nghiệp tư nhân

2.2.2.3. Giải thể và phá sản trong Doanh nghiệp tư nhân

2.2.3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

2.2.3.1. Những đặc điểm chung của DN có vốn đầu tư nước ngoài

2.2.3.2. Doanh nghiệp liên doanh

2.2.3.3. Doanh nghiệp 100 % vốn đầu tư nước ngoài

2.3. Công ty

2.3.1. Những đặc điểm chung của Công ty

2.3.1.1. Khái niệm, đặc điểm chung của Công ty

2.3.1.2. Những quy định thành lập và giải thể Công ty

2.3.1.3. Quyền và nghĩa vụ Công ty Việt Nam

2.3.2. Công ty TNHH một thành viên

2.3.2.1. Những đặc điểm chung

2.3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty

2.3.2.3. Quy chế pháp lý về góp vốn và phân chia lợi nhuận

2.3.2.4. Cơ cấu tổ chức quản lý.

2.3.3. Công ty TNHH hai thành viên trở lên

2.3.3.1 Khái niệm

2.3.3.2. Đặc điểm

2.3.3.3. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên

2.3.3.4. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

2.3.4. Công ty cổ phần

2.3.4.1. Đặc điểm chung

2.3.4.2. Cổ phần và cổ đông

2.3.4.3. Mua, bán, chuyển nhượng cổ phần

2.3.4.4. Cơ cấu tổ chức quản lý

Bài 3. Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh- thương mại, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự;
- Trình bày được khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại;
- Phân biệt được hợp đồng dân sự với hợp đồng thương mại.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chung về hợp đồng

2.1.1. Khái niệm, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng

2.1.1.1. Khái niệm

2.1.1.2. Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng

2.1.2. Phân loại hợp đồng

2.2. Hợp đồng trong kinh doanh thương mại

2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng thương mại

2.2.2. Các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại

2.2.3. Các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng

2.2.4. Một số hợp đồng điển hình trong hoạt động thương mại

2.2.4.1. Hợp đồng mua bán hàng hoá

2.2.4.2. Hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại hàng hoá

2.2.5. Trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh thương mại

2.2.5.1. Khái niệm

2.2.5.2. Các hình thức trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh thương mại

Bài 4. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh;
- Trình bày được các thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại bằng trọng tài và toà án;
- Chỉ ra được các ưu điểm và nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh chấp.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung

2.1.1. Khái niệm trong tranh chấp kinh doanh và thương mại

2.1.2. Những yêu cầu của giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thương mại

2.1.3. Phương thức giải quyết trong tranh chấp kinh doanh và thương mại

2.2. Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại trọng tài thương mại

2.2.1. Thẩm quyền của trọng tài thương mại

2.2.2. Nguyên tắc giải thể

2.2.3. Trình tự giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại

2.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại toà án

2.3.1. Thẩm quyền của toà án trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

2.3.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

2.3.3. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng

2.3.4. Trình tự giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại toà án

Bài 5. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Chỉ ra được các hình thức phá sản trong kinh doanh;
- Phân biệt được các hình thức phá sản;
- Vận dụng được các thủ tục, trình tự giải quyết phá sản trong kinh doanh.

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung về phá sản và quy định về phá sản

2.1.1. Khái niệm phá sản, phân loại phá sản

2.1.1.1. Khái niệm

2.1.1.2. Phân loại phá sản

2.1.2. Phân biệt phá sản và giải thể

2.2. Trình tự thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp

2.2.1. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

2.2.2. Tổ chức hội nghị chủ nợ và tổ chức lại hoạt động kinh doanh

2.2.3. Thủ tục thanh lý tài sản và thanh toán nợ

2.2.4. Tuyên bố phá sản

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Pháp Luật kinh tế.

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, so sánh, khái quát cho sinh viên.

- Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] TS. Lê Văn Hưng, *Giáo trình Luật kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế Tp.HCM, 2012.

[2] Mai Xuân Minh, Hệ thống văn bản pháp luật Kinh tế (Phần 1,2), NXB Cao đẳng Kinh tế đối ngoại, 2012.

[3] Luật thương mại 2005.

[4] Luật Doanh nghiệp 2005.

[5] Bộ luật dân sự 2005.

[6] Bộ luật tố tụng dân sự 2004.

[7] Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Mã mô đun: MĐ 08

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ ; Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí mô đun Quản trị nhân lực là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo

- Tính chất: Quản trị nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức doanh nghiệp nào. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, phân tích công việc và định mức lao động, lập kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá thành tích công tác của nhân viên, xây dựng chính sách trả lương và chế độ đãi ngộ lao động, xử lý các quan hệ trong lao động.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp bao gồm: vai trò, chức năng của công tác quản trị nhân lực, nhằm đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng những yêu cầu, mục tiêu của tổ chức và trong doanh nghiệp.

2.2. *Về kỹ năng:* Thực hành được quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, lập kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng chính sách và thực hành tuyển chọn nguồn nhân lực, xây dựng quy trình, phương pháp đào tạo và phát triển, đánh giá, thù lao đãi ngộ đối với cán bộ công nhân viên trong tổ chức doanh nghiệp một cách hợp lý

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên có thái độ đúng đắn về xây dựng văn hoá của tổ chức, văn hoá trong quản trị nguồn nhân lực, xác định rõ nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của tổ chức.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực 1.1. Khái niệm và vai trò quản trị nguồn	4	2	2	0

	<p>nhân lực.</p> <p>1.2. Mục tiêu quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>1.3. Quá trình phát triển nguồn nhân lực.</p> <p>1.4. Chức năng quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>1.5. Nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>1.6. Mô hình của quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>1.7. Lĩnh vực ưu tiên phát triển nguồn nhân lực.</p> <p>1.8. Vai trò của phòng nhân lực</p>				
2	<p>Bài 2: Hoạch định nguồn nhân lực</p> <p>2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nguồn nhân lực.</p> <p>2.2. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực.</p> <p>2.2.1. Phân tích hiện trạng quản trị nguồn nhân lực</p> <p>2.2.2. Dự báo nhu cầu quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>2.2.3. Cân đối cung cầu, các giải pháp khắc phục mất cân đối cung cầu.</p> <p>2.3. Phương pháp hoạch định nguồn nhân lực.</p> <p>2.3.1. Phân tích xu hướng.</p> <p>2.3.2. Phương pháp nhân quả.</p> <p>2.3.3. Phương pháp hồi quy.</p> <p>2.3.4. Phương pháp chuyên gia.</p> <p>2.3.5. Phương pháp Delphi</p>	4	2	2	0
3	<p>Bài 3: Phân tích công việc</p> <p>3.1. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc.</p> <p>3.1.1. Khái niệm phân tích công việc.</p> <p>3.1.2. vai trò của phân tích công việc.</p> <p>3.2. Những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc.</p> <p>3.3. Quy trình phân tích công việc.</p> <p>3.4. Các phương pháp thu thập thông tin trong phân tích công việc.</p> <p>3.4.1. Phương pháp phỏng vấn.</p> <p>3.4.2. Phương pháp trả lời bảng câu hỏi.</p> <p>3.4.3. Phương pháp quan sát.</p> <p>3.4.4. Nhật ký công việc.</p> <p>3.4.5. Tình huống cấp thiết bất ngờ.</p> <p>3.5. Nội dung chính của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc.</p> <p>3.6. Phân tích công việc ở Việt Nam</p>	4	2	2	0

4	<p>Bài 4: Quá trình tuyển dụng</p> <p>4.1. Quá trình tuyển dụng</p> <p>4.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tuyển dụng nhân lực.</p> <p>4.1.2. Xác định nguồn thu hút ứng viên.</p> <p>4.1.3. Quá trình tuyển dụng.</p> <p>4.2. Quá trình tuyển chọn nhân lực.</p> <p>4.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tuyển chọn nhân lực.</p> <p>4.2.2. Quá trình tuyển chọn.</p> <p>4.3. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng</p>	4	2	2	0
5	<p>Bài 5: Kiểm tra trắc nghiệm và phỏng vấn</p> <p>5.1. Kiểm tra, trắc nghiệm.</p> <p>5.1.1. Các hình thức kiểm tra, trắc nghiệm.</p> <p>5.1.2. Quá trình xây dựng bài trắc nghiệm.</p> <p>5.2. Phỏng vấn.</p> <p>5.2.1. Các hình thức phỏng vấn.</p> <p>5.2.2. Quá trình phỏng vấn</p> <p>5.2.3. Các yếu tố tác động đến phỏng vấn.</p> <p>5.2.4. Nguyên tắc phỏng vấn.</p> <p>5.2.5. Chỉ dẫn đối với ứng viên trong phỏng vấn</p>	4	2	2	0
6	<p>Bài 6: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực</p> <p>6.1. Quan điểm về đào tạo.</p> <p>6.1.1. Khái niệm.</p> <p>6.1.2. Đào tạo hiệu quả.</p> <p>6.1.3. Lợi ích của đào tạo.</p> <p>6.1.4. Quy trình đào tạo</p> <p>6.2. Xác định nhu cầu đào tạo.</p> <p>6.3. Lập kế hoạch và chuẩn bị.</p> <p>6.4. Các hình thức đào tạo.</p> <p>6.4.1. Đào tạo tại doanh nghiệp.</p> <p>6.4.2. Đào tạo ngoài doanh nghiệp.</p> <p>6.5. Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo</p>	4	2	2	0
7	<p>Bài 7: Đánh giá thành tích nhân viên</p> <p>7.1. Tầm quan trọng của đánh giá hiệu quả làm việc.</p> <p>7.1.1. Khái niệm đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên.</p> <p>7.1.2. Mục đích của đánh giá hiệu quả làm việc.</p> <p>7.1.3. Lợi ích của đánh giá hiệu quả làm</p>	4	2	2	0

	việc. 7.1.4. Những khó khăn trong quá trình đánh giá. 7.1.5. Xu hướng mới về đánh giá hiệu quả làm việc. 7.2. Quy trình đánh giá hiệu quả. 7.3. Các phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc. 7.3.1. Phương pháp cho điểm. 7.3.2. Phương pháp xếp hạng. 7.3.3. Phương pháp quan sát hành vi. 7.3.4. Phương pháp so sánh cặp. 7.3.5. Phương pháp phê bình lưu giữ. 7.3.6. Phương pháp định lượng				
8	Bài 8: Tạo động lực làm việc 8.1. Khái niệm tạo động lực làm việc. 8.2. Các học thuyết về động lực làm việc. 8.2.1. Thuyết nhu cầu của Maslow. 8.2.2. Thuyết X và Thuyết Y của McGregor. 8.2.3. Thuyết hai yếu tố của Herzberg 8.2.4. Thuyết kỳ vọng. 8.2.5. Động lực nội tại Hackman và Oldham. 8.3. Làm giàu công việc. 8.4. Vai trò của người quản lý	4	1	3	0
9	Bài 9: Trả công lao động 9.1. Khái niệm 9.2. Cơ cấu thu nhập. 9.3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương. 9.4. Các hình thức trả công lao động. 9.5. Tiền lương trong các thị trường lao động. 9.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến trả công lao động. 9.6.1. Các yếu tố từ bên ngoài. 9.6.2. Các yếu tố thuộc về tổ chức, doanh nghiệp. 9.6.3. Các yếu tố thuộc về công việc. 9.6.4. Các yếu tố thuộc về cá nhân. 9.7. Yếu tố pháp luật trong trả công lao động tại Việt Nam. 9.7.1. Quy định lương tối thiểu. 9.7.2. Quy định về lao động trẻ em, phụ	4	0	4	0

	nữ. 9.7.3. Quy định về phúc lợi xã hội				
10	Bài 10: Quan hệ lao động 10.1. Công đoàn. 10.2. Thỏa ước lao động tập thể. 10.2.1. Khái niệm. 10.2.2. Nội dung chủ yếu của thỏa ước lao động tập thể ở Việt Nam. 10.2.3. Quá trình ký kết thỏa ước lao động tập thể. 10.3. Tranh chấp lao động 10.3.1. Khái niệm. 10.3.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động. 10.3.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp lao động. 10.3.4. Trình tự giải quyết tranh chấp lao động. 10.4. Công nhân tham gia quản lý doanh nghiệp. 10.5. Tìm hiểu quan điểm nhân viên	4	0	4	0
11	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và trình bày được các khái niệm, vai trò, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, mô hình của quản trị nguồn nhân lực.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và vai trò quản trị nguồn nhân lực.
- 2.2. Mục tiêu quản trị nguồn nhân lực.
- 2.3. Quá trình phát triển nguồn nhân lực.
- 2.4. Chức năng quản trị nguồn nhân lực.
- 2.5. Nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực.
- 2.6. Mô hình của quản trị nguồn nhân lực.
- 2.7. Lĩnh vực ưu tiên phát triển nguồn nhân lực.
- 2.8. Vai trò của phòng nhân lực.

Bài 2. Hoạch định nguồn nhân lực, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và trình bày được các khái niệm, vai trò, quy trình, phương pháp hoạch định nguồn nhân lực

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nguồn nhân lực.

2.2. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực.

2.2.1. Phân tích hiện trạng quản trị nguồn nhân lực

2.2.2. Dự báo nhu cầu quản trị nguồn nhân lực.

2.2.3. Cân đối cung cầu, các giải pháp khắc phục mất cân đối cung cầu.

2.3. Phương pháp hoạch định nguồn nhân lực.

2.3.1. Phân tích xu hướng.

2.3.2. Phương pháp nhân quả.

2.3.3. Phương pháp hồi quy.

2.3.4. Phương pháp chuyên gia.

2.3.5. Phương pháp Delphi.

Bài 3: Phân tích công việc, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Hiểu và trình bày các khái niệm, vai trò của phân tích công việc, những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc, quy trình phân tích công việc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc.

2.1.1. Khái niệm phân tích công việc.

2.1.2. vai trò của phân tích công việc.

2.2. Những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc.

2.3. Quy trình phân tích công việc.

2.4. Các phương pháp thu thập thông tin trong phân tích công việc.

2.4.1. Phương pháp phỏng vấn.

2.4.2. Phương pháp trả lời bảng câu hỏi.

2.4.3. Phương pháp quan sát.

2.4.4. Nhật ký công việc.

2.4.5. Tình huống cấp thiết bất ngờ.

2.5. Nội dung chính của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc.

2.6. Phân tích công việc ở Việt Nam.

Bài 4. Quá trình tuyển dụng, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và trình bày được các khái niệm và tầm quan trọng trong tuyển dụng nhân lực, quá trình tuyển chọn và đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng.

2. Nội dung

2.1. Quá trình tuyển dụng

2.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tuyển dụng nhân lực.

2.1.2. Xác định nguồn thu hút ứng viên.

2.1.3. Quá trình tuyển dụng.

2.2. Quá trình tuyển chọn nhân lực.

2.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tuyển chọn nhân lực.

2.2.2. Quá trình tuyển chọn.

2.3. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng.

Bài 5. Kiểm tra trắc nghiệm và phỏng vấn, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các hình thức kiểm tra, phỏng vấn thu hút nhân lực trong doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Kiểm tra, trắc nghiệm.

2.1.1. Các hình thức kiểm tra, trắc nghiệm.

2.1.2. Quá trình xây dựng bài trắc nghiệm.

2.2. Phỏng vấn.

2.2.1. Các hình thức phỏng vấn.

2.2.2. Quá trình phỏng vấn

2.2.3. Các yếu tố tác động đến phỏng vấn.

2.2.4. Nguyên tắc phỏng vấn.

2.2.5. Chi dẫn đối với ứng viên trong phỏng vấn.

Bài 6. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các quan điểm về đào tạo, xác định nhu cầu, lập kế hoạch đào tạo, các hình thức đào tạo và đánh giá hiệu quả công tác đào tạo.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm về đào tạo.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Đào tạo hiệu quả.

2.1.3. Lợi ích của đào tạo.

2.1.4. Quy trình đào tạo

2.2. Xác định nhu cầu đào tạo.

2.3. Lập kế hoạch và chuẩn bị.

2.4. Các hình thức đào tạo.

2.4.1. Đào tạo tại doanh nghiệp.

2.4.2. Đào tạo ngoài doanh nghiệp.

2.5. Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo.

Bài 7. Đánh giá thành tích nhân viên, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được tầm quan trọng của đánh giá hiệu quả làm việc, quy trình đánh giá và các phương pháp đánh giá hiệu quả đào tạo.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đánh giá hiệu quả làm việc.

2.1.1. Khái niệm đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên.

2.1.2. Mục đích của đánh giá hiệu quả làm việc.

2.1.3. Lợi ích của đánh giá hiệu quả làm việc.

2.1.4. Những khó khăn trong quá trình đánh giá.

2.1.5. Xu hướng mới về đánh giá hiệu quả làm việc.

2.2. Quy trình đánh giá hiệu quả.

2.3. Các phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc.

2.3.1. Phương pháp cho điểm.

- 2.3.2. Phương pháp xếp hạng.
- 2.3.3. Phương pháp quan sát hành vi.
- 2.3.4. Phương pháp so sánh cặp.
- 2.3.5. Phương pháp phê bình lưu giữ.
- 2.3.6. Phương pháp định lượng.

Bài 8. Tạo động lực làm việc, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm tạo động lực việc làm, các thuyết học về động lực làm việc và vai trò của người quản lý.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tạo động lực làm việc.
- 2.2. Các học thuyết về động lực làm việc.
 - 2.2.1. Thuyết nhu cầu của Maslow.
 - 2.2.2. Thuyết X và Thuyết Y của McGregor.
 - 2.2.3. Thuyết hai yếu tố của Herzberg
 - 2.2.4. Thuyết kỳ vọng.
 - 2.2.5. Động lực nội tại Hackman và Oldham.
- 2.3. Làm giàu công việc.
- 2.4. Vai trò của người quản lý.

Bài 9. Trả công lao động, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm, cơ cấu, mục tiêu, các hình thức trả công người lao động, tiền lương trong các thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến trả công lao động và yếu tố pháp luật trong trả công lao động tại Việt Nam

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Cơ cấu thu nhập.
- 2.3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương.
- 2.4. Các hình thức trả công lao động.
- 2.5. Tiền lương trong các thị trường lao động.

- 2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến trả công lao động.
 - 2.6.1. Các yếu tố từ bên ngoài.
 - 2.6.2. Các yếu tố thuộc về tổ chức, doanh nghiệp.
 - 2.6.3. Các yếu tố thuộc về công việc.
 - 2.6.4. Các yếu tố thuộc về cá nhân.
- 2.7. Yếu tố pháp luật trong trả công lao động tại Việt Nam.
 - 2.7.1. Quy định lương tối thiểu.
 - 2.7.2. Quy định về lao động trẻ em, phụ nữ.
 - 2.7.3. Quy định về phúc lợi xã hội.

Bài 10. Quan hệ lao động, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Nắm được kiến thức cơ bản các khái niệm về công đoàn, thỏa ước lao động tập thể, tranh chấp lao động.

2. Nội dung

- 2.1. Công đoàn.
- 2.2. Thỏa ước lao động tập thể.
 - 2.2.1. Khái niệm.
 - 2.2.2. Nội dung chủ yếu của thỏa ước lao động tập thể ở Việt Nam.
 - 2.2.3. Quá trình ký kết thỏa ước lao động tập thể.
- 2.3. Tranh chấp lao động
 - 2.3.1. Khái niệm.
 - 2.3.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động.
 - 2.3.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp lao động.
 - 2.3.4. Trình tự giải quyết tranh chấp lao động.
- 2.4. Công nhân tham gia quản lý doanh nghiệp.
- 2.5. Tìm hiểu quan điểm nhân viên.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- 1. Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Mô đun này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản vai trò, chức năng của công tác quản trị nhân lực trong các tổ chức và doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, so sánh, khái quát cho sinh viên.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp giảng dạy: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo

● Sách, giáo trình chính

[1] PGS.TS Trần Kim Dung (2011), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB tổng hợp, TP.HCM.

● Tài liệu tham khảo

[1] PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.

[2] TS. Bùi Văn Danh- MBA Nguyễn Văn Dung- ThS. Lê Quang Khôi (2011), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Phương Đông, TP.HCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 09

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Mô đun chuyên ngành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Hiểu được các nguyên tắc trong quản lý doanh nghiệp như: quản trị nhân sự, sản xuất, chất lượng cùng các công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2.2. *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức quản trị doanh nghiệp vào quá trình tổ chức, quản lý, trình bày, phản biện và góp ý hiệu quả các vấn đề chuyên môn.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự chủ trong công việc, quản trị và đánh giá năng lực hoạt động của doanh nghiệp.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về doanh nghiệp 1.1. Định Nghĩa Doanh Nghiệp (Dn) 1.1.1. Một số quan điểm về doanh nghiệp. 1.1.2. Định nghĩa doanh nghiệp. 1.2. Phân loại doanh nghiệp. 1.3. Bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh 1.4. Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất và phân phối 1.5. Môi trường hoạt động của doanh nghiệp 1.6. Mục đích và mục tiêu của doanh nghiệp	6	6	0	0

	1.7. Thành lập, giải thể, phá sản một doanh nghiệp				
2	Bài 2: Những vấn đề cơ bản của quản trị doanh nghiệp 2.1. Tổng quan về Quản trị doanh nghiệp 2.2. Kế Hoạch 2.3. Tổ Chức 2.4. Lãnh Đạo 2.5. Kiểm Tra 2.6. Phân Cấp Trong Quản Trị 2.7. Các Kỹ Năng Quản Trị 2.8. Vai Trò Nhà Quản Trị. 2.9. Các lý thuyết quản trị. 2.10. Quyết định quản trị.	6	4	2	0
3	Bài 3: Marketing trong doanh nghiệp 3.1. Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu 3.2. Chính sách sản phẩm 3.3. Chính sách giá cả 3.4. Chính sách phân phối 3.5. Chính sách xúc tiến bán hàng (chiêu thị)	6	3	3	0
4	Bài 4: Quản trị chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp 4.1. Một số khái niệm kế toán 4.2. Khái niệm và phân loại chi phí kinh doanh 4.3. Giá thành sản phẩm/dịch vụ 4.4. Định nghĩa và vai trò ngân sách	6	3	3	0
5	Bài 5. Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp 5.1. Khái niệm và tầm quan trọng của quản trị nhân sự 5.2. Mục tiêu và chức năng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp 5.3. Khái niệm ý nghĩa và tác dụng của phân tích công việc 5.4. Khai thác các nguồn khả năng lao động 5.5. Bố trí và sử dụng lao động 5.6. Đào tạo huấn luyện và phát triển nhân viên 5.7. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên 5.8. Trả công lao động	9	3	6	0
6	Bài 6. Quản trị cung ứng trong doanh	9	3	6	0

	nghiệp 6.1. Khái niệm và phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng 6.2. Quản lý mua sắm 6.3. Quản trị dự trữ (tồn kho) 6.4. Hệ thống lượng đặt hàng cố định				
7	Bài 7. Hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp 7.1. Hiệu quả kinh tế và vai trò của việc nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 7.2. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh tế và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế trong các doanh nghiệp 7.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh	7	3	4	0
8	Bài 8. Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp 8.1. Khái niệm về sản phẩm, chất lượng sản phẩm 8.2. Lịch sử phát triển của các quan niệm quản trị chất lượng 8.3. Đảm bảo chất lượng và các hệ thống đảm bảo chất lượng 8.4. Công cụ quản trị chất lượng	6	3	3	0
9	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về doanh nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học.

Trình bày được các khái niệm về doanh nghiệp.

Phân loại được các loại doanh nghiệp.

Phân tích được bản chất, môi trường của hệ thống kinh doanh.

2. Nội dung

1.1. Định Nghĩa Doanh Nghiệp (Dn)

1.1.1. Một số quan điểm về doanh nghiệp.

1.1.2. Định nghĩa doanh nghiệp.

- 1.2. Phân loại doanh nghiệp.
- 1.3. Bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh
- 1.4. Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất và phân phối
- 1.5. Môi trường hoạt động của doanh nghiệp
- 1.6. Mục đích và mục tiêu của doanh nghiệp
- 1.7. Thành lập, giải thể, phá sản một doanh nghiệp

Bài 2: Những vấn đề cơ bản của quản trị doanh nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm về quản trị doanh nghiệp.

Phân tích được tầm quan trọng của kế hoạch.

Thực hiện được các bước lập kế hoạch.

Ứng dụng được các kỹ năng quản trị, các bước ra quyết định quản trị doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về Quản trị doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm và vai trò của quản trị doanh nghiệp

2.1.2. Quản trị doanh nghiệp vừa là khoa học vừa là nghệ thuật

2.1.3. Các chức năng quản trị doanh nghiệp

2.2. Kế Hoạch

2.2.1. Khái niệm.

2.2.2. Tầm quan trọng của kế hoạch

2.2.3. Phân loại kế hoạch

2.2.4. Các bước lập kế hoạch chiến lược

2.3. Tổ Chức

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Một số cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp:

2.3.3. Phân chia quyền lực trong tổ chức

2.4. Lãnh Đạo

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Vai trò của lãnh đạo

2.5. Kiểm Tra

- 2.5.1. Khái niệm.
- 2.5.2. Nội dung công tác kiểm tra và các dạng kiểm tra.
- 2.6. Phân Cấp Trong Quản Trị
 - 2.6.1. Theo cấp quản trị kinh doanh.
 - 2.6.2. Quản trị theo chức năng trong doanh nghiệp
- 2.7. Các Kỹ Năng Quản Trị
 - 2.7.1. Kỹ năng kỹ thuật
 - 2.7.2. Kỹ năng về nhân sự
 - 2.7.3. Kỹ năng tư duy
- 2.8. Vai Trò Nhà Quản Trị.
 - 2.8.1. Nhóm vai trò quan hệ với con người
 - 2.8.2. Nhóm vai trò thông tin.
 - 2.8.3. Nhóm vai trò quyết định.
- 2.9. Các lý thuyết quản trị.
 - 2.9.1. Lý thuyết quản trị cổ điển
 - 2.9.2. Nhóm lý thuyết hành vi - tâm lý xã hội trong quản trị kinh doanh.
 - 2.9.3. Lý thuyết định lượng trong quản trị.
 - 2.9.4. Lý thuyết quản trị hiện đại.
- 2.10. Quyết định quản trị.
 - 2.10.1. Khái niệm
 - 2.10.2. Các kiểu ra quyết định.
 - 2.10.3. Tiến trình ra quyết định.

Bài 3: Marketing trong doanh nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu và xây dựng được hệ thống các tiêu chuẩn lựa chọn dự án;
- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn vào trong công tác lựa chọn dự án;
- Hiểu và triển khai được các bước công việc của hệ thống quản lý danh mục dự án.

2. Nội dung

- 2.1. Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu
 - 2.1.1. Khái niệm

- 2.1.2. Ưu điểm của phân khúc thị trường
- 2.1.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu
- 2.2. Chính sách sản phẩm
 - 2.2.1. Định nghĩa về sản phẩm trong marketing
 - 2.2.2. Vai trò, vị trí của chiến lược sản phẩm
 - 2.2.3. Chu kỳ đời sống sản phẩm
 - 2.2.4. Nhãn hiệu – dấu hiệu – thương hiệu sản phẩm
- 2.3. Chính sách giá cả
 - 2.3.1. Tầm quan trọng của giá cả
 - 2.3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến giá cả
 - 2.3.3. Mục tiêu định giá
 - 2.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá
 - 2.3.5. Phương pháp định giá.
- 2.4. Chính sách phân phối
 - 2.4.1. Vai trò của phân phối
 - 2.4.2. Khái quát về kênh phân phối, hệ thống phân phối của doanh nghiệp
- 2.5. Chính sách xúc tiến bán hàng (chiêu thị)
 - 2.5.1. Khái niệm và bản chất của chiêu thị
 - 2.5.2. Tầm quan trọng của hoạt động chiêu thị
 - 2.5.3. Quá trình thông đạt trong chiêu thị
 - 2.5.4. Sự pha trộn trong chiêu thị
 - 2.5.5. Quảng cáo
 - 2.5.6. Khuyến mãi – chiêu hàng – đẩy mạnh tiêu thụ
 - 2.5.7. Marketing trực tiếp – Chào hàng cá nhân
 - 2.5.8. Tuyên truyền – Quan hệ với công chúng

Bài 4: Quản trị chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu và xây dựng được chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp;
- Hiểu và triển khai được các bước công việc của hệ thống quản lý về kinh phí trong kinh doanh.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm kế toán

2.1.1. Các hệ thống kế toán trong doanh nghiệp

2.1.2. Tài sản trong doanh nghiệp.

2.2. Khái niệm và phân loại chi phí kinh doanh

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân loại chi phí kinh doanh

2.3. Giá thành sản phẩm/dịch vụ

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

2.3.3. Các loại giá thành sản phẩm/dịch vụ

2.3.4. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.3.5. Xác định phương pháp hạch toán chi phí sản xuất phát sinh vào đối tượng hạch toán chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

2.3.6. Xác định kỳ tính giá thành và phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.

2.3.7. Phương pháp tính giá thành

2.4. Định nghĩa và vai trò ngân sách

2.4.1. Định nghĩa ngân sách.

2.4.2. Tầm quan trọng của lập ngân sách.

2.4.3. Các ứng dụng khác của hoạch định ngân sách

Bài 5: Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp, Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm cũng như những vấn đề trong việc quản trị nhân sự.

Phân tích được vai trò, chức năng quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.

Ứng dụng được kỹ năng đào tạo huấn luyện và phát triển nhân viên.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của quản trị nhân sự.

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Tầm quan trọng của vấn đề quản trị nhân sự

2.2. Mục tiêu và chức năng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.

- 2.2.1. Mục tiêu của quản trị nhân sự.
- 2.2.2. Các chức năng của bộ phận / phòng nhân sự.
- 2.3. Khái niệm ý nghĩa và tác dụng của phân tích công việc
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Ý nghĩa
 - 2.3.3. Tác dụng của phân tích công việc
 - 2.3.4. Thông tin cần thu thập, nội dung, các bước phân tích công việc
 - 2.3.5. Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc
- 2.4. Khai thác các nguồn khả năng lao động
 - 2.4.1. Phân tích hiện trạng nguồn lao động trong doanh nghiệp
 - 2.4.2. Phân tích các khả năng thu hút nhân sự từ bên ngoài
- 2.5. Bố trí và sử dụng lao động
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Nội dung phân công và hiệp tác lao động
- 2.6. Đào tạo huấn luyện và phát triển nhân viên.
 - 2.6.1. Nhu cầu đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân viên.
 - 2.6.2. Tiến trình đào tạo và phát triển nhân sự
- 2.7. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên.
 - 2.7.1. Định nghĩa và mục đích của việc đánh giá.
 - 2.7.2. Tiến trình đánh giá thực hiện công việc.
 - 2.7.3. Phòng vấn đánh giá.
 - 2.7.4. Phương pháp đánh giá.
 - 2.7.5. Một số vấn đề cần quan tâm khi đánh giá.
- 2.8. Trả công lao động
 - 2.8.1. Khái niệm
 - 2.8.2. Cơ cấu lương bổng và đãi ngộ
 - 2.8.3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương
 - 2.8.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương
 - 2.8.5. Các hình thức tiền lương

Bài 6: Quản trị cung ứng trong doanh nghiệp, Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm và phân tích những vấn đề quản trị cung ứng trong doanh nghiệp.

Biết cách quản lý mua sắm, quản lý dự trữ trong doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng.

2.2. Quản lý mua sắm.

2.2.1. Dự đoán nhu cầu

2.2.2. Phân tích nhu cầu.

2.2.3. Soạn thảo một kế hoạch mua sắm.

2.3. Quản trị dự trữ (tồn kho)

2.3.1. Các quan điểm đối lập về tồn kho

2.3.2. Bản chất của tồn kho:

2.3.3. Quản trị hiện vật của dự trữ.

2.3.4. Quản trị kế toán dự trữ.

2.3.5. Quản trị kinh tế của dự trữ.

2.4. Hệ thống lượng đặt hàng cố định

2.4.1. Xác định lượng đặt hàng

2.4.2. Xác định điểm đặt hàng

Bài 7: Hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò của hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp;

- Có thể lựa chọn quyết định sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

- Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế trong các doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Hiệu quả kinh tế và vai trò của việc nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.1. Khái niệm, bản chất của hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh.

2.1.2. Kinh doanh có hiệu quả - Điều kiện sống còn của mọi doanh nghiệp

2.2. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh tế và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế trong các doanh nghiệp

2.2.1. Mức chuẩn và hiệu quả kinh tế của hoạt động kinh doanh

2.2.2. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh

2.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh

2.3.1. Tăng cường quản trị chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp

2.3.2. Lựa chọn quyết định sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2.3.3. Phát triển trình độ đội ngũ lao động và tạo động lực cho tập thể và cá nhân người lao động

2.3.4. Công tác quản trị và tổ chức sản xuất

2.3.5. Đối với kỹ thuật- công nghệ

2.3.6. Tăng cường mở rộng quan hệ cầu nối giữa doanh nghiệp với xã hội

Bài 8: Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được vai trò của hiệu quả quản trị chất lượng trong doanh nghiệp.

Thực hiện được công tác đảm bảo chất lượng và các hệ thống đảm bảo chất lượng.

Kiểm soát được các công cụ quản trị chất lượng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về sản phẩm, chất lượng sản phẩm.

2.1.1. Khái niệm sản phẩm.

2.1.2. Khái niệm chất lượng sản phẩm

2.2. Lịch sử phát triển của các quan niệm quản trị chất lượng.

2.3. Đảm bảo chất lượng và các hệ thống đảm bảo chất lượng.

2.3.1. Đảm bảo chất lượng.

2.3.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng.

2.4. Công cụ quản trị chất lượng.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học sinh viên có bài tập thực hành, thảo luận để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. *Tài liệu tham khảo*:

➤ Sách, giáo trình

[1] Nguyễn Xuân Quyết (2018), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp* - Tài liệu hỗ trợ giảng dạy, HUFI, 2020.

[2] Ngô Kim Thanh và Lê Văn Tâm (2015), *Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

➤ Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Minh Đường và Nguyễn Thừa Lộc (2016), *Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[2] Đồng Thị Thanh Phương (2007), *Quản trị doanh nghiệp*, NXB Thống kê.

[3] Nguyễn Thừa Lộc và Trần Văn Dần (2016), *Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[4] H. Kent Baker & Ronald Anderson (2012), *Quản trị Doanh nghiệp: Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành*, Dịch bởi: Lê Đạt Chí và Nguyễn Anh Tú. NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[5] David F. Larcker & Brian Tayan (2015). *Corporate Governance Matters: A Closer Look at Organizational Choices and Their Consequences (2nd edition)*. Graduate School of Stanford Business.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Mã mô đun: MĐ 10

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ, Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí mô đun Quản trị tài chính là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Mô đun đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như chi phí huy động và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức: Mô đun trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; quản lý tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp; huy động và thu hút nguồn vốn; phân bổ vốn và các quyết định về đầu tư; đọc được các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định.

2.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những kỹ năng cơ bản của nhà quản trị, lãnh đạo, cụ thể: - Đọc và hiểu được báo cáo tài chính của doanh nghiệp; - Phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp hiện tại và tương lai; - Dự báo được các rủi ro trong hoạt động kinh doanh; - Trên cơ sở phân tích, tính toán, dự báo có thể quyết định được các phương án đầu tư hiệu quả.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp cho học sinh vận dụng vào thực tiễn để xem xét, đánh giá đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL

1	Bài 1: Tổng quan về quản trị tài chính 1.1. Khái niệm về Quản trị tài chính (QTTC) 1.2. Mục tiêu của QTTC 1.3. Tổ chức QTTC 1.4. Môi trường doanh nghiệp 1.5. Thuế 1.6. Ngân quỹ (Budget) và lãi suất (Interest Rate)	10	5	5	0
2	Bài 2: Giá trị tiền tệ theo thời gian 2.1. Lãi suất (Interest Rate) 2.2. Thời giá tiền tệ	10	5	5	0
3	Bài 3: Phân tích tài Chính 3.1. Mục tiêu của phân tích tài chính 3.2. Các bản báo cáo tài chính căn bản (Basic Financial Statements) 3.3. Phân tích các tỷ số tài chính (Financial Ratios Analysis)	10	5	5	0
4	Bài 4: Quản trị tài sản cố định 4.1. Những vấn đề chung về TSCĐ và vốn dài hạn 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm 4.1.3. Phân loại 4.2. Khấu hao TSCĐ 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các phương pháp tính khấu hao (4 phương pháp) 4.2.3. Lập kế hoạch và quản lý việc sử dụng quỹ khấu hao 4.3. Quản trị TSCĐ 4.3.1. Mục tiêu của quản trị TSCĐ 4.3.2. Nội dung quản trị TSCĐ và vốn dài hạn 4.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng	10	5	5	0
5	Bài 5: Quản trị tài sản lưu động 5.1. Những vấn đề chung về TSLĐ và vốn ngắn hạn 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Đặc điểm 5.1.3. Phân loại 5.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vốn ngắn hạn 5.2. Quản trị tiền mặt 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Mục tiêu 5.2.3. Nội dung – mô hình	10	5	5	0

	5.3. Quản trị hàng tồn kho 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Mục tiêu 5.3.3. Nội dung – mô hình 5.4. Quản trị khoản phải thu 5.4.1. Khái niệm 5.4.2. Mục tiêu 5.4.3. Nội dung				
6	Bài 6: Đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính 6.1. Rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính 6.1.1. Rủi ro kinh doanh 6.1.2. Rủi ro tài chính 6.2. Đòn bẩy kinh doanh 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Ý nghĩa của đòn bẩy kinh doanh 6.2.3. Độ lớn của đòn bẩy kinh doanh 6.2.4. Mối quan hệ giữa độ lớn của đòn bẩy kinh doanh và phân tích hòa vốn 6.2.5. Mối quan hệ giữa độ lớn của đòn bẩy kinh doanh và rủi ro doanh nghiệp 6.3. Đòn bẩy tài chính 6.3.1. Khái niệm 6.3.2. Ý nghĩa của đòn bẩy tài chính 6.3.3. Phân tích mối quan hệ EBIT và EPS 6.3.4. Độ lớn của đòn bẩy tài chính 6.3.5. Mối quan hệ giữa độ lớn của đòn bẩy tài chính và rủi ro tài chính 6.4. Đòn bẩy tổng hợp 6.4.1. Khái niệm 6.4.2. Độ lớn của đòn bẩy tổng hợp 6.4.3. Ý nghĩa	5	3	2	0
11	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về quản trị tài chính, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và trình bày được các khái niệm, mục tiêu về quản trị tài chính, tổ chức quản trị tài chính, môi trường doanh nghiệp, thuế, ngân quỹ và lãi suất.

2. Nội dung

1.6. Khái niệm về Quản trị tài chính (QTTC)

- 1.7. Mục tiêu của QTTC
- 1.8. Tổ chức QTTC
- 1.9. Môi trường doanh nghiệp
- 1.10. Thuế
- 1.11. Ngân quỹ (Budget) và lãi suất (Interest Rate)

Bài 2. Giá trị tiền tệ theo thời gian, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và phân biệt được lãi đơn, lãi kép. Tính được giá trị thời giá tiền tệ

2. Nội dung

- 2.2. Lãi suất (Interest Rate)
- 2.3. Thời giá tiền tệ

Bài 3: phân tích tài chính, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và Phân biệt được tài sản và nguồn hình thành tài sản trong doanh nghiệp. Xác định được doanh thu, chi phí, lợi nhuận. Việc luân chuyển các dòng tiền. Mối liên hệ giữa hoạt động sản xuất kinh doanh và quá trình hạch toán kế toán, ghi nhận tình hình tài chính của doanh nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Mục tiêu của phân tích tài chính
- 2.2. Các bản báo cáo tài chính căn bản (Basic Financial Statements)
- 2.3. Phân tích các tỷ số tài chính (Financial Ratios Analysis)

Bài 4. Quản trị tài sản cố định, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và Nhận biết được các tài sản cố định, vốn dài hạn của doanh nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề chung về TSCĐ và vốn dài hạn
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Khấu hao TSCĐ
 - 2.2.1. Khái niệm

- 2.2.2. Các phương pháp tính khấu hao (4 phương pháp)
- 2.2.3. Lập kế hoạch và quản lý việc sử dụng quỹ khấu hao
- 2.3. Quản trị TSCĐ
 - 2.3.1. Mục tiêu của quản trị TSCĐ
 - 2.3.2. Nội dung quản trị TSCĐ và vốn dài hạn
 - 2.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng

Bài 5. Quản trị tài sản lưu động, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu và Nhận biết được các tài sản lưu động, vốn ngắn hạn của doanh nghiệp. Biết quản lý duy trì hàng tồn kho hợp lý với chi phí thấp nhất có thể. Sử dụng hiệu quả các phương thức thanh toán, phương thức thu nợ.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề chung về TSLĐ và vốn ngắn hạn
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Phân loại
 - 2.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vốn ngắn hạn
- 2.2. Quản trị tiền mặt
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Mục tiêu
 - 2.2.3. Nội dung – mô hình
- 2.3. Quản trị hàng tồn kho
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Mục tiêu
 - 2.3.3. Nội dung – mô hình
- 2.4. Quản trị khoản phải thu
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Mục tiêu
 - 2.4.3. Nội dung

Bài 6. Đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày các khái niệm

2. Nội dung

2.1. Rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính

2.1.1. Rủi ro kinh doanh

2.1.2. Rủi ro tài chính

2.2. Đòn bẩy kinh doanh

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Ý nghĩa của đòn bẩy kinh doanh

2.2.3. Độ lớn của đòn bẩy kinh doanh

2.2.4. Mối quan hệ giữa độ lớn của đòn bẩy kinh doanh và phân tích hòa vốn

2.2.5. Mối quan hệ giữa độ lớn của đòn bẩy kinh doanh và rủi ro doanh nghiệp

2.3. Đòn bẩy tài chính

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Ý nghĩa của đòn bẩy tài chính

2.3.3. Phân tích mối quan hệ EBIT và EPS

2.3.4. Độ lớn của đòn bẩy tài chính

2.3.5. Mối quan hệ giữa độ lớn của đòn bẩy tài chính và rủi ro tài chính

2.4. Đòn bẩy tổng hợp

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Độ lớn của đòn bẩy tổng hợp

2.4.3. Ý nghĩa

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Quản trị tài chính.

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, so sánh, khái quát cho sinh viên.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo

[1] TS.Nguyễn Quang Thu, *Quản trị tài chính căn bản*, Nxb Đại học Kinh tế Tp.HCM, 2017.

[2] PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Liên, *Giáo trình Quản trị tài chính*, Nxb Thống kê, 2011

[3] TS. Nguyễn Văn Thuận, *Quản trị tài chính*, Nxb Thống kê, 2004.

[4] TS. Nguyễn Văn Thuận, *Câu hỏi và bài tập Quản trị tài chính*, Nxb Thống kê, 2004.

[5] Nguyễn Hải Sản, *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, Nxb Thống kê, 1996.

[6] Các website: www.bsc.com.vn; www.vse.org.vn; www.ssi.com.vn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Mã mô đun: MĐ 11

Số tín chỉ: 3 (2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Quản trị chiến lược là mô đun thuộc khối kiến thức chuyên môn của ngành.

- Tính chất: Các lý thuyết chiến lược đã được phát triển từ rất sớm và thu hút được sự nghiên cứu từ các học giả lớn ở các lĩnh vực khác nhau (như quản trị, kinh tế lượng, kinh tế học, kế toán, ...vv) Nhưng mỗi trường phái đưa ra một khái niệm khác nhau, khá trừu tượng và thường khó áp dụng trong thực tế. Chính vì lẽ đó, chúng tôi sẽ tổng hợp để sinh viên có được cái nhìn tổng quát về QTCL nhưng đồng thời sẽ đi sâu phân tích các lý thuyết chiến lược thường được áp dụng trong các doanh nghiệp. Đây là mô đun tự chọn.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến QTCL truyền thống và đương đại, Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của QTCL dành cho nhà quản trị. Phân tích các lý thuyết chiến lược thường được áp dụng trong các doanh nghiệp; Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp); Phân tích vai trò, trách nhiệm, kỹ năng và phẩm chất cần phải có của nhà chiến lược.

2.2. *Về kỹ năng:* Giúp sinh viên có được một phương pháp học và hệ thống quá kiến thức mới. Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. Giảng viên chỉ giữ vai trò hướng dẫn và định hướng cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại. Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative).

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Thái độ nghiêm túc, chủ động, tích cực trong học tập. Sinh viên sẽ nâng cao tính tự chủ trong khi ra các quyết định mang tính chủ động hơn trong công việc nói chung và trong công tác quản lý.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	<p>Bài 1: Tổng quan về Chiến Lược Doanh Nghiệp</p> <p>1.1. Định nghĩa chiến lược</p> <p>1.2. Lịch sử phát triển của các lý thuyết chiến lược</p> <p>1.3. Vai trò và ý nghĩa của chiến lược trong quản trị doanh nghiệp</p>	5	5	0	0
2	<p>Bài 2: Hoạch định chiến lược</p> <p>2.1. Nghiên cứu tình huống: Chiến lược Volkswagenwerk từ 1934 đến 1974 và của chính phủ Mỹ tại Việt Nam từ 1950 đến 1973 (Mintzberg, 1978).</p> <p>2.1.1. Chiến lược Volkswagenwerk từ 1934 đến 1974</p> <p>2.1.2. Chính phủ Mỹ tại Việt Nam từ 1950 đến 1973 (Mintzberg, 1978).</p> <p>2.2. Những điều kiện để thực hiện được chiến lược đã hoạch định: môi trường, tổ chức và kỹ năng lãnh đạo.</p> <p>2.2.1. Môi trường</p> <p>2.2.2. Tổ chức</p> <p>2.2.3. Kỹ năng lãnh đạo</p> <p>2.3. Chiến lược "ngẫu hứng" (emergent) và chiến lược 'định trước' (deliberate) (Mintzberg, 1985; Simons, 1992).</p> <p>2.3.1. Chiến lược "ngẫu hứng" (emergent)</p> <p>2.3.2. Chiến lược 'định trước' (deliberate) (Mintzberg, 1985; Simons, 1992)</p>	8	4	4	0
3	<p>Bài 3: Chiến lược cạnh tranh và lợi thế cạnh tranh</p> <p>3.1. Đối thủ cạnh tranh, khách hàng, nhà cung cấp, doanh nghiệp mới gia nhập ngành, và các sản phẩm thay thế.</p> <p>3.1.1. Đối thủ cạnh tranh</p> <p>3.1.2. Khách hàng</p> <p>3.1.3. Nhà cung cấp</p> <p>3.1.4. Các sản phẩm thay thế</p>	9	4	5	0

	<p>3.2. Các chiến lược cạnh tranh.</p> <p>3.2.1. Trong ngành phân tán</p> <p>3.2.2. Trong ngành mới nổi</p> <p>3.2.3. Trong các ngành suy thoái</p> <p>3.3. Quyết định chiến lược</p> <p>3.3.1. Tích hợp theo chiều dọc</p> <p>3.3.2. Mở rộng công suất</p> <p>3.3.3. Gia nhập ngành mới</p>				
4	<p>Bài 4: Tư duy chiến lược: lý thuyết trò chơi thực hành</p> <p>4.1. Các bước tiến hành đoán câu trả lời của đối thủ.</p> <p>4.2. Tư duy xuyên qua chiến lược của đối phương.</p> <p>4.3. Hòa giải nghịch cảnh của người tù.</p> <p>4.4. Thiết lập các bước đi chiến lược.</p> <p>4.5. Kiểm soát rủi ro</p> <p>4.6. Thương lượng.</p>	9	4	5	0
5	<p>Bài 5: Chiến lược đại dương xanh</p> <p>5.1. Khái niệm chiến lược đại dương xanh</p> <p>5.2. Hình thành chiến lược đại dương xanh</p> <p>5.3. Thực hiện chiến lược đại dương xanh</p>	8	4	4	0
6	<p>Bài 6: M&A và định giá công ty</p> <p>6.1. Tổng quan về M&A: khuynh hướng phát triển và thực tế</p> <p>6.2. M&A ở Việt Nam: thành công và thất bại</p> <p>6.3. Định giá công ty: định nghĩa, phương thức, điều kiện thành công</p>	8	4	4	0
7	<p>Bài 7: Thực hiện chiến lược: Balanced Scorecard and Levers of control</p> <p>7.1. Balanced scorecard</p> <p>7.2. Levers of control</p>	8	3	5	0
8	Kiểm tra	5	0	0	5
	Cộng	60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về Chiến Lược Doanh Nghiệp

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh hiểu về Chiến Lược Doanh Nghiệp để sinh viên có những khái niệm cơ bản về Chiến lược và định vị được môn học này trong toàn cảnh bức tranh quản trị doanh nghiệp.

- Sinh viên có kỹ năng hoạch định chiến lược.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học.

2. Nội dung:

1.1. Định nghĩa chiến lược

1.2. Lịch sử phát triển của các lý thuyết chiến lược

1.3. Vai trò và ý nghĩa của chiến lược trong quản trị doanh nghiệp

Bài 2. Hoạch định chiến lược

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Cung cấp kiến thức về hoạch định chiến lược thường chỉ mang tính lý thuyết nhiều hơn là tính thực tế và thông thường là chiến lược được hoạch định có chủ tâm từ trước khi có bất kỳ quyết định cụ thể nào. Bằng cách đưa ra một cách nhìn mới về chiến lược (như một khuôn mẫu của một chuỗi quyết định).

- Thực hành các kỹ năng thực tế trong hoạch định về các chiến lược.

- Có thái độ học tập tích cực và chủ động với môn học này.

2. Nội dung:

2.1. Nghiên cứu tình huống: Chiến lược Volkswagenwerk từ 1934 đến 1974 và của chính phủ Mỹ tại Việt Nam từ 1950 đến 1973 (Mintzberg, 1978).

2.1.1. Chiến lược Volkswagenwerk từ 1934 đến 1974

2.1.2. Chính phủ Mỹ tại Việt Nam từ 1950 đến 1973 (Mintzberg, 1978).

2.2. Những điều kiện để thực hiện được chiến lược đã hoạch định: môi trường, tổ chức và kỹ năng lãnh đạo.

2.2.1. Môi trường

2.2.2. Tổ chức

2.2.3. Kỹ năng lãnh đạo

2.3. Chiến lược "ngẫu hứng" (emergent) và chiến lược 'định trước' (deliberate) (Mintzberg, 1985; Simons, 1992).

2.3.1. Chiến lược "ngẫu hứng" (emergent)

2.3.2. Chiến lược 'định trước' (deliberate) (Mintzberg, 1985; Simons, 1992)

Bài 3. Chiến lược cạnh tranh và lợi thế cạnh tranh

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên nắm được Lý thuyết “chiến lược cạnh tranh” của Porter (1980) được xem là một phát minh quan trọng tạo nên một bước đột phá lớn trong các nghiên cứu khoa học và thay đổi cách các doanh nghiệp phân tích ngành, phân tích các đối thủ cạnh tranh, và định vị chiến lược..

- Sinh viên được thực hành năng kỹ năng các chiến lược cạnh tranh.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung:

3.1. Đối thủ cạnh tranh, khách hàng, nhà cung cấp, doanh nghiệp mới gia nhập ngành, và các sản phẩm thay thế.

3.1.1. Đối thủ cạnh tranh

3.1.2. Khách hàng

3.1.3. Nhà cung cấp

3.1.4. Các sản phẩm thay thế

3.2. Các chiến lược cạnh tranh.

3.2.1. Trong ngành phân tán

3.2.2. Trong ngành mới nổi

3.2.3. Trong các ngành suy thoái

3.3. Quyết định chiến lược

3.3.1. Tích hợp theo chiều dọc

3.3.2. Mở rộng công suất

3.3.3. Gia nhập ngành mới

Bài 4. Tư duy chiến lược: lý thuyết trò chơi thực hành Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên nắm các Tư duy chiến lược là nghệ thuật vượt qua đối thủ cạnh tranh và biết rằng họ đang cố gắng vượt qua mình. Ngành khoa học của tư duy chiến lược dựa trên lý thuyết trò chơi (game theory) thực hành. Một lý thuyết tuy còn rất trẻ nhưng chứng tỏ được giá trị khi được nhiều nhà chiến lược áp dụng hiệu quả. Chương này sẽ tập trung giới thiệu và phân tích những ví dụ minh họa từ cuộc sống và từ doanh nghiệp, và cho sinh viên chơi trò chơi doanh nghiệp.

- Sinh viên có kỹ năng phân tích các chiến lược trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung:

4.1. Các bước tiến hành đoán câu trả lời của đối thủ.

4.2. Tư duy xuyên qua chiến lược của đối phương.

4.3. Hòa giải nghịch cảnh của người tù.

4.4. Thiết lập các bước đi chiến lược.

4.5. Kiểm soát rủi ro

4.6. Thương lượng.

Bài 5. Chiến lược đại dương xanh

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên nắm được các doanh nghiệp thường tham gia vào cuộc cạnh tranh đối đầu trực tiếp với các đối thủ cạnh tranh nhằm tìm được những lợi thế so sánh và giành giật thị trường. Tuy nhiên cuộc cạnh tranh này rất khốc liệt và lợi nhuận ngày càng sút giảm do tất cả chỉ gói gọn trong một “đại dương đỏ”. Những điều kiện nào giúp công ty có những thành công về chiến lược.

Những công ty thành công và dẫn đầu trong tương lai nhờ biết cách tạo ra “những đại dương xanh” cho những phân khúc thị trường mới nhằm tạo ra những giá trị (value creation) vượt bậc cho doanh nghiệp và khách hàng.

- Sinh viên có kỹ năng phân khúc thị trường trong quy trình sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung:

5.1. Khái niệm chiến lược đại dương xanh

5.2. Hình thành chiến lược đại dương xanh

5.3. Thực hiện chiến lược đại dương xanh

Bài 6. M&A và định giá công ty

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp là một lĩnh vực khá mới mẻ ở Việt Nam nhưng các thương vụ đang tăng lên rất nhanh về số lượng và giá trị.

- Sinh viên có kỹ năng thực hiện các quy trình sát nhập và mua bán các doanh nghiệp.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung:

6.1. Tổng quan về M&A: khuynh hướng phát triển và thực tế

6.2. M&A ở Việt Nam: thành công và thất bại

6.3. Định giá công ty: định nghĩa, phương thức, điều kiện thành công.

Bài 7. Thực hiện chiến lược: Balanced Scorecard and Levers of control

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên nắm được những khái niệm mới về báo cáo phân tích và theo dõi về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống Balanced Scorecard giúp nhà quản trị có một bức tranh tổng thể về doanh nghiệp và đánh giá được thành tích một cách xác thực. Balanced Scorecard theo dõi về tài chính, hài lòng của khách hàng, quy trình nội bộ, và khả năng doanh nghiệp học hỏi và cải tiến. Đồng thời hệ thống này giúp nhà quản trị hiểu được mối quan hệ hỗ trợ và các hàng rào chức năng, và trả lời câu hỏi về khả năng doanh nghiệp tạo ra được giá trị.

- Sinh viên có kỹ năng theo dõi về tài chính và nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung:

7.1. Balanced scorecard

7.2. Levers of control

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy tính, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức về về quản trị chiến lược cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Biết và vận dụng được kiến thức đã học vào việc xây dựng chiến lược vận tải phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp đánh giá

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm thái độ: Trọng số 0,3

(2). Điểm kiểm tra thường xuyên + định kỳ: Trọng số 0,7

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = (Điểm thái độ x 0,3) + (Điểm kiểm tra x 0,7)

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

*** Cách tính điểm TBC môn học:**

Điểm TBC Môn học = Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) + Điểm thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6).

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Mô đun chú trọng cho sinh viên làm các bài tập nhóm theo các nội dung khác nhau.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Porter, M.E., What is strategy? in Havard Business Review. 1996. p. 61-78..

[2] Porter, M., Michael Porter on Strategy. Leadership Excellence, 2005. 22(6).

[3] Mintzberg, H. and J.A. Waters, Of strategies, Deliberate and Emergent. Strategic Management Journal, 1985. 6(3): p. 257-272.

[4] Mintzberg, H., The Strategy concept I: Five Ps for Strategy. California Management Review, 1987a. Fall 1987: p. 11-24.

[5] Mintzberg, H., Patterns in strategy formation. Management Science, 1978. 24(9): p. 934-948.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Mã mô đun: MD 12

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 25 giờ, Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: mô đun Kế toán tài chính là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Mô đun Kế toán tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán tài sản cố định, kế toán vốn bằng tiền và hoạt động đầu tư tài chính, kế toán hoạt động kinh doanh hàng hoá, kế toán các nghiệp vụ thanh toán và tiền vay, kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận và báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc cơ bản trong công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ, xác định kết quả và lập báo cáo tài chính.

2.2. Về kỹ năng: Người học vận dụng Luật Kế toán, chuẩn mực và chế độ kế toán để thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất, Làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính cơ bản trong các doanh nghiệp sản xuất,

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp 1.1. Nhiệm vụ kế toán doanh nghiệp 1.2. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp 1.2.1. Yêu cầu tổ chức công tác kế toán 1.2.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán	1	1	0	0

2	<p>Bài 2: Kế toán vốn bằng tiền và hoạt động đầu tư tài chính</p> <p>2.1. Kế toán vốn bằng tiền</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.1.3. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>2.1.4. Kế toán tiền mặt</p> <p>2.1.4.1. Khái niệm</p> <p>2.1.4.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.1.4.3. Phương pháp kế toán</p> <p>2.1.5. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.1.5.1. Nội dung</p> <p>2.1.5.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.1.5.3. Phương pháp kế toán</p> <p>2.2. Kế toán hoạt động đầu tư tài chính</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.2.3. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>2.2.4. Kế toán hoạt động đầu tư chứng khoán</p> <p>2.2.4.1. Nội dung</p> <p>2.2.4.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.2.4.3. Phương pháp kế toán</p> <p>2.2.5. Kế toán hoạt động góp vốn liên doanh dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</p> <p>2.2.5.1. Nội dung</p> <p>2.2.5.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.2.5.3. Phương pháp kế toán</p> <p>2.2.6. Kế toán hoạt động cho vay vốn</p> <p>2.2.6.1. Nội dung</p> <p>2.2.6.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.2.6.3. Phương pháp kế toán</p>	8	3	5	0
3	<p>Bài 3: Kế toán tài sản cố định và công cụ, dụng cụ</p> <p>3.1. Kế toán tài sản cố định</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định</p> <p>3.1.3. Nguyên tắc kế toán</p> <p>3.1.4. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>3.1.5. Phương pháp kế toán</p> <p>3.2. Kế toán công cụ, dụng cụ</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>3.2.3. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>3.2.4. Phương pháp kế toán</p>	5	2	3	0

4	<p>Bài 4: Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa</p> <p>4.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh hàng hóa</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.2. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>4.3. Kế toán nghiệp vụ mua hàng</p> <p>4.3.1. Phương pháp mua hàng</p> <p>4.3.2. Giá hoạch toán</p> <p>4.3.3. Nguyên tắc kế toán</p> <p>4.3.4. Phương pháp kế toán</p> <p>4.4. Kế toán nghiệp vụ bán hàng</p> <p>4.4.1. Phương pháp mua hàng</p> <p>4.4.2. Giá hoạch toán</p> <p>4.4.3. Nguyên tắc kế toán</p> <p>4.4.4. Phương pháp kế toán</p> <p>4.5. Kế toán kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho</p> <p>4.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</p> <p>4.7. Kế toán chi phí trong kinh doanh hàng hóa</p> <p>4.7.1. Khái niệm</p> <p>4.7.2. Phân loại chi phí kinh doanh hàng hóa</p> <p>4.7.3. Nguyên tắc kế toán</p> <p>4.7.4. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>4.7.5. Phương pháp kế toán</p>	8	3	5	0
5	<p>Bài 5: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán và tiền vay</p> <p>5.1. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>5.1.3. Nhiệm vụ kế toán</p> <p>5.1.4. Các hình thức thanh toán không dung tiền mặt</p> <p>5.1.5. Kế toán thanh toán với người bán</p> <p>5.1.6. Kế toán thanh toán với khách hàng</p> <p>5.1.7. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi</p> <p>5.1.8. Kế toán thanh toán tạm ứng</p> <p>5.1.9. Kế toán thanh toán với ngân sách Nhà nước</p> <p>5.2. Kế toán các khoản tiền vay</p> <p>5.2.1. Khái niệm</p> <p>5.2.2. Nguyên tắc kế toán</p>	6	2	4	0

	5.2.3. Nhiệm vụ kế toán 5.2.4. Phương pháp kế toán				
6	Bài 6: Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận 6.1. Kế toán lợi nhuận 6.1.1. Khái niệm. 6.1.2. Cấu thành lợi nhuận 6.1.3. Nguyên tắc kế toán 6.1.4. Nhiệm vụ kế toán 6.1.5. Phương pháp kế toán 6.2. Kế toán phân phối lợi nhuận 6.2.1. Khái niệm. 6.2.2. Nguyên tắc kế toán 6.2.3. Nhiệm vụ kế toán 6.2.4. Phương pháp kế toán	6	2	4	0
7	Bài 7: Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp 7.1. Những quy định chung 7.1.1. Mục đích 7.1.2. Nội dung hệ thống báo cáo tài chính 7.1.3. Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính 7.2.2. Phương pháp lập báo cáo tài chính 7.2.1. Bảng cân đối kế toán 7.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6	2	4	0
8	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Nắm được nhiệm vụ và việc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

2. Nội dung

2.1. Nhiệm vụ kế toán doanh nghiệp

2.2. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

2.2.1. Yêu cầu tổ chức công tác kế toán

2.2.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán

Bài 2. Kế toán vốn bằng tiền và hoạt động đầu tư tài chính, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm, nguyên tắc chung và nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền.

Trình bày được nguyên tắc và phương pháp kế toán hoạt động đầu tư tài chính.

Áp dụng thực hiện các thủ tục kế toán vốn bằng tiền và hoạt động đầu tư tài chính vào thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kế toán vốn bằng tiền

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguyên tắc kế toán

2.1.3. Nhiệm vụ kế toán

2.1.4. Kế toán tiền mặt

2.1.4.1. Khái niệm

2.1.4.2. Nguyên tắc kế toán

2.1.4.3. Phương pháp kế toán

2.1.5. Nguyên tắc kế toán

2.1.5.1. Nội dung

2.1.5.2. Nguyên tắc kế toán

2.1.5.3. Phương pháp kế toán

2.2. Kế toán hoạt động đầu tư tài chính

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nguyên tắc kế toán

2.2.3. Nhiệm vụ kế toán

2.2.4. Kế toán hoạt động đầu tư chứng khoán

2.2.4.1. Nội dung

2.2.4.2. Nguyên tắc kế toán

2.2.4.3. Phương pháp kế toán

2.2.5. Kế toán hoạt động góp vốn liên doanh dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

2.2.5.1. Nội dung

2.2.5.2. Nguyên tắc kế toán

2.2.5.3. Phương pháp kế toán

2.2.6. Kế toán hoạt động cho vay vốn

2.2.6.1. Nội dung

2.2.6.2. Nguyên tắc kế toán

2.2.6.3. Phương pháp kế toán

Bài 3: Kế toán tài sản cố định và công cụ, dụng cụ, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc kế toán và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định;
- Hiểu và phân loại được tài sản cố định và đánh giá tài sản cố định theo nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại;
- Trình bày được phương pháp kế toán tài sản cố định (hữu hình, vô hình);
- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc, nhiệm vụ và phương pháp kế toán công cụ, dụng cụ.

2. Nội dung

2.1. Kế toán tài sản cố định

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định

2.1.3. Nguyên tắc kế toán

2.1.4. Nhiệm vụ kế toán

2.1.5. Phương pháp kế toán

2.2. Kế toán công cụ, dụng cụ

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nguyên tắc kế toán

2.2.3. Nhiệm vụ kế toán

2.2.4. Phương pháp kế toán

Bài 4. Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc và phương pháp kế toán và nhiệm vụ kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa (mua hàng, bán hàng trong nước);
- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa.

- Vận dụng kế hoạch hoạt động kinh doanh vào thực tế.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh hàng hóa

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.2. Nhiệm vụ kế toán

2.3. Kế toán nghiệp vụ mua hàng

2.3.1. Phương pháp mua hàng

2.3.2. Giá hoạch toán

2.3.3. Nguyên tắc kế toán

2.3.4. Phương pháp kế toán

2.4. Kế toán nghiệp vụ bán hàng

2.4.1. Phương pháp mua hàng

2.4.2. Giá hoạch toán

2.4.3. Nguyên tắc kế toán

2.4.4. Phương pháp kế toán

2.5. Kế toán kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho

2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

2.7. Kế toán chi phí trong kinh doanh hàng hóa

2.7.1. Khái niệm

2.7.2. Phân loại chi phí kinh doanh hàng hóa

2.7.3. Nguyên tắc kế toán

2.7.4. Nhiệm vụ kế toán

2.7.5. Phương pháp kế toán

Bài 5. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán và tiền vay, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc kế toán và nhiệm vụ kế toán các khoản thanh toán;

- Trình bày được nội dung và phương pháp: kế toán thanh toán với người bán và mua hàng; kế toán thanh toán các khoản phải thu, phải trả khác; kế toán dự phòng phải thu khó

đòi; kế toán thanh toán với người nhận tạm ứng; kế toán thanh toán với ngân sách Nhà Nước; kế toán các khoản tiền vay.

2. Nội dung

2.1. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguyên tắc kế toán

2.1.3. Nhiệm vụ kế toán

2.1.4. Các hình thức thanh toán không dung tiền mặt

2.1.5. Kế toán thanh toán với người bán

2.1.6. Kế toán thanh toán với khách hàng

2.1.7. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi

2.1.8. Kế toán thanh toán tạm ứng

2.1.9. Kế toán thanh toán với ngân sách Nhà nước

2.2. Kế toán các khoản tiền vay

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nguyên tắc kế toán

2.2.3. Nhiệm vụ kế toán

2.2.4. Phương pháp kế toán

Bài 6. Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các hoạt động khác;

- Trình bày được khái niệm, cấu thành lợi nhuận, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán lợi nhuận;

- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán phân phối lợi nhuận.

- Ứng dụng kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Kế toán lợi nhuận

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Cấu thành lợi nhuận

- 2.1.3. Nguyên tắc kế toán
- 2.1.4. Nhiệm vụ kế toán
- 2.1.5. Phương pháp kế toán
- 2.2. Kế toán phân phối lợi nhuận
 - 2.2.1. Khái niệm.
 - 2.2.2. Nguyên tắc kế toán
 - 2.2.3. Nhiệm vụ kế toán
 - 2.2.4. Phương pháp kế toán

Bài 7. Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những quy định chung (mục đích, nội dung báo cáo tài chính, trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính);
- Phân tích được bản chất, ý nghĩa và phương pháp lập báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cuối niên độ kế toán).

2. Nội dung

- 2.1. Những quy định chung
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Nội dung hệ thống báo cáo tài chính
 - 2.1.3. Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính
- 2.2. Phương pháp lập báo cáo tài chính
 - 2.2.1. Bảng cân đối kế toán
 - 2.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- 1. Phòng học lý thuyết
- 2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.
- 3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)
- 4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

- 1. Nội dung:

- Về kiến thức: Mô đun này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản vai trò, chức năng, các loại hình của công tác kế toán tài chính trong các tổ chức và doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, so sánh, khái quát cho sinh viên. Đồng thời ứng dụng các loại hình kế toán vào doanh nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn, tích cực, chủ động.

2. Phương pháp giảng dạy: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. NGND Ngô Thế Chi và PGS.TS. Trương Thị Thủy, *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính, 2013.

[2] Bộ tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp, Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán* (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Mã mô đun: MĐ 13

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ; Kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Mô đun thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Nhận diện và sử dụng được các cấu trúc câu và thuật ngữ tiếng Anh được dùng trong giao dịch kinh doanh;
- Thực hiện được các chủ đề giao tiếp cơ bản (giao tiếp trực tiếp, qua điện thoại, email) với người nước ngoài/đối tác kinh doanh bằng tiếng Anh.
- Thực hiện các hoạt động sau bằng tiếng Anh: giới thiệu cho khách hàng các thông tin về công ty và sản phẩm, dịch vụ của công ty; giải quyết các khiếu nại về của khách hàng bằng tiếng Anh;
- Đánh giá và viết được bài tiểu luận bằng tiếng Anh về các vấn đề kinh doanh thường gặp;
- Soạn thảo được các văn bản và thực hiện các hoạt động liên quan tới tuyên dụng, phỏng vấn bằng tiếng Anh;
- Đọc hiểu và viết được báo cáo phân tích dữ liệu cơ bản trong kinh doanh bằng tiếng Anh.

2.2. Về kỹ năng:

- Hiểu, sử dụng và vận dụng được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành, khái niệm, các cấu trúc câu tiếng Anh tương đối phức tạp trong giao dịch kinh doanh;
- Có khả năng xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến kinh tế, thương mại, phát triển được nghiệp vụ kinh doanh thương mại;
- Có thể thảo luận, trình bày các chủ đề có liên quan đến kinh doanh bằng tiếng Anh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Yêu thích hơn công việc quản lý dự án;
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có kế hoạch trong công việc;
- Có ý thức tự học và biết kết hợp làm việc theo nhóm;
- Tăng khả năng tư duy logic và thái độ hợp tác hơn.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Unit 1: What is leadership? 1.1. Qualities of leader 1.2 Entrepreneurship	3	1	2	0
2	Unit 2: Culture and Change 2.1 Organizational culture 2.2 Change management	3	1	2	0
3	Unit 3: Organizations and Operations 3.1. Organizational structure and analysis 3.2. Production methods	3	1	2	0
4	Unit 4: Production and Management 4.1. Process engineering 4.2. MBO 4.3. Project management 4.4. Quality management	3	1	2	0
5	Unit 5: Strategy and Business Environment 5.1. Crisis and contingency planning 5.2. International markets and situation analysis 5.3. Competition	3	1	2	0
6	Unit 6: Finance for Strategy 6.1. The time value of money 6.2. Asset, bond and share valuation 6.3. Project appraisal	5	2	3	0
7	Unit 7: Budgets Decisions and Risk 7.1. Management accounting and budgetary control 7.2. Quantitative decision – making 7.3. Risk analysis	5	2	3	0
8	Unit 8: People as a Resource 8.1. Groups and teams 8.2. Diversity 8.3. Recruitment	3	1	2	0
9	Unit 9: Developing People	5	2	3	0

	9.1. Motivation and rewards 9.2. Learning and development 9.3. Hard and soft HRM				
10	Unit 10: Industrial Relations 10.1. Evolution of industrial relations 10.2. Issues in industrial realations 10.3. Topical procedures including industrial action	3	1	2	0
11	Unit 11: Marketing Management 11.1. Marketing orientation and market share 11.2. Marketing and brand strategy 11.3. The marketing process from analysis to maketing mix formulation	3	1	2	0
12	Review and Test	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: What is leadership?, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lãnh đạo và làm chủ doanh nghiệp.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về lãnh đạo và làm chủ doanh nghiệp.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề lãnh đạo và làm chủ doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Qualities of leader

2.2 Entrepreneurship

Unit 2: Culture and Change, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các loại hình văn hóa trong một tổ chức và quản trị những thay đổi trong hoạt động kinh doanh sản xuất.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các loại hình văn hóa trong một tổ chức và quản trị những thay đổi trong hoạt động kinh doanh sản xuất.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề về các loại hình văn hóa trong một tổ chức và quản trị những thay đổi trong hoạt động kinh doanh sản xuất.

2. Nội dung

2.1 Organizational culture

2.2 Change management

Unit 3: Organizations and Operations, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được về cơ cấu tổ chức và các hoạt động của doanh nghiệp.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về cơ cấu tổ chức và các hoạt động của doanh nghiệp.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề về cơ cấu tổ chức và các hoạt động của doanh nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Organizational structure and analysis

2.2. Production methods

Unit 4: Production and Management, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về lập kế hoạch phòng chống khủng hoảng và các sự cố bất ngờ; phân tích thị trường quốc tế và cạnh tranh.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về lập kế hoạch phòng chống khủng hoảng và các sự cố bất ngờ; phân tích thị trường quốc tế và cạnh tranh.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề về lập kế hoạch phòng chống khủng hoảng và các sự cố bất ngờ; phân tích thị trường quốc tế và cạnh tranh.

2. Nội dung

2.1. Process engineering

2.2. MBO

2.3. Project management

2.4. Quality management

Unit 5: Strategy and Business Environment, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về quản trị sản xuất: quản trị chất lượng, quản trị dự án.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về quản trị sản xuất: quản trị chất lượng, quản trị dự án.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề quản trị sản xuất: quản trị chất lượng, quản trị dự án.

2. Nội dung

2.1. Crisis and contingency planning

2.2. International markets and situation analysis

2.3. Competition

Unit 6: Finance for Strategy, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về giá trị thời gian của tiền, định giá cổ phiếu, trái phiếu và tài sản; thẩm định dự án đầu tư.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về giá trị thời gian của tiền, định giá cổ phiếu, trái phiếu và tài sản; thẩm định dự án đầu tư.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề giá trị thời gian của tiền, định giá cổ phiếu, trái phiếu và tài sản; thẩm định dự án đầu tư.

2. Nội dung

2.1. The time value of money

2.2. Asset, bond and share valuation

2.3. Project appraisal

Unit 7: Budgets Decisions and Risk, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về quản trị sản xuất: quản trị chất lượng, quản trị dự án.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về quản trị sản xuất: quản trị chất lượng, quản trị dự án.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề quản trị sản xuất: quản trị chất lượng, quản trị dự án.

2. Nội dung

2.1. Management accounting and budgetary control

2.2. Quantitative decision – making

2.3. Risk analysis

Unit 8: People as a Resource, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về tuyển dụng và làm việc nhóm.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về tuyển dụng và làm việc nhóm.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề tuyển dụng và làm việc nhóm.

2. Nội dung

2.1. Groups and teams

2.2. Diversity

2.3. Recruitement

Unit 9: Developing People, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về phát triển nguồn nhân lực.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về phát triển nguồn nhân lực.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề phát triển nguồn nhân lực.

2. Nội dung

2.1. Motivation and rewards

2.2. Learning and development

2.3. Hard and soft HRM

Unit 10: Industrial Relations, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về mối quan hệ giữa các ngành và khu vực kinh doanh.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về mối quan hệ giữa các ngành và khu vực kinh doanh.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề mối quan hệ giữa các ngành và khu vực kinh doanh.

2. Nội dung

2.1. Evolution of industrial relations

2.2. Issues in industrial realations

2.3. Topical procedures including industrial action

Unit 11: Marketing Managemen , Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chủ đề về quản trị và chiến lược marketing.

Hình thành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về quản trị và chiến lược marketing.

Làm các bài tập thực hành theo chủ đề quản trị và chiến lược marketing.

2. Nội dung:

2.1. Marketing orientation and market share

2.2. Marketing and brand strategy

2.3. The marketing process from analysis to marketing mix formulation

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lab.
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy tính, màn chiếu....
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bút viết bảng, bảng viết
4. Các điều kiện khác: giáo trình Tiếng anh chuyên ngành.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiếng anh chuyên ngành đối với lĩnh vực quản trị kinh doanh;

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng đọc, hiểu,... cho sinh viên;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp giảng dạy: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;

- Đối với người học: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* tất cả các bài.

4. *Tài liệu tham khảo:*

- Tài liệu giảng dạy chính

[1] Corballis, T. & Jennings, W. (2009) English for Management Studies. Reading: Garnet Education.

- Tài liệu tham khảo

[2] Pilbeam, A. (2000). Market Leader – International Management. Harlow: Pearson Longman.

[3] Mackenzie I. (2001). Management and Marketing. Stamford: Thomson Heinle.

[4] Kinicki, A. & Williams, B.K. (2006). Management. New York: McGraw-Hill/Irwin.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ DỰ ÁN

Mã mô đun: MĐ 14

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đây là mô đun thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
- Tính chất: Mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

Đạt được kiến thức cơ bản về quản trị dự án như sau:

- + Mô hình quản lý dự án.
- + Các lập kế hoạch cho dự án.
- + Quản lý thời gian và các nguồn lực dự án.
- + Phối hợp điều hòa nguồn lực.
- + Quản lý rủi ro và chất lượng dự án.

2.2. Về kỹ năng:

- + Vận dụng kiến thức môn học để lập và quản trị một dự án kinh doanh nhỏ.
- + Có kỹ năng quản lý thời gian và các nguồn lực khác.
- + Có kỹ năng quản lý rủi ro của dự án.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Yêu thích hơn công việc quản lý dự án.
- + Thái độ làm việc nghiêm túc, có kế hoạch trong công việc.
- + Có ý thức tự học và biết kết hợp làm việc theo nhóm.
- + Tăng khả năng tư duy logic và thái độ hợp tác hơn.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư 1.1 Một số khái niệm cơ bản 1.1.1 Quản trị 1.1.2 Dự án 1.1.3 Đầu tư 1.1.4 Dự án đầu tư 1.1.5 Quản trị dự án đầu tư 1.2. Phân loại đầu tư 1.2.1 Phân loại theo chức năng quản trị vốn 1.2.2 Phân loại theo nguồn vốn 1.2.3 Phân loại theo nội dung kinh tế 1.2.4 Phân loại theo mục tiêu đầu tư 1.3. Phân loại dự án đầu tư 1.3.1. Phân loại theo quy mô tính chất 1.3.2. Phân loại theo nguồn vốn	8	6	2	0
2	Bài 2: Thiết lập dự án đầu tư 2.1. Vai trò và yêu cầu của một dự án đầu tư 2.1.1. Vai trò của một dự án đầu tư 2.1.2 Yêu cầu của một dự án đầu tư 2.2. Ba giai đoạn triển khai và thực hiện một dự án đầu tư 2.2.1. Giai đoạn tiền đầu tư 2.2.2 Giai đoạn đầu tư (thực hiện đầu tư) 2.2.3. Giai đoạn hậu đầu tư (đánh giá hậu dự án) 2.3. Bộ cục của một dự án khả thi 2.4. Nghiên cứu một số nội dung chính của dự án khả thi 2.4.1. Nghiên cứu thị trường 2.4.2. Nghiên cứu nội dung kỹ thuật 2.4.3. Nghiên cứu nội dung tổ chức 2.4.4. Nghiên cứu nội dung tài chính 2.4.5. Nghiên cứu nội dung môi trường	15	6	9	0
3	Bài 3: Phân tích dự án đầu tư 3.1. Lãi suất tính toán 3.1.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tính toán 3.1.2. Các phương pháp xác định lãi suất tính toán 3.2. Các phương pháp tính khấu hao	15	10	5	0

	<p>3.2.1. Phương pháp khấu hao theo đường thẳng</p> <p>3.2.2. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh</p> <p>3.2.3. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm</p> <p>3.3. Một số chỉ tiêu cơ bản dùng để phân tích dự án đầu tư</p> <p>3.3.1. NPV</p> <p>3.3.2. IRR</p> <p>3.3.3. B/C</p> <p>3.3.4. PP</p> <p>3.4. Phân tích điểm hòa vốn</p> <p>3.5. Phương pháp xếp hạng vấn đề</p>				
4	<p>Bài 4: Quản trị dự án đầu tư</p> <p>4.1. Quản trị thời gian</p> <p>4.1.1 Phương pháp sơ đồ GANTT</p> <p>4.1.2 Phương pháp sơ đồ PERT</p> <p>4.2. Quản trị chi phí</p> <p>4.2.1. Kỹ thuật kiểm soát chi phí thực hiện dự án</p> <p>4.2.2. Kỹ thuật tích hợp kiểm soát công việc và chi phí với thời gian thực hiện dự án</p> <p>4.2.3. Kiểm soát chi phí hoàn thành trước hạn</p> <p>4.2.4. Phân tích Earned Value</p> <p>4.2.5. Các loại chỉ số phản ánh tình hình thực hiện dự án</p> <p>4.3 Quản trị nguồn lực</p> <p>4.3.1. Bố trí sử dụng nguồn lực thực hiện dự án</p> <p>4.3.2. Điều hòa nguồn lực thực hiện dự án</p> <p>4.3.3. Bố trí và điều hòa nhân lực thực hiện dự án</p>	17	6	11	0
6	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	27	28	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học;

- Trình bày được các khái niệm: đầu tư, dự án đầu tư, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư.

2. Nội dung

2.1 Một số khái niệm cơ bản

2.1.1 Quản trị

2.1.2 Dự án

2.1.3 Đầu tư

2.1.4 Dự án đầu tư

2.1.5 Quản trị dự án đầu tư

2.2. Phân loại đầu tư

2.2.1 Phân loại theo chức năng quản trị vốn

2.2.2 Phân loại theo nguồn vốn

2.2.3 Phân loại theo nội dung kinh tế

2.2.4 Phân loại theo mục tiêu đầu tư

2.3. Phân loại dự án đầu tư

2.3.1. Phân loại theo quy mô tính chất

2.3.2. Phân loại theo nguồn vốn

Bài 2: Thiết lập dự án đầu tư, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được được các nội dung chủ yếu của dự án;
- Trình bày được các mục tiêu, yêu cầu khi tiến hành lập dự án;
- Vận dụng quy trình, trình tự tiến hành lập dự án;
- Có thể xây dựng được về cơ cấu đối với một dự án kinh doanh.

2. Nội dung

2.1. Vai trò và yêu cầu của một dự án đầu tư

2.1.1. Vai trò của một dự án đầu tư

2.1.2 Yêu cầu của một dự án đầu tư

2.2. Ba giai đoạn triển khai và thực hiện một dự án đầu tư

2.2.1. Giai đoạn tiền đầu tư

2.2.2 Giai đoạn đầu tư (thực hiện đầu tư)

- 2.2.3. Giai đoạn hậu đầu tư (đánh giá hậu dự án)
- 2.3. Bố cục của một dự án khả thi
- 2.4. Nghiên cứu một số nội dung chính của dự án khả thi
 - 2.4.1. Nghiên cứu thị trường
 - 2.4.2. Nghiên cứu nội dung kỹ thuật
 - 2.4.3. Nghiên cứu nội dung tổ chức
 - 2.4.4. Nghiên cứu nội dung tài chính
 - 2.4.5. Nghiên cứu nội dung môi trường

Bài 3: Phân tích dự án đầu tư, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu và xây dựng được hệ thống các tiêu chuẩn lựa chọn dự án;
- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn vào trong công tác lựa chọn dự án;
- Hiểu và triển khai được các bước công việc của hệ thống quản lý danh mục dự án.

2. Nội dung

- 2.1. Lãi suất tính toán
 - 2.1.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tính toán
 - 2.1.2. Các phương pháp xác định lãi suất tính toán
- 2.2. Các phương pháp tính khấu hao
 - 2.2.1. Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
 - 2.2.2. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh
 - 2.2.3. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm
- 2.3. Một số chỉ tiêu cơ bản dùng để phân tích dự án đầu tư
 - 2.3.1. NPV
 - 2.3.2. IRR
 - 2.3.3. B/C
 - 2.3.4. PP
- 2.4. Phân tích điểm hòa vốn
- 2.5. Phương pháp xếp hạng vấn đề

Bài 4: Quản trị dự án đầu tư, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Phát triển được sơ đồ mạng dự án
- Hiểu được việc ước tính thời gian thực hiện các hoạt động dự án là cơ sở cho việc lập kế hoạch và kiểm soát tiến độ dự án;
- Hiểu được các nguyên tắc áp dụng trong ước tính thời gian thực hiện công việc;
- Nhận biết được các phương pháp ước tính thời gian thực hiện từng công việc và cả dự án;
- Hiểu được quá trình tính toán các mốc thời gian sớm nhất, thời gian muộn nhất, thời gian dự trữ và các hoạt động nằm trên đường Găng.

2. Nội dung

2.1. Quản trị thời gian

2.1.1 Phương pháp sơ đồ GANTT

2.1.2 Phương pháp sơ đồ PERT

2.2. Quản trị chi phí

2.2.1. Kỹ thuật kiểm soát chi phí thực hiện dự án

2.2.2. Kỹ thuật tích hợp kiểm soát công việc và chi phí với thời gian thực hiện dự án

2.2.3. Kiểm soát chi phí hoàn thành trước hạn

2.2.4. Phân tích Earned Value

2.2.5. Các loại chỉ số phản ánh tình hình thực hiện dự án

2.3 Quản trị nguồn lực

2.3.1. Bố trí sử dụng nguồn lực thực hiện dự án

2.3.2. Điều hòa nguồn lực thực hiện dự án

2.3.3. Bố trí và điều hòa nhân lực thực hiện dự án

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy tính, màn chiếu...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bút viết bảng, bảng viết

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung: Đảm bảo các mục tiêu đầu ra về:

- Về kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản vai trò, chức năng của công tác quản trị dự án.
- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, lập kế hoạch, dự án.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn.

2. Phương pháp giảng dạy: Thực hiện phương pháp dạy/học tích cực:

- Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi và giải bài tập;

- Nghiên cứu tài liệu;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình áp dụng cho trình độ Cao đẳng;

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;

- Đối với người học: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cách thức triển khai một dự án cụ thể, liên hệ vận dụng trong việc soạn thảo một hồ sơ dự án hoàn chỉnh cho hoạt động ra quyết định đầu tư và thu hút nguồn tài trợ, và sự ủng hộ từ các bên liên quan trong dự án;

- Vận dụng những hiểu biết, kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí vào cho hoạt động lập, thẩm định và quản trị một dự án đầu tư.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Phạm Xuân Giang, *Giáo trình Quản trị dự án đầu tư*, NXB Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, quý IV/2009.

[2] TS.Đình Thế Hiền, *Lập và thẩm định hiệu quả tài chính Dự án đầu tư*, NXB Thống kê, 2009.

[3] PGS.TS Phước Minh Hiệp, ThS.Lê Thị Vân Đan, *Thiết lập & Thẩm định Dự án đầu tư*, NXB Thống kê, 2007.

[4] TS. Nguyễn Xuân Thủy, ThS.Trần Việt Hoa, ThS.Nguyễn Việt Ánh, *Quản trị dự án đầu tư*, NXB Thống kê, 08/2009.

[5] Stephen Barker Rob Cole, Minh Thư dịch, *Thật đơn giản Quản lý dự án*, NXB Lao động-Xã hội, quý II/2009.

[6] Gary R.Heerkens, người dịch: Trần Lê Dung, *Quản lý dự án*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh & Mc Graw Hill Education, 09/2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ MARKETING

Mã mô đun: MD 15

Số tín chỉ: 3(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Quản trị marketing là mô đun bắt trong chương trình đào tạo. Mô đun này học ở học kỳ III năm 2.

- Tính chất: Mô đun trang bị cho học sinh kiến thức, mô đun quản trị marketing nghiên cứu những kiến thức cơ bản, nền tảng về quản trị marketing. Sau khi học xong, học sinh có thể hiểu một cách rõ ràng và cụ thể các yêu cầu đối với người bán hàng, cách tiếp cận và bán hàng hiệu quả với thái độ phục vụ tận tâm, văn minh, lịch sự, biết cách trưng bày hàng hoá, có thể xây dựng được quy trình bán hàng trong khu vực quản lý, tìm kiếm khách hàng tiềm năng, thiết lập cuộc hẹn, tiếp xúc khách hàng và biết cách giải quyết một số mâu thuẫn, rắc rối cơ bản với khách hàng.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức: Trình bày được những nguyên lý về marketing và quản trị marketing, các khái niệm liên quan, các chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối và truyền thông trong quản trị marketing

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức của môn học và kết hợp với các môn học khác để giải thích một số các khái niệm, nguyên lý trong marketing; Phân tích được môi trường và phân đoạn được thị trường marketing; Xác định được nhu cầu và hành vi của khách hàng công nghiệp và khách hàng là người tiêu dùng; So sánh được marketing trong kinh doanh, tiêu dùng và trong xã hội.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập; Tuân thủ những yêu cầu về phẩm chất của nhà quản trị là sáng tạo, nhạy bén, trung thực, chính xác, khoa học.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra

1	<p>Bài 1. Bản chất của Marketing</p> <p>1.1. Quan điểm marketing trong kinh doanh</p> <p>1.1.1. Các quan điểm quản trị doanh nghiệp</p> <p>1.1.2. Những triết lý cơ bản của quan điểm marketing</p> <p>1.2. Khái niệm marketing.</p> <p>1.3. Vai trò của marketing trong kinh doanh và trong xã hội</p> <p>1.3.1. Vai trò của marketing đối với doanh nghiệp</p> <p>1.3.2. Vai trò của marketing đối với người tiêu dùng</p> <p>1.3.3. Vai trò của marketing đối với xã hội</p>	1	1	0	0
2	<p>Bài 2. Kế hoạch hoá chiến lược và quá trình quản trị marketing</p> <p>2.1. Kế hoạch hoá chiến lược</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Quá trình kế hoạch hoá chiến lược</p> <p>2.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức</p> <p>2.1.4. Các mục tiêu của tổ chức</p> <p>2.1.5. Các chiến lược của tổ chức</p> <p>2.1.6. Danh mục đầu tư củ tổ chức</p> <p>2.2. Quá trình quản trị marketing</p> <p>2.2.1. Nhiệm vụ và mục tiêu về marketing của doanh nghiệp</p> <p>2.2.2. Phân tích hoàn cảnh</p> <p>2.2.3. Kế hoạch hoá marketing</p> <p>2.2.4. Thực hiện, kiểm tra và điều khiển kế hoạch marketing</p> <p>2.2.5. Hệ thống thông tin Marketing và nghiên cứu Marketing</p> <p>2.3. Mối quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch Marketing</p>	4	2	2	0
3	<p>Bài 3. Môi trường marketing</p> <p>3.1 Môi trường hoạt động của Marketing</p> <p>3.2 Môi trường tự nhiên</p> <p>3.3 Môi trường văn hoá xã hội</p> <p>3.4 Môi trường nhân khẩu học</p> <p>3.5 Môi trường kinh tế và cạnh tranh</p> <p>3.6 Môi trường khoa học và công nghệ</p> <p>3.7 Chính trị luật pháp</p>	4	1	3	0
4	<p>Bài 4. Khách hàng của doanh nghiệp, phân đoạn thị trường và các chiến lược marketing theo thị trường mục tiêu</p> <p>4.1. Thị trường tiêu dùng cá nhân và hành vi của người tiêu dùng cá nhân</p>	7	2	5	0

	<p>4.2. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức</p> <p>4.3. Xác định vị thế của hãng</p> <p>4.4. Phân chia thị trường theo các tiêu thức phù hợp</p> <p>4.5. Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm</p> <p>4.5.1. Lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>4.5.2. Định vị sản phẩm</p> <p>4.6. Quyết định chiến lược Marketing nhằm khai thác các đoạn thị trường mục tiêu.</p> <p>4.7. Hoạch định Marketing Mix</p>				
5	<p>Bài 5. Quản trị chiến lược sản phẩm và phát triển sản phẩm mới</p> <p>5.1. Các vấn đề cơ bản trong quản lý sản phẩm</p> <p>5.2. Chu kỳ sống của sản phẩm</p> <p>5.3. Kiểm tra sản phẩm</p> <p>5.4. Tổ chức quản trị sản phẩm</p> <p>5.5. Chính sách sản phẩm mới</p> <p>5.6. Quá trình phát triển và kế hoạch hoá sản phẩm mới</p> <p>5.7. Sự cần thiết của nghiên cứu sản phẩm mới</p>	8	3	5	0
6	<p>Bài 6. Chiến lược và chương trình định giá</p> <p>6.1. Các yếu tố từ phía cầu ảnh hưởng đến quyết định giá</p> <p>6.2. Các yếu tố từ phía cung ảnh hưởng đến quyết định giá</p> <p>6.3. Những ảnh hưởng của môi trường đến quyết định giá</p> <p>6.4. Mô hình quyết định giá</p> <p>6.5. Phân biệt giá</p> <p>6.6. Điều chỉnh giá</p>	6	2	4	0
7	<p>Bài 7. Quản trị hệ thống kênh phân phối</p> <p>7.1. Bản chất và chức năng của hệ thống kênh phân phối</p> <p>7.2. Cấu trúc và hoạt động của kênh phân phối</p> <p>7.3. Tổ chức kênh phân phối và quản lý kênh phân phối</p> <p>7.4. Quyết định về kênh phân phối</p>	6	2	4	0
8	<p>Bài 8. Chính sách truyền thông trong quản trị marketing</p> <p>8.1. Khái quát về truyền thông</p> <p>8.1.1. Bản chất của truyền thông</p> <p>8.1.2. Các hình thức truyền thông</p>	4	2	2	0

	8.1.3. Những khác biệt cơ bản trong truyền thông giữa marketing công nghiệp và marketing tiêu dùng. 8.2. Tiến trình xây dựng chương trình truyền thông 8.3. Truyền thông các sản phẩm công nghiệp 8.3.1. Bán hàng cá nhân 8.3.2. Khuyến mại 8.3.3. Marketing trực tiếp 8.4. Quảng cáo				
9	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Bản chất của Marketing, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm về marketing, về khách hàng và sản phẩm trong marketing.

- Có khả năng phân biệt được các loại sản phẩm trong marketing.

- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học.

2. Nội dung

1.1. Quan điểm marketing trong kinh doanh

1.1.1. Các quan điểm quản trị doanh nghiệp

1.1.2. Những triết lý cơ bản của quan điểm marketing

1.2. Khái niệm marketing.

1.3. Vai trò của marketing trong kinh doanh và trong xã hội

1.3.1. Vai trò của marketing đối với doanh nghiệp

1.3.2. Vai trò của marketing đối với người tiêu dùng

1.3.3. Vai trò của marketing đối với xã hội

Bài 2. Kế hoạch hoá chiến lược và quá trình quản trị marketing,

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm quá trình kế hoạch hoá chiến lược và quan hệ của nó tới quá trình kế hoạch hoá marketing.

- Thực hành được các kỹ năng xử lý các tình huống về so sánh quá trình kế hoạch hoá chiến lược và quá trình kế hoạch hoá marketing.

- Có thái độ học tập tích cực và chủ động với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Kế hoạch hoá chiến lược

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Quá trình kế hoạch hoá chiến lược

2.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức

2.1.4. Các mục tiêu của tổ chức

2.1.5. Các chiến lược của tổ chức

2.1.6. Danh mục đầu tư củ tổ chức

2.2. Quá trình quản trị marketing

2.2.1. Nhiệm vụ và mục tiêu về marketing của doanh nghiệp

2.2.2. Phân tích hoàn cảnh

2.2.3. Kế hoạch hoá marketing

2.2.4. Thực hiện, kiểm tra và điều khiển kế hoạch marketing

2.2.5. Hệ thống thông tin Marketing và nghiên cứu Marketing

2.3. Mối quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch Marketing

Bài 3. Môi trường marketing, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những được các khái niệm, những đặc điểm của các môi trường marketing.

- Có khả năng kỹ năng thực hiện xử lý được các tình huống, xác định được các tác động của các môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

3.1 Môi trường hoạt động của Marketing

3.2 Môi trường tự nhiên

3.3 Môi trường văn hoá xã hội

3.4 Môi trường nhân khẩu học

3.5 Môi trường kinh tế và cạnh tranh

3.6 Môi trường khoa học và công nghệ

3.7 Chính trị luật pháp

Bài 4. Khách hàng của doanh nghiệp, phân đoạn thị trường và các chiến lược marketing theo thị trường mục tiêu, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng, những yêu cầu và tiêu thức của phân đoạn thị trường công nghiệp.

- Có kỹ năng xử lý các tình huống trong tình huống xác định được các tiêu thức phân đoạn và tiến trình phân đoạn, lựa chọn được thị trường mục tiêu.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

4.1. Thị trường tiêu dùng cá nhân và hành vi của người tiêu dùng cá nhân

4.2. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức

4.3. Xác định vị thế của hãng

4.4. Phân chia thị trường theo các tiêu thức phù hợp

4.5. Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm

4.5.1. Lựa chọn thị trường mục tiêu

4.5.2. Định vị sản phẩm

4.6. Quyết định chiến lược Marketing nhằm khai thác các đoạn thị trường mục tiêu.

4.7. Hoạch định Marketing Mix

Bài 5. Quản trị chiến lược sản phẩm và phát triển sản phẩm mới, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Giúp sinh viên nắm được những khái niệm sản phẩm, sản phẩm mới và những nội dung chủ yếu của chính sách sản phẩm.

- Sinh viên có kỹ năng để có thể phân biệt sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng.

- Sinh viên có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

5.1. Các vấn đề cơ bản trong quản lý sản phẩm

5.2. Chu kỳ sống của sản phẩm

5.3. Kiểm tra sản phẩm

5.4. Tổ chức quản trị sản phẩm

5.5. Chính sách sản phẩm mới

5.6. Quá trình phát triển và kế hoạch hoá sản phẩm mới

5.7. Sự cần thiết của nghiên cứu sản phẩm mới

Bài 6. Chiến lược và chương trình định giá, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm, vai trò của giá cả và các yếu tố ảnh hưởng đến hình thành giá.

- Có kỹ năng xác định giá bằng các phương pháp khác nhau trong marketing.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

6.1. Các yếu tố từ phía cầu ảnh hưởng đến quyết định giá

6.2. Các yếu tố từ phía cung ảnh hưởng đến quyết định giá

6.3. Những ảnh hưởng của môi trường đến quyết định giá

6.4. Mô hình quyết định giá

6.5. Phân biệt giá

6.6. Điều chỉnh giá

Bài 7. Quản trị hệ thống kênh phân phối, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm, chức năng, đặc trưng của kênh phân phối, hoạt động quản trị kênh.

- Có kỹ năng phân biệt được các kiểu kênh phân phối và xác định được những khác biệt về kênh phân phối trong marketing công nghiệp với marketing tiêu dùng.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

7.1. Bản chất và chức năng của hệ thống kênh phân phối

7.2. Cấu trúc và hoạt động của kênh phân phối

7.3. Tổ chức kênh phân phối và quản lý kênh phân phối

7.4. Quyết định về kênh phân phối

Bài 8. Chính sách truyền thông trong quản trị marketing, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm, bản chất, các hình thức truyền thông và các bước của tiến trình xây dựng chương trình truyền thông.

- Có kỹ năng so sánh truyền thông trong marketing với truyền thông trong marketing.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

8.1. Khái quát về truyền thông

8.1.1. Bản chất của truyền thông

8.1.2. Các hình thức truyền thông

8.1.3. Những khác biệt cơ bản trong truyền thông giữa marketing công nghiệp và marketing tiêu dùng.

8.2. Tiến trình xây dựng chương trình truyền thông

8.3. Truyền thông các sản phẩm công nghiệp

8.3.1. Bán hàng cá nhân

8.3.2. Khuyến mại

8.3.3. Marketing trực tiếp

8.4. Quảng cáo

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. Học liệu, dụng cụ: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về Quản trị Marketing cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các chương

4. *Tài liệu cần tham khảo*

[1] PGS. TS. Trường Đình Chiến, *Quản trị Marketing (Philip Kotler, Kevin Keller)*, Nhà xuất bản lao động xã hội, 2011.

[2] Kotler, Philip (1994), *Quản Trị Marketing*, bản dịch của Vũ Trọng Hùng, theo ấn bản lần thứ 8 của bản gốc, TP HCM: Nhà xuất bản Thống Kê.

[3] Kotler, Philip (2003), *Những Phương Thức Sáng Tạo, Chiến Thắng và Khống Chế Thị Trường*, bản dịch của Vũ Thị Phương Anh và nhiều dịch giả khác, TP HCM : Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh.

[4] *Quản trị Marketing* - Đại học KTQD - NXB Thống kê – 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ

Mã mô đun: MĐ 16

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Quản trị và kinh doanh quốc tế là mô đun bắt trong chương trình đào tạo. Mô đun Kinh doanh quốc tế thuộc nhóm các mô đun chuyên ngành được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học chung và cơ sở ngành.

Các môn học trước: Kinh tế vi mô, Lý thuyết thống kê.

- Tính chất: Mô đun Quản trị và Kinh doanh quốc tế nghiên cứu những kiến thức cơ bản nền tảng về kinh doanh quốc tế làm cơ sở cho học sinh nhận thức các môn chuyên môn của nghề.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. *Về kiến thức:* Trình bày được những nội dung cơ bản về kinh doanh quốc tế trong nền kinh tế thế giới; Trình bày được các tác động đến thương mại quốc tế, đến đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI; Giải thích hoạt động của hệ thống tiền tệ quốc tế và hoạt động của nó tới hoạt động quốc tế; Phân tích cơ hội kinh doanh và quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế;

2.2. *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức của mô đun và kết hợp với các mô đun khác để giải thích một số các hiện tượng kinh tế trong nền kinh tế hiện nay; Phân loại được các lợi ích kinh tế trong thương mại quốc tế; Viết được quy trình thanh toán của các hình thức thanh toán trong nền kinh tế thị trường và thanh toán quốc tế.

2.3. *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:* Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập; Tuân thủ những yêu cầu về phẩm chất của nhà quản trị sáng tạo, nhạy bén, trung thực chính xác, khoa học.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về quản trị và kinh doanh quốc tế	2	2	0	0

	<p>1.1. Một số vấn đề chung về kinh doanh quốc tế</p> <p>1.1.1. Kinh doanh quốc tế là gì?</p> <p>1.1.2. Sự cần thiết phải nghiên cứu kinh doanh quốc tế</p> <p>1.1.3. Tại sao các công ty lại tham gia kinh doanh quốc tế</p> <p>1.1.4. Các chủ thể tham gia vào kinh doanh quốc tế</p> <p>1.1.5. Các hình thức kinh doanh quốc tế</p> <p>1.2. Toàn cầu hoá</p> <p>1.2.1. Các loại toàn cầu hóa</p> <p>1.2.2. Các động lực thúc đẩy toàn cầu hóa</p> <p>1.3. Kinh doanh: Viễn cảnh toàn cầu.</p> <p>1.3.1. Môi trường kinh doanh quốc gia</p> <p>1.3.2. Môi trường kinh doanh quốc tế</p> <p>1.3.3. Quản trị kinh doanh quốc tế</p> <p>1.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu</p>				
2	<p>Bài 2: Thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài</p> <p>2.1. Tổng quan về thương mại quốc tế</p> <p>2.1.1. Thương mại quốc tế là gì?</p> <p>2.1.2. Lợi ích từ thương mại quốc tế</p> <p>2.1.3. Quy mô của thương mại quốc tế</p> <p>2.1.4. Cơ cấu thương mại quốc tế</p> <p>2.1.5. Mức độ phụ thuộc về thương mại quốc tế</p> <p>2.2. Các lý thuyết về thương mại quốc tế</p> <p>2.2.1. Chủ nghĩa trọng thương</p> <p>2.2.2. Lợi thế tuyệt đối</p> <p>2.2.3. Lợi thế so sánh</p> <p>2.2.4. Lý thuyết tỷ lệ các yếu tố</p> <p>2.2.5. Chu kỳ sống quốc tế của sản phẩm</p> <p>2.2.6. Lý thuyết mới về thương mại</p> <p>2.2.7. Lợi thế cạnh tranh quốc gia</p> <p>2.3. Tác động của chính phủ đến thương mại quốc tế</p> <p>2.3.1. Động cơ can thiệp của chính phủ vào thương mại</p> <p>2.3.2. Các biện pháp thúc đẩy thương mại</p> <p>2.3.3. Các công cụ hạn chế thương mại</p> <p>2.4. Tổng quan về đầu tư trực tiếp nước ngoài</p> <p>2.4.1. Khái niệm và các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài</p>	7	2	5	0

	<p>2.4.2. Vai trò của FDI đối với sự phát triển nền kinh tế – xã hội</p> <p>2.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút FDI</p> <p>2.4.4. Những xu hướng vận động của dòng vốn FDI trên thế giới</p> <p>2.5. Sự can thiệp của chính phủ đối với FDI</p> <p>2.5.1. Nguyên nhân can thiệp FDI của các quốc gia</p> <p>2.5.2. Các công cụ và chính sách của chính phủ đối với FDI</p> <p>2.6. Công ty quốc tế</p> <p>2.6.1. Sự hình thành và phát triển của các công ty quốc tế</p> <p>2.6.2. Đặc điểm của công ty quốc tế</p> <p>2.6.3. Vai trò của các công ty quốc tế</p>				
3	<p>Bài 3: Liên kết kinh tế quốc tế</p> <p>3.1. Liên kết kinh tế khu vực</p> <p>3.1.1. Khái niệm và mục tiêu của liên kết kinh tế khu vực</p> <p>3.1.2. Các cấp độ liên kết kinh tế khu vực</p> <p>3.2. Tác động của liên kết kinh tế khu vực</p> <p>3.2.1. Lợi ích của liên kết kinh tế khu vực</p> <p>3.2.2. Những mặt hạn chế của liên kết kinh tế khu vực</p> <p>3.3. Liên kết kinh tế thế giới</p> <p>3.3.1. Liên kết kinh tế ở châu Âu</p> <p>3.3.2. Liên kết kinh tế ở châu Mỹ</p> <p>3.3.3. Liên kết kinh tế ở châu á</p> <p>3.3.4. Liên kết kinh tế ở châu Phi và Trung đông</p> <p>3.4. Liên kết kinh tế khu vực và kinh doanh quốc tế</p> <p>3.4.1. Cơ hội đối với các doanh nghiệp</p> <p>3.4.2. Thách thức đối với các doanh nghiệp</p> <p>3.5. Hệ thống thương mại toàn cầu</p> <p>3.5.1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại</p> <p>3.5.2. Tổ chức thương mại thế giới WTO</p>	8	3	5	0
4	<p>Bài 4: Hệ thống tài chính tiền tệ quốc tế</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính</p> <p>4.1.1. Khái niệm và chức năng của thị</p>	8	3	5	0

	trường tài chính 4.1.2. Phân loại thị trường tài chính 4.2. Thị trường tiền tệ quốc tế 4.2.1. Thị trường các đồng tiền châu Âu 4.2.2. Thị trường ngoại hối 4.3. Tỷ giá hối đoái 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Tác động của tỷ giá hối đoái tới hoạt động kinh doanh 4.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái 4.3.4. Dự báo tỷ giá hối đoái				
5	Bài 5: Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các công ty quốc tế 5.1. Chiến lược của các công ty quốc tế 5.1.1. Khái niệm và vai trò của chiến lược 5.1.2. Quá trình hình thành chiến lược 5.1.3. Các loại chiến lược quốc tế 5.1.4. Các cấp chiến lược của công ty 5.1.5. Các nhân tố chủ yếu tác động đến chiến lược quốc tế của công ty 5.2. Cấu trúc tổ chức quốc tế 5.2.1. Quản lý tập trung và phân cấp quản lý 5.2.2. Các loại hình của cấu trúc tổ chức 5.2.3. Các cơ chế phối hợp 5.2.4. Hệ thống kiểm soát	8	3	5	0

6	<p>Bài 6: Quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế</p> <p>6.1. Quản trị sản xuất và cung ứng nguyên vật liệu</p> <p>6.1.1. Lựa chọn địa điểm sản xuất</p> <p>6.1.2. Lựa chọn tự sản xuất hoặc mua bán thành phẩm</p> <p>6.1.3. Quản lý cung ứng nguyên vật liệu</p> <p>6.2. Quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh quốc tế</p> <p>6.2.1. Đặc thù của quản trị nguồn nhân lực trong các công ty kinh doanh quốc tế</p> <p>6.2.2. Chính sách nhân sự quốc tế</p> <p>6.2.3. Nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh quốc tế</p> <p>6.2.4. Quan hệ lao động quốc tế</p> <p>6.3. Quản trị tài chính trong kinh doanh quốc tế</p> <p>6.3.1. Quyết định tài chính: nguồn lực, cơ cấu vốn</p> <p>6.3.2. Quản lý dòng tiền mặt toàn cầu</p> <p>6.3.3. Quản trị rủi ro ngoại hối</p>	7	2	5	0
	Kiểm tra	5	0	0	5
	Cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về quản trị và kinh doanh quốc tế, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những vấn đề khái quát nhất về kinh doanh quốc tế và tầm quan trọng của kinh doanh quốc tế;
- Nhận biết được tầm quan trọng trong việc thực hiện các hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Trình bày được lý do các công ty tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới công ty khi quyết định phát triển ra toàn cầu;
- Vận dụng các hình thức kinh doanh quốc tế vào thực tế, thấy được sự linh hoạt của các công ty để đối phó với những thách thức mới kinh doanh ở các quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề chung về kinh doanh quốc tế

2.1.1. Kinh doanh quốc tế là gì?

2.1.2. Sự cần thiết phải nghiên cứu kinh doanh quốc tế

- 2.1.3. Tại sao các công ty lại tham gia kinh doanh quốc tế
- 2.1.4. Các chủ thể tham gia vào kinh doanh quốc tế
- 2.1.5. Các hình thức kinh doanh quốc tế
- 2.2. Toàn cầu hoá
 - 2.2.1. Các loại toàn cầu hóa
 - 2.2.2. Các động lực thúc đẩy toàn cầu hóa
- 2.3. Kinh doanh: Viễn cảnh toàn cầu.
 - 2.3.1. Môi trường kinh doanh quốc gia
 - 2.3.2. Môi trường kinh doanh quốc tế
 - 2.3.3. Quản trị kinh doanh quốc tế
- 2.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học

Bài 2: Thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các lý thuyết về thương mại quốc tế và các đặc điểm của chúng;
- Phân tích được các ưu điểm, nhược điểm của các học thuyết kinh tế về thương mại quốc tế;
- Giải thích được tại sao các quốc gia lại buôn bán với nhau;
- Trình bày được các lý thuyết về đầu tư trực tiếp nước ngoài và lý giải cho sự tồn tại của FDI;
- Phân tích được vai trò của FDI trong nền kinh tế thị trường hiện nay;
- Trình bày được sự hình thành của các công ty quốc tế, đặc điểm và vai trò của nó đối với hoạt động FDI;
- Xác định được phương pháp, mục tiêu học tập;
- Tạo mối quan hệ tốt với bạn bè trong quá trình thảo luận, học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Tổng quan về thương mại quốc tế
 - 2.1.1. Thương mại quốc tế là gì?
 - 2.1.2. Lợi ích từ thương mại quốc tế
 - 2.1.3. Quy mô của thương mại quốc tế
 - 2.1.4. Cơ cấu thương mại quốc tế
 - 2.1.5. Mức độ phụ thuộc về thương mại quốc tế

- 2.2. Các lý thuyết về thương mại quốc tế
 - 2.2.1. Chủ nghĩa trọng thương
 - 2.2.2. Lợi thế tuyệt đối
 - 2.2.3. Lợi thế so sánh
 - 2.2.4 Lý thuyết tỷ lệ các yếu tố
 - 2.2.5. Chu kỳ sống quốc tế của sản phẩm
 - 2.2.6. Lý thuyết mới về thương mại
 - 2.2.7. Lợi thế cạnh tranh quốc gia
- 2.3. Tác động của chính phủ đến thương mại quốc tế
 - 2.3.1. Động cơ can thiệp của chính phủ vào thương mại
 - 2.3.2. Các biện pháp thúc đẩy thương mại
 - 2.3.3. Các công cụ hạn chế thương mại
- 2.4. Tổng quan về đầu tư trực tiếp nước ngoài
 - 2.4.1. Khái niệm và các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài
 - 2.4.2. Vai trò của FDI đối với sự phát triển nền kinh tế – xã hội
 - 2.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút FDI
 - 2.4.4. Những xu hướng vận động của dòng vốn FDI trên thế giới
- 2.5. Sự can thiệp của chính phủ đối với FDI
 - 2.5.1. Nguyên nhân can thiệp FDI của các quốc gia
 - 2.5.2. Các công cụ và chính sách của chính phủ đối với FDI
- 2.6. Công ty quốc tế
 - 2.6.1. Sự hình thành và phát triển của các công ty quốc tế
 - 2.6.2. Đặc điểm của công ty quốc tế
 - 2.6.3. Vai trò của các công ty quốc tế

Bài 3: Liên kết kinh tế quốc tế, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò và chức năng của các hình thức liên kết kinh tế khu vực và liên kết kinh tế quốc tế;
- Phân tích được những lợi ích và hạn chế của liên kết kinh tế;

- Trình bày được các cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp khi tham gia liên kết kinh tế quốc tế và khu vực;

- Trình bày được các tác động của liên kết kinh tế tới hoạt động của các doanh nghiệp trong và ngoài khối liên kết;

- Phân tích những cơ hội và thách thức đối với một quốc gia khi trở thành thành viên của tổ chức WTO;

- So sánh được các hình thức liên kết kinh tế quốc tế.

2. Nội dung

2.1. Liên kết kinh tế khu vực

2.1.1. Khái niệm và mục tiêu của liên kết kinh tế khu vực

2.1.2. Các cấp độ liên kết kinh tế khu vực

2.2. Tác động của liên kết kinh tế khu vực

2.2.1. Lợi ích của liên kết kinh tế khu vực

2.2.2. Những mặt hạn chế của liên kết kinh tế khu vực

2.3. Liên kết kinh tế thế giới

2.3.1. Liên kết kinh tế ở châu Âu

2.3.2. Liên kết kinh tế ở châu Mỹ

2.3.3. Liên kết kinh tế ở châu á

2.3.4. Liên kết kinh tế ở châu Phi và Trung đông

2.4. Liên kết kinh tế khu vực và kinh doanh quốc tế

2.4.1. Cơ hội đối với các doanh nghiệp

2.4.2. Thách thức đối với các doanh nghiệp

2.5. Hệ thống thương mại toàn cầu

2.5.1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại

2.5.2. Tổ chức thương mại thế giới WTO

Bài 4: Hệ thống tài chính tiền tệ quốc tế, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Lý giải hoạt động của hệ thống tài chính tiền tệ quốc tế và tác động của nó tới các giao dịch kinh doanh quốc tế;

- Trình bày được những ưu điểm của thị trường tài chính, các đối tượng tham gia và vai trò của họ như thế nào?;

- Trình bày được khái niệm tỷ giá hối đoái;
- Giải thích được các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá;
- Phân tích các chức năng của thị trường ngoại hối, đặc biệt là tỷ giá hối đoái;
- Phân tích và thực hiện được các nghiệp vụ liên quan đến các thị trường ngoại hối;
- Phân tích được sự biến động của tỷ giá hối đoái, dự đoán tình hình lạm phát có thể xảy ra do tác động của tỷ giá hối đoái;
- Có ý thức học tập nghiêm túc, chính xác;
- Xác định được phương pháp, mục tiêu học tập.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính

2.1.1. Khái niệm và chức năng của thị trường tài chính

2.1.2. Phân loại thị trường tài chính

2.2. Thị trường tiền tệ quốc tế

2.2.1. Thị trường các đồng tiền châu Âu

2.2.2. Thị trường ngoại hối

2.3. Tỷ giá hối đoái

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Tác động của tỷ giá hối đoái tới hoạt động kinh doanh

2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái

2.3.4. Dự báo tỷ giá hối đoái

Bài 5: Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các công ty kinh doanh quốc tế, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò của chiến lược, các loại chiến lược khác nhau mà các công ty lựa chọn khi cạnh tranh quốc tế;
- Phân tích được các loại cấu trúc tổ chức khác nhau mà các công ty quốc tế sử dụng;
- Trình bày được cơ cấu và cơ chế kiểm soát của công ty sao cho phù hợp với chiến lược trên nhiều khía cạnh khác nhau;
- Giải thích các hình thức thâm nhập thị trường khác nhau thông qua đầu tư.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược của các công ty quốc tế

2.1.1. Khái niệm và vai trò của chiến lược
trình hình thành chiến lược

2.1.2. Quá

2.1.3. Các loại chiến lược quốc tế

2.1.4. Các cấp chiến lược của công ty

2.1.5. Các nhân tố chủ yếu tác động đến chiến lược quốc tế của công ty

2.2. Cấu trúc tổ chức quốc tế

2.2.1. Quản lý tập trung và phân cấp quản lý

2.2.2. Các loại hình của cấu trúc tổ chức

2.2.3. Các cơ chế phối hợp

2.2.4. Hệ thống kiểm soát

Bài 6: Quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế , Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Đưa ra được các quyết định đúng đắn ở mọi lĩnh vực hoạt động;
- Đưa ra quyết định mua hay tự sản xuất bán thành phẩm, lựa chọn địa điểm sản xuất;
- Phân tích vai trò của quản trị nguồn nhân lực;
- Đưa ra các quyết định về tài chính khi kinh doanh ở các quốc gia khác nhau.

2. Nội dung

6.1. Quản trị sản xuất và cung ứng nguyên vật liệu

6.1.1. Lựa chọn địa điểm sản xuất

6.1.2. Lựa chọn tự sản xuất hoặc mua bán thành phẩm

6.1.3. Quản lý cung ứng nguyên vật liệu

6.2. Quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh quốc tế

6.2.1 Đặc thù của quản trị nguồn nhân lực trong các công ty kinh doanh quốc tế

6.2.2. Chính sách nhân sự quốc tế

6.2.3. Nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh quốc tế

6.2.4. Quan hệ lao động quốc tế

6.3. Quản trị tài chính trong kinh doanh quốc tế

6.3.1. Quyết định tài chính: nguồn lực, cơ cấu vốn

6.3.2. Quản lý dòng tiền mặt toàn cầu

6.3.3. Quản trị rủi ro ngoại hối

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng học lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về Quản trị và kinh doanh quốc tế cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên .
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1] TS.Phạm Thị Hồng Yến, *Giáo trình Kinh doanh quốc tế*, NXB thống kê 2012.

[2] *Giáo trình Kinh doanh quốc tế tập 1*- ĐHKQTĐ – NXB thống kê 2001- chủ biên PGS.TS Nguyễn Thị Hương.

[3] *Giáo trình Kinh doanh quốc tế tập 2*- ĐHKQTĐ – NXB Lao động xã hội 2003 -chủ biên PGS.TS Nguyễn Thị Hương.

[4] PGS.TS Nguyễn Duy Bột, *Thương mại quốc tế* - ĐHKQTĐ – NXB Thống kê.

[5] GS.TS Võ Thanh Thu, *Quan hệ kinh tế quốc tế*– NXB thống kê 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Mã mô đun: MĐ 17

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Quản trị chất lượng là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo. Môn này học ở học kỳ IV.

- Tính chất: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng như: Chất lượng sản phẩm; Quá trình phát triển của quản trị chất lượng, chi phí chất lượng; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Các Hệ thống quản lý chất lượng; Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; Kiểm tra và đánh giá chất lượng; Các phương pháp và công cụ thống kê sử dụng trong quản trị chất lượng.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức: Mô đun sẽ giúp cho sinh viên biết được kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng như: Chất lượng sản phẩm; Quá trình phát triển của quản trị chất lượng, chi phí chất lượng; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Các Hệ thống quản lý chất lượng; Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; Kiểm tra và đánh giá chất lượng; Các phương pháp và công cụ thống kê sử dụng trong quản trị chất lượng.

2.2. Về kỹ năng: Có kỹ năng luật hàng rào thuế quan được gỡ bỏ, những hàng rào kỹ thuật (Technical Barriers to Trade – TBT) xuất hiện. Để vượt qua TBT, hàng hoá phải có chất lượng cao, giá cả phù hợp, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng đồng thời phải bảo vệ môi trường. Vấn đề quản trị chất lượng trở nên quan trọng mang ý nghĩa sống còn đối với các doanh nghiệp

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Nâng cao tính tự chủ trong khi ra các quyết định mang tính chủ động hơn trong công việc nói chung và trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm nói riêng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Tên bài	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra

1	Bài 1: Những vấn đề căn bản về chất lượng 1.1. Giới thiệu về môn học: mục tiêu, nội dung nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu 1.2. Quá trình phát triển của quản lý chất lượng; Quản lý chất lượng trong xu thế cạnh tranh toàn cầu 1.3. Các bài học kinh nghiệm 1.4. Các khái niệm về chất lượng	5	3	2	0
2	Bài 2: Quản trị chất lượng 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng 2.2. Chi phí chất lượng 2.3. Quản trị chất lượng và những vấn đề của quản trị chất lượng	5	2	3	0
3	Bài 3: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 3.1. Khái niệm hệ thống quản lý chất lượng 3.2. Giới thiệu về ISO và Bộ ISO 9000 3.3. Tầm quan trọng của việc áp dụng ISO 9000 3.4. ISO 9000:2005 – Cơ sở và từ vựng 3.5. ISO 9001:2008 – Các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng 3.6. ISO 9004:2000 – Hướng dẫn cải tiến hệ thống quản lý chất lượng 3.7. ISO 19011:2002 – Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	10	5	5	0
4	Bài 4: Các bước xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 4.1. Thành lập Ban ISO 4.2. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện 4.3. Đào tạo nhận thức về ISO 4.4. Soạn thảo và áp dụng tài liệu 4.5. Đánh giá thử và đánh giá chứng nhận	10	5	5	0
5	Bài 5: Các phương pháp, kỹ thuật và công cụ quản trị chất lượng 5.1. Cách thức giải quyết vấn đề chất lượng 5.2. Nhóm chất lượng 5.3. Não công 5.4. Benchmarking 5.5. FMEA, QFD, 5S, 6 sigma 5.6. Các công cụ thống kê	10	5	5	0
6	Bài 6: Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng khác 6.1. ISO 14001:2004 6.2. OHSAS 18001 6.3. SA 8000	10	5	5	0

	6.4. ISO/TS 16949:2002, ISO/IEC 17025:2005, ISO 22000:2005, GMP, HACCP				
7	Bài 7: Quản lý nhà nước về chất lượng 7.1. Vai trò của Nhà nước 7.2. Các biện pháp quản lý Nhà nước về chất lượng 7.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến chất lượng	5	3	2	0
8	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Những vấn đề căn bản về chất lượng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các mục tiêu, nội dung và quy trình của quản lý chất lượng;
- Có kỹ năng nắm bắt xu thế cạnh tranh toàn cầu trong quản lý chất lượng;
- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về môn học: mục tiêu, nội dung nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu

2.2. Quá trình phát triển của quản lý chất lượng; Quản lý chất lượng trong xu thế cạnh tranh toàn cầu

2.3. Các bài học kinh nghiệm

2.4. Các khái niệm về chất lượng

Bài 2. Quản trị chất lượng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và chi phí sản phẩm trong quá trình sản xuất;
- Thực hành các kỹ năng tính chi phí trong sản xuất quản lý chất lượng;
- Có thái độ học tập tích cực và chủ động với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng

2.2. Chi phí chất lượng

2.3. Quản trị chất lượng và những vấn đề của quản trị chất lượng

Bài 3. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 của các năm;
- Trình bày nắm được tiêu chuẩn trong ISO 9000.;
- Trình bày có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm hệ thống quản lý chất lượng

2.2. Giới thiệu về ISO và Bộ ISO 9000

2.3. Tầm quan trọng của việc áp dụng ISO 9000

2.4. ISO 9000:2005 – Cơ sở và từ vựng

2.5. ISO 9001:2008 – Các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng

2.6. ISO 9004:2000 – Hướng dẫn cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

2.7. ISO 19011:2002 – Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý chất lượng

Bài 4. Các bước xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các bước thành lập và thực hiện áp dụng các bước thành lập ban ISO.
- Có kỹ năng đánh giá thử và đánh giá chứng nhận.
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Thành lập Ban ISO

2.2. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện

2.3. Đào tạo nhận thức về ISO

2.4. Soạn thảo và áp dụng tài liệu

2.5. Đánh giá thử và đánh giá chứng nhận

Bài 5. Các phương pháp, kỹ thuật và công cụ quản trị chất lượng, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về cách thức giải quyết vấn đề về chất lượng theo các quy định chuẩn ISO;

- Có kỹ năng nắm bắt được các công cụ thống kê và đánh giá các nhóm chất lượng;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. Cách thức giải quyết vấn đề chất lượng
- 2.2. Nhóm chất lượng
- 2.3. Não công
- 2.4. Benchmarking
- 2.5. FMEA, QFD, 5S, 6 sigma
- 2.6. Các công cụ thống kê

Bài 6. Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng khác, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về quy trình đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn khác ngoài tiêu chuẩn theo ISO 9000;

- Có kỹ năng thực hiện các công tác phối hợp nguyên công của quá trình gia công một loạt đối tượng;

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. ISO 14001:2004
- 2.2. OHSAS 18001
- 2.3. SA 8000
- 2.4. ISO/TS 16949:2002, ISO/IEC 17025:2005, ISO 22000:2005, GMP, HACCP.

Bài 7. Quản lý nhà nước về chất lượng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về vai trò quản lý của nhà nước về biện pháp liên quan đến chất lượng;

- Có kỹ năng thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đánh giá và quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn;

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò của Nhà nước
- 2.2. Các biện pháp quản lý Nhà nước về chất lượng

2.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến chất lượng

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về Quản trị chất lượng dịch vụ cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các chương

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Quang Toàn, *Quản trị chất lượng*, NXB Thống kê, 2007

[2] Lưu Thanh Tâm, *Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế*, NXB ĐHQG Tp. HCM.

[3] GS.TS. Nguyễn Đình Phan, *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động Xã hội 2005.

[4] TCVN ISO 9000:2007 ISO 9000:2005, Hệ thống quản lý chất lượng – Cơ sở và từ vựng; TCVN ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu; TCVN ISO 9004:2000, Hệ thống quản lý chất lượng – Hướng dẫn cải tiến.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

Mã mô đun: MĐ 18

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Quản trị sản xuất là mô đun bắt trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Quản trị sản xuất được coi là một trong những nội dung quan trọng của quản trị doanh nghiệp, sản xuất là một chức năng chính của doanh nghiệp, cùng với chức năng thương mại và tài chính nó tạo ra cái kiềng 3 chân cho doanh nghiệp. Nó quyết định đến kết quả sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua chất lượng sản phẩm, giá thành sản xuất và thời gian cung cấp sản phẩm. Quản trị sản xuất là môn học thuộc kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý sản xuất nhằm đạt mục tiêu chung của doanh nghiệp. Học phần sẽ giúp cho sinh viên biết được kiến thức về quản trị sản xuất và điều hành, như các kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp, phân loại sản xuất, quản lý dự trữ, dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất...

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Trình bày được kiến thức về quản trị sản xuất và điều hành, như các kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp, phân loại sản xuất, quản lý dự trữ, dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất...

2.2. Về kỹ năng:

Có phương pháp tính toán trong từng lĩnh vực cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Nâng cao tính tự chủ trong khi ra các quyết định mang tính chủ động hơn trong công việc nói chung và trong công tác quản lý sản xuất nói riêng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Tên bài	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề chung về quản trị sản xuất 1.1. Quá trình sản xuất và vai trò của sản xuất trong doanh nghiệp 1.1.1. Khái niệm về sản xuất 1.1.2. Vai trò, vị trí của sản xuất trong doanh nghiệp 1.2. Phân loại quá trình sản xuất 1.2.1. Phân loại theo số lượng sản phẩm và qtrình lặp lại 1.2.2. Phân loại theo hình thức tổ chức 1.2.3. Phân loại theo mối quan hệ với khách hàng 1.3. Quản trị sản xuất 1.4. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất 1.5. Nội dung chủ yếu của quy trình sản xuất 1.6. Kết cấu thời gian của chu kỳ sản xuất	5	3	2	0
2	Bài 2: Dự báo nhu cầu sản phẩm 2.1. Một số vấn đề chung về dự báo 2.1.1. Khái niệm dự báo 2.1.2. Các loại dự báo 2.2. Phương pháp dự báo 2.2.1. Nhóm phương pháp định tính 2.2.2. Các phương pháp định lượng 2.2.3. Phương pháp bình quân di động 2.2.4. PP bình quân di động có trọng số 2.2.5. Phương pháp san bằng số mũ giảm đơn 2.2.6. Phương pháp san bằng số mũ có điều chỉnh xu hướng 2.2.7. Phương pháp hoạch định theo xu hướng 2.2.8. Phương pháp phân tích cấu trúc	8	4	4	0
3	Bài 3: Hoạch định nhu cầu sản xuất 3.1. Một số vấn đề chung về hoạch định năng lực sản xuất 3.1.1. Công suất 3.1.2. Các loại công suất 3.2. Phương pháp hoạch định công suất. 3.2.1. Sử dụng lý thuyết quyết định để lựa	8	4	4	0

	<p>chọn chính sách</p> <p>3.2.2. Lựa chọn phương án công suất dựa trên việc phân tích điểm hoà vốn</p>				
4	<p>Bài 4: Xác định địa điểm doanh nghiệp</p> <p>4.1. Các bước tiến hành chọn địa điểm doanh nghiệp.</p> <p>4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn địa điểm doanh nghiệp.</p> <p>4.2.1. Thị trường tiêu thụ</p> <p>4.2.2. Nguồn nguyên liệu</p> <p>4.2.3. Nhân tố lao động</p> <p>4.2.4. Cơ sở hạ tầng</p> <p>4.2.5. Điều kiện môi trường xã hội</p> <p>4.2.6. Điều kiện tự nhiên</p> <p>4.3. Các phương pháp xác định địa điểm.</p> <p>4.3.1. Phương pháp cho điểm số trọng số</p> <p>4.3.2. Phương pháp điểm hoà vốn</p> <p>4.3.3. Phương pháp chọn tọa độ một chiều</p> <p>4.3.4. Phương pháp tạo độ hai chiều</p> <p>4.3.5. Phương pháp sử dụng bài toán vận tải</p>	8	4	4	0
5	<p>Bài 5: Hoạch định tổng hợp</p> <p>5.1. Hoạch định tổng hợp và nhiệm vụ của nó</p> <p>5.2. Các chiến lược hoạch định tổng hợp</p> <p>5.2.1. Chiến lược thay đổi mức tồn kho</p> <p>5.2.2. Chiến lược thay đổi nhân lực</p> <p>5.2.3. Chiến lược thay đổi cường độ lao động của công nhân</p> <p>5.2.4. Chiến lược thuê bên ngoài ra công hoặc làm gia công cho bên ngoài</p> <p>5.2.5. Chiến lược sử dụng nhân công làm việc tạm thời</p> <p>5.2.6. Chiến lược tác động đến nhu cầu</p> <p>5.2.7. Chiến lược đặt cọc trước</p> <p>5.2.8. Chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp</p> <p>5.3. Phương pháp hoạch định chiến lược</p> <p>5.3.1. Phương pháp hoạch định tổng hợp</p> <p>5.3.2. Phương pháp cân bằng tối ưu</p>	7	4	3	0
6	<p>Bài 6: Lập trình sản xuất</p> <p>6.1. Một số khái niệm</p> <p>6.1.1. Nguyên công</p> <p>6.1.2. Giai đoạn công nghệ</p> <p>6.1.3. Phối hợp nguyên công</p> <p>6.2. Phương pháp phối hợp nguyên công</p>	7	3	4	0

	<p>của quá trình gia công một loạt đối tượng (gồm một số đối tượng)</p> <p>6.2.1. Phương pháp tuần tự</p> <p>6.2.2. Phương pháp song song</p> <p>6.2.3. Phương pháp hỗn hợp</p> <p>6.3. Phương pháp phối hợp nhiều công việc trên một nguyên công (1 máy) (FCFS, ED, SPT và LPT)</p> <p>6.4. Phối hợp gia công nhiều loại đối tượng trong một quá trình gồm 2 nguyên công</p> <p>6.4.1. Lập trình công việc trên 2 máy</p> <p>6.4.2. Lập trình công việc trên 3 máy</p>				
7	<p>Bài 7: Quản trị hàng tồn kho</p> <p>7.1. Hàng dự trữ và các chi phí có liên quan đến hàng dự trữ</p> <p>7.1.1. Hàng dự trữ và vai trò của nó</p> <p>7.1.2. Các chi phí liên quan đến dự trữ</p> <p>7.2. Kỹ thuật phân tích A-B-C trong phân loại hàng dự trữ (xét nguyên tắc Pareto)</p> <p>7.3. Tồn kho đúng thời điểm</p> <p>7.4. Các mô hình dự trữ hợp lý (tối ưu)</p> <p>7.4.1. Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản EOQ (mô hình dự trữ cơ bản)</p> <p>7.4.2. Mô hình sản lượng đơn hàng sản xuất (mô hình tái tạo liên tục) POQ</p> <p>7.4.3. Mô hình khấu trừ theo số lượng QD</p> <p>7.4.4. Nhóm gộp sản phẩm (nhóm gộp đơn hàng)</p>	7	4	3	0
8	<p>Bài 8: Ứng dụng sơ đồ mạng trong quản trị sản xuất</p> <p>8.1. Những khái niệm liên quan đến dự án sản xuất</p> <p>8.1.1. Đặc điểm của dự án sản xuất</p> <p>8.1.2. Quản trị dự án sản xuất</p> <p>8.2. Lập biểu đồ dự án sản xuất</p> <p>8.2.1. Biểu đồ GANT</p> <p>8.2.2. Sơ đồ mạng</p> <p>8.3. Phương pháp lập sơ đồ PERT</p> <p>8.3.1. Một số định nghĩa liên quan</p> <p>8.3.2. Quy tắc lập sơ đồ mạng</p> <p>8.3.3. Trình tự lập sơ đồ mạng</p> <p>8.3.4. Lập sơ đồ</p> <p>8.3.5. Phân tích sơ đồ</p> <p>8.3.6. Điều chỉnh sơ đồ</p> <p>8.3.7. Quan hệ thời gian và giá thành sản</p>	5	2	3	0

	xuất trong sơ đồ mạng (pert-cost)				
9	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Những vấn đề chung về quản trị sản xuất, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về sản xuất và quy trình sản xuất trong doanh nghiệp;
- Có kỹ năng phân loại được quá trình sản xuất để tiến hành định mức sản phẩm;
- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học.

2. Nội dung

2.1. Quá trình sản xuất và vai trò của sản xuất trong doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm về sản xuất

2.1.2. Vai trò, vị trí của sản xuất trong doanh nghiệp

2.2. Phân loại quá trình sản xuất

2.2.1. Phân loại theo số lượng sản phẩm và qtrình lặp lại

2.2.2. Phân loại theo hình thức tổ chức

2.2.3. Phân loại theo mối quan hệ với khách hàng

2.3. Quản trị sản xuất

2.4. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất

2.5. Nội dung chủ yếu của quy trình sản xuất

2.6. Kết cấu thời gian của chu kỳ sản xuất

Bài 2. Dự báo nhu cầu sản phẩm, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Cung cấp kiến thức về khái niệm dự báo sản phẩm trong quy trình sản xuất và các phương pháp dự báo sản phẩm;
- Thực hành các kỹ năng trong phương pháp dự báo;
- Có thái độ học tập tích cực và chủ động với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề chung về dự báo

- 2.1.1. Khái niệm dự báo
- 2.1.2. Các loại dự báo
- 2.2. Phương pháp dự báo
 - 2.2.1. Nhóm phương pháp định tính
 - 2.2.2. Các phương pháp định lượng
 - 2.2.3. Phương pháp bình quân di động
 - 2.2.4. PP bình quân di động có trọng số
 - 2.2.5. Phương pháp san bằng số mũ giản đơn
 - 2.2.6. Phương pháp san bằng số mũ có điều chỉnh xu hướng
 - 2.2.7. Phương pháp hoạch định theo xu hướng
 - 2.2.8. Phương pháp phân tích cấu trúc

Bài 3. Hoạch định nhu cầu sản xuất, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về hoạch định trong sản xuất và phương pháp hoạch định công suất;
- Thực hành kỹ năng hoạch định, định mức công xuất trong quá trình sản xuất;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. Một số vấn đề chung về hoạch định năng lực sản xuất
 - 2.1.1. Công suất
 - 2.1.2. Các loại công suất
- 2.2. Phương pháp hoạch định công suất.
 - 2.2.1. Sử dụng lý thuyết quyết định để lựa chọn chính sách
 - 2.2.2. Lựa chọn phương án công suất dựa trên việc phân tích điểm hoà vốn

Bài 4. Xác định địa điểm doanh nghiệp, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được quy trình các bước lựa chọn địa điểm doanh nghiệp và các nhân tố khi lựa chọn địa điểm đặt doanh nghiệp;
- Có kỹ năng xác định đặt địa điểm doanh nghiệp cho phù hợp với môi trường sản xuất;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Các bước tiến hành chọn địa điểm doanh nghiệp.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn địa điểm doanh nghiệp.

2.2.1. Thị trường tiêu thụ

2.2.2. Nguồn nguyên liệu

2.2.3. Nhân tố lao động

2.2.4. Cơ sở hạ tầng

2.2.5. Điều kiện môi trường xã hội

2.2.6. Điều kiện tự nhiên

2.3. Các phương pháp xác định địa điểm.

2.3.1. Phương pháp cho điểm số trọng số

2.3.2. Phương pháp điểm hoà vốn

2.3.3. Phương pháp chọn toạ độ một chiều

2.3.4. Phương pháp tạo độ hai chiều

2.3.5. Phương pháp sử dụng bài toán vận tải

Bài 5. Hoạch định tổng hợp, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về các chiến lược trong sản xuất và các chiến lược trong sản xuất;

- Có kỹ năng hoạch định các chiến lược trong quy trình sản xuất của doanh nghiệp.;

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Hoạch định tổng hợp và nhiệm vụ của nó

2.2. Các chiến lược hoạch định tổng hợp

2.2.1. Chiến lược thay đổi mức tồn kho

2.2.2. Chiến lược thay đổi nhân lực

2.2.3. Chiến lược thay đổi cường độ lao động của công nhân

2.2.4. Chiến lược thuê bên ngoài ra công hoặc làm gia công cho bên ngoài

2.2.5. Chiến lược sử dụng nhân công làm việc tạm thời

2.2.6. Chiến lược tác động đến nhu cầu

2.2.7. Chiến lược đặt cọc trước

2.2.8. Chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp

2.3. Phương pháp hoạch định chiến lược

2.3.1. Phương pháp hoạch định tổng hợp

2.3.2. Phương pháp cân bằng tối ưu

Bài 6. Lập trình sản xuất, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về các công nghệ và các phương pháp trong sản xuất;
- Có kỹ năng thực hiện các công tác phối hợp nguyên công của quá trình gia công một loạt đối tượng;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Nguyên công

2.1.2. Giai đoạn công nghệ

2.1.3. Phối hợp nguyên công

2.2. Phương pháp phối hợp nguyên công của quá trình gia công một loạt đối tượng (gồm một số đối tượng)

2.2.1. Phương pháp tuần tự

2.2.2. Phương pháp song song

2.2.3. Phương pháp hỗn hợp

2.3. Phương pháp phối hợp nhiều công việc trên một nguyên công (1 máy) (FCFS, ED, SPT và LPT)

2.4. Phối hợp gia công nhiều loại đối tượng trong một quá trình gồm 2 nguyên công

2.4.1. Lập trình công việc trên 2 máy

2.4.2. Lập trình công việc trên 3 máy

Bài 7. Quản trị hàng tồn kho, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về các mô hình quản lý hàng tồn kho và các chi phí trong liên quân dự trữ;
- Có kỹ năng thực hiện các mô hình quản lý tối ưu trong quản lý hàng tồn kho;

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Hàng dự trữ và các chi phí có liên quan đến hàng dự trữ

2.1.1. Hàng dự trữ và vai trò của nó

2.1.2. Các chi phí liên quan đến dự trữ

2.2. Kỹ thuật phân tích A-B-C trong phân loại hàng dự trữ (xét nguyên tắc Pareto)

2.3. Tồn kho đúng thời điểm

2.4. Các mô hình dự trữ hợp lý (tối ưu)

2.4.1. Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản EOQ (mô hình dự trữ cơ bản)

2.4.2. Mô hình sản lượng đơn hàng sản xuất (mô hình tái tạo liên tục) POQ

2.4.3. Mô hình khấu trừ theo số lượng QD

2.4.4. Nhóm gộp sản phẩm (nhóm gộp đơn hàng)

Bài 8. Ứng dụng sơ đồ mạng trong quản trị sản xuất , Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về các khái niệm và đặc điểm của dự án sản xuất;

- Có kỹ năng lập sơ đồ PERT;

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Những khái niệm liên quan đến dự án sản xuất

2.1.1. Đặc điểm của dự án sản xuất

2.1.2. Quản trị dự án sản xuất

2.2. Lập biểu đồ dự án sản xuất

2.2.1. Biểu đồ GANT

2.2.2. Sơ đồ mạng

2.3. Phương pháp lập sơ đồ PERT

2.3.1. Một số định nghĩa liên quan

2.3.2. Quy tắc lập sơ đồ mạng

2.3.3. Trình tự lập sơ đồ mạng

2.3.4. Lập sơ đồ

2.3.5. Phân tích sơ đồ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] TS. Trương Đoàn Thê, (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, khoa QTKD), *Quản trị sản xuất và tác nghiệp (giáo trình và bài tập)*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2004.

[2] TS. Trương Đoàn Thê (chủ biên), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Quản trị kinh doanh, *Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2004.

[3] Đồng Thanh Phương, *Quản trị sản xuất và dịch vụ*, NXB thống kê, tái bản lần thứ 3, 2003.

[4] Nguyễn Văn Nghiễn (Đại học Bách khoa Hà Nội – Khoa Quản lý sản xuất), *Quản trị sản xuất*, NXB Đại học Quốc gia, 2001.

[5] TS. Đặng Minh Trang, *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THUẾ

Mã mô đun: MĐ 19

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun thuế thuộc nhóm các mô đun chuyên môn được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các mô đun cơ sở. Mô đun có vị trí quan trọng trong khoa học kinh tế quản lý nói chung và khoa học kế toán nói riêng.

- Tính chất: Mô đun thuế có tính chất hỗ trợ cho các môn học nghiệp vụ của nghề và vận dụng vào công tác thực tiễn của doanh nghiệp.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Kiến thức:

+ Trình bày được nội dung cơ bản của từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay;

+ Phân biệt được từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.

2.2. Kỹ năng:

+ Tính toán được số tiền phải nộp ngân sách nhà nước của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành;

+ Vận dụng những nội dung chủ yếu của thuế và kết hợp với phương pháp tính thuế hợp lý cho từng trường hợp cụ thể và cho từng doanh nghiệp.

2.3. Thái độ: Thực hiện đúng những quy định và phương pháp tính của từng sắc thuế vào trong thực tế công tác chuyên môn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Tên mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu	5	3	2	0

	<p>1.1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế</p> <p>1.1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế</p> <p>1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế</p> <p>1.1.3. Vai trò của thuế trong nền kinh tế</p> <p>1.2. Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế</p> <p>1.2.1. Tên gọi của sắc thuế</p> <p>1.2.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>1.2.3. Đối tượng chịu thuế</p> <p>1.2.4. Cơ sở tính thuế</p> <p>1.2.5. Mức thuế</p> <p>1.2.6. Chế độ giảm thuế, miễn thuế</p> <p>1.2.7. Chế độ trách nhiệm</p> <p>1.2.8. Thời hạn thu, thủ tục nộp thuế và các chế tài liên quan</p> <p>1.3. Phân loại thuế</p> <p>1.3.1. Phân loại theo đối tượng chịu thuế</p> <p>1.3.2. Phân loại theo phương thức đánh thuế</p> <p>1.3.3. Phân loại theo mối quan hệ đối với khả năng nộp thuế</p> <p>1.3.4. Phân loại theo phạm vi thẩm quyền về thuế</p> <p>1.4. Các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế</p> <p>1.4.1. Tính công bằng</p> <p>1.4.2. Tính hiệu quả</p> <p>1.4.3. Tính rõ ràng, minh bạch</p> <p>1.4.4. Tính linh hoạt</p> <p>1.5. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.5.1. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu môn học</p> <p>1.5.3. Phương pháp nghiên cứu môn học</p>				
2	<p>Bài 2. Thuế Giá trị gia tăng</p> <p>2.1.2. Đặc điểm</p> <p>2.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế GTGT</p> <p>2.1.4. Tác dụng của thuế GTGT</p> <p>2.2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng</p> <p>2.3. Phạm vi áp dụng</p> <p>2.4. Căn cứ tính thuế</p> <p>2.5. Phương pháp tính thuế GTGT</p> <p>2.6. Quy định về hoá đơn chứng từ mua, bán hàng hoá, dịch vụ</p> <p>2.7. Chế độ hoàn thuế</p> <p>2.8. Chế độ giảm thuế, miễn thuế</p> <p>2.9. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế</p>	10	5	5	0

	2.10. Thực hành				
3	<p>Bài 3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Đặc điểm</p> <p>3.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.1.4. Tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.2.1. Phạm vi áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.2.2. Căn cứ tính thuế</p> <p>3.2.3. Phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.2.4. Chế độ miễn, giảm, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>3.2.5. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế</p> <p>3.3. Thực hành</p>	10	5	5	0
4	<p>Bài 4. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.1.4. Tác dụng của thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.2. Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.2.1. Phạm vi áp dụng thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.2.2. Căn cứ tính thuế</p> <p>4.2.3. Phương pháp tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.2.4. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.2.5. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.3. Thực hành</p>	10	5	5	0
5	<p>Bài 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Đặc điểm</p> <p>5.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế thu nhập DN</p> <p>5.1.4. Tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp</p>	10	5	5	0

	<p>5.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.2.1. Đối tượng nộp thuế</p> <p>5.2.2. Đối tượng chịu thuế</p> <p>5.2.3. Căn cứ tính thuế</p> <p>5.2.4. Phương pháp tính thuế thu nhập DN</p> <p>5.2.5. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.2.6. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.3. Thực hành</p>				
6	<p>Bài 6. Các khoản thuế và lệ phí khác</p> <p>6.1. Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê</p> <p>6.1.1. Đối tượng chịu thuế</p> <p>6.1.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>6.1.3. Thu nhập chịu thuế</p> <p>6.1.4. Thuế suất thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất</p> <p>6.1.5. Phương pháp tính thuế</p> <p>6.2. Thuế thu nhập cá nhân</p> <p>6.2.1. Giới thiệu chung về thuế thu nhập cá nhân</p> <p>6.2.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>6.2.3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế</p> <p>6.2.4. Thuế suất, biểu thuế</p> <p>6.2.5. Phương pháp tính thuế</p> <p>6.2.6. Kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế</p> <p>6.3. Thuế tài nguyên</p> <p>6.3.1. Giới thiệu chung về thuế tài nguyên</p> <p>6.3.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>6.3.3. Đối tượng chịu thuế</p> <p>6.3.4. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế</p> <p>6.3.5. Miễn, giảm thuế tài nguyên</p> <p>6.3.6. Đăng ký, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế</p> <p>6.4. Thuế nhà, đất</p> <p>6.4.1. Giới thiệu chung về thuế nhà, đất</p> <p>6.4.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>6.4.3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế</p> <p>6.4.4. Phương pháp và căn cứ tính thuế</p> <p>6.4.5. Miễn, giảm thuế đất</p> <p>6.4.6. Thủ tục kê khai, thu nộp thuế đất</p> <p>6.5. Phí, lệ phí và thuế môn bài</p> <p>6.5.1. Nội dung cơ bản của phí, lệ phí</p>	10	5	5	0

	6.5.2. Thuế môn bài 6.6. Thực hành				
7	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đối tượng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được tính tất yếu khách quan của sự ra đời và phát triển cũng như vai trò của thuế đối với nền kinh tế, từ đó thấy được tầm quan trọng của nó đối với mọi hoạt động của nền kinh tế;

- Trình bày được các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế;
- Phân biệt được các sắc thuế trong nền kinh tế hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế

2.1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế

2.1.3. Vai trò của thuế trong nền kinh tế

2.2. Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế

2.2.1. Tên gọi của sắc thuế

2.2.2. Đối tượng nộp thuế

2.2.3. Đối tượng chịu thuế

2.2.4. Cơ sở tính thuế

2.2.5. Mức thuế

2.2.6. Chế độ giảm thuế, miễn thuế

2.2.7. Chế độ trách nhiệm

2.2.8. Thời hạn thu, thủ tục nộp thuế và các chế tài liên quan

2.3. Phân loại thuế

2.3.1. Phân loại theo đối tượng chịu thuế

2.3.2. Phân loại theo phương thức đánh thuế

2.3.3. Phân loại theo mối quan hệ đối với khả năng nộp thuế

2.3.4. Phân loại theo phạm vi thẩm quyền về thuế

1.4. Các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế

1.4.1. Tính công bằng

1.4.2. Tính hiệu quả

1.4.3. Tính rõ ràng, minh bạch

1.4.4. Tính linh hoạt

1.5. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu

1.5.1. Đối tượng nghiên cứu

1.5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu môn học

1.5.3. Phương pháp nghiên cứu môn học

Bài 2: Thuế giá trị gia tăng, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những vấn đề cơ bản của thuế giá trị gia tăng;
- Trình bày được những quy định cụ thể của thuế GTGT;
- Giải thích được sự ra đời của thuế GTGT cũng như tầm quan trọng của sắc thuế này đối với sự phát triển kinh tế- xã hội;
- Vận dụng những nội dung chủ yếu của thuế và kết hợp với phương pháp tính thuế hợp lý cho từng trường hợp cụ thể và cho từng doanh nghiệp;
- Làm được bài tập và tính ra đúng số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho NSNN

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế GTGT

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế GTGT

2.1.4. Tác dụng của thuế GTGT

2.2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng

2.3. Phạm vi áp dụng

2.4. Căn cứ tính thuế

2.5. Phương pháp tính thuế GTGT

2.6. Quy định về hoá đơn chứng từ mua, bán hàng hoá, dịch vụ

2.7. Chế độ hoàn thuế

2.8. Chế độ giảm thuế, miễn thuế

2.9. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế

2.10. Thực hành

Bài 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những vấn đề cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt và so sánh sự giống và khác nhau giữa thuế TTĐB với thuế GTGT;

- Trình bày được những quy định cụ thể của thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Giải thích được sự ra đời của thuế tiêu thụ đặc biệt cũng như tầm quan trọng của sắc thuế này đối với sự phát triển kinh tế- xã hội;

- Làm được bài tập và tính ra đúng số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp cho NSNN

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế tiêu thụ đặc biệt

2.1.4. Tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt

2.2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt

2.2.1. Phạm vi áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt

2.2.2. Căn cứ tính thuế

2.2.3. Phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt

2.2.4. Chế độ miễn, giảm, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt

2.2.5. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế

2.3. Thực hành

Bài 4: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu , Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những vấn đề cơ bản của thuế xuất khẩu, nhập khẩu;

- Trình bày được những quy định cụ thể của thuế xuất nhập khẩu;

- Giải thích được sự ra đời của thuế xuất khẩu, nhập khẩu cũng như tầm quan trọng của sắc thuế này đối với sự phát triển kinh tế- xã hội;

- Làm được bài tập và tính ra đúng số thuế xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp cho NSNN.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.1.4. Tác dụng của thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.2. Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.2.1. Phạm vi áp dụng thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.2.2. Căn cứ tính thuế

2.2.3. Phương pháp tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.2.4. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.2.5. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu

2.3. Thực hành

Bài 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được vị trí quan trọng của thuế thu nhập doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế, đồng thời giải thích được việc Nhà nước quản lý điều tiết hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ thông qua sắc thuế này;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Xác định được doanh thu tính thuế, chi phí hợp lý để tính ra được thu nhập chịu thuế trong từng thời kỳ;

- Biết áp dụng thuế suất đúng quy định cho các loại hình doanh nghiệp;

- Làm được bài tập và tính ra đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho ngân sách nhà nước.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế thu nhập DN

2.1.4. Tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp

- 2.2.1. Đối tượng nộp thuế
- 2.2.2. Đối tượng chịu thuế
- 2.2.3. Căn cứ tính thuế
- 2.2.4. Phương pháp tính thuế thu nhập DN
- 2.2.5. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp
- 2.2.6. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- 2.3. Thực hành
- 2.4. Kiểm tra

Bài 6: Các khoản thuế và lệ phí khác, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nội dung khái quát của các khoản thuế và lệ phí khác;
- Phân biệt được giống và khác nhau giữa thuế nói chung và lệ phí;
- Viết được chính xác công thức tính thuế và các biểu thuế;
- Làm được bài tập và tính đúng số thuế và lệ phí phải nộp cho NSNN;

2. Nội dung

- 2.1. Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê
 - 2.1.1. Đối tượng chịu thuế
 - 2.1.2. Đối tượng nộp thuế
 - 2.1.3. Thu nhập chịu thuế
 - 2.1.4. Thuế suất thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất
 - 2.1.5. Phương pháp tính thuế
- 2.2. Thuế thu nhập cá nhân
 - 2.2.1. Giới thiệu chung về thuế thu nhập cá nhân
 - 2.2.2. Đối tượng nộp thuế
 - 2.2.3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế
 - 2.2.4. Thuế suất, biểu thuế
 - 2.2.5. Phương pháp tính thuế
 - 2.2.6. Kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế
- 2.3. Thuế tài nguyên
 - 2.3.1. Giới thiệu chung về thuế tài nguyên

- 2.3.2. Đối tượng nộp thuế
- 2.3.3. Đối tượng chịu thuế
- 2.3.4. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
- 2.3.5. Miễn, giảm thuế tài nguyên
- 2.3.6. Đăng ký, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế
- 2.4. Thuế nhà, đất
 - 2.4.1. Giới thiệu chung về thuế nhà, đất
 - 2.4.2. Đối tượng nộp thuế
 - 2.4.3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế
 - 2.4.4. Phương pháp và căn cứ tính thuế
 - 2.4.5. Miễn, giảm thuế đất
 - 2.4.6. Thủ tục kê khai, thu nộp thuế đất
- 2.5. Phí, lệ phí và thuế môn bài
 - 2.5.1. Nội dung cơ bản của phí, lệ phí
 - 2.5.2. Thuế môn bài
- 2.6. Thực hành
- 2.7. Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng thực hành nghiệp vụ kế toán.
2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.
3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được nội dung cơ bản của từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay; Phân biệt được từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.

- Về kỹ năng: sinh viên biết cách tính toán được số tiền phải nộp ngân sách nhà nước của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành; Vận dụng những nội dung chủ yếu của thuế và kết hợp với phương pháp tính thuế hợp lý cho từng trường hợp cụ thể và cho từng doanh nghiệp

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp nghe giảng và thực hành;

- Phương pháp thực hành: thực hành các nghiệp vụ kế toán tại phòng thực hành giao dịch nghiệp vụ;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết;

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên thực hành làm bài tập và phòng thực hành mô hình kế toán;

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học;

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm:

- Thuế giá trị gia tăng;
- Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Thuế xuất khẩu nhập khẩu;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh, *Giáo trình Thuế thực hành*, NXB Thống kê 2009.

[2] PGS. TS. Đặng Văn Dân (2018), *Giáo trình thuế* - NXB Tài chính 2018.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

[4] Chính sách thuế 2007 - NXB Tài chính.

[5] Bài tập thuế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã mô đun: MĐ 20

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Kế toán quản trị là mô đun bắt trong chương trình đào tạo. Môn học này học ở học kỳ IV.

- Tính chất: Mô đun Kế toán quản trị một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về quản trị kế toán cho sinh viên. Nội dung gồm các kiến thức cơ bản nhất về Tổng quan kế toán quản trị, các đòn bẩy quản lý, cách ứng xử cho nhà quản lý, lập và theo dõi dự án, Balanced scorecard, vai trò của nhà quản trị kế toán trong doanh nghiệp.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Kiến thức:

+ Trình bày được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến KTQT truyền thống và đương đại;

+ Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của KTQT dành cho nhà quản trị;

+ Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp);

+ Phân tích vai trò, trách nhiệm, kỹ năng và phẩm chất cần phải có của nhà kế toán quản trị.

2.2. Kỹ năng:

+ Có khả năng ứng dụng phương pháp học và hệ thống quá kiến thức mới;

+ Giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. Giảng viên chỉ giữ vai trò hướng dẫn và định hướng cho sinh viên;

+ Có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh;

+ Phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại;

+ Phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative).

2.3. Thái độ:

+ Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi về kế toán quản trị;

+ Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của kế toán quản trị đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế;

+ Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến kế toán quản trị;

+ Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1. Tổng quan về Kế Toán Quản Trị, cơ sở quyết định cho quản lý 1.1. Lịch sử phát triển của kế toán quản trị 1.2. Sự khác biệt giữa kế toán quản trị và Kế Toán Tài Chính 1.3. Khái niệm và vị trí kế toán quản trị trong doanh nghiệp 1.4. Mối quan hệ giữa kế toán quản trị và Chiến lược doanh nghiệp 1.5. Các trường phái nghiên cứu về kế toán quản trị: truyền thống và hiện đại	5	5	0	0
2	Bài 2. Các “Đòn bẩy quản lý” (Lever of control) 2.1. Quá trình phát triển của lý thuyết “Đòn bẩy quản lý”: nghiên cứu tình huống Simons (1987a, 1987b, 1988, 1989, 1995, 2000). 2.2. Đòn bẩy “Niềm Tin” (“Beliefs”) và đòn bẩy “Ranh giới” (“Boundary”) 2.3. Đòn bẩy “Chẩn đoán” (“Diagnostic”) và đòn bẩy “Tương Tác” (“Interactive”) 2.4. Cách sử dụng riêng rẽ từng đòn bẩy: nghiên cứu tình huống Simons (1994) 2.5. Cách sử dụng chung các đòn bẩy: nghiên cứu tình huống Tuomela (2005)	10	5	5	0
3	Bài 3. Phân tích cách ứng xử của Chi phí (cost behavior) 3.1. Vai trò Chi Phí trong quản trị doanh	10	4	6	0

	nghiệp 3.2. Phân loại Chi Phí 3.3. Ứng xử Chi Phí khi hoạt động thay đổi 3.4. Chi phí biến đổi và lợi nhuận biên tế 3.5. Quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận (CVP: Cost – Volume – Profit)				
4	Bài 4. Lập và theo dõi thực hiện dự toán 4.1. Nghiên cứu tình huống: Hope & Fraser (2003) và Hope (2003) 4.2. Dự toán truyền thống 4.3. Dự toán linh hoạt (Beyond Budget) 4.4. Cách sử dụng dự toán thích hợp cho quyết định quản lý	10	5	5	0
5	Bài 5. Balanced Scorecard 5.1. Nghiên cứu tình huống Kaplan & Norton (1996, 2005) 5.2. Quá trình phát triển và vai trò của Balanced Scorecard 5.3. Balanced Scorecard (Kaplan và Norton, 1994) 5.4. Ứng dụng của Balanced Scorecard trong doanh nghiệp	10	5	5	0
6	Bài 6. Vai trò của nhà Kế Toán Quản Trị trong doanh nghiệp 6.1. Nghiên cứu tình huống: Granlund & Lukka (1998) 6.2. Nhà Kế Toán quản trị truyền thống 6.3. Nhà Kế Toán quản trị ngày nay	10	4	6	0
7	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Tổng quan về Kế Toán Quản Trị, cơ sở quyết định cho quản lý, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản tổng quan về kế toán quản trị;
- Có khả năng phân tích được các chiến lược kinh doanh và phân biệt được giữa kế toán quản trị với kế toán tài chính;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. Lịch sử phát triển của kế toán quản trị
- 2.2. Sự khác biệt giữa kế toán quản trị và Kế Toán Tài Chính
- 2.3. Khái niệm và vị trí kế toán quản trị trong doanh nghiệp
- 2.4. Mối quan hệ giữa kế toán quản trị và Chiến lược doanh nghiệp
- 2.5. Các trường phái nghiên cứu về kế toán quản trị: truyền thống và hiện đại.

Bài 2. Các “Đòn bẩy quản lý” (Levers of control), Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các nguyên lý phát triển “đòn bẩy quản lý”;
- Có khả năng sử dụng riêng rẽ từng đòn bẩy và cách sử dụng chung các đòn bẩy;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. Quá trình phát triển của lý thuyết “Đòn bẩy quản lý”: nghiên cứu tình huống Simons (1987a, 1987b, 1988, 1989, 1995, 2000).
- 2.2. Đòn bẩy “Niềm Tin” (“Beliefs”) và đòn bẩy “Ranh giới” (“Boundary”)
- 2.3. Đòn bẩy “Chẩn đoán” (“Diagnostic”) và đòn bẩy “Tương Tác” (“Interactive”)
- 2.4. Cách sử dụng riêng rẽ từng đòn bẩy: nghiên cứu tình huống Simons (1994)
- 2.5. Cách sử dụng chung các đòn bẩy: nghiên cứu tình huống Tuomela (2005).

Bài 3. Phân tích cách ứng xử của Chi phí (cost behavior), Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức về vai trò của chi phí trong doanh nghiệp và phân loại chi phí;
- Có khả năng biết được chi phí biến đổi và lợi nhuận biên tế;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò Chi Phí trong quản trị doanh nghiệp
- 2.2. Phân loại Chi Phí
- 2.3. Ứng xử Chi Phí khi hoạt động thay đổi
- 2.4. Chi phí biến đổi và lợi nhuận biên tế
- 2.5. Quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận (CVP: Cost – Volume – Profit)

Bài 4. Lập và theo dõi dự toán, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về cách lập và theo dõi dự toán của đơn vị doanh nghiệp;
- Có kỹ năng dự toán truyền thông và dự toán doanh nghiệp;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu tình huống: Hope & Fraser (2003) và Hope (2003)

2.2. Dự toán truyền thông

2.3. Dự toán linh hoạt (Beyond Budget)

2.4. Cách sử dụng dự toán thích hợp cho quyết định quản lý

Bài 5. Balanced Scorecard, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Balanced Scorecard;
- Có khả năng ứng dụng của Balanced Scorecard trong doanh nghiệp;
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu tình huống Kaplan & Norton (1996, 2005)

2.2. Quá trình phát triển và vai trò của Balanced Scorecard

2.3. Balanced Scorecard (Kaplan và Norton, 1994)

2.4. Ứng dụng của Balanced Scorecard trong doanh nghiệp

Bài 6. Vai trò của nhà Kế Toán Quản Trị trong doanh nghiệp, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về vai trò của kế toán quản trị trong doanh nghiệp;
- Có khả năng Nghiên cứu tình huống: Granlund & Lukka (1998);
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu tình huống: Granlund & Lukka (1998)

2.2. Nhà Kế Toán quản trị truyền thống

2.3. Nhà Kế Toán quản trị ngày nay

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học:* Phòng học lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ:* Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Kế toán quản trị.

- Về kỹ năng: Sử dụng được và phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại; Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative); Ứng dụng được vào kế toán quản trị.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp giáo viên hướng dẫn và sinh viên thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thực thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng ứng dụng, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên ứng dụng được vào mô hình kế toán doanh nghiệp thực tế.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm:

+ Tổng quan kế toán quản trị,

+ Các đòn bẩy quản lý

+ Cách ứng xử cho nhà quản lý, lập và theo dõi dự án

+ Balanced scorecard

+ Vai trò của nhà quản trị kế toán trong doanh nghiệp.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Anthony, R.N. and Vijay Govindarajan (2004). Management control systems. Boston, Irwin McGraw-Hill.

[2] Kaplan, Robert S. and David P. Norton (1996c). The Balanced scorecard: translating strategy into action, Harvard Business School.

[3] Nguyễn Tấn Bình (2005). Kế toán Quản Trị: lý thuyết căn bản và nguyên tắc ứng dụng trong quyết định kinh doanh, Nhà Xuất Bản Thống Kê.

[4] PGS TS Phạm Văn Dược and Đặng Kim Cương (2010). Kế Toán Quản Trị: Bài Tập và Bài Giải, Nhà Xuất Bản Thống Kê.

[5] PGS TS Phạm Văn Dược and Đặng Kim Cương (2010). Kế Toán Quản Trị, Nhà Xuất Bản Thống Kê.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mã mô đun: MĐ 21

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: Là mô đun được tổ chức giảng dạy sau các mô đun cơ sở nghề và song song với các mô đun chuyên môn nghề;

- Tính chất: Là mô đun chuyên môn nghề bắt buộc.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về Thương mại điện tử; Thương mại điện tử ; với logistics hiện nay; Xu hướng biến đổi của E logistics trên thị trường thế giới; Sự phát triển của logistics dưới tác động của TMĐT ở Việt Nam;

- Nêu được các mô hình kinh doanh của thương mại điện tử;

- Mô tả được các bước tiến hành hoạt động kinh doanh trên mạng;

- Sử dụng được mạng trong điều tra thị trường;

- Vận dụng được ứng dụng mạng vào công tác marketing;

- Xây dựng website, tìm kiếm thông tin.

- Tìm hiểu và phân tích những chiến lược về TMĐT và logistics của DHL, GHN, Lazada, Senda, Vesa.

2.2. Về kỹ năng: Sinh viên có thể tìm kiếm thông tin; và vận dụng vào việc phân tích các chiến lược về thương mại điện tử.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Nghiêm túc khi nghiên cứu, học tập, trung thực.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra

1	<p>Bài 1. Giới thiệu về thương mại điện tử với logistics</p> <p>1.1. Khái niệm thương mại điện tử.</p> <p>1.1.1. Khái niệm.</p> <p>1.1.2. Mục tiêu.</p> <p>1.1.3. Vai trò của thương mại điện tử đối với nền kinh tế</p> <p>1.2. Sự phát triển của thương mại điện tử.</p> <p>1.2.1. Lịch sử hình thành.</p> <p>1.2.2. Quá trình phát triển của thương mại điện tử.</p> <p>1.3. Các phương thức giao dịch qua mạng.</p> <p>1.4. Thương mại điện tử với logistics hiện nay</p> <p>1.5. Xu hướng biến đổi của E logistics trên thị trường thế giới</p> <p>1.6. Sự phát triển của logistics dưới tác động của TMĐT ở Việt Nam</p>	1	1	0	0
2	<p>Bài 2. Các mô hình kinh doanh của thương mại điện tử</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Phân loại các mô hình</p> <p>2.2.1. Mô hình billboard.</p> <p>2.2.2. Mô hình quảng cáo.</p> <p>2.2.3. Mô hình cửa hàng.</p> <p>2.2.4. Mô hình yellow pages.</p> <p>2.2.5. Mô hình aution.</p>	2	2	0	0
3	<p>Bài 3. Ứng dụng thương mại điện tử</p> <p>3.1. Ứng dụng kinh doanh.</p> <p>3.1.1. Quản lý thông tin chuỗi cung ứng.</p> <p>3.1.2. Hệ thống thanh toán.</p> <p>3.1.3. Quản lý nội dung doanh nghiệp.</p> <p>3.1.4. Mua sắm trực tuyến.</p> <p>3.1.5. Ngân hàng điện tử.</p> <p>3.1.6. Văn phòng trực tuyến.</p> <p>3.2. Hình thức thương mại điện tử.</p> <p>3.2.1. Doanh nghiệp với doanh nghiệp.</p> <p>3.2.2. Doanh nghiệp với khách hàng.</p> <p>3.2.3. Khách hàng với doanh nghiệp.</p> <p>3.2.4. Doanh nghiệp với chính phủ.</p> <p>3.2.5. Thương mại di động</p>	8	2	5	1
4	<p>Bài 4. Thiết kế website</p> <p>4.1. Nguyên tắc thiết kế website.</p> <p>4.1.1. Tổ chức web chặt chẽ và dễ sử dụng.</p> <p>4.1.2. Sử dụng từ dễ hiểu.</p> <p>4.1.3. Dễ dàng khám phá các link.</p> <p>4.1.4. Thời gian tải nhanh.</p>	15	4	11	0

	<p>4.1.5. Nội dung có hình ảnh.</p> <p>4.1.6. Dễ dàng theo dõi “quá trình bán hàng”.</p> <p>4.1.7. Tương thích với đa số trình duyệt.</p> <p>4.2. Các hình thức khuyến trương.</p> <p>4.2.1. Khuyến trương thông qua mail.</p> <p>4.2.2. Khuyến trương thông qua PR.</p> <p>4.3. Quản lý website.</p>				
5	<p>Bài 5. Công cụ tìm kiếm</p> <p>.1. Xác định được các thông tin cần thiết trong công tác marketing</p> <p>5.1.1. Nêu được công cụ tìm kiếm thông tin</p> <p>5.1.2. Trình bày được cách tìm kiếm thông tin</p> <p>5.1. 3.Ứng dụng công cụ tìm kiếm trong công tác marketing</p> <p>5.1. 4. Nghiệm túc khi nghiên cứu.</p> <p>5.2. Tối ưu hoá website cho công cụ tìm kiếm.</p> <p>5.2.1. Vai trò của Website.</p> <p>5.2.2. Tối ưu hoá website</p> <p>5.2.3. Phương pháp xếp hạng URL.</p> <p>5.2.4. Công cụ tìm kiếm.</p> <p>5.3. Khái niệm công cụ tìm kiếm.</p> <p>3.4. Công cụ tìm kiếm thông tin.</p>	8	2	6	0
6	<p>Bài 6. Tìm hiểu và phân tích những chiến lược về TMĐT và logistics của DHL, GHN, Lazada, Senda, Vesa</p> <p>6.1. Tìm hiểu về mạng lưới, tiếp cận thế giới, hỗ trợ tăng trưởng, hải quan, tốc độ của DHL</p> <p>6.2. Cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua các kênh B2C của DHL</p> <p>6.3. Các chính sách của DHL</p> <p>6.4. Các mô hình hợp tác, cung cấp dịch vụ, giải pháp tích hợp, giải pháp tổng thể trọn gói của GHN.</p> <p>6.5.Các rào cản đối với việc hợp tác với GHN</p> <p>6.6. Đầu tư, ứng dụng công nghệ, phát triển con người và đối tác của Lazada</p> <p>6.1. DHL</p> <p>6.1.1. Tìm hiểu về DHL</p> <p>6.1.2. Các chính sách của DHL</p> <p>6.2. Các mô hình hợp tác của GHN</p> <p>6.3. Đầu tư, ứng dụng công nghệ, phát triển con người và đối tác của Lazada</p> <p>6.4. Senda</p> <p>6.4.1. Xu hướng bán hàng đa kênh (OMNI-CHANNEL)</p> <p>6.4.2. Thách thức trong TMĐT</p>	11	4	6	1

6.5. VESA 6.5.1. Hợp tác giữa Logistics và TMĐT để hỗ trợ xuất nhập khẩu 6.5.2. Case study: Alibaba Group 6.5.3. Case study: VESA				
Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Giới thiệu về thương mại điện tử

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được khái niệm thương mại điện tử; thương mại điện tử với logistics
- Trình bày được sự phát triển của thương mại điện tử;
- Nêu các phương thức giao dịch qua mạng;
- Trình bày được lợi ích và hạn chế của thương mại điện tử đối với tổ chức, khách hàng và xã hội;
- Nhận thức được tương lai của thương mại điện tử;
- Rèn luyện tính chuyên nghiệp, sự sáng tạo cho sinh viên.

2. Nội dung

1.1. Khái niệm thương mại điện tử.

1.1.1. Khái niệm.

1.1.2. Mục tiêu.

1.1.3. Vai trò của thương mại điện tử đối với nền kinh tế

1.2. Sự phát triển của thương mại điện tử.

1.2.1. Lịch sử hình thành.

1.2.2. Quá trình phát triển của thương mại điện tử.

1.3. Các phương thức giao dịch qua mạng.

1.4. Thương mại điện tử với logistics hiện nay

1.5. Xu hướng biến đổi của E logistics trên thị trường thế giới

1.6. Sự phát triển của logistics dưới tác động của TMĐT ở Việt Nam

Bài 2: Các mô hình kinh doanh của thương mại điện tử

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được khái niệm mô hình kinh doanh của thương mại điện tử;

- Phân loại được các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử;
- Ứng dụng vào công tác marketing;
- Nghiêm túc khi nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm.
- 2.2. Phân loại các mô hình.
 - 2.2.1. Mô hình billboard.
 - 2.2.2. Mô hình quảng cáo.
 - 2.2.3. Mô hình cửa hàng.
 - 2.2.4. Mô hình yellow pages.
 - 2.2.5. Mô hình auction.

Bài 3: Ứng dụng thương mại điện tử

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được các hành vi của khách hàng trong thương mại điện tử;
- Trình bày được cách phân khúc thị trường và xác định lợi thế cạnh tranh;
- Sử dụng được mạng Internet trong điều tra thị trường;
- Ứng dụng vào công tác marketing;

2. Nội dung

- 3.1. Ứng dụng kinh doanh.
 - 3.1.1. Quản lý thông tin chuỗi cung ứng.
 - 3.1.2. Hệ thống thanh toán.
 - 3.1.3. Quản lý nội dung doanh nghiệp.
 - 3.1.4. Mua sắm trực tuyến.
 - 3.1.5. Ngân hàng điện tử.
 - 3.1.6. Văn phòng trực tuyến.
- 3.2. Hình thức thương mại điện tử.
 - 3.2.1. Doanh nghiệp với doanh nghiệp.
 - 3.2.2. Doanh nghiệp với khách hàng.
 - 3.2.3. Khách hàng với doanh nghiệp.
 - 3.2.4. Doanh nghiệp với chính phủ.

3.2.5. Thương mại di động.

Bài 4: Thiết kế website

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc thiết kế website;
- Thiết kế được website;
- Ứng dụng được website vào công tác marketing;
- Phát huy khả năng sáng tạo của sinh viên.

2. Nội dung

4.1. Nguyên tắc thiết kế website.

4.1.1. Tổ chức web chặt chẽ và dễ sử dụng.

4.1.2. Sử dụng từ dễ hiểu.

4.1.3. Dễ dàng khám phá các link.

4.1.4. Thời gian tải nhanh.

4.1.5. Nội dung có hình ảnh.

4.1.6. Dễ dàng theo dõi “quá trình bán hàng”.

4.1.7. Tương thích với đa số trình duyệt.

4.2. Các hình thức khuyến khích tương.

4.2.1. Khuyến khích tương thông qua mail.

4.2.2. Khuyến khích tương thông qua PR.

4.3. Quản lý website.

Bài 5: Công cụ tìm kiếm

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các cách tìm kiếm thông tin và ứng dụng các công cụ vào công tác tìm kiếm thông tin.

Ứng dụng được các công cụ tìm kiếm trong marketing.

2. Nội dung

5.1. Xác định được các thông tin cần thiết trong công tác marketing

5.1.1. Nêu được công cụ tìm kiếm thông tin

5.1.2. Trình bày được cách tìm kiếm thông tin

5.1.3. Ứng dụng công cụ tìm kiếm trong công tác marketing

- 5.1. 4. Nghiêm túc khi nghiên cứu.
- 5.2. Tối ưu hoá website cho công cụ tìm kiếm.
 - 5.2.1. Vai trò của Website.
 - 5.2.2. Tối ưu hoá website
 - 5.2.3. Phương pháp xếp hạng URL.
 - 5.2.4. Công cụ tìm kiếm.
- 5.3. Khái niệm công cụ tìm kiếm.
- 3.4. Công cụ tìm kiếm thông tin.

Bài 6: Tìm hiểu và phân tích những chiến lược về TMĐT và logistics của DHL, GHN, Lazada, Sendo, Vesa **Thời gian: 11 giờ**

1. Mục tiêu

Trình bày các mạng lưới cung như những chiến lược về thương mại điện tử
 Trình bày các mô hình cũng như các rào cản đối với việc hợp tác giao hàng nhanh

2. Nội dung

- 6.1. Tìm hiểu về mạng lưới, tiếp cận thế giới, hỗ trợ tăng trưởng, hải quan, tốc độ của DHL
- 6.2. Cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua các kênh B2C của DHL
- 6.3. Các chính sách của DHL
- 6.4. Các mô hình hợp tác, cung cấp dịch vụ, giải pháp tích hợp, giải pháp tổng thể trọn gói của GHN.
 - 6.5. Các rào cản đối với việc hợp tác với GHN
 - 6.6. Đầu tư, ứng dụng công nghệ, phát triển con người và đối tác của Lazada
- 6.1. DHL
 - 6.1.1. Tìm hiểu về DHL
 - 6.1.2. Các chính sách của DHL
- 6.2. Các mô hình hợp tác của GHN
- 6.3. Đầu tư, ứng dụng công nghệ, phát triển con người và đối tác của Lazada
- 6.4. Sendo
 - 6.4.1. Xu hướng bán hàng đa kênh (OMNI-CHANNEL)
 - 6.4.2. Thách thức trong TMĐT

6.5. VESA

6.5.1. Hợp tác giữa Logistics và TMĐT để hỗ trợ xuất nhập khẩu

6.5.2. Case study: Alibaba Group

6.5.3. Case study: VESA

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học: Phòng học thực hành; Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị dạy học: Máy chiếu projector; Máy vi tính; Âm li, loa; Micro.

3. Học liệu:

- Giáo trình Thương mại điện tử;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn học Thương mại điện tử;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:
 - + Các mô hình kinh doanh của thương mại điện tử;
 - + Cách thức tiến hành hoạt động kinh doanh trên mạng.
- Về kỹ năng:
 - + Sử dụng được mạng trong điều tra thị trường;
 - + Ứng dụng mạng vào công tác marketing.
- Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc khi nghiên cứu;
 - + Cẩn thận khi khuyếch trương website, tìm kiếm thông tin;

2. Phương pháp đánh giá

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:
Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Yingli Wang, Stephen, E-Logistics: Managing Your Digital Supply Chains for Competitive Advantage, Kogan Page, 2016.

[2] Deryn Graham, Ioannis Manikas, Dimitris Folinis, E-Logistics and E-Supply Chain Management: Applications for Evolving Business, IGI Global, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã mô đun: MĐ 22

Số tín chỉ: 3 (3-0-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Phân tích hoạt động kinh doanh là mô đun bắt trong chương trình đào tạo. Mô đun Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc nhóm các môn học chuyên môn của nghề quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tính chất: Mô đun Phân tích hoạt động kinh doanh là mô đun có tính chất tổng hợp, vận dụng các công cụ phân tích kinh tế để phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết trong việc ra quyết định tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức: Nhận biết được đối tượng nghiên cứu của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; Xác định được những nội dung phân tích, các phương pháp phân tích và tiến hành tổ chức phân tích; Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên môn của kinh tế, tài chính thống kê để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến đối tượng của phân tích.

2.2. Về kỹ năng: Xây dựng được các phương trình kinh tế khoa học phù hợp với từng đối tượng cần phân tích; Lựa chọn đúng các phương pháp để phân tích, đánh giá và xác định chính xác mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến đối tượng phân tích; Tổ chức được việc phân tích tình hình kinh doanh của doanh nghiệp ở từng khâu, từng giai đoạn. Từ đó, tìm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phù hợp.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có tinh thần làm việc hợp tác, có thái độ làm việc tích cực, chủ động sáng tạo, có kỷ luật và tác phong công nghiệp; Có khả năng tìm kiếm việc làm và học lên trình độ cao hơn hoặc tổ chức kinh doanh.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Tên bài	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm Tra

1	<p>Bài 1. Khái quát chung của phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.1. Khái niệm, nội dung và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.1.1. Khái niệm:</p> <p>1.1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.1.3. Ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.1.4. Nội dung của phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.2. Các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.2.1. Phương pháp so sánh</p> <p>1.2.2. Phương pháp liên hệ cân đối</p> <p>1.2.3. Phương pháp phân tích chi tiết</p> <p>1.2.4. Phương pháp loại trừ</p> <p>1.3. Tổ chức và phân loại phân tích kinh doanh</p> <p>1.3.1. Các loại hình phân tích kinh doanh</p> <p>1.3.2. Tổ chức công tác phân tích kinh doanh</p>	3	3	0	0
2	<p>Bài 2. Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.1. Chức năng và vai trò của doanh nghiệp</p> <p>2.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp</p> <p>2.1.2. chức năng của doanh nghiệp</p> <p>2.1.3. Vai trò của doanh nghiệp</p> <p>2.2. Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.2.1. Phân tích môi trường vi mô</p> <p>2.2.2. Phân tích môi trường vĩ mô</p> <p>2.3. Phân tích thị trường</p> <p>2.3.1. Ý nghĩa của phân tích thị trường</p> <p>2.3.2. Nội dung của phân tích thị trường</p> <p>2.4. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.4.1. Yêu cầu căn cứ khi xây dựng chiến lược kinh doanh</p> <p>2.4.2. Nội dung cơ bản của chiến lược kinh doanh</p> <p>2.5. Lựa chọn và quyết định chiến lược kinh doanh</p> <p>2.5.1. Những nguyên tắc thẩm định và</p>	10	5	5	0

	<p>đánh giá chiến lược kinh doanh</p> <p>2.5.2. Tiêu chuẩn thẩm định và đánh giá chiến lược kinh doanh</p>				
3	<p>Bài 3. Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp</p> <p>3.1. Phân tích tính cân đối của các yếu tố sản xuất</p> <p>3.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động</p> <p>3.2.1. Phân tích tình hình sử dụng số lượng lao động</p> <p>3.2.2. Phân tích tình hình tăng giảm năng suất lao động</p> <p>3.2.3. Phương hướng nâng cao năng suất lao động</p> <p>3.3. Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định</p> <p>3.3.1. Phân tích tình hình trang bị kỹ thuật</p> <p>3.3.2. Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định</p> <p>3.4. Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu</p> <p>3.4.1. Phân tích hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu</p> <p>3.4.2. Phân tích tình hình cung cấp, dự trữ và sử dụng NVL ảnh hưởng đến kết quả sản xuất</p>	10	5	5	0
4	<p>Bài 4. Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm</p> <p>4.1. Ý nghĩa, nội dung phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</p> <p>4.1.1. Ý nghĩa</p> <p>4.1.2. Nội dung</p> <p>4.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm hàng hoá</p> <p>4.2.1. Đánh giá sự biến động của giá thành đơn vị</p> <p>4.2.2. Đánh giá sự biến động của tổng giá thành</p> <p>4.3. Phân tích chi phí cho 1000 đồng sản phẩm hàng hoá.</p> <p>4.3.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chỉ tiêu chi phí cho 1000 đồng sản phẩm hàng hoá.</p> <p>4.3.2. Xác định mức độ ảnh hưởng của</p>	11	5	6	0

	<p>các nhân tố, rút ra nhận xét và kiến nghị.</p> <p>4.4. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được.</p> <p>4.4.1. Xác định nhiệm vụ hạ giá thành của sản phẩm so sánh được</p> <p>4.4.2. Xác định tình hình thực tế hạ giá thành của sản phẩm so sánh được</p> <p>4.4.3. Xác định trình độ hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm so sánh được</p> <p>4.4.4. Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm so sánh được</p>				
5	<p>Bài 5. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</p> <p>5.1. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</p> <p>5.1.1. Phân tích kết quả khối lượng sản xuất</p> <p>5.1.2. Phân tích tình hình đảm bảo chất lượng sản phẩm</p> <p>5.2. Phân tích kết quả tiêu thụ sản phẩm hàng hoá</p> <p>5.2.1. Nhiệm vụ và ý nghĩa của tiêu thụ sản phẩm hàng hoá</p> <p>5.2.2. Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp.</p> <p>5.3. Phân tích điểm hoà vốn</p> <p>5.3.1. Khái niệm về điểm hoà vốn</p> <p>5.3.2. Phương pháp xác định điểm hoà vốn</p> <p>5.3.3. Đồ thị điểm hoà vốn</p>	11	5	6	0
6	<p>Bài 6. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp</p> <p>6.1. Mục tiêu, ý nghĩa và công cụ phân tích báo cáo tài chính</p> <p>6.1.1. Ý nghĩa</p> <p>6.1.2. Nhiệm vụ, nội dung và công cụ</p> <p>Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp</p> <p>6.2. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp</p> <p>6.2.1. Đánh giá chung</p> <p>6.2.2. Phân tích cơ cấu tài sản</p>	10	5	5	0

	6.2.3. Phân tích cơ cấu nguồn vốn 6.3. Phân tích các tỷ số tài chính chủ yếu 6.3.1. Các tỷ số kết cấu 6.3.2. Các tỷ số phản ánh khả năng thanh toán 6.3.3. Các tỷ số phản ánh tốc độ chu chuyển vốn hàng hoá của doanh nghiệp 6.3.4. Các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời của hoạt động kinh doanh 6.3.5. Phân tích khả năng độc lập tài chính của doanh nghiệp				
7	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	60	28	27	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát chung của phân tích hoạt động kinh doanh, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày khái được khái niệm, ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh trong hệ thống quản lý doanh nghiệp;

- Nhận biết đối tượng nghiên cứu của phân tích hoạt động kinh doanh;

- Vận dụng 4 phương pháp phân tích chủ yếu nhất cấu phân tích hoạt động kinh doanh vào phân tích hoạt động kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp;

- Phân loại được các hình thức phân tích hoạt động kinh doanh để vận dụng vào tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh ở doanh nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nội dung và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh

2.1.1. Khái niệm:

2.1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh

2.1.3. Ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh

2.1.4. Nội dung của phân tích hoạt động kinh doanh

2.2. Các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh

2.2.1. Phương pháp so sánh

2.2.2. Phương pháp liên hệ cân đối

2.2.3. Phương pháp phân tích chi tiết

2.2.4. Phương pháp loại trừ

2.3. Tổ chức và phân loại phân tích kinh doanh

2.3.1. Các loại hình phân tích kinh doanh

2.3.2. Tổ chức công tác phân tích kinh doanh

Bài 2: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Phân biệt được sự ảnh hưởng của môi trường vi mô và môi trường vĩ mô đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trình bày được ý nghĩa nội dung của phân tích thị trường;
- Xây dựng và đánh giá được các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tổ chức thực hiện điều tra thăm dò thị trường theo nhóm để xác định thái độ của người tiêu dùng đến sản phẩm của doanh nghiệp;
- Phân tích hướng tăng trưởng và khả năng thâm nhập thị trường trong tương lai của doanh nghiệp;
- Tổ chức nhóm lập một số chiến lược kinh doanh với quy mô nhỏ để phân tích đánh giá.

2. Nội dung

2.1. Chức năng và vai trò của doanh nghiệp

2.1.1 Khái niệm về doanh nghiệp

2.1.2. chức năng của doanh nghiệp

2.1.3. Vai trò của doanh nghiệp

2.2. Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp

2.2.1. Phân tích môi trường vi mô

2.2.2. Phân tích môi trường vĩ mô

2.3. Phân tích thị trường

2.3.1. Ý nghĩa của phân tích thị trường

2.3.2. Nội dung của phân tích thị trường

2.4. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

2.4.1. Yêu cầu căn cứ khi xây dựng chiến lược kinh doanh

2.4.2. Nội dung cơ bản của chiến lược kinh doanh

2.5. Lựa chọn và quyết định chiến lược kinh doanh

2.5.1. Những nguyên tắc thẩm định và đánh giá chiến lược kinh doanh

2.5.2. Tiêu chuẩn thẩm định và đánh giá chiến lược kinh doanh

Bài 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được các yếu tố sản xuất chủ yếu của doanh nghiệp, những mặt cân đối và mặt mất cân đối giữa các yếu tố sản xuất này:

- Phân biệt và tính được các loại năng suất lao động;

- Vận dụng các phương pháp phân tích của phân tích hoạt động kinh doanh để đánh giá và xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố về lao động, tài sản cố định, nguyên vật liệu đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Làm được thành thạo các bài tập ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Phân tích tính cân đối của các yếu tố sản xuất

2.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động

2.2.1. Phân tích tình hình sử dụng số lượng lao động

2.2.2. Phân tích tình hình tăng giảm năng suất lao động

2.2.3. Phương hướng nâng cao năng suất lao động

2.3. Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định

2.3.1. Phân tích tình hình trang bị kỹ thuật

2.3.2. Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định

2.4. Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu

2.4.1. Phân tích hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu

2.4.2. Phân tích tình hình cung cấp, dự trữ và sử dụng NVL ảnh hưởng đến kết quả sản xuất.

Bài 4: Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được ý nghĩa và nội dung của phân tích chi phí và giá thành sản phẩm;

- Nêu phương pháp chung để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm hàng hoá;

- Trình bày phương pháp phân tích tình hình thực kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được;

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được;

- Làm được bài tập ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa, nội dung phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

2.1.1. Ý nghĩa

2.1.2. Nội dung

2.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm hàng hoá

2.2.1. Đánh giá sự biến động của giá thành đơn vị

2.2.2. Đánh giá sự biến động của tổng giá thành

2.3. Phân tích chi phí cho 1000 đồng sản phẩm hàng hoá.

2.3.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chỉ tiêu chi phí cho 1000 đồng sản phẩm hàng hoá.

2.3.2. Xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, rút ra nhận xét và kiến nghị.

2.4. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

2.4.1. Xác định nhiệm vụ hạ giá thành của sản phẩm so sánh được

2.4.2. Xác định tình hình thực tế hạ giá thành của sản phẩm so sánh được

2.4.3. Xác định trình độ hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm so sánh được

2.4.4. Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm so sánh được.

Bài 5: Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày các hướng phân tích khái quát quy mô sản xuất của doanh nghiệp;

- Trình bày ý nghĩa và phương pháp phân tích chất lượng sản phẩm, kết quả tiêu thụ sản phẩm hàng hoá;

- Ứng dụng các phương pháp phân tích để làm các bài tập liên quan.

2. Nội dung

2.1. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1.1. Phân tích kết quả khối lượng sản xuất

2.1.2. Phân tích tình hình đảm bảo chất lượng sản phẩm

2.2. Phân tích kết quả tiêu thụ sản phẩm hàng hoá

2.2.1. Nhiệm vụ và ý nghĩa của tiêu thụ sản phẩm hàng hoá

2.2.2. Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp.

2.3. Phân tích điểm hoà vốn

2.3.1. Khái niệm về điểm hoà vốn

2.3.2. Phương pháp xác định điểm hoà vốn

2.3.3. Đồ thị điểm hoà vốn

Bài 6: Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được khái niệm, ý nghĩa và nội dung của phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp;

- Xác định được các tài liệu sử dụng để phục vụ cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp;

- Vận dụng các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh để đánh giá khái quát tình hình tài chính và các tỷ số tài chính chủ yếu của doanh nghiệp;

- Thực hiện được việc phân tích đánh giá tình hình tài chính của một doanh nghiệp để đưa ra các quyết định tối ưu;

2. Nội dung

2.1. Mục tiêu, ý nghĩa và công cụ phân tích báo cáo tài chính

2.1.1. Ý nghĩa

2.1.2. Nhiệm vụ, nội dung và công cụ Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.2. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.2.1. Đánh giá chung

2.2.2. Phân tích cơ cấu tài sản

2.2.3. Phân tích cơ cấu nguồn vốn

2.3. Phân tích các tỷ số tài chính chủ yếu

2.3.1. Các tỷ số kết cấu

2.3.2. Các tỷ số phản ánh khả năng thanh toán

2.3.3. Các tỷ số phản ánh tốc độ chu chuyển vốn hàng hoá của doanh nghiệp

2.3.4. Các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời của hoạt động kinh doanh

2.3.5. Phân tích khả năng độc lập tài chính của doanh nghiệp

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng học lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về Phân tích hoạt động kinh doanh cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. *Phương pháp*

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra**: trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần**: Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên .

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1] PGS. TS. Phạm Văn Dược (chủ biên), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB thống kê 2004.

[2] Nguyễn Tân Bình, *Phân tích hoạt động doanh nghiệp*, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2003.

[3] *Bài giảng phân tích hoạt động kinh tế*, Trường Học Viện tài chính.

[4] TS. Vũ Duy Hào, *Giáo trình quản trị doanh nghiệp*, ĐHKQTĐ, NXB Giáo dục, 1998.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 23

Số tín chỉ: 3(3-0-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 40 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun bắt buộc trong chuyên ngành đào tạo.

- Tính chất: Mô đun chuyên ngành

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức.

2.2. *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức môn học để sinh viên có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động giao tiếp với xã hội và cộng đồng.

2.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Thái độ làm việc nghiêm túc;

+ Có ý thức tự học và biết kết hợp làm việc theo nhóm;

+ Tăng khả năng tư duy logic và thái độ hợp tác hơn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

T T	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan văn hóa doanh nghiệp 1.1. Khái niệm về văn hóa doanh nghiệp 1.2. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của VHDN 1.3. Các yếu tố cấu thành và tiêu chí xây dựng VHDN	5	5	0	0
2	Bài 2: Các chức năng và nội dung cơ bản của văn hóa doanh nghiệp 2.1. Chức năng của Văn hóa doanh nghiệp 2.1.1. Chức năng chỉ đạo 2.1.2. Chức năng ràng buộc	10	10	0	0

	<p>2.1.3. Chức năng khuyến khích</p> <p>2.1.4. Chức năng lan truyền</p> <p>2.2. Nội dung cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.2.1. Quan niệm giá trị của doanh nghiệp</p> <p>2.2.2. Xây dựng Phương thức và chế độ quản lý</p> <p>2.2.3. Sự thể hiện trong hành động của nhân viên</p> <p>2.2.4. Tạo lập giá trị văn hóa vật chất của doanh nghiệp</p> <p>2.2.5. Những thách thức trong thực thi văn hóa doanh nghiệp</p>				
3	<p>Bài 3: Cấu trúc cơ bản hình thành văn hóa doanh nghiệp</p> <p>3.1. Hình thành văn hóa doanh nghiệp từ các yếu tố giá trị</p> <p>3.1.1. Các giá trị</p> <p>3.1.2. Quản lý bằng giá trị</p> <p>3.2. Hình thành văn hóa doanh nghiệp từ các yếu tố chuẩn mực</p> <p>3.2.1. Tính nhân văn</p> <p>3.2.2. Sự thật và lẽ phải</p> <p>3.2.3. Bản chất con người</p> <p>3.2.4. Hành vi con người</p> <p>3.2.5. Mối quan hệ với con người</p> <p>3.3. Hình thành văn hóa doanh nghiệp từ các yếu tố phong cách quản lý</p> <p>3.3.1. Phong cách quản lý</p> <p>3.3.2. Phân loại phong cách quản lý</p> <p>3.3.3. Các biểu trưng phong cách quản lý</p>	10	10	0	0
4	<p>Bài 4. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp</p> <p>4.1. Các giai đoạn hình thành VHDN</p> <p>4.1.1. Giai đoạn đầu</p> <p>4.1.2. Giai đoạn giữa</p> <p>4.1.3. Giai đoạn chín mùi và nguy cơ suy thoái</p> <p>4.2. Các dạng văn hóa doanh nghiệp</p> <p>4.2.1. Theo phân cấp quyền lực</p> <p>4.2.2. Theo cơ cấu định hướng về con người và nhiệm vụ</p> <p>4.2.3. Theo mối quan tâm đến nhân tố con người và mối quan tâm đến thành tích</p> <p>4.2.4. Theo vai trò nhà lãnh đạo</p> <p>4.3. Xây dựng dựng văn hóa doanh nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay</p>	10	10	0	0

	<p>4.3.1. Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc và môi trường kinh doanh đến sự hình thành và phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam</p> <p>4.3.2. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp VN</p>				
5	<p>Bài 5. Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh</p> <p>5.1. Văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp</p> <p>5.1.1. Vai trò và biểu hiện của VH ứng xử trong nội bộ DN</p> <p>5.1.2. Tác động của văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp</p> <p>5.1.3. Những điều cần tránh trong văn hoá ứng xử nội bộ doanh nghiệp</p> <p>5.2. Văn hoá trong xây dựng và phát triển thương hiệu</p> <p>5.2.1. Văn hoá - Chiều sâu của thương hiệu</p> <p>5.2.2. Văn hoá công ty và thương hiệu</p> <p>5.2.3. Một số khía cạnh VH cần lưu ý trong xây dựng thương hiệu</p> <p>5.3. Văn hoá trong hoạt động Marketing</p> <p>5.3.1. VH trong lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>5.3.2. Văn hoá trong các quyết định về sản phẩm</p> <p>5.3.3 Văn hoá trong các hoạt động truyền thông marketing</p> <p>5.4. Văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p> <p>5.4.1. Quan niệm về đàm phán và thương lượng trong hoạt động kinh doanh</p> <p>5.4.2. Biểu hiện của văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p> <p>5.4.3. Tác động của văn hoá ứng xử đến đàm phán và thương lượng</p> <p>5.4.4. Những điều cần tránh trong đàm phán và thương lượng</p> <p>5.5. Văn hóa trong định hướng với khách hàng</p> <p>5.5.1 Ảnh hưởng của văn hóa đến quyết định của khách hàng</p> <p>5.5.2. Xây dựng phong cách văn hóa doanh nghiệp định hướng vào khách hàng</p> <p>5.5.3. Phát triển môi trường văn hóa đặt khách hàng lên trên hết</p>	5	5	0	0

6	Kiểm tra	5	0	0	5
	Tổng cộng	45	40	0	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan văn hóa doanh nghiệp, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nắm vững đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học;
- Hiểu rõ các khái niệm: đầu tư, dự án đầu tư, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về văn hóa doanh nghiệp
- 2.2. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của VHDN
- 2.3. Các yếu tố cấu thành và tiêu chí xây dựng VHDN

Bài 2: Các chức năng và nội dung cơ bản của văn hóa doanh nghiệp,

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nội dung chủ yếu của dự án;
- Hiểu được các mục tiêu, yêu cầu khi tiến hành lập dự án;
- Trình bày được và vận dụng quy trình, trình tự tiến hành lập dự án;
- Có thể xây dựng được về cơ cấu đối với một dự án kinh doanh.

2. Nội dung

- 2.1. Chức năng của Văn hóa doanh nghiệp
 - 2.1.1. Chức năng chỉ đạo
 - 2.1.2. Chức năng ràng buộc
 - 2.1.3. Chức năng khuyến khích
 - 2.1.4. Chức năng lan truyền
- 2.2. Nội dung cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp
 - 2.2.1. Quan niệm giá trị của doanh nghiệp
 - 2.2.2. Xây dựng Phương thức và chế độ quản lý
 - 2.2.3. Sự thể hiện trong hành động của nhân viên
 - 2.2.4. Tạo lập giá trị văn hóa vật chất của doanh nghiệp

2.2.5. Những thách thức trong thực thi văn hóa doanh nghiệp

Bài 3: Cấu trúc cơ bản hình thành văn hóa doanh, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu và xây dựng được hệ thống các tiêu chuẩn lựa chọn dự án;
- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn vào trong công tác lựa chọn dự án;
- Hiểu và triển khai được các bước công việc của hệ thống quản lý danh mục dự án.

2. Nội dung

2.1. Hình thành văn hóa doanh nghiệp từ các yếu tố giá trị

2.1.1. Các giá trị

2.1.2. Quản lý bằng giá trị

2.2. Hình thành văn hóa doanh nghiệp từ các yếu tố chuẩn mực

2.2.1. Tính nhân văn

2.2.2. Sự thật và lẽ phải

2.2.3. Bản chất con người

2.2.4. Hành vi con người

2.2.5. Mối quan hệ với con người

2.3. Hình thành văn hóa doanh nghiệp từ các yếu tố phong cách quản lý

2.3.1. Phong cách quản lý

2.3.2. Phân loại phong cách quản lý

2.3.3. Các biểu trưng phong cách quản lý

Bài 4: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Phát triển được sơ đồ mạng dự án;
- Hiểu được việc ước tính thời gian thực hiện các hoạt động dự án là cơ sở cho việc lập kế hoạch và kiểm soát tiến độ dự án;
- Hiểu được các nguyên tắc áp dụng trong ước tính thời gian thực hiện công việc;
- Nhận biết được các phương pháp ước tính thời gian thực hiện từng công việc và cả dự án.
- Hiểu được quá trình tính toán các mốc thời gian sớm nhất, thời gian muộn nhất, thời gian dự trữ và các hoạt động nằm trên đường Găng

2. Nội dung

- 2.1. Các giai đoạn hình thành VHDN
 - 2.1.1. Giai đoạn đầu
 - 2.1.2. Giai đoạn giữa
 - 2.1.3. Giai đoạn chín mùi và nguy cơ suy thoái
- 2.2. Các dạng văn hóa doanh nghiệp
 - 2.2.1. Theo phân cấp quyền lực
 - 2.2.2. Theo cơ cấu định hướng về con người và nhiệm vụ
 - 2.2.3. Theo mối quan tâm đến nhân tố con người và mối quan tâm đến thành tích
 - 2.2.4. Theo vai trò nhà lãnh đạo
- 2.3. Xây dựng dựng văn hóa doanh nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay
 - 2.3.1. Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc và môi trường kinh doanh đến sự hình thành và phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam
 - 2.3.2. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp VN

Bài 5: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Phát triển được sơ đồ mạng dự án;
- Hiểu được việc ước tính thời gian thực hiện các hoạt động dự án là cơ sở cho việc lập kế hoạch và kiểm soát tiến độ dự án.

2. Nội dung

- 2.1. Văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp
 - 2.1.1. Vai trò và biểu hiện của VH ứng xử trong nội bộ DN
 - 2.1.2. Tác động của văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp
 - 2.1.3. Những điều cần tránh trong văn hoá ứng xử nội bộ doanh nghiệp
- 2.2. Văn hoá trong xây dựng và phát triển thương hiệu
 - 2.2.1. Văn hoá - Chiều sâu của thương hiệu
 - 2.2.2. Văn hoá công ty và thương hiệu
 - 2.2.3. Một số khía cạnh VH cần lưu ý trong xây dựng thương hiệu
- 2.3. Văn hoá trong hoạt động Marketing
 - 2.3.1. VH trong lựa chọn thị trường mục tiêu
 - 2.3.2. Văn hoá trong các quyết định về sản phẩm

2.3.3 Văn hoá trong các hoạt động truyền thông marketing

2.4. Văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng

2.4.1. Quan niệm về đàm phán và thương lượng trong hoạt động kinh doanh

2.4.2. Biểu hiện của văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng

2.4.3. Tác động của văn hoá ứng xử đến đàm phán và thương lượng

2.4.4. Những điều cần tránh trong đàm phán và thương lượng

2.5. Văn hóa trong định hướng với khách hàng

2.5.1 Ảnh hưởng của văn hóa đến quyết định của khách hàng

2.5.2. Xây dựng phong cách văn hóa doanh nghiệp định hướng vào khách hàng

2.5.3. Phát triển môi trường văn hóa đặt khách hàng lên trên hết

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy tính...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bút viết bảng, bảng viết

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Cung Trang bị cho sinh viên các kiến thức về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình này sử dụng cho trình độ Cao đẳng;

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;

- Đối với người học: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;

3. *Những trọng tâm cần chú ý:*

- Cách thức triển khai một dự án cụ thể, liên hệ vận dụng trong việc soạn thảo một hồ sơ dự án hoàn chỉnh cho hoạt động ra quyết định đầu tư và thu hút nguồn tài trợ, và sự ủng hộ từ các bên liên quan trong dự án.

- Vận dụng những hiểu biết, kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí vào cho hoạt động lập, thẩm định và quản trị một dự án đầu tư.

4. *Tài liệu tham khảo:*

Sách, giáo trình

[1] PGS. TS. Dương Thị Liễu, *Văn hóa doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011.

Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Mạnh Quân (2009), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa của công ty*, Nhà xuất bản đại học Kinh Tế Quốc Dân

[3] Nguyễn Mạnh Quân (2012), *Văn hóa doanh nghiệp*, Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

[4] Đỗ Hữu Hải (2019), *Giáo trình văn hóa doanh nghiệp*, Nhà xuất bản đại học Kinh Tế Quốc Dân,

[5] EDGAR H.SCHEIN (2004), *Organizational Culture and leadership third edition*, A Wiley Imprint

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: TÂM LÝ KINH DOANH

Mã mô đun: MĐ 24

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Tâm lý Kinh doanh là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo.

Mô đun này học ở học kỳ III.

- Tính chất: Mô đun Tâm lý kinh doanh là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về tâm lý người, cũng như tâm lý áp dụng vào kinh doanh, chăm sóc, tiếp xúc và tư vấn cho khách hàng.

II. Mục tiêu mô đun

Học xong môn học này, người học có khả năng:

2.1. *Kiến thức:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý kinh doanh như: bản chất hiện tượng tâm lý người, các hiện tượng tâm lý cá nhân, các hiện tượng tâm lý xã hội, ứng dụng tâm lý học trong kinh doanh sản xuất, bán hàng, quản trị marketing.

2.2. *Kỹ năng:*

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích, nhìn nhận, đánh giá bản chất hiện tượng tâm lý người trong kinh doanh sản xuất, marketing, bán hàng....

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình giao tiếp với khách hàng.

2.3. *Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:* Sinh viên chủ động, tích cực trong học tập, Có ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng của việc nắm bắt tâm lý người trong kinh doanh sản xuất. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau ngay từ khi còn là sinh viên.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra

1	<p>Bài 1. Khái quát về tâm lý học</p> <p>1.1. Khái niệm chung về Tâm lý học</p> <p>1.1.1. Khái niệm “tâm lý người”</p> <p>1.1.2. Khái niệm Tâm lý học</p> <p>1.2. Tâm lý học là một khoa học</p> <p>1.2.1. Đối tượng của Tâm lý học</p> <p>1.2.2. Nhiệm vụ của Tâm lý học</p> <p>1.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển Tâm lý học</p> <p>1.2.4. Các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học</p> <p>1.3. Vai trò của Tâm lý học</p> <p>1.3.1. Đối với đời sống xã hội</p> <p>1.3.2. Đối với các ngành kinh tế</p>	2	2	0	0
2	<p>Bài 2. Các hiện tượng tâm lý cá nhân</p> <p>2.1. Hoạt động nhận thức</p> <p>2.1.1. Nhận thức cảm tính</p> <p>2.1.2. Nhận thức lý tính</p> <p>2.1.3. Chú ý và trí nhớ</p> <p>2.2. Đời sống tình cảm</p> <p>2.2.1. Màu sắc xúc cảm của cảm giác</p> <p>2.2.2. Xúc cảm</p> <p>2.2.3. Tình cảm</p> <p>2.3. Ý chí và hành động ý chí</p> <p>2.3.1. Khái niệm ý chí</p> <p>2.3.2. Hành động ý chí</p> <p>2.4. Nhân cách</p> <p>2.4.1. Khái niệm nhân cách</p> <p>2.4.2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách</p>	8	4	4	0
3	<p>Bài 3. Các hiện tượng tâm lý nhóm và tập thể</p> <p>3.1. Khái niệm nhóm và tập thể</p> <p>3.1.1. Nhóm</p> <p>3.1.2. Tập thể</p> <p>3.2. Có cấu tâm lý xã hội của tập thể</p> <p>3.2.1. Cơ cấu chính thức và cơ cấu không chính thức</p> <p>3.2.2. Cơ cấu tổ chức của tập thể</p> <p>3.3. Các giai đoạn phát triển của tập thể</p> <p>3.3.1. Giai đoạn phát triển thứ nhất (hình thành)</p> <p>3.3.2. Giai đoạn phát triển thứ hai (phân hóa)</p> <p>3.3.3. Giai đoạn phát triển thứ ba (trưởng thành)</p> <p>3.3.4. Giai đoạn phát triển thứ tư (hoàn</p>	10	3	7	0

	<p>chính)</p> <p>3.4. Các hiện tượng tâm lý trong nhóm và tập thể</p> <p>3.4.1. Dự luận xã hội trong tập thể</p> <p>3.4.2. Tin đồn</p> <p>3.4.3. Môt</p> <p>3.4.4. Bầu không khí tâm lý xã hội của tập thể</p> <p>3.4.5. Mâu thuẫn, xung đột trong tập thể</p> <p>3.4.6. Sự lây lan tâm lý trong tập thể</p> <p>3.4.7. Hiện tượng áp lực nhóm</p> <p>3.4.8. Truyền thông</p>				
4	<p>Bài 4. Ứng dụng tâm lý học trong lao động sản xuất và quản trị</p> <p>4.1. Cơ sở tâm lý của việc tổ chức chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý</p> <p>4.1.1. Sự mệt mỏi</p> <p>4.1.2. Sức làm việc</p> <p>4.1.3. Chế độ nghỉ ngơi hợp lý</p> <p>4.1.4. Vấn đề thẩm mỹ hóa trong lao động và sản xuất</p> <p>4.2. Tâm lý nhà lãnh đạo</p> <p>4.2.1. Nhân cách nhà lãnh đạo</p> <p>4.2.2. Phong cách lãnh đạo</p> <p>4.2.3. Uy tín nhà lãnh đạo</p> <p>4.3. Tâm lý trong công tác quản lý nhân sự</p> <p>4.3.1. Thích ứng của người lao động</p> <p>4.3.2. Vấn đề kích thích người lao động</p> <p>4.3.3. Cách thức tạo bầu không khí tâm lý xã hội tích cực trong tập thể lao động và sản xuất</p> <p>4.3.4. Quản lý mâu thuẫn, xung đột trong tập thể</p>	10	3	7	0
5	<p>Bài 5. Ứng dụng tâm lý học trong Marketing và bán hàng</p> <p>5.1. Đặc điểm nghề nghiệp và phẩm chất cần thiết của nhà kinh doanh</p> <p>5.1.1. Một số đặc điểm của hoạt động kinh doanh</p> <p>5.1.2. Một số phẩm chất nghề nghiệp của nhà kinh doanh</p> <p>5.2. Tâm lý thị trường</p> <p>5.2.1. Vai trò của thị trường</p> <p>5.2.2. Những vấn đề cần tìm hiểu của tâm lý thị trường</p> <p>5.2.3. Cách thức tìm hiểu thị trường</p>	10	3	7	0

	5.3. Hành vi tiêu dùng 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Nhu cầu tiêu dùng 5.3.3. Động cơ tiêu dùng 5.4. Tâm lý trong các chiến lược tiếp thị 5.4.1. Tâm lý trong thiết kế sản phẩm mới 5.4.2. Tâm lý trong chiến lược giá 5.4.3. Tâm lý trong quảng cáo thương mại 5.4.4. Tâm lý trong tiêu thụ sản phẩm 5.5. Tâm lý khách hàng 5.5.1. Tâm lý khách hàng theo giới tính 5.5.2. Tâm lý khách hàng theo lứa tuổi 5.5.3. Tâm lý khách hàng theo mức sống 5.5.4. Tâm lý khách hàng theo mối quan hệ 5.5.5. Tâm lý khách hàng theo tính cách				
6	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Khái quát về tâm lý học

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý người, lịch sử hình thành tâm lý học cũng như đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và vai trò của tâm lý trong đời sống và trong sự phát triển kinh tế xã hội.

- Có khả năng nhận biết được lịch sử ra đời của Tâm lý học, phân tích được các hiện tượng tâm lý người.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

1.2. Khái niệm chung về Tâm lý học

1.1.1. Khái niệm “tâm lý người”

1.1.2. Khái niệm Tâm lý học

1.2. Tâm lý học là một khoa học

1.2.1. Đối tượng của Tâm lý học

1.2.2. Nhiệm vụ của Tâm lý học

1.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển Tâm lý học

1.2.4. Các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học

1.3. Vai trò của Tâm lý học

1.3.1. Đối với đời sống xã hội

1.3.2. Đối với các ngành kinh tế

Bài 2. Các hiện tượng tâm lý cá nhân

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý cá nhân như: hoạt động nhận thức, đời sống tình cảm, ý chí và hành động ý chí, và nhân cách của cá nhân.

- Có khả năng phân tích được các hiện tượng tâm lý cá nhân.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

2.1. Hoạt động nhận thức

2.1.1. Nhận thức cảm tính

2.1.2. Nhận thức lý tính

2.1.3. Chú ý và trí nhớ

2.2. Đời sống tình cảm

2.2.1. Màu sắc xúc cảm của cảm giác

2.2.2. Xúc cảm

2.2.3. Tình cảm

2.3. Ý chí và hành động ý chí

2.3.1. Khái niệm ý chí

2.3.2. Hành động ý chí

2.4. Nhân cách

2.4.1. Khái niệm nhân cách

2.4.2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách

Bài 3. Các hiện tượng tâm lý nhóm và tập thể

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý trong nhóm và tập thể như: cơ cấu tâm lý xã hội của tập thể, các giai đoạn phát triển của tập thể, dư luận xã hội, bầu không khí tâm lý trong tập thể, mâu thuẫn, xung đột trong tập thể, sự lây lan các hiện tượng tâm lý trong tập thể...

- Có kỹ năng phân biệt các hiện tượng tâm lý trong nhóm và tập thể, từ đó định hướng cho mình trong giao tiếp, đời sống, học tập và công việc..

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

3.1. Khái niệm nhóm và tập thể

3.1.1. Nhóm

3.1.2. Tập thể

3.2. Có cấu tâm lý xã hội của tập thể

3.2.1. Cơ cấu chính thức và cơ cấu không chính thức

3.2.2. Cơ cấu tổ chức của tập thể

3.3. Các giai đoạn phát triển của tập thể

3.3.1. Giai đoạn phát triển thứ nhất (hình thành)

3.3.2. Giai đoạn phát triển thứ hai (phân hóa)

3.3.3. Giai đoạn phát triển thứ ba (trưởng thành)

3.3.4. Giai đoạn phát triển thứ tư (hoàn chỉnh)

3.4. Các hiện tượng tâm lý trong nhóm và tập thể

3.4.1. Dư luận xã hội trong tập thể

3.4.2. Tin đồn

3.4.3. Mốt

3.4.4. Bầu không khí tâm lý xã hội của tập thể

3.4.5. Mâu thuẫn, xung đột trong tập thể

3.4.6. Sự lây lan tâm lý trong tập thể

3.4.7. Hiện tượng áp lực nhóm

3.4.8. Truyền thống

Bài 4. Ứng dụng Tâm lý học trong lao động sản xuất và quản trị

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Tâm lý học trong lao động sản xuất và quản trị như: Cơ sở tâm lý của việc tổ chức chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý; Tâm lý nhà lãnh đạo; Tâm lý trong công tác quản lý nhân sự.

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xây dựng chế độ nghỉ ngơi hợp lý trong lao động; có kỹ năng phân biệt các phong cách quản trị để áp dụng trong công tác quản lý nhân sự.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

4.1. Cơ sở tâm lý của việc tổ chức chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý

4.1.1. Sự mệt mỏi

4.1.2. Sức làm việc

4.1.3. Chế độ nghỉ ngơi hợp lý

4.1.4. Vấn đề thẩm mỹ hóa trong lao động và sản xuất

4.2. Tâm lý nhà lãnh đạo

4.2.1. Nhân cách nhà lãnh đạo

4.2.2. Phong cách lãnh đạo

4.2.3. Uy tín nhà lãnh đạo

4.3. Tâm lý trong công tác quản lý nhân sự

4.3.1. Thích ứng của người lao động

4.3.2. Vấn đề kích thích người lao động

4.3.3. Cách thức tạo bầu không khí tâm lý xã hội tích cực trong tập thể lao động và sản xuất

4.3.4. Quản lý mâu thuẫn, xung đột trong tập thể

Bài 5. Ứng dụng Tâm lý học trong Marketing và bán hàng

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Tâm lý học trong Marketing và bán hàng như: nắm được đặc điểm nghề nghiệp và phẩm chất của nhà kinh doanh, tâm lý thị trường, hành vi tiêu dùng, tâm lý trong các chiến lược tiếp thị và tâm lý khách hàng.

- Có kỹ năng phân tích tâm lý thị trường, hành vi tiêu dùng, có kỹ năng xây dựng các chiến lược tiếp thị và nắm bắt tâm lý khách hàng trong công việc.

- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

5.1. Đặc điểm nghề nghiệp và phẩm chất cần thiết của nhà kinh doanh

5.1.1. Một số đặc điểm của hoạt động kinh doanh

5.1.2. Một số phẩm chất nghề nghiệp của nhà kinh doanh

5.2. Tâm lý thị trường

- 5.2.1. Vai trò của thị trường
- 5.2.2. Những vấn đề cần tìm hiểu của tâm lý thị trường
- 5.2.3. Cách thức tìm hiểu thị trường
- 5.3. Hành vi tiêu dùng
 - 5.3.1. Khái niệm
 - 5.3.2. Nhu cầu tiêu dùng
 - 5.3.3. Động cơ tiêu dùng
- 5.4. Tâm lý trong các chiến lược tiếp thị
 - 5.4.1. Tâm lý trong thiết kế sản phẩm mới
 - 5.4.2. Tâm lý trong chiến lược giá
 - 5.4.3. Tâm lý trong quảng cáo thương mại
 - 5.4.4. Tâm lý trong tiêu thụ sản phẩm
- 5.5. Tâm lý khách hàng
 - 5.5.1. Tâm lý khách hàng theo giới tính
 - 5.5.2. Tâm lý khách hàng theo lứa tuổi
 - 5.5.3. Tâm lý khách hàng theo mức sống
 - 5.5.4. Tâm lý khách hàng theo mối quan hệ
 - 5.5.5. Tâm lý khách hàng theo tính cách

Kiểm tra: 5 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày các hiện tượng cơ bản trong đời sống tâm lý con người; mô tả các hiện tượng, quy luật và cơ chế vận hành các quy luật tâm lý - xã hội của cá nhân và nhóm người trong xã hội. Phân biệt các hiện tượng tâm lý cơ bản của cá nhân và hiện tượng tâm lý xã hội cũng như vai trò của chúng trong cuộc sống. Trên cơ sở đó người học có thể giải thích các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người trong hoạt động quản trị và kinh

doanh; phân tích các vận dụng từ việc nghiên cứu đời sống tâm lý con người vào trong cuộc sống cá nhân cũng như hoạt động quản trị và kinh doanh.

- Về kỹ năng: Nhận diện các hiện tượng tâm lý cơ bản trong đời sống con người nói chung và trong hoạt động quản trị và kinh doanh nói riêng. Giải quyết một cách cơ bản các tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh trên cơ sở phân tích, đánh giá về mặt tâm lý. Thông qua việc tìm hiểu và thực hiện các bài tập, người học hình thành các kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu; kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm

- Thái độ: Có ý thức tích cực tham gia xây dựng bài học; chuẩn bị bài, tìm kiếm tài liệu, hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm có hiệu quả. Thể hiện năng lực tự học trong việc nghiên cứu tài liệu và thực tế để thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm. Tôn trọng đặc điểm cá nhân của các thành viên trong nhóm học tập, trong lớp học khi làm việc nhóm hay thảo luận, phản biện tại lớp.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: tiến hành cho sinh viên làm bài tập mẫu cá nhân và theo nhóm

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên thực hành tại phòng nghiệp vụ.
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm:

- + Trình bày khái quát về tâm lý học.
- + Trình bày được các hiện tượng tâm lý cá nhân.
- + Trình bày được các hiện tượng tâm lý nhóm và tập thể.
- + Trình bày được ứng dụng tâm lý học trong lao động sản xuất và quản trị.
- + Trình bày được ứng dụng tâm lý học trong Marketing và bán hàng.

4. Tài liệu cần tham khảo

- [1] Thái Trí Dũng, (2007), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.
- [2] Vũ Dũng, (2011), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB Sư Phạm.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

Mã mô đun: MĐ 25

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Nghiệp vụ bán hàng là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Mô đun trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ liên quan đến công việc bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi học xong, học sinh có thể hiểu một cách rõ ràng và cụ thể các yêu cầu đối với người bán hàng, cách tiếp cận và bán hàng hiệu quả với thái độ phục vụ tận tâm, văn minh, lịch sự, biết cách trưng bày hàng hoá, có thể xây dựng được quy trình bán hàng trong khu vực quản lý, tìm kiếm khách hàng tiềm năng, thiết lập cuộc hẹn, tiếp xúc khách hàng và biết cách giải quyết một số mâu thuẫn, rắc rối cơ bản với khách hàng.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. *Kiến thức:* trình bày được tâm lý khách hàng; Nắm được quy trình bán hàng; Nắm được nghệ thuật bán hàng; Nắm được nghệ thuật trưng bày sản phẩm; Nắm được chiến lược bán sản phẩm.

2.2. *Kỹ năng:* Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thiết lập được các mối quan hệ mở rộng thị trường sản phẩm; Có kiến thức nền tảng cho các môn học tiếp theo; Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận đưa ra phương thức bán hàng hiệu quả nhất; Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

2.3. *Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:* Sinh viên chủ động, tích cực trong học tập, thực hành; khai thác một cách có hiệu quả về quản lý, nắm bắt tâm lý khách hàng; Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá tâm lý khách.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra

1	Bài 1: Nghề bán hàng và người bán hàng 1.1. khái niệm, tầm quan trọng của nghề bán hàng trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. 1.1.1. Khái niệm bán hàng 1.1.2. Kỹ năng bán hàng 1.2. Tầm quan trọng của nghề bán hàng.	8	3	5	0
2	Bài 2: Quy trình bán hàng 2.1. Khởi đầu việc bán hàng 2.1.1. Khái niệm về bán hàng 2.1.2. Kỹ năng tạo thiện cảm với khách hàng 2.1.3. Kỹ năng trao đổi thông tin về sản phẩm với khách hàng 2.2. Giới thiệu sản phẩm 2.2.1. Kỹ năng nắm bắt tâm lý khách hàng 2.2.2. Kỹ năng quảng bá sản phẩm 2.3. Tiến trình bán hàng 2.4. Tiếp cận khách hàng 2.5. Kết thúc việc bán hàng	8	3	5	0
3	Bài 3: Tâm lý khách hàng 3.1. Mục đích của việc nghiên cứu tâm lý học trong nghề bán hàng 3.2. Những tố chất cơ bản hình thành cá tính con người và cách phán đoán cá tính 3.3. Đặc điểm tâm lý chung của khách hàng. 3.4. Đặc điểm tâm lý của một số khách hàng thường gặp	8	3	5	0
4	Bài 4: Nghệ thuật bán hàng 4.1. Kỹ năng giới thiệu hàng hoá, dịch vụ. 4.2. Sức mạnh của lòng nhiệt tình. 4.3. Kỹ năng để bán được nhiều hàng	8	3	5	0
5	Bài 5: Nghệ thuật trưng bày 5.1. Khái niệm về trưng bày 5.2. Hình thức “Tủ trưng bày” 5.3. Cách bày trí trong cửa hàng	8	3	5	0
6	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng cộng		45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Nghề bán hàng và người bán hàng

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu về nghề bán hàng, thấy được tầm quan trọng của nó trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống xã hội.

- Có khả năng biết được muốn trở thành người bán hàng thì cần phải hội đủ những phẩm chất và năng lực nào.

- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học.

2. Nội dung chương:

1.1. khái niệm, tầm quan trọng của nghề bán hàng trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

1.1.1. Khái niệm bán hàng

1.1.2. Kỹ năng bán hàng

1.2. Tầm quan trọng của nghề bán hàng.

Bài 2. Quy trình bán hàng

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu về tiến trình bán hàng, biết được các điều cần làm và cần tránh trong từng giai đoạn bán hàng. Qua đó biết cách tạo sự hài lòng ở khách hàng từ những phút ban đầu đến những phút cuối cùng cũng như tạo ra thiện cảm về hàng hoá và phong cách phục vụ, hứa hẹn sự quay trở lại và trở thành khách hàng trung thành với nhãn hiệu và cửa hàng.

- Thực hành các kỹ năng trong từng bước của tiến trình bán hàng, hình dung được thực tế diễn ra thông qua các tình huống.

- Có thái độ học tập tích cực và chủ động với môn học này.

2. Nội dung chương:

2.1. Khởi đầu việc bán hàng

2.1.1. Khái niệm về bán hàng

2.1.2. Kỹ năng tạo thiện cảm với khách hàng

2.1.3. Kỹ năng trao đổi thông tin về sản phẩm với khách hàng

2.2. Giới thiệu sản phẩm

2.2.1. Kỹ năng nắm bắt tâm lý khách hàng

2.2.2. Kỹ năng quảng bá sản phẩm

2.3. Tiến trình bán hàng

2.4. Tiếp cận khách hàng

2.5. Kết thúc việc bán hàng

Bài 3. Tâm lý khách hàng

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những lợi ích của việc nghiên cứu tâm lý học trong nghề bán hàng, có được các kiến thức ảnh hưởng đến hành vi mua hàng của người tiêu dùng cá nhân và tổ chức.
- Có khả năng kỹ năng phán đoán tâm lý khách hàng và biết cách vận dụng các quy luật tâm lý vào việc bán hàng.
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

- 3.1. Mục đích của việc nghiên cứu tâm lý học trong nghề bán hàng
- 3.2. Những tố chất cơ bản hình thành cá tính con người và cách phán đoán cá tính
- 3.3. Đặc điểm tâm lý chung của khách hàng.
- 3.4. Đặc điểm tâm lý của một số khách hàng thường gặp.

Bài 4. Nghệ thuật bán hàng

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được giới thiệu nghệ thuật tạo sự hấp dẫn đối với khách hàng để học sinh biết cách vận dụng trong quá trình bán hàng hầu có thể bán được nhiều hàng hoá hơn và biết cách xử lý các tình huống phổ biến khi xảy ra mâu thuẫn, bất đồng với khách hàng.
- Có kỹ năng xử lý các tình huống trong bán hàng và kỹ năng đàm phán với khách hàng.
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

- 4.1. Kỹ năng giới thiệu hàng hoá, dịch vụ.
- 4.2. Sức mạnh của lòng nhiệt tình.
- 4.3. Kỹ năng để bán được nhiều hàng.

Bài 5. Nghệ thuật trưng bày

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức về nghệ thuật trưng bày và lợi thế cạnh tranh hơn các cửa hàng khác..
- Có kỹ năng để có thể thiết kế và trưng bày hàng hoá một cách đẹp mắt, hợp lý và sáng tạo nhằm thu hút được khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi bán được nhiều hàng.
- Có thái độ học tập tích cực với môn học này.

2. Nội dung chương:

- 5.1. Khái niệm về trưng bày

5.2. Hình thức “Tủ trưng bày”

5.3. Cách bày trí trong cửa hàng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng học lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. *Nội dung*

- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ bán hàng

- Sinh viên biết ứng dụng kiến thức vào thực tế bán hàng.

- Tích cực, chủ động trong học tập, đặc biệt là trong giờ học thực hành để hình thành các kỹ năng giao tiếp, đồng thời không ngừng trau dồi, rèn luyện chúng cả trong đời sống thường nhật để nâng chúng lên thành kỹ xảo, nghĩa là làm chủ nghệ thuật giao tiếp.

2. *Phương pháp*

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín ch.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên .

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. *Tài liệu cần tham khảo*

[1] Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM, *Giáo trình Marketing căn bản*, Nhà xuất bản Lao Động 2010.

[2] TS Nguyễn Đình Thọ và TS Nguyễn Thị Mai Trang, *Nguyên lý tiếp thị*.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỐNG KÊ KINH DOANH

Mã mô đun: MĐ 26

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Thống kê kinh doanh là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Thống kê kinh doanh là một môn khoa học thuộc khối kiến thức các môn chuyên môn của nghề quản trị kinh doanh vừa và nhỏ. Thống kê kinh doanh là môn học nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế phát sinh trong kinh doanh: các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh... thông qua các chỉ tiêu, phương pháp tính toán phù hợp nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình quản trị kinh doanh.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. *Kiến thức:* Trình bày được các phương pháp thống kê các yếu tố của quá trình sản xuất (máy móc, nguyên vật liệu, lao động...); thống kê các chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất kinh doanh (sản lượng, giá thành, doanh thu, lợi nhuận...).

2.2. *Kỹ năng:* Xác định được các chỉ tiêu thống kê hoạt động sản xuất kinh doanh của kinh doanh. Phân tích được tình hình biến động cũng như tình hình thực hiện kế hoạch của các chỉ tiêu thống kê trong kinh doanh. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới biến động chỉ tiêu nghiên cứu.

2.3. *Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:* Nghiêm túc, chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu môn học. coi trọng công tác thống kê trong hoạt động quản trị kinh doanh.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh doanh 1.1. Đối tượng của thống kê kinh doanh 1.2. Thống kê kinh doanh trong hệ thống thông tin kinh tế	1	1	0	0

	<p>1.3. Nhiệm vụ và nội dung của thống kê kinh doanh</p> <p>1.3.1. Nhiệm vụ</p> <p>1.3.2. Nội dung</p>				
2	<p>Bài 2: Thống kê sản phẩm trong kinh doanh</p> <p>2.1. Thống kê sản lượng sản phẩm</p> <p>2.1.1 Phương pháp tính các chỉ tiêu sản lượng sản phẩm</p> <p>2.1.2. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo hiện vật</p> <p>2.2.3. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo hiện vật quy ước</p> <p>2.2.4. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo giá trị</p> <p>2.2 Các chỉ tiêu giá trị sản lượng chủ yếu</p> <p>2.2.1. Giá trị sản xuất</p> <p>2.2.2. Giá trị sản lượng hàng hóa sản xuất</p> <p>2.2.3. Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện</p> <p>2.2.4. Giá trị gia tăng</p> <p>2.3 Nghiên cứu biến động sản lượng sản phẩm.</p> <p>2.3.1. Thống kê chất lượng sản phẩm</p> <p>2.3.2. Phương pháp hệ số phẩm cấp bình quân</p> <p>2.3.3. Phương pháp giá bình quân</p> <p>2.3.4. Thống kê sản phẩm hỏng</p>	8	2	6	0
3	<p>Bài 3: Thống kê lao động – tiền lương trong kinh doanh</p> <p>3.1. Thống kê số lượng, thời gian lao động</p> <p>3.1.1 Thống kê số lượng lao động</p> <p>3.1.2. Tính số lao động bình quân.</p> <p>3.1.3. Kiểm tra tình hình sử dụng số lượng lao động.</p> <p>3.2 Thống kê thời gian lao động</p> <p>3.2.1. Các loại thời gian lao động</p> <p>3.2.2. Các chỉ tiêu sử dụng thời gian lao động</p> <p>3.2.3. Nghiên cứu sự biến động thời gian lao động do ảnh hưởng bởi các nhân tố.</p>	8	3	5	0

	<p>3.3. Thống kê năng suất lao động</p> <p>3.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định năng suất lao động</p> <p>3.3.2. Thống kê biến động năng suất lao động</p> <p>3.4. Thống kê tiền lương trong kinh doanh</p> <p>3.4.1. Khái niệm tiền lương và các khoản cấu thành quỹ lương</p> <p>3.4.2. Phân tích tình hình sử dụng tổng quỹ lương</p> <p>3.4.3. Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ lương</p> <p>3.4.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động quỹ lương</p> <p>3.5. Phân tích tiền lương bình quân</p> <p>3.5.1. Các chỉ tiêu tiền lương bình quân</p> <p>3.5.2. Phân tích sự biến động tiền lương bình quân và sự ảnh hưởng của các nhân tố.</p> <p>3.6. Mối quan hệ giữa tốc độ tăng tiền lương bình quân và tốc độ tăng năng suất lao động</p>				
4	<p>Bài 4: Thống kê thiết bị sản xuất trong kinh doanh</p> <p>4.1. Thống kê số lượng thiết bị sản xuất</p> <p>4.1.1. Các chỉ tiêu số lượng thiết bị sản xuất</p> <p>4.1.2. Các chỉ tiêu dùng phân tích tình hình sử dụng số lượng thiết bị sản xuất.</p> <p>4.1.3. Thống kê thời gian thiết bị sản xuất</p> <p>4.1.4. Các chỉ tiêu thời gian thiết bị sản xuất</p> <p>4.2. Các chỉ tiêu dùng phân tích tình hình sử dụng thời gian thiết bị sản xuất</p> <p>4.3. Thống kê công suất thiết bị sản xuất</p> <p>4.3.1. Khái niệm, cách tính công suất thiết bị</p> <p>4.3.2. Phân tích biến động công suất thiết bị do ảnh hưởng bởi các</p>	6	2	4	0

	nhân tố. 4.4. Thống kê tổng hợp thiết bị sản xuất				
5	<p>Bài 5: Thống kê nguyên vật liệu trong kinh doanh</p> <p>5.1. Thống kê tình hình hình đảm bảo nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất</p> <p>5.1.1. Thống kê tình hình cung cấp nguyên vật liệu.</p> <p>5.1.2. Thống kê tình hình dự trữ nguyên vật liệu.</p> <p>5.2. Thống kê tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu</p> <p>5.2.1. Kiểm tra tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu.</p> <p>5.2.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khối lượng nguyên vật liệu.</p> <p>5.3. Phân tích mức hao phí nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm</p> <p>5.3.1. Trường hợp dùng một loại nguyên vật liệu sản xuất một loại sản phẩm.</p> <p>5.3.2. Trường hợp dùng một loại nguyên vật liệu sản xuất nhiều loại sản phẩm</p> <p>5.3.3. Trường hợp dùng nhiều loại nguyên vật liệu sản xuất một loại sản phẩm</p> <p>5.3.4. Trường hợp dùng nhiều loại nguyên vật liệu sản xuất nhiều loại sản phẩm</p>	6	2	4	0
6	<p>Bài 6: Thống kê giá thành sản phẩm của kinh doanh Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</p> <p>6.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</p> <p>6.1.1. Chi phí sản xuất</p> <p>6.1.2. Giá thành sản phẩm</p> <p>6.2. Nghiên cứu biến động giá thành sản phẩm so sánh được</p> <p>6.2.1. Chỉ số giá thành thực tế</p> <p>6.2.2. Chỉ số giá thành kế hoạch</p> <p>6.3. Thống kê giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa</p>	5	2	3	0

	<p>6.3.1. Khái niệm giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa</p> <p>6.3.2. Chỉ số biến động giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa.</p> <p>6.3.3. Chỉ số hoàn thành kế hoạch giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa.</p> <p>6.4. Phân tích giá thành theo khoản mục chi phí</p> <p>6.4.1 Phân tích sự biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.</p> <p>6.4.2. Phân tích sự biến động khoản mục chi phí tiền lương ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.</p> <p>6.4.3. Phân tích sự biến động khoản mục chi phí sản xuất chung ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm</p>				
7	<p>Bài 7: Thống kê tài chính của kinh doanh</p> <p>7.1. Thống kê vốn sản xuất kinh doanh của kinh doanh</p> <p>7.1.1. Thống kê vốn cố định</p> <p>7.1.2. Khái niệm, đặc điểm vốn cố định</p> <p>7.1.3. Chỉ tiêu mức vốn cố định</p> <p>7.1.4. Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn cố định</p> <p>7.2. Thống kê vốn lưu động</p> <p>7.2.1. Khái niệm, đặc điểm vốn lưu động</p> <p>7.2.2. Chỉ tiêu mức vốn lưu động</p> <p>7.2.3. Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn lưu động</p> <p>7.3. Thống kê doanh thu, lợi nhuận, doanh lợi của kinh doanh</p> <p>7.3.1. Thống kê doanh thu của kinh doanh</p> <p>7.3.2. Thống kê lợi nhuận của kinh doanh</p> <p>7.3.3. Thống kê doanh lợi của kinh doanh</p>	6	3	3	0
8	Kiểm tra	0	0	0	0.5
	Cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh doanh, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Xác định được đối tượng nghiên cứu của thống kê kinh doanh, vị trí thông tin của thống kê kinh doanh trong hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản trị kinh doanh.
- Có khả năng Nhận thức tầm quan trọng của thống kê kinh doanh đối với nhà quản trị.
- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học.

2. Nội dung:

- 1.1. Đối tượng của thống kê kinh doanh
- 1.2. Thống kê kinh doanh trong hệ thống thông tin kinh tế
- 1.3. Nhiệm vụ và nội dung của thống kê kinh doanh
 - 1.3.1. Nhiệm vụ
 - 1.3.2. Nội dung

Bài 2: Thống kê sản phẩm trong kinh doanh

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các chỉ tiêu sản lượng sản phẩm của kinh doanh, khái quát được sự biến động của các chỉ tiêu sản lượng sản phẩm của kinh doanh.
- Biết tính toán được các chỉ tiêu nhằm đánh giá chất lượng sản phẩm của kinh doanh.
- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học này.

2. Nội dung:

- 2.1. Thống kê sản lượng sản phẩm
 - 2.1.1 Phương pháp tính các chỉ tiêu sản lượng sản phẩm
 - 2.1.2. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo hiện vật
 - 2.2.3. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo hiện vật quy ước
 - 2.2.4. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo giá trị
- 2.2 Các chỉ tiêu giá trị sản lượng chủ yếu
 - 2.2.1. Giá trị sản xuất
 - 2.2.2. Giá trị sản lượng hàng hóa sản xuất
 - 2.2.3. Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện

2.2.4. Giá trị gia tăng

2.3 Nghiên cứu biến động sản lượng sản phẩm.

2.3.1. Thống kê chất lượng sản phẩm

2.3.2. Phương pháp hệ số phẩm cấp bình quân

2.3.3. Phương pháp giá bình quân

2.3.4. Thống kê sản phẩm hỏng.

Bài 3: Thống kê lao động – tiền lương trong kinh doanh, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các chỉ tiêu về số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, tiền lương của kinh doanh
- Tính toán, phân tích được biến động của các chỉ tiêu trên và các nhân tố ảnh hưởng nhằm đánh giá tình hình tổ chức, quản lý lao động của kinh doanh.
- Có thái độ học tập tích cực và tìm tòi thực tế đối với môn học này.

2. Nội dung:

3.1. Thống kê số lượng, thời gian lao động

3.1.1 Thống kê số lượng lao động

3.1.2. Tính số lao động bình quân.

3.1.3. Kiểm tra tình hình sử dụng số lượng lao động.

3.2 Thống kê thời gian lao động

3.2.1. Các loại thời gian lao động

3.2.2. Các chỉ tiêu sử dụng thời gian lao động

3.2.3. Nghiên cứu sự biến động thời gian lao động do ảnh hưởng bởi các nhân tố.

3.3. Thống kê năng suất lao động

3.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định năng suất lao động

3.3.2. Thống kê biến động năng suất lao động

3.4. Thống kê tiền lương trong kinh doanh

3.4.1. Khái niệm tiền lương và các khoản cấu thành quỹ lương

3.4.2. Phân tích tình hình sử dụng tổng quỹ lương

3.4.3. Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ lương

3.4.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động quỹ lương

3.5. Phân tích tiền lương bình quân

3.5.1. Các chỉ tiêu tiền lương bình quân

3.5.2. Phân tích sự biến động tiền lương bình quân và sự ảnh hưởng của các nhân tố.

3.6. Mối quan hệ giữa tốc độ tăng tiền lương bình quân và tốc độ tăng năng suất lao động.

Bài 4: Thống kê thiết bị sản xuất trong kinh doanh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thống kê được các chỉ tiêu về số lượng thiết bị, thời gian làm việc của thiết bị, công suất thiết bị.

- Tính toán, phân tích được biến động của các chỉ tiêu trên và các nhân tố ảnh hưởng nhằm đánh giá tình hình sử dụng, quản lý thiết bị sản xuất của kinh doanh.

- Làm tốt các bài tập, vận dụng để quản lý tốt, sử dụng hiệu quả thiết bị sản xuất trong kinh doanh.

- Nghiêm túc, tích cực học tập, nghiên cứu.

2. Nội dung bài

4.1. Thống kê số lượng thiết bị sản xuất

4.1.1. Các chỉ tiêu số lượng thiết bị sản xuất

4.1.2. Các chỉ tiêu dùng phân tích tình hình sử dụng số lượng thiết bị sản xuất.

4.1.3. Thống kê thời gian thiết bị sản xuất

4.1.4. Các chỉ tiêu thời gian thiết bị sản xuất

4.2. Các chỉ tiêu dùng phân tích tình hình sử dụng thời gian thiết bị sản xuất

4.3. Thống kê công suất thiết bị sản xuất

4.3.1. Khái niệm, cách tính công suất thiết bị

4.3.2. Phân tích biến động công suất thiết bị do ảnh hưởng bởi các nhân tố.

4.4. Thống kê tổng hợp thiết bị sản xuất.

Bài 5: Thống kê nguyên vật liệu trong kinh doanh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thống kê được các chỉ tiêu tổng mức nguyên vật liệu sử dụng và mức hao phí nguyên vật liệu cho 1 đơn vị sản phẩm.

- Phân tích được sự biến động của tổng mức nguyên vật liệu; mức hao phí nguyên vật liệu cho 1 đơn vị sản phẩm và chỉ ra được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố.

- Làm tốt các bài tập, vận dụng để quản lý tốt, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu trong sản xuất của kinh doanh.

2. Nội dung:

5.1. Thống kê tình hình hình đảm bảo nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất

5.1.1. Thống kê tình hình cung cấp nguyên vật liệu.

5.1.2. Thống kê tình hình dự trữ nguyên vật liệu.

5.2. Thống kê tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu

5.2.1. Kiểm tra tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu.

5.2.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khối lượng nguyên vật liệu.

5.3. Phân tích mức hao phí nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm

5.3.1. Trường hợp dùng một loại nguyên vật liệu sản xuất một loại sản phẩm.

5.3.2. Trường hợp dùng một loại nguyên vật liệu sản xuất nhiều loại sản phẩm

5.3.3. Trường hợp dùng nhiều loại nguyên vật liệu sản xuất một loại sản phẩm

5.3.4. Trường hợp dùng nhiều loại nguyên vật liệu sản xuất nhiều loại sản phẩm

Bài 6: Thống kê giá thành sản phẩm của kinh doanh Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Thống kê được các chỉ tiêu giá thành sản phẩm của kinh doanh

- Phân tích được sự biến động giá thành sản phẩm của kinh doanh.

- Phân tích được sự biến động của các khoản mục giá thành.

- Làm thành thạo các bài tập. Vận dụng thực tế để đưa ra những biện pháp quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Nghiêm túc học bài, coi trọng vấn đề hạ giá thành sản phẩm trong kinh doanh.

2. Nội dung:

6.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

6.1.1. Chi phí sản xuất

6.1.2. Giá thành sản phẩm

6.2. Nghiên cứu biến động giá thành sản phẩm so sánh được

6.2.1. Chi số giá thành thực tế

6.2.2. Chi số giá thành kế hoạch

6.3. Thống kê giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa

6.3.1. Khái niệm giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa

6.3.2. Chỉ số biến động giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa.

6.3.3. Chỉ số hoàn thành kế hoạch giá thành cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa.

6.4. Phân tích giá thành theo khoản mục chi phí

6.4.1 Phân tích sự biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

6.4.2. Phân tích sự biến động khoản mục chi phí tiền lương ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

6.4.3. Phân tích sự biến động khoản mục chi phí sản xuất chung ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Bài 7: Thống kê tài chính của kinh doanh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thống kê được các chỉ tiêu vốn cố định, vốn lưu động, doanh thu, lợi nhuận, doanh lợi của kinh doanh

- Phân tích được sự biến động của các chỉ tiêu trên và chỉ ra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố.

- Làm tốt các bài tập. Vận dụng thực tế để đưa ra những biện pháp quản lý nhằm sử dụng hiệu quả vốn sản xuất kinh doanh tăng doanh thu, lợi nhuận.

- Nghiêm túc học bài, tích cực nghiên cứu thêm tài liệu tham khảo.

- Tuân thủ chế độ tài chính và các quy định của Nhà nước có liên quan.

2. Nội dung:

7.1. Thống kê vốn sản xuất kinh doanh của kinh doanh

7.1.1. Thống kê vốn cố định

7.1.2. Khái niệm, đặc điểm vốn cố định

7.1.3. Chỉ tiêu mức vốn cố định

7.1.4. Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn cố định

7.2. Thống kê vốn lưu động

7.2.1. Khái niệm, đặc điểm vốn lưu động

7.2.2. Chỉ tiêu mức vốn lưu động

7.2.3. Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn lưu động

7.3. Thống kê doanh thu, lợi nhuận, doanh lợi của kinh doanh

7.3.1. Thống kê doanh thu của kinh doanh

7.3.2. Thống kê lợi nhuận của kinh doanh

7.3.3. Thống kê doanh lợi của kinh doanh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng học lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về thống kê kinh doanh cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Thái độ: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. *Phương pháp*

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín ch.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra**: trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần**: Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. *Giáo trình thống kê doanh nghiệp* - Học viện tài chính - NXB Tài chính 2007.

2. *Giáo trình thống kê kinh doanh* - Đại học kinh tế quốc dân - Đồng chủ biên: GS.TS Phạm Ngọc Kiểm - PGS. TS. Nguyễn Công Nhự - NXB Thống kê 2007.

3. *Hệ thống câu hỏi và bài tập thống kê kinh doanh* - Đại học kinh tế quốc dân - Chủ biên: GS. TS Phạm Ngọc Kiểm - NXB Thống kê 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THANH TOÁN QUỐC TẾ

Mã mô đun: MĐ 27

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Thanh toán quốc tế là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế là một mô đun thuộc nhóm cách môn học tự chọn gồm những kiến thức chung về cách nghiệp vụ kinh doanh quốc tế, cách vấn đề thanh toán qua biên giới, về tỷ giá hối đoái được lập trong bộ hồ sơ thanh toán quốc tế phù hợp với cách phương thức thanh toán quốc tế và thông lệ quốc tế.

- Tính chất: Cung cấp cách kiến thức cơ bản về lý luận và nghiệp vụ trong lĩnh vực thanh toán quốc tế.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. *Kiến thức:* Nắm vững đối tượng nghiên cứu và những lý luận cơ bản về nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Hiểu cách khái niệm, nguyên tắc và phương pháp Tính hạch toán các nghiệp vụ thanh toán. Lập được cách chứng từ thanh toán quốc tế.

2.2. *Kỹ năng:* Phân biệt được cách phương thức thanh toán quốc tế, phương tiện thanh toán quốc tế, nghiệp vụ giao dịch hối đoái vv.... Viết được quy trình thanh toán của các hình thức thanh toán trong nền kinh tế thị trường và thanh toán quốc tế. Lập được bộ chứng từ thanh toán quốc tế

2.3. *Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:* Nghiêm túc, cẩn thận, trung thực khi nghiên cứu; Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn; Tuân thủ cách luật và chế độ thanh toán quốc tế.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra

1	Bài 1. Tổng quan về nghiệp vụ thanh toán quốc tế 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò thanh toán quốc tế 1.2. Cách điều kiện trong thanh toán quốc tế	2	2	0	0
2	Bài 2. Tỷ giá hối đoái và nghiệp vụ giao dịch hối đoái 2.1. Khái niệm và phân loại tỷ giá hối đoái 2.2. Phương pháp yết tỷ giá hối đoái 2.3. Xác định tỷ giá theo phương pháp tính giá chéo 2.4. Cách nghiệp vụ giao dịch hối đoái	11	4	7	0
3	Bài 3. Cách phương tiện thanh toán quốc tế 3.1. Thương phiếu 3.2. Sợc quốc tế 3.3. Giấy chuyển tiền 3.4. Thẻ ngân hàng	9	3	6	0
4	Bài 4. Bộ chứng từ thanh toán quốc tế 4.1. Chứng từ tài chính 4.2. Chứng từ thương mại 4.3. Kiểm tra xử lý bộ chứng từ	9	3	6	0
5	Bài 5. Cách phương thức thanh toán quốc tế 5.1. Phương thức chuyển tiền và ghi sổ 5.2. Phương thức thanh toán bảo lónh 5.3. và tón dụng dự phũng 5.4. Phương thức thanh toán nhờ thu	9	3	6	
6	Kiểm tra	5	0	0	5
	Cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về nghiệp vụ thanh toán quốc tế Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm và vai trò thanh toán quốc tế
- Hiểu được bản chất cán cân thanh toán quốc tế và cách điều kiện trong thanh toán quốc tế.
- Hiểu được cách biện pháp để cân bằng cán cân thanh toán quốc tế

2. Nội dung:

- 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò thanh toán quốc tế
 - 1.1.1. Khái niệm về thanh toán quốc tế
 - 1.1.2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế
 - 1.1.3. Vai trò của thanh toán quốc tế trong nền kinh tế
- 1.2. Thanh toán quốc tế
 - 1.2.1. Khái niệm thanh toán quốc tế
 - 1.2.2. Nội dung thanh toán quốc tế
 - 1.2.3. Nguyên tắc lập thanh toán quốc tế và quy định tại Việt Nam
 - 1.2.4. Trạng thái cán cân thanh toán quốc tế và biện pháp để thăng bằng cán cân thanh toán quốc tế
- 1.3. Cách điều kiện trong thanh toán quốc tế
 - 1.3.1. Các chủ thể tham gia thanh toán quốc tế
 - 1.3.2. Điều kiện về tiền tệ trong thanh toán quốc tế
 - 1.3.3. Điều kiện về thời gian thanh toán quốc tế
- 1.4. Phương thức thanh toán quốc tế

Bài 2: Tỷ giá hối đoái và nghiệp vụ giao dịch hối đoái

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm và phân loại được tỷ giá hối đoái
- Hiểu được phương pháp yết giá trực tiếp và gián tiếp
- Hiểu được phương pháp xác định tỷ giá chéo giản đơn và tỷ giá chéo phức tạp
- Hiểu được nội dung cách nghiệp vụ giao dịch hối đoái.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm và phân loại tỷ giá hối đoái
 - 2.1.1. Khái niệm về tỷ giá hối đoái
 - 2.2.2. Cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái
 - 2.2.3. Các loại tỷ giá
 - 2.2.4. Cách nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái
- 2.2. Phương pháp yết tỷ giá hối đoái
 - 2.2.1. Yết giá trực tiếp
 - 2.2.2. Yết giá gián tiếp

2.3. Xác định tỷ giá theo phương pháp tính giá chéo

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Tỷ giá chéo đơn giản

2.3.3. Tỷ giá chéo phức hợp

2.4. Cách nghiệp vụ giao dịch hối đoái

2.4.1. Giao dịch giao ngay

2.4.2. Giao dịch kỳ hạn

2.4.3. Giao dịch hoán đổi

2.4.4. Giao dịch quyền chọn

2.5. Giao dịch tương lai

Bài 3: Cách phương tiện thanh toán quốc tế

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm và cách nghiệp vụ liên quan đến thương phiếu, hối phiếu, lệnh phiếu.

- Hiểu được nội dung của séc, giấy chuyển tiền, thẻ ngân hàng.

2. Nội dung:

3.1. Thương phiếu

3.1.1. Khái niệm và phân loại thương phiếu

3.1.2. Hối phiếu

3.1.3. Khái niệm và đặc điểm

3.1.4. Nội dung và cách lập hối phiếu

3.1.5. Cách nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu

3.2. Lệnh phiếu

3.2.1. Khái niệm và đặc điểm

3.2.2. Nội dung và cách lập lệnh phiếu

3.2.3. Các nghiệp vụ liên quan đến lệnh phiếu

3.3. Séc quốc tế

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Nội dung và cách lập séc

3.3.3. Quy trình lưu thông và thanh toán séc

3.4. Giấy chuyển tiền

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Các loại giấy chuyển tiền

3.5. Thẻ ngân hàng

3.5.1. Khái niệm về thẻ ngân hàng

3.5.2. Các loại thẻ ngân hàng

Bài 4: Bộ chứng từ thanh toán quốc tế Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được nội dung bộ chứng từ tài chính, bộ chứng từ thương mại.
- Hiểu được phương pháp kiểm tra và xử lý bộ chứng từ thanh toán quốc tế

2. Nội dung:

4.1. Chứng từ tài chính

4.1.1. Hối phiếu

4.1.2. Lệnh phiếu

4.1.3. Sợc

4.1.4. Lệnh nhờ thu

4.2. Chứng từ thương mại

4.2.1. Hoá đơn thương mại

4.2.2. Chứng từ vận tải

4.2.3. Chứng từ bảo hiểm

4.2.4. Các loại giấy chứng nhận hàng hoỏ

4.3. Kiểm tra xử lý bộ chứng từ

4.3.1. ý nghĩa của bộ chứng từ thanh toán

4.3.2. Kiểm tra bộ chứng từ thanh toán

4.3.3. Xử lý bộ chứng từ

Bài 5: Cách phương thức thanh toán quốc tế Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được nội dung phương thức chuyển tiền
- Hiểu được nội dung phương thức thanh toán bảo lỏnh và tón dụng dự phũng
- Hiểu được nội dung phương thức nhờ thu tron và nhờ thu kèm chứng từ.

2. Nội dung chương:

5.1. Phương thức chuyển tiền và ghi sổ

5.1.1. Phương thức chuyển tiền

5.1.2. Phương thức ghi sổ

5.2. Phương thức thanh toán bảo lãnh và tổn dụng dự phũng

5.2.1. Phương thức bảo lãnh

5.2.2. Phương thức tín dụng dự phũng

5.3. Phương thức thanh toán nhờ thu

5.3.1. Phương thức nhờ thu trơn

5.3.2. Phương thức nhờ thu kèm chứng từ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học:* Phòng học lý thuyết

2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ:* Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.

- Thái độ: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín ch.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. *Tài liệu cần tham khảo:*

[1] Chủ biên GS.NGUỠT. Đình Xuân Trình, *Giáo trình Thanh toán quốc tế* - Đại học Ngoại thương, NXB Lao động xó hội, 2006.

[2] PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, *Giáo trình Thanh toán quốc tế* - Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2006

[3] TS. Nguyễn Văn Tiên, *Sách Thị trường ngoại hối Việt Nam* – Trong tiến trình hội nhập, NXB Thống kê 2002

[4] *Giáo trình Tài chính quốc tế* – Học viện Tài chính 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Mã mô đun: MĐ 28

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Thị trường chứng khoán là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Mô đun thị trường chứng khoán cung cấp những kiến thức chuyên môn cho học sinh kết hợp và phát triển kỹ năng học các môn chuyên môn của nghề.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Kiến thức:

+ Nhận biết được sự phát triển của thị trường chứng khoán, cách giao dịch và tuân thủ được các nguyên tắc giao dịch đề ra trên thị trường chứng khoán, tình hình thị trường chứng khoán thế giới và một số chỉ số chứng khoán phổ biến.

+ Giải thích được quy chế, nguyên tắc hoạt động cũng như loại hàng hóa nào được phép giao dịch trên thị trường chứng khoán, các hình thức giao dịch, và phương pháp giao dịch đúng luật.

+ Thông qua sự hiểu biết về thị trường chứng khoán, người học sẽ dễ dàng lựa chọn được hình thức đầu tư chứng khoán thích hợp và hiệu quả

2.2. Kỹ năng:

+ Biết phân loại và nắm bắt được quy chế hoạt động của từng loại thị trường chứng khoán.

+ Biết thực hiện các thủ tục của một quy trình phát hành chứng khoán ra cộng chýng.

+ Lựa chọn được các hàng hóa thích hợp trên thị trường chứng khoán để đầu tư trong hoàn cảnh thích hợp.

+ Biết lựa chọn thời điểm đầu tư chứng khoán sao cho hiệu quả.

+ Biết thực hiện một số lệnh giao dịch cơ bản trên thị trường chứng khoán.

2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:

+ Tuân thủ mọi nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán.

+ Tuân thủ luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến hoạt động chứng khoán.

+ Không được có thái độ tiêu cực, đầu cơ cũng như làm trái lại các nguyên tắc chung gây ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Khái quát về thị trường chứng khoán 1.1. Khái niệm và nguồn gốc ra đời của thị trường chứng khoán 1.1.1. Nguồn gốc ra đời của thị trường chứng khoán 1.1.2. Khái niệm thị trường chứng khoán 1.2. Phân loại thị trường chứng khoán 1.2.1. Phân loại theo khái cụ lưu thông 1.2.2. Phân loại theo phương thức phát hành 1.2.3. Phân loại theo phương thức hoạt động 1.2.4. Nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán. 1.3. Nguyên tắc đầu giá. 1.3.1. Nguyên tắc cung bằng cung khai. 1.3.2. Nguyên tắc trung gian. 1.3.4. Nguyên tắc tập trung 1.4. Các thành phần tham gia vào thị trường chứng khoán 1.4.1. Nhà phát hành. 1.4.2. Nhà đầu tư. 1.4.3. Công ty chứng khoán. 1.4.4. Các tổ chức có liên quan đến thị trường chứng khoán	2	2	0	0
2	Bài 2. Hàng hóa trên thị trường chứng khoán 2.1. Tổng quan về chứng khoán 2.1.1. Khái niệm và phân loại chứng khoán 2.1.2. Khái niệm chứng khoán 2.1.3. Phân loại chứng khoán 2.2. Các loại chứng khoán cơ bản 2.2.1. Chứng khoán nợ-Trái phiếu	9	3	6	0

	<p>2.2.2.Khái niệm</p> <p>2.2.3. Những đặc điểm của trái phiếu</p> <p>2.3. Điều kiện phát hành trái phiếu ở Việt Nam</p> <p>2.3.1. Giới thiệu một số trái phiếu cơ bản</p> <p>2.3.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư trái phiếu</p> <p>2.3.3. Những lợi ích và rủi ro của việc đầu tư vào trái phiếu</p> <p>2.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trái phiếu</p> <p>2.4.Chứng khoán vốn-Cổ phiếu</p> <p>2.4.1. Cổ phiếu thường</p> <p>2.4.2.Khái niệm</p> <p>2.4.3. Đặc điểm</p> <p>2.4.4. Các loại cổ phiếu thường</p> <p>2.4.5. Những lợi ích của việc đầu tư vào cổ phiếu thường</p> <p>2.4.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu thường</p> <p>2.5. Cổ phiếu ưu đãi</p> <p>2.5.1.Khái niệm</p> <p>2.5.2. Đặc điểm</p> <p>2.5.3. Các loại cổ phiếu ưu đãi</p> <p>2.6. Các loại chứng khoán phát sinh</p> <p>2.6.1. Tổng quan về chứng khoán phái sinh</p> <p>2.6.2.Các loại chứng khoán phái sinh</p> <p>2.6.3. Hợp đồng quyền chọn</p> <p>2.6.4. Hợp đồng kỳ hạn</p> <p>2.6.5. Hợp đồng giao sau</p>				
3	<p>Bài 3: Phát hành chứng khoán</p> <p>3.1. Các phương thức phát hành chứng khoán</p> <p>3.2. Phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng</p> <p>3.2.1. Giới thiệu một số đặc điểm của thị trường chứng khoán sơ cấp.</p> <p>3.2.2. Khái niệm phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng.</p> <p>3.2.3. Điều kiện phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng.</p> <p>3.2.4. Những điểm thuận lợi và bất lợi khi phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng.</p> <p>3.2.5. Quy trình phát hành chứng khoán</p>	9	3	6	0

	<p>lần đầu ra khái chúng</p> <p>3.2.6. Bảo lónh phát hành</p> <p>3.3. Phát hành trái phiếu và cổ phiếu công ty</p> <p>3.3.1. Phát hành trái phiếu doanh nghiệp</p> <p>3.3.2. Phát hành cổ phiếu của cụng ty cổ phần</p> <p>3.3.3. Ưu và nhược điểm của việc phát hành cổ phiếu thường</p> <p>3.3.4. Ưu và nhược điểm của việc phát hành cổ phiếu ưu đỏi</p> <p>3.3.5. Điều kiện phát hành cổ phiếu thường tại Việt Nam</p>				
4	<p>Bài 4: Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.1. Tổ chức sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.1.1. Khái niệm sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.1.2. Chức năng của sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.1.3. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.1.4. Nguyên tắc hoạt động của sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.1.5. Nguyên tắc đấu giá chứng khoán và thực hiện theo trình tự ưu tiên</p> <p>4.2. Hoạt động giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.2.1. Hệ thống niêm yết</p> <p>4.2.2. Cách hình thức niêm yết</p> <p>4.2.3. Điều kiện niêm yết</p> <p>4.2.4. Thủ tục niêm yết</p> <p>4.2.5. Những lợi ớch và bất lợi khi niêm yết chứng khoán</p> <p>4.3. Hệ thống giao dịch</p> <p>4.3.1. Một số đặc điểm về giao dịch chứng khoán</p> <p>4.3.2. Thời gian giao dịch</p> <p>4.3.3. Lệnh giao dịch và định chuẩn lệnh.</p> <p>4.3.4. Đơn vị giao dịch.</p> <p>4.3.5. Đơn vị niêm yết</p> <p>4.4. Phương thức giao dịch</p> <p>4.4.1. Giao dịch đấu giá</p> <p>4.4.2. Giao dịch đấu lệnh</p> <p>4.4.3. Cách hình thức khớp lệnh</p> <p>4.5. Nguyên tắc khớp lệnh</p> <p>4.5.1. Kỹ thuật giao dịch</p>	11	4	7	0

	4.5.2. Giao dịch thủ công trên sàn giao dịch 4.5.3. Giao dịch bên thủ công 4.5.4. Giao dịch tự động				
5	Bài 5: Cụng ty chứng khoán 5.1. Giới thiệu về cụng ty chứng khoán 5.1.1. Sự cần thiết của các cụng ty chứng khoán 5.1.2. Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh khái ty chứng khoán 5.2. Vai trò của cụng ty chứng khoán trờn thị trường chứng khoán 5.2.1. Vai trò huy động vốn. 5.2.2. Vai trò cung cấp một cơ chế giá cả. 5.2.3. Thực hiện tư vấn đầu tư. 5.2.4. Tạo ra các sản phẩm mới 5.3. Mụ hình hoạt động của khái ty chứng khoán 5.3.1. Công ty chuyên doanh chứng khoán. 5.3.2. Khái ty đa năng kinh doanh tiền tệ và chứng khoán. 5.4. Các nghiệp vụ của cụng ty chứng khoán 5.4.1. Môi giới chứng khoán. 5.4.2. Tự doanh chứng khoán. 5.4.3. Nghiệp vụ bảo lónh phát hành. 5.4.4. Nghiệp vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán 5.4.5. Nghiệp vụ lưu thông chứng khoán. 5.4.6. Các nghiệp vụ hỗ trợ.	9	3	6	0
6	Kiểm tra	5	0	0	5
	Cộng	45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Khái quát về thị trường chứng khoán

Thời gian: 2 giờ

1. Mục Tiêu

- + Nguyên nhân ra đời và quá trình phát triển của thị trường chứng khoán.
- + Các loại thị trường chứng khoán.
- + Chức năng và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán.
- + Những mặt hạn chế của thị trường chứng khoán hiện nay.

+ Một số thị trường chứng khoán lớn trên thế giới

2. Nội dung:

1.1. Khái niệm và nguồn gốc ra đời của thị trường chứng khoán

1.1.1. Nguồn gốc ra đời của thị trường chứng khoán

1.1.2. Khái niệm thị trường chứng khoán

1.2. Phân loại thị trường chứng khoán

1.2.1. Phân loại theo khái cụ lưu thông

1.2.2. Phân loại theo phương thức phát hành

1.2.3. Phân loại theo phương thức hoạt động

1.2.4. Nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán.

1.3. Nguyên tắc đầu giá.

1.3.1. Nguyên tắc cung bằng cung khai.

1.3.2. Nguyên tắc trung gian.

1.3.4. Nguyên tắc tập trung

1.4. Các thành phần tham gia vào thị trường chứng khoán

1.4.1. Nhà phát hành.

1.4.2. Nhà đầu tư.

1.4.3. Công ty chứng khoán.

1.4.4. Các tổ chức có liên quan đến thị trường chứng khoán

Bài 2. Hàng hóa trên thị trường chứng khoán Thời gian: 9 giờ

1. Mục Tiêu

+ Chứng khoán là gì ? các loại chứng khoán lưu thông trên thị trường chứng khoán.

+ Đặc điểm của từng loại chứng khoán, cách đầu tư thích hợp vào từng loại chứng khoán.

+ Những lợi ích cũng như rủi ro khi đầu tư vào từng loại chứng khoán.

2. Nội dung:

2.1. Tổng quan về chứng khoán

2.1.1. Khái niệm và phân loại chứng khoán

2.1.2. Khái niệm chứng khoán

2.1.3. Phân loại chứng khoán

- 2.2. Các loại chứng khoán cơ bản
 - 2.2.1. Chứng khoán nợ-Trái phiếu
 - 2.2.2. Khái niệm
 - 2.2.3. Những đặc điểm của trái phiếu
 - 2.3. Điều kiện phát hành trái phiếu ở Việt Nam
 - 2.3.1. Giới thiệu một số trái phiếu cơ bản
 - 2.3.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư trái phiếu
 - 2.3.3. Những lợi ích và rủi ro của việc đầu tư vào trái phiếu
 - 2.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trái phiếu
 - 2.4. Chứng khoán vốn-Cổ phiếu
 - 2.4.1. Cổ phiếu thường
 - 2.4.2. Khái niệm
 - 2.4.3. Đặc điểm
 - 2.4.4. Các loại cổ phiếu thường
 - 2.4.5. Những lợi ích của việc đầu tư vào cổ phiếu thường
 - 2.4.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu thường
 - 2.5. Cổ phiếu ưu đãi
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Đặc điểm
 - 2.5.3. Các loại cổ phiếu ưu đãi
 - 2.6. Các loại chứng khoán phát sinh
 - 2.6.1. Tổng quan về chứng khoán phái sinh
 - 2.6.2. Các loại chứng khoán phái sinh
 - 2.6.3. Hợp đồng quyền chọn
 - 2.6.4. Hợp đồng kỳ hạn
 - 2.6.5. Hợp đồng giao sau

Bài 3: Phát hành chứng khoán Thời gian: 9 giờ

1. Mục Tiêu

- + Các phương thức phát hành chứng khoán ra thị trường.
- + Phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng thỡ phải cần những điều kiện gì?

- + Thế nào là bảo lãnh phát hành, việc bảo lãnh phát hành được thực hiện như thế nào.
- + Khi phát hành chứng khoán thờ sẽ có những lợi ích và rủi ro gì?
- + Quy trình của một đợt phát hành chứng khoán ra khái chúng gồm những thủ tục gì?

2. Nội dung:

3.1. Các phương thức phát hành chứng khoán

3.2. Phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng

3.2.1. Giới thiệu một số đặc điểm của thị trường chứng khoán sơ cấp.

3.2.2. Khái niệm phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng.

3.2.3. Điều kiện phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng.

3.2.4. Những điểm thuận lợi và bất lợi khi phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng.

3.2.5. Quy trình phát hành chứng khoán lần đầu ra khái chúng

3.2.6. Bảo lãnh phát hành

3.3. Phát hành trái phiếu và cổ phiếu công ty

3.3.1. Phát hành trái phiếu doanh nghiệp

3.3.2. Phát hành cổ phiếu của cụng ty cổ phần

3.3.3. Ưu và nhược điểm của việc phát hành cổ phiếu thường

3.3.4. Ưu và nhược điểm của việc phát hành cổ phiếu ưu đãi

3.3.5. Điều kiện phát hành cổ phiếu thường tại Việt Nam

Bài 4: Sở giao dịch chứng khoán Thời gian: 11 giờ

1. Mục Tiêu

- + Một số chức năng và nguyên tắc hoạt động của sở giao dịch chứng khoán.
- + Các hoạt động chính diễn ra trên sở giao dịch chứng khoán.
- + Một số kỹ thuật giao dịch được sử dụng trên sở giao dịch chứng khoán.
- + Thông qua các kiến thức trong chương này người học sẽ có các hành vi đầu tư đúng với nguyên tắc đề ra trên sở giao dịch chứng khoán.

2. Nội dung:

4.1. Tổ chức sở giao dịch chứng khoán

4.1.1. Khái niệm sở giao dịch chứng khoán

4.1.2. Chức năng của sở giao dịch chứng khoán

- 4.1.3. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán
- 4.1.4. Nguyên tắc hoạt động của sở giao dịch chứng khoán
- 4.1.5. Nguyên tắc đấu giá chứng khoán và thực hiện theo trình tự ưu tiên
- 4.2. Hoạt động giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán
 - 4.2.1. Hệ thống niêm yết
 - 4.2.2. Cách hình thức niêm yết
 - 4.2.3. Điều kiện niêm yết
 - 4.2.4. Thủ tục niêm yết
 - 4.2.5. Những lợi ích và bất lợi khi niêm yết chứng khoán
- 4.3. Hệ thống giao dịch
 - 4.3.1. Một số đặc điểm về giao dịch chứng khoán
 - 4.3.2. Thời gian giao dịch
 - 4.3.3. Lệnh giao dịch và định chuẩn lệnh.
 - 4.3.4. Đơn vị giao dịch.
 - 4.3.5. Đơn vị niêm yết
- 4.4. Phương thức giao dịch
 - 4.4.1. Giao dịch đấu giá
 - 4.4.2. Giao dịch đấu lệnh
 - 4.4.3. Cách hình thức khớp lệnh
- 4.5. Nguyên tắc khớp lệnh
 - 4.5.1. Kỹ thuật giao dịch
 - 4.5.2. Giao dịch thủ công trên sàn giao dịch
 - 4.5.3. Giao dịch bên thủ công
 - 4.5.4. Giao dịch tự động

Bài 5: Công ty chứng khoán

Thời gian: 9 giờ

1. Mục Tiêu

- + Vai trò của các công ty chứng khoán trên thị trường chứng khoán.
- + Các nghiệp vụ được thực hiện bởi khái ty chứng khoán.

2. Nội dung chương:

- 5.1. Giới thiệu về cụng ty chứng khoán

- 5.1.1. Sự cần thiết của các cụng ty chứng khoán
- 5.1.2. Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh khái ty chứng khoán
- 5.2. Vai trò của cụng ty chứng khoán tròn thị trường chứng khoán
- 5.2.1. Vai trò huy động vốn.
- 5.2.2. Vai trò cung cấp một cơ chế giá cả.
- 5.2.3. Thực hiện tư vấn đầu tư.
- 5.2.4. Tạo ra các sản phẩm mới
- 5.3. Mục hình hoạt động của khái ty chứng khoán
- 5.3.1. Công ty chuyên doanh chứng khoán.
- 5.3.2. Khái ty đa năng kinh doanh tiền tệ và chứng khoán.
- 5.4. Các nghiệp vụ của cụng ty chứng khoán
- 5.4.1. Môi giới chứng khoán.
- 5.4.2. Tự doanh chứng khoán.
- 5.4.3. Nghiệp vụ bảo lónh phát hành.
- 5.4.4. Nghiệp vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- 5.4.5. Nghiệp vụ lưu thông chứng khoán.
- 5.4.6. Các nghiệp vụ hỗ trợ.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học:* Phòng học lý thuyết
2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.
3. *Học liệu, dụng cụ:* Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán cho sinh viên.
- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.
- Thái độ: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín ch.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1] Thị Trường Chứng Khoán - Đại học kinh tế TP.HCM - năm 2010

[2] Giáo trình Thị Trường Chứng Khoán – ĐH Kinh tế quốc dân – năm 2010

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Mã mô đun: MĐ 29

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Mô đun Quản trị chuỗi cung ứng là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo. Môn học quản trị chuỗi cung ứng thuộc nhóm các môn chuyên môn của nghề quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học cơ sở.

- Tính chất: Mô đun quản trị chuỗi cung ứng là môn chuyên môn. Mỗi nội dung của môn học vừa mang tính độc lập tương đối, vừa gắn với nhau giúp người học hiểu biết toàn diện về quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. *kiến thức*: Trình bày những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng; Trình bày cấu hình mạng lưới phân phối; Trình bày kiến thức về quản trị hàng tồn và phân tán rủi ro, tích hợp chuỗi cung ứng; Trình bày chiến lược hậu cần và phân phối trong chuỗi cung ứng.

2.2. *kỹ năng*: Vận dụng kiến thức quản trị chuỗi cung ứng để thiết kế mạng lưới phân phối nhằm tối thiểu hoá chi phí, thiết kế một chiến lược hậu cần; Vận dụng kiến thức quản trị chuỗi cung ứng để làm các bài tập tình huống, các câu hỏi trắc nghiệm.

2.3. *Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm*: Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn; Nghiêm túc học tập và nghiên cứu khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I.	Bài 1. Những vấn đề cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng 1.1. Tổng quan về chuỗi cung ứng 1.2. Lịch sử phát triển quản trị chuỗi cung ứng 1.3. Tối ưu hoá toàn bộ 1.4. Quản trị tính không chắc chắn	1	1	0	0

II.	Bài 2. Cấu hình mạng lưới phân phối 2.1. Giới thiệu các quyết định chiến lược 2.2. Thu thập thông tin 2.3. hình và sự xác định dữ liệu 2.4. Các kỹ thuật giải quyết	7	2	5	1
III.	Bài 3. Quản trị tồn kho và phân chia rủi ro 3.1. Quản trị tồn kho 3.2. Các cơ hội đặt hàng nhiều lần 3.3. Các hợp đồng cung ứng 3.4. Phân tán rủi ro	8	3	5	
IV.	Bài 4. Tích hợp chuỗi cung cấp 4.1. Hiệu ứng BULLWHIP 4.2. Tích hợp chuỗi cung ứng bên trong tổ chức 4.3. Tích hợp dọc chuỗi cung ứng	7	2	5	2
V.	Bài 5. Chiến lược hậu cần 5.1. Những quyết định chiến lược 5.2. Chiến lược hậu cần	7	2	5	
VI.	Bài 6. Phân phối trong chuỗi cung ứng 6.1. Dẫn nhập 6.2. Hệ thống kéo đẩy và đẩy kéo 6.3. Tác động của Internet đến chiến lược chuỗi cung ứng 6.4. Các chiến lược phân phối	8	3	5	2
Cộng		45	15	25	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Những vấn đề cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được định nghĩa về chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.
- + Trình bày lịch sử phát triển của quản trị chuỗi cung ứng, quản trị tính không chắc chắn
- + Nghiêm túc khi nghiên cứu

2. Nội dung:

- 1.1. Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng
 - 1.1.1. Định nghĩa về chuỗi cung ứng
 - 1.1.2. Chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng.
 - 1.1.3. Mục tiêu của chuỗi cung ứng.
 - 1.1.4. Tại sao phải quản trị chuỗi cung ứng

1.2. Lịch sử phát triển của quản trị chuỗi cung ứng

1.3. Tối ưu hoá toàn bộ

1.3.1. Tính phức tạp

1.3.2. Sự khác biệt về mục tiêu

1.3.3. Tính thay đổi theo thời gian.

1.4. Quản trị tính không chắc chắn

1.4.1. Cân bằng giữa cung và cầu là một thách thức

1.4.2. Sự thay đổi của mức tồn kho và đặt hàng

1.4.3. Khả năng của dự báo.

1.4.4. Nguồn của sự không chắc chắn

Bài 2: Cấu hình mạng lưới phân phối

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

+ Xác định con số hợp lý các nhà kho, vị trí, kích cỡ, công suất... của nhà kho, nhà máy
+ Phải thiết kế hoặc tái cấu hình mạng lưới để tối thiểu hoá chi phí thường niên của toàn bộ hệ thống

+ Nghiêm túc khi nghiên cứu

2. Nội dung:

2.1. Thu thập thông tin

2.1.1. Thu thập thông tin

2.1.2. Kết hợp thông tin

2.1.3. Giá vận chuyển

2.1.4. Ước tính khoảng cách

2.1.5. Chi phí kho bãi

2.1.6. Công suất nhà kho

2.1.7. Vị trí kho bãi

2.1.8. Yêu cầu của mức dịch vụ

2.1.9. Nhu cầu tương lai

2.2. Mô hình và sự xác định dữ liệu

2.3. Các kỹ thuật giải quyết

2.3.1. Thực nghiệm và sự cần thiết để có thuật toán chính xác.

2.3.2. Các mô hình mô phỏng và các kỹ thuật tối ưu

Bài 3: Quản trị tồn kho và phân chia rủi ro

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- + Giới thiệu các mô hình tồn kho, các hợp đồng cung ứng
- + Xác định được hình thức tồn kho: nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, sản phẩm hoàn thiện
- + Xác định chi phí hàng tồn kho và phân tán rủi ro
- + Nghiêm túc khi nghiên cứu

2. Nội dung:

- 3.1. Quản trị tồn kho
 - 3.1.1. Hệ thống tồn kho
 - 3.1.2. Các mô hình tồn kho
 - 3.1.3. Các cơ hội đặt hàng nhiều lần
- 3.2. Các hợp đồng cung ứng
 - 3.2.1. Hợp đồng mua lại.
 - 3.2.2. Hợp đồng chia sẻ doanh thu.
- 3.3. Phân tán rủi ro
 - 3.3.1. Hệ thống phi tập trung so với tập trung
 - 3.3.2. Quản trị tồn kho trong chuỗi cung ứng
 - 3.3.3. Các vấn đề thực tế về tồn kho
- 3.4. Dự báo

Bài 4: Tích hợp chuỗi cung cấp

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- Xác định được giá trị tiềm tàng của các thông tin xuyên suốt chuỗi cung ứng, sự liên quan của thông tin đến thiết kế và quản trị hiệu quả chuỗi cung ứng thích hợp
- + Xác định được chuỗi các mối quan hệ giữa các doanh nghiệp.
- + Nghiêm túc khi nghiên cứu

2. Nội dung:

- 4.1. Hiệu ứng BULLWHIP
 - 4.1.1. Xác định hiệu ứng BULLWHIP

- 4.1.2. Tác động của thông tin tập trung đến hiệu ứng
- 4.2. Sự phát triển trong lĩnh vực chuỗi cung cấp
 - 4.2.1. Quan điểm ban đầu
 - 4.2.2. Áp lực cho việc nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi cung ứng
- 4.3. Các xu hướng hiện tại trong chuỗi cung cấp
 - 4.3.1. Sự cải thiện truyền thông
 - 4.3.2. Cải thiện dịch vụ khách hàng
 - 4.3.3. Xu hướng khác
- 4.4. Tích hợp chuỗi cung cấp
 - 4.4.1. Tích hợp chuỗi cung cấp bên trong tổ chức
 - 4.4.2. Tích hợp dọc chuỗi cung cấp
- 4.5. Đạt được việc tích hợp
 - 4.5.1. Sự hợp tác và mâu thuẫn
 - 4.5.2. Các kiểu hợp tác
 - 4.5.3. Các liên minh chiến lược

Bài 5: Chiến lược hậu cần

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- + Thấy được thế nào là một chiến lược hậu cần có thể an khớp với quyết định của tổ chức.
- + Phác thảo tầm quan trọng của hậu cần, vận dụng phác thảo một chiến lược hậu cần.
- + Xác định rõ tính chất của một chiến lược hậu cần và lựa chọn chiến lược
- + Nghiêm túc khi nghiên cứu

2. Nội dung:

- 5.1. Những quyết định chiến lược
 - 5.1.1. Những loại quyết định
 - 5.1.2. Vai trò của chiến lược hậu cần
- 5.2. Chiến lược hậu cần
 - 5.2.1. Định nghĩa
 - 5.2.2. Trọng tâm của chiến lược
- 5.3. Những lựa chọn chiến lược

- 5.3.1. Chiến lược nhỏ gọn
- 5.3.2. Chiến lược linh hoạt
- 5.3.3. Liên minh chiến lược
- 5.3.4. Những chiến lược khác
- 5.4. Thiết kế một chiến lược hậu cần
- 5.4.1. Thiết kế
- 5.4.2. Kiểm tra
- 5.4.3. Phát triển chiến lược
- 5.5. Thực thi chiến lược hậu cần
- 5.5.1. Quan hệ chiến lược đến những quyết định cấp thấp
- 5.5.2. Phạm vi ra quyết định
- 5.5.3. Quản trị sự thay đổi

Bài 6: Phân phối trong chuỗi cung ứng

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm vững các chiến lược chuỗi cung ứng, chiến lược chuỗi cung ứng theo nhu cầu để từ đó xác định chuỗi cung ứng thích hợp.
- Hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện các chế độ đối với người lao động.
- Nắm vững chiến lược phân phối hiệu quả.
- Vận dụng Internet vào thực hiện chiến lược cung ứng
- Vận dụng thực hiện chiến lược phân phối hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- + Nghiêm túc khi nghiên cứu
- + Tuân thủ theo quy trình

2. Nội dung:

- 6.1. Hệ thống kéo, đẩy và đẩy kéo
- 6.1.1. Chuỗi cung ứng kéo
- 6.1.2. Chuỗi cung ứng đẩy
- 6.1.3. Chuỗi cung ứng đẩy kéo
- 6.1.4. Xác định chuỗi cung ứng thích hợp

- 6.1.5. Thực hiện chiến lược đẩy kéo
- 6.2. Các chiến lược định hướng theo nhu cầu
- 6.3. Tác động của Internet đến chiến lược chuỗi cung ứng
 - 6.3.1. Kinh doanh điện tử
 - 6.3.2. Ngành tạp hoá
 - 6.3.3. Ngành sách
 - 6.3.4. Ngành bán lẻ
 - 6.3.5. Ngành vận tải
- 6.4. Các chiến lược phân phối
 - 6.4.1. Vận chuyển trực tiếp
 - 6.4.2. Xếp hàng vào kho
 - 6.4.3. Dịch chuyển chéo
- 6.5. Kiểm soát
 - 6.5.1. Kiểm soát tập trung
 - 6.5.2. Kiểm soát phân tán

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng học lý thuyết
2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.
3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng cho sinh viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức thực tế.
- Thái độ: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp thực hành: Sinh viên thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín ch.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng đánh giá, phân tích, sau mỗi nội dung bài học của sinh viên.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1] Shoshanah Cohen Joseph Roussel, *Giáo trình Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng – 5 nguyên tắc đạt hiệu quả hoạt động tốt nhất*, NXB lao động xã hội – 2008

[2] *Quản trị chuỗi cung ứng*– Khoa quản trị kinh doanh - Đại học Đà Nẵng – 2008

[3] PGS.TS Hoàng Minh Đường, PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc, *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, NXB Lao động Xã hội, 2008.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MH10

Số tín chỉ: 5(0-5-0)

Thời gian thực hiện môn học: 300 giờ t (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 300 giờ; Kiểm tra: 0 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Thực tập tốt nghiệp là mô đun được thực hiện sau tất cả các môn chuyên môn của nghề quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ và là cơ sở để xét tốt nghiệp cho người học trước khi ra trường.

- Tính chất: Đây là môn thực hành, thực hành chuyên ngành quản trị, tiếp cận với thực tiễn công tác quản trị tại doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức về chuyên môn nghiệp vụ, thực tập thành thạo kỹ năng thực hành các công việc quản trị, để sau khi tốt nghiệp có khả năng tay nghề vững vàng trong thực hiện công tác quản trị tại các doanh nghiệp.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

- Khái quát được tình hình cơ bản của doanh nghiệp;
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng thực hành lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp;
- Vận dụng được kỹ năng nghề trong thực hiện các công tác quản trị

2.2. Về kỹ năng:

- Tổ chức được công tác lập kế hoạch sản xuất trong doanh nghiệp;
- Sử dụng kế hoạch sản xuất kinh doanh làm phương tiện quản lý có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp;
- Lập đúng các báo cáo tài chính theo quy định;
 - Kiểm tra, đánh giá được công tác quản trị trong doanh nghiệp.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Tuân thủ luật doanh nghiệp do Nhà nước ban hành, các quy định của tổ chức kinh doanh;
- Có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe và trách nhiệm khi thực hiện công việc sau này tại các doanh nghiệp;

- Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

T T	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Thực tập cơ bản: 1. Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu về doanh nghiệp. 2. Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu tổ chức công tác quản trị trong doanh nghiệp. 3. Hướng dẫn ban đầu về phương pháp viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.	150	0	150	0
2	Thực tập quản trị sản xuất kinh doanh: 1. Tìm hiểu về tình hình cơ bản của doanh nghiệp. 2. Thực tập tổ chức công tác quản trị trong doanh nghiệp. 3. Viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp có sự hướng dẫn của giảng viên.	150	0	150	0
	Tổng cộng	300	0	300	0

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Thực tập cơ bản, Thời gian: 150 giờ

1. Mục tiêu

- Tiếp cận được hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý;
- Trình bày được tổ chức công tác quản trị sản xuất, tổ chức được công tác nghiên cứu thị trường, sử dụng thành thạo các phương pháp đánh giá sản phẩm, tổ chức tốt công tác bán hàng và dịch vụ khách hàng, kiểm tra đánh giá được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Thực hiện được các nghiệp vụ quản trị tại doanh nghiệp;

- Viết được đề cương báo cáo thực tập tốt nghiệp

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu tình hình cơ bản của doanh nghiệp

- 2.1.1 Lịch sử phát triển, chức năng nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp
- 2.1.2 Vị trí kinh tế của DN trong nền KTQD.
- 2.1.3 Quy mô sản xuất của DN.
- 2.1.4 Quy trình công nghệ sản xuất chính của DN
- 2.1.5 Những máy móc thiết bị chủ yếu phục vụ cho quá trình SX chính.
- 2.1.6 Số lượng, chất lượng lao động hiện có của DN
- 2.1.7 Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của D/N.
- 2.2. Những thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của DN trong thời kỳ hiện nay.
- 2.3. Hướng dẫn ban đầu về các chuyên đề về quản trị doanh nghiệp
 - 2.3.1. Hướng dẫn ban đầu về tính toán về lậ biểu kế hoạch sản xuất.
 - 2.3.2. Hướng dẫn ban đầu về thực hiện được một số nghiệp vụ về tổ chức lao động tiền lương:
 - 2.3.3. Hướng dẫn ban đầu về thực hiện các nghiệp vụ về quản trị tiêu thụ bán hàng của doanh nghiệp:
- 2.4. Hướng dẫn ban đầu về phương pháp viết khoá luận thực tập tốt nghiệp

Phần 2: Thực hành quản trị doanh nghiệp, Thời gian: 150 giờ

1. Mục tiêu

- Làm được các nghiệp vụ thuộc chuyên môn nghiệp vụ của ngành quản trị kinh doanh hệ cao đẳng tại doanh nghiệp;
- Rèn luyện đức tính nghề nghiệp của cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh như: năng động, sáng tạo, khoa học và linh hoạt;
- Viết được chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

2. Nội dung

* **Phần mở đầu:** (khoảng 1 đến 2 trang) gồm:

- Tính cấp thiết của đề tài, ý nghĩa khoa học và thực tiễn;
- Mục đích nghiên cứu;
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu;
- Nội dung khái quát của báo cáo (viết tên các chương).

* **Phần nội dung chính:** gồm 3 chương

Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập.

- Đặc điểm tình hình của doanh nghiệp;
- Lý luận chung về vấn đề nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu của đơn vị thực tập (từng vấn đề nghiên cứu cụ thể).

Chương 3: Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện những vấn đề tồn tại thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.

* **Phần kết luận:** (khoảng 1 đến 2 trang) khẳng định những kết quả đã đạt được (đối chiếu với mục đích nghiên cứu).

- Nội dung thực tập tốt nghiệp

* **Đặc điểm tình hình của doanh nghiệp.**

- Lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp;
- Vai trò, vị trí kinh tế của doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân;
- Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (vốn, lao động, doanh thu, nộp ngân sách ...).

* **Nội dung thực tập chuyên môn.**

Sinh viên có thể tham khảo một số chuyên đề thực tập sau :

- Chuyên đề 1 : Phân tích tình hình tiêu thụ và một số biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm ở doanh nghiệp.
- Chuyên đề 2 : Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chuyên đề 3 : Chi phí sản xuất kinh doanh và các giải pháp hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Chuyên đề 4 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý tiền lương tại doanh nghiệp.
- Chuyên đề 5 : Hoàn thiện công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Chuyên đề 6 : Một số phương hướng và biện pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
- Chuyên đề 7 : Hoạch định chiến lược cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- Chuyên đề 8 : Một số giải pháp góp phần xây dựng chiến lược kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Chuyên đề 9 : Phân tích tình hình quản lý chất lượng sản phẩm tại doanh nghiệp.

- Chuyên đề 10 : Các biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức lao động tại doanh nghiệp.
- Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp, Thời gian: 300 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Quyết định thực hành nghề nghiệp của Hiệu trưởng;
- Nội dung thực tập; đề cương thực tập, giáo án;
- Cơ sở thực tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Được đánh giá qua kết quả báo cáo thực tập tốt nghiệp;
- Ý thức thực tập tại cơ sở.
- Phương pháp đánh giá, kiểm tra:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

- | | |
|----------------------------------|---------|
| (1). Điểm kiểm tra thường xuyên: | Hệ số 1 |
| (2). Điểm kiểm tra định kỳ: | Hệ số 2 |

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng chương trình: Chương trình môn học được sử dụng để đào tạo cho trình độ trung cấp chuyên nghiệp. Tổng thời gian thực hiện môn học là 300 giờ, gồm thực tập cơ bản và thực tập quản trị.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Giáo viên hướng dẫn phân thực tập cơ bản, người học thực hiện thực tập công tác quản trị tại cơ sở thực tập;

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào từng nội dung của đề cương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình, hướng dẫn thực tập để đảm bảo chất lượng.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp;
- Lập các kế hoạch: kế hoạch sản xuất sản phẩm, kế hoạch tiến độ sản xuất, kế hoạch giá thành, kế hoạch vật tư;
- Tổ chức công tác nghiên cứu thị trường, công tác bán hàng, dịch vụ khách hàng;
- Phân giao công việc;
- Đánh giá, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Cách viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1] PGS.TS Nguyễn Thành Độ, TS Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, ĐH KTQD, NXB Lao động xã hội – 2002.

[2] Garry D.Smith, Danny R.Arnold, Bobby G.Bizzell – Người dịch: Bùi Văn Đông, *Giáo trình Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thống kê, 2003.

[3] ĐHBK Hà Nội - chủ biên PGS.TS Phan Thị Ngọc Thuận, *Giáo trình Chiến lược kinh doanh và kế hoạch hoá nội bộ doanh nghiệp*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2005.

[4] ĐHKQTĐ - chủ biên ThS. Bùi Đức Tuân, *Giáo trình Kế hoạch kinh doanh*, NXB Lao động xã hội - 2005.

[5] ĐHKQTĐ - Chủ biên PGS. TS Trương Đoàn Thử, *Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân - 2007

[6] ĐHBK - Chủ biên TS Nguyễn Văn Nghiễn, *Giáo trình Quản lý sản xuất*, NXB Đại học quốc gia Hà nội - 2001.

[7] ĐHKQTĐ - Chủ biên GS. TS Nguyễn Thành Độ, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Huyền *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007.

[8] ĐHKQTĐ - Chủ biên PGS. TS Lê Văn Tâm, TS. Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*, NXB Lao động xã hội, 2004.

[9] ĐHKQTĐ - chủ biên PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Thống kê, 2005.

[10] Tài liệu khác: sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các văn bản có liên quan.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MH11

Số tín chỉ: 5(0-5-0)

Thời gian thực hiện môn học: 300 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 290 giờ; Kiểm tra: 10 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học được phân bổ ở học kỳ VI.

- Tính chất: Dành cho những sinh viên đủ điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp; Sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Đề tài khóa luận là những vấn đề về quản trị kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, marketing...; Sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và khả năng nghiên cứu khoa học. Sau khi hoàn thành khóa luận, sinh viên phải báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước hội đồng chấm khóa luận. Kết quả khóa luận được chấm điểm và thừa nhận khi hội đồng thống nhất thông qua.

II. Mục tiêu môn học

Học xong môn học này, người học có khả năng:

2.1. *Về kiến thức:* Sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Đề tài khóa luận là những vấn đề về quản trị kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, marketing...; Sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và khả năng nghiên cứu khoa học. Sau khi hoàn thành khóa luận, sinh viên phải báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước hội đồng chấm khóa luận. Kết quả khóa luận được chấm điểm và thừa nhận khi hội đồng thống nhất thông qua.

2.2. *Về kỹ năng:*

Nhận thức được những hiện tượng, vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, marketing....

Có kiến thức đầy đủ và hệ thống từ cơ bản đến chuyên sâu về các lĩnh vực liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Có nhận định và quan điểm rõ ràng khi lý giải, đánh giá, nhận định các vấn đề liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu và có đầy đủ cơ sở khoa học để chứng minh các nhận định, quan điểm của mình;

- Biết được quy trình thực hiện một công trình nghiên cứu ở mức độ tìm hiểu, thu thập, xử lý thông tin để phục vụ cho mục đích nghiên cứu của mình;

- Biết được các phương pháp nghiên cứu khoa học phổ biến dùng trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội – nhân văn;
- Có thể quan sát, phân tích liên kết để phát hiện vấn đề và tìm câu trả lời;
- Có thể thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin để sử dụng trong mục đích nghiên cứu;
- Có thể trình bày, biện luận vấn đề một cách rõ ràng, có cơ sở đáng tin cậy và có tính thuyết phục;
- Có kỹ năng viết một luận văn cỡ trung (khoảng 25-30 trang) về vấn đề quản trị kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, marketing...;
- Có thể thuyết trình một đề tài nghiên cứu khoa học trong thời gian 15-20 phút một cách dễ hiểu và chính xác. Có thể trả lời tại chỗ các câu hỏi phản biện liên quan đến đề tài nghiên cứu một cách đúng mực và thuyết phục;
- Có thể hợp tác, làm việc nhóm, liên hệ trao đổi với người khác một cách có hiệu quả cho công việc của mình.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Sinh viên có được thái độ nghiêm túc, đúng mực và tích cực trong nghiên cứu khoa học. Hình thành được thói quen làm việc có kế hoạch, có tính khoa học và đúng thời hạn;
- Sinh viên có thể nhận biết được mối quan tâm cũng như khả năng của mình trong lĩnh vực chuyên môn của mình để định hướng nghề nghiệp trong tương lai;
- Sinh viên hình thành được nhu cầu về tìm hiểu tri thức một cách có hệ thống, cơ sở rõ ràng để sử dụng tri thức đó một cách hiệu quả trong bất kỳ công việc nào trong tương lai.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

T T	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Khóa luận tốt nghiệp Chương 1: Giới thiệu tổng quan về công ty/doanh nghiệp. Chương 2: Thực trạng của công ty/ doanh nghiệp. Chương 3: Biện pháp/ Giải pháp/ Kiến nghị	300	0	290	10
	Tổng cộng	300	0	290	10

2. Địa điểm và nhóm thực hiện khóa luận tốt nghiệp (KLTN)

- Địa điểm: Thông thường sẽ thực hiện tại nhà, trừ một vài trường hợp đặc biệt sẽ kết hợp thực hiện thêm tại khoa hay doanh nghiệp;

- Mỗi sinh viên sẽ chọn 1 đề tài để làm khóa luận tốt nghiệp.

3. Các chủ đề Khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên phải hoàn thành khóa luận tốt nghiệp theo chuyên ngành đào tạo của khoa Kinh tế. Một số chủ đề được gợi ý như sau:

- Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường quản trị vốn kinh doanh;
- Xây dựng kế hoạch Marketing xuất khẩu sản phẩm;
- Phân tích chương trình marketing cho sản phẩm;
- Hoàn thiện công tác đánh giá việc thực hiện công việc được giao của cán bộ, công nhân viên ở công ty;
- Hoàn thiện chiến lược cạnh tranh ngành hàng bán lẻ của công ty ;
- Năng lực của sinh viên mới tốt nghiệp khối ngành Kinh tế và nhu cầu của doanh nghiệp;
- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty.

4. Phân bổ thời gian và công việc

TT	Nội dung công việc	
	Sinh viên	Giảng viên/Khoa
1	Tham dự buổi hướng dẫn về khóa luận tốt nghiệp do khoa Kinh tế tổ chức, để hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của KLTN.	- Khoa tổ chức giới thiệu mục tiêu, nội dung, kế hoạch thực hiện KLTN. - Khoa giới thiệu các nhóm đề tài nghiên cứu và giảng viên hướng dẫn.
2	- Chọn đề tài và gặp giảng viên hướng dẫn. - Hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của môn học.	- GVHD hướng dẫn và định hướng nghiên cứu cho sinh viên. - GVHD hướng dẫn sinh viên lập đề cương chi tiết. - GV hướng dẫn lên lịch hướng dẫn sinh viên - Khoa ra quyết định giao đề tài
3	- Lập đề cương chi tiết - Lập kế hoạch thực hiện	- GV hướng dẫn giúp SV chỉnh sửa đề cương chi tiết - GV hướng dẫn góp ý kế hoạch thực hiện
4	Báo cáo đề cương chi tiết trước hội đồng của khoa	Khoa sẽ triển khai báo cáo đề cương chi tiết cho các nhóm làm KLTN

5 - 14	- Thực hiện KLTN theo đề cương chi tiết, đúng theo tiến độ mà kế hoạch đưa ra. - Gặp giảng viên hướng dẫn giải đáp thắc mắc và góp ý công việc thực hiện.	- GVHD hướng dẫn sinh viên theo lịch đã thông báo. - GV hướng dẫn chỉnh sửa và góp ý công việc sinh viên đã thực hiện. - GV hướng dẫn định hướng thực hiện theo đúng đề cương chi tiết, đúng theo tiến độ mà kế hoạch đưa ra.
15	Chỉnh sửa và hoàn thiện bản báo cáo KLTN	GV hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa để sinh viên hoàn thiện bản báo cáo KLTN
16	Nộp bản báo cáo cho khoa	Khoa phân công GV phản biện và thành lập hội đồng
17	Trình bày bản báo cáo giảng viên phản biện	GV phản biện KLTN và gửi kết quả về khoa
18	Trình bày bản báo cáo trước hội đồng khoa	Hội đồng của khoa tham gia buổi báo cáo KLTN và thông báo kết quả

5. Nội dung chi tiết

4.1 Cấu trúc bản báo cáo KLTN phải được trình bày theo trình tự sau:

- Trang bìa (theo mẫu);
- Trang phụ bìa (theo mẫu);
- Trang “Lời cảm ơn”;
- Trang “Nhận xét của đơn vị thực tập” có dấu tròn (theo mẫu);
- Trang “Nhận xét của giáo viên hướng dẫn”;
- Trang “Mục lục”;
- Trang “Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt”;
- Trang “Danh sách các bảng sử dụng”;
- Trang “Danh sách các biểu đồ, đồ thị, sơ đồ, hình ảnh”;
- Tiếp theo là nội dung nghiên cứu.

4.2 Kết cấu phần nội dung của khóa luận tốt nghiệp dựa trên yêu cầu của từng đề tài và lĩnh vực mà sinh viên tham gia. Nội dung báo cáo bao gồm các phần chính sau:

Chương 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY/ DOANH NGHIỆP

- Giới thiệu tóm tắt và hệ thống hoá các nghiên cứu đã thực hiện, ưu nhược điểm của các nghiên cứu này;

- Định hướng nghiên cứu của đề tài.

Chương 2: THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY/ DOANH NGHIỆP

- Trình bày thực trạng của công ty/ doanh nghiệp.

Chương 3: BIỆN PHÁP/ GIẢI PHÁP/ KIẾN NGHỊ

- Đưa ra các biện pháp/ giải pháp/ kiến nghị.

- Nhận xét ưu khuyết điểm quá trình nghiên cứu đạt được và đưa ra một số biện pháp/ giải pháp/kiến nghị về vấn đề nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

4.3 Yêu cầu font chữ, phân trang:

- Nội dung báo cáo sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 line; lề trên 2,0cm; lề dưới 2,0cm; lề trái 3,0cm; lề phải 1,5cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đánh số trang 1 kể từ lời nói đầu;

- Nội dung được in trên hai mặt giấy trắng khổ A4 (216 x 297 cm), các khóa luận không dài quá 60 trang (*không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục*).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học:* Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên

2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ:* sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải làm đề tài theo hướng dẫn của khoa và giảng viên hướng dẫn.

- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng làm đề tài ở trình độ cao đẳng.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp

- Phương pháp thực hành: sinh viên nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên;

Đánh giá toàn bộ Khóa luận tốt nghiệp {cả cuốn báo cáo và chương trình (nếu có)}.
Đánh giá theo quy định hiện hành của nhà trường

* GVHD + GVPB: tính một cột điểm (cột 1 = trung bình của giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện)

* Sinh viên báo cáo trước hội đồng : tính một cột điểm (cột 2 = trung bình của các thành viên hội đồng – không tính giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện)

=> Kết quả cuối cùng là trung bình của cột 1 và cột 2

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: đề tài được thực hiện đúng trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

-Giảng viên hướng dẫn căn cứ vào chương trình đào tạo và trình độ đào tạo để hướng dẫn đề tài phù hợp với trình độ của sinh viên;

- Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Đề tài sinh viên lựa chọn.